Tuần: 19-23 *Ngày soạn: 1/1/2025*
Tiết PPCT: 55-67 *Lớp: 12a2,3*

BÀI 6
HỒ CHÍ MINH – VĂN HÓA PHẢI SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI

A. MỤC TIÊU CHUNG
1. Về kiến thức:
- Hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh: cuộc đời, sự nghiệp của Người
- Hiểu biết về di sản thơ văn của Người.

2. Về năng lực:
- Chỉ ra được sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh, sự chi phối của quan niệm sáng tác đến các tác phẩm mà Người viết ra.
- Lí giải được tính đa dạng của di sản văn học Hồ Chí Minh, những điểm nổi bật trong phong cách nghệ thuật của người
- Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để sưu tầm các bài viết về cuộc đời và sự ghiệp văn học của Hồ Chí Minh.

3. Về phẩm chất: Biết thể hiện lòng tôn kính đối với vị lãnh tụ vĩ đại của đất nước và có ý thức học tập phấn đấu noi theo tấm gương sống vì nước, vì dân của Người.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC
Tiết 55 - VĂN BẢN 1: TÁC GIA HỒ CHÍ MINH

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức:
- HS nhận biết được sự thống nhất cao độ giữa cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh với nội dung các tác phẩm mà Người đã viết.
- Hiểu được những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh với nền văn hóa, văn học dân tộc.

2. Về năng lực:
2.1. Năng lực chung:
- NL giao tiếp, hợp tác; biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp
- NL tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc chung của bản thân trong học tập.

2.1. Năng lực riêng biệt:
- NL cảm thụ văn học, NL ngôn ngữ
- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người.

3. Về phẩm chất: Trân trọng những đóng góp của Hồ Chí Minh với nền văn hóa, văn học dân tộc. Phấn đấu noi theo tấm gương sống vì nước, vì dân của Người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU
1.Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, các dụng cụ khác như bút màu, bút lông, giấy A0, A4 nếu cần

2. Học liệu: Bài giảng điện tử, SGK, tài liệu tham khảo, hình ảnh, video về tác giả, tác phẩm, phiếu học tập, bảng kiểm tra

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ:
3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái, hứng thú để gợi dẫn cho HS về nội dung bài học
b. Nội dung: GV tổ chức bằng cách đưa ra một số câu hỏi, học sinh trả lời để tìm đáp án. Từ đó giáo viên dẫn dắt vào bài học hoặc cho học sinh xem 1 đoạn video, 1 đoạn phim ngắn về Hồ Chí Minh hay nghe một bài hát ca ngợi Người.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như mục nội dung. Cụ thể: GV cho HS nghe bài hát ca ngợi Người và đưa ra câu hỏi: Suy nghĩ của em về Bác qua sự hiểu biết của em cùng bài hát này? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe bài hát, suy nghĩ và trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** HS chia sẻ câu trả lời trong khoảng 30 giây. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV sử dụng câu trả lời của HS để dẫn dắt vào bài học. Hồ Chí Minh là một vị lãnh tụ vĩ đại và cũng là một tác giả văn học lớn. Người đã để lại một di sản văn học đồ sộ phục vụ đắc lực cho quá trình đấu tranh cách mạng. Trong bài này chúng ta sẽ tìm hiểu một số nét chính về tiểu sử và sự nghiệp của Người.	HS nghe bài hát ***Bác hồ - Một tình yêu bao la*** **(**NSND Thu Hiền)

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

a. Mục tiêu:
- Nắm được tri thức ngữ văn về quan điểm sáng tác, cách đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học.
- Hiểu được vai trò và sự song hành của tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.

b. Nội dung:
- Đọc nội dung phần tri thức ngữ văn, gạch chân các từ khóa, tìm hiểu thông tin
- Tóm tắt tri thức ngữ văn về: Quan điểm sáng tác, Đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học, tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận
- Thảo luận, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV có thể hướng dẫn HS chơi trò chơi mảnh ghép với các từ khóa bằng hình thức trắc nghiệm	*** TRI THỨC NGỮ VĂN** **1. Quan điểm sáng tác:** - Là hệ thống tư tưởng, nguyên tắc chi phối hoạt động sáng tác của nhà văn do chính nhà văn xác định dựa trên những trải nghiệm đời sống và nghệ thuật

- HS tương tác trả lời câu hỏi trắc nghiệm dưới hình thức trò chơi học tập. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS vận dụng tri thức ngữ văn, thực hiện nhiệm vụ, suy nghĩ chọn câu trả lời đúng. **B3. Báo cáo thảo luận** HS chia sẻ kiến thức đã biết, nhận xét câu trả lời của bạn. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV chốt lại những thông tin quan trọng trong phần tri thức ngữ văn làm nền tảng đọc hiểu văn bản. GV dẫn chứng:mà thơ văn Hồ Chí Minh là một ví dụ tiêu biểu: *Nay ở trong thơ nên có thép* *Nhà thơ cũng phải biết xung phong* ***Nhật kí trong tù*** Hay: *"Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy"*	của mình. - Quan điểm sáng tác có thể được chính nhà văn phát biểu một cách tường minh nhưng nhiều khi lại được độc giả khái quát nên dựa vào sự ổn định trong cách nhà văn lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, bày tỏ thái độ trước đối tượng miêu tả và vận dụng các phương thức, phương tiện nghệ thuật. - Đối với các nhà văn cách mạng, quan điểm sáng tác thường được tuyên bố công khai, gắn với sự lựa chọn một thái độ chính trị dứt khoát, do đặc điểm của thời đại cách mạng quy định. Chính điều này làm nên tính đặc thù của những sáng tác thuộc loại hình văn học cách mạng **2. Đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học** Khi đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học, cần huy động kiến thức nhiều mặt và phải dựa trên những tiêu chí xác đáng. + Điều quan trọng là phải đặt đối tượng vào tiến trình văn học để nhận ra mức độ đóng góp về nội dung tư tưởng và nghệ thuật của tác giả, tác phẩm đó. Những tác giải, tác phẩm lớn thường đạt được thành tựu quan trọng trong việc tổng hợp kinh nghiệm nghệ thuật phong phú của các giai đoạn văn học đã qua, tạo được bước phát triển có ý nghĩa cho văn học ở giai đoạn mới. + Tuy khó tránh khỏi một số hạn chế do sự ràng buộc của thời đại, nhưng những tác giả, tác phẩm thực sự có tầm vóc thường chạm được vào các vấn đề nhân sinh vĩnh cửu, để tiếp tục đồng hành cùng bao lớp người đọc đến sau. **3. Tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận** - Trong văn bản nghị luận, tính khẳng định và tính phủ định luôn song hành. Tính khẳng định gắn với nội dung thuyết phục người đọc tin vào sự đúng đắn của một luận đề, quan điểm, cách ứng xử, cách lựa chọn, niềm tin nào đó. Ngược lại, tính phủ định gắn với ý đồ phản bác những luận đề, quan điểm, cách ứng xử, cách lựa chọn, niềm tin mà tác giả cho là sai trái hoặc không phù hợp. - Để tăng cường tính khẳng định hoặc phủ định cho văn bản nghị luận, người viết thường sử dụng nhiều biện pháp thuộc các cấp độ khác nhau như: từ ngữ, cú pháp, phép tu từ, lập luận.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: TÁC GIA HỒ CHÍ MINH

2.1. Tìm hiểu tiểu sử

a. Mục tiêu: HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử và cuộc đời của Hồ Chí Minh

b. Nội dung:
- HS đọc, quan sát sách giáo khoa và tìm thông tin
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và nắm rõ những thông tin quan trọng

c. Sản phẩm:
- Các tài liệu HS sưu tầm
- Phiếu học tập
- Câu trả lời, chốt kiến thức cơ bản về tác giả

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **1. Đọc:** HS đọc văn bản: Tác gia Hồ Chí Minh (thực hiện trước ở nhà) **2. Tác giả** GV hướng dẫn HS tìm hiểu những thông tin chính về tiểu sử, sự nghiệp sáng tác của Hồ Chí Minh (thông qua phiếu học tập) **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS hoàn thành phiếu học tập đã đưa sẵn các mốc thời gian quan trọng trong cuộc đời của Hồ Chí Minh. HS thảo luận, điền thông tin tương ứng với các mốc thời gian. GV chia lớp thành 2 nhóm thảo luận và trình bày vào giấy A0 trong thời gian 5-7 phút. **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện từng nhóm lên trình bày, nhóm còn lại lắng nghe, đưa ra nhận xét, bổ sung (nếu có). **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV phân tích làm rõ các yếu tố liên quan đến tiểu sử, cuộc đời của Hồ Chí Minh cho HS ấn tượng và ghi nhớ. GV nhận xét sản phẩm của các nhóm và chuẩn hóa kiến thức; Có thể chiếu cho HS tham khỏa niên biểu đã làm sẵn cho HS quan sát.	**I. Tiểu sử:** **1. Quê hương, gia đình:** - Hồ Chí Minh (1890 – 1969) - Quê hương: Làng Sen, thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An - Gia đình: Nhà nho yêu nước (Cha là một nhà nho yêu nước, nguồn gốc nông dân; mẹ là nông dân, chị gái và anh trai đều tham gia chống Pháp và bị tù đày) **2. Cuộc đời:** - Thời thơ ấu: được học chữ Hán trong gia đình. Sau đó được học chữ quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường Quốc học Huế. - 5/6/1911: Tại Bến Cảng Nhà Rồng, Người đã ra đi tìm đường cứu nước. - Năm 1919: Người gửi tới Hội nghị Véc – xây *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* (tại Pháp) - Năm 1920: Người dự Đại hội Tua bỏ phiếu ủng hộ việc thành lập Đảng Cộng Sản Pháp - Ngày 3/2/1930 Người đã tổ chức hợp nhất 3 Đảng thành 1 Đảng duy nhất: Đảng Cộng Sản Đông Dương (ở Hồng Kông) - Tháng 1/1941: Sau 30 năm bôn ba hải ngoại Người về nước thành lập Mặt Trận Việt Minh và trực tiếp lãnh đạo phong trào Cách Mạng ở trong nước. - Tháng 8/1942, Người sang Trung Quốc tranh thủ sự viện trợ của quốc tế cho cuộc cách mạng Việt Nam, Người bị bắt giam vô cớ suốt 13 tháng. - Tháng 9/1943: Người về nước tiếp tục lãnh đạo nhân dân cả nước giành chính quyền vào ngày 19/8/1945 - 2/9/1945: Tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Người đã đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng Hòa

	- Năm 1946: Người được bầu làm chủ tịch nước. Ở cương vị này, Người đã lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân Việt Nam giành được những thắng lợi to lớn. - Ngày 2/9/1969 Người qua đời tại Hà Nội. => Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà yêu nước, nhà cách mạng vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Đồng thời cũng là một nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc của phong trào quốc tế vô sản. Năm 1990, Người được UNESCO suy tôn là *Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa lớn.*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu	Trả lời
Thời thơ ấu	
1911	
1920	
1930...	

2.2. Tìm hiểu sự nghiệp văn học

a. Mục tiêu: HS nhận biết được những nội dung chính trong sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh

b. Nội dung:

- HS đọc, quan sát sách giáo khoa và tìm thông tin
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và nắm rõ những thông tin quan trọng

c. Sản phẩm:

- Các tài liệu HS sưu tầm
- Phiếu học tập
- Câu trả lời, chốt kiến thức cơ bản về sự nghiệp văn học của Người.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ:
1.Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn: Nêu quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh và cho biết cơ sở hình thành những quan điểm sáng tác đó?
2.GV hướng dẫn HS thực hiện Phiếu học tập số 2, lấy dẫn chứng minh họa.
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
<table>
<tr><th>Tìm hiểu quan điểm sáng tác, thành tựu sáng tác của Hồ Chí Minh</th><th>Trả lời</th></tr>
<tr><td>Quan điểm</td><td></td></tr>
<tr><td>Cơ sở hình thành</td><td></td></tr>
<tr><td>Thành tựu (3 bộ phận)</td><td></td></tr>
</table>
B2. Thực hiện nhiệm vụ
-HS suy nghĩ trả lời câu hỏi
-HS hoàn thiện Phiếu học tập 2,3
</td><td>
II. Sự nghiệp văn học
1.Quan điểm sáng tác:
- Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi tác phẩm phải trở thành vũ khí, mang tính chiến đấu cao, đạt hiệu quả thiết thực, dễ tiếp nhận với đại chúng, có thể soi đường cho quốc dân đi.
-Trước khi cầm bút, Người luôn tự đặt ra và giải quyết các câu hỏi: Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết cái gì? Viết như thế nào?
- Cơ sở hình thành quan điểm sáng tác
+ Hồ Chí Minh luôn hướng tới
</td></tr>
</table>

B3. Báo cáo thảo luận Đại diện nhóm các cá nhân trình bày sản phẩm, HS khác nhận xét, bổ sung **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của HS, chuẩn hóa kiến thức GV chốt kiến thức. (Tức là, Người cầm bút phải luôn xuất phát từ đối tượng, mục đích rồi mới quyết định nội dung, hình thức sáng tác để truyền tải thông tin, thông điệp một cách hiệu quả). Ví dụ: + Viết cho quần chúng nhân dân: lời văn phải giản dị, nôm na, dễ hiểu: *Hòn đá to* *Hòn đá nặng* *Một người nhấc* *Nhấc không đặng…* + Viết tặng các cụ nhà nho: lời lẽ phải hết sức trang nhã, cổ kính và tốt nhất là dung thơ chữ Hán luật Đường. + Viết cho người Pháp và đồng bào ta biết tiếng Pháp (ở Pari) thì hành văn phải hết sức hiện đại và phải rất "Pháp") Bảng phụ **Nhiệm vụ 2:** 1.Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn: *Trình bày hiểu biết của em về thành tựu sáng tác của Hồ Chí Minh?* 2.GV hướng dẫn HS thực hiện Phiếu học tập số 2 **B2. Thực hiện nhiệm vụ** -HS suy nghĩ trả lời câu hỏi -HS hoàn thiện Phiếu học tập 2,3 **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện nhóm các cá nhân trình bày sản phẩm, HS khác nhận xét, bổ sung **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của HS, chuẩn hóa kiến thức GV chốt kiến thức.	xây dựng một nền văn hóa, văn học mới phục vụ quần chúng lao động và đấu tranh vì mục tiêu cao cả của cách mạng. + Điều đó cho thấy trong bối cảnh đặc biệt của lịch sử Người vẫn luôn ưu tiên *đưa nghệ thuật vào chính trị*, luôn toàn tâm toàn ý với sự nghiệp cách mạng và giải phóng dân tộc: **2. Thành tựu sáng tác** **a. Văn chính luận:** - Tác phẩm chính: Bản án chế độ thực dân Pháp(1925), Tuyên ngôn độc lập(1945), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến(1946), Không có gì quý hơn độc lập, tự do(1966)... - Đặc điểm: + Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, giàu sức thuyết phục + Chan chứa nhiệt huyết, phụng sự đắc lực cho sự nghiệp cách mạng. **b. Truyện kí:** - Tác phẩm chính: Pari, Lời than vãn của Bà Trưng Trắc, "Vi hành", Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu.... - Đặc điểm: + Nhằm bóc trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa của TDP, lật tẩy thói nô lệ đê hèn của bè lũ tay sai bán nước, phơi bày đời sống tối tăm của tầng lớp lao động, ca ngợi những tấm gương yêu nước... + Ngắn gọn, phong cách truyện hiện đại, tình huống truyện độc đáo, sử dụng các thủ pháp châm biếm, đả kích của cái tôi giàu tinh thần dân tộc. **c. Thơ:** - Tác phẩm chính: Ngục trung nhật kí(1960), Thơ Hồ Chủ Tịch(1967) - Đặc điểm: + Thể hiện rõ lòng yêu nước

<table>
<tr>
<td>
Nhiệm vụ 3:
1.Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn: Trình bày hiểu biết của em về phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh?
2.GV hướng dẫn HS thực hiện
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
<table>
<tr><th>Tìm hiểu phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh</th><th>Trả lời</th></tr>
<tr><td></td><td>Sưu tầm thơ, truyện Hồ Chí Minh để lấy dẫn chứng</td></tr>
<tr><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td></tr>
</table>
GV chú ý HS lí giải nguyên nhân dẫn đến sự đa dạng về cấu trúc, ngôn ngữ, giọng điệu trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh.
B2. Thực hiện nhiệm vụ
-HS suy nghĩ trả lời câu hỏi
-HS hoàn thiện Phiếu học tập 2,3
B3. Báo cáo thảo luận
Đại diện nhóm các cá nhân trình bày sản phẩm, HS khác nhận xét, bổ sung
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của HS, chuẩn hóa kiến thức
GV chốt kiến thức.
</td>
<td>
thương dân nồng cháy, tinh thần lạc quan, tin tưởng ở tương lai cách mạng
+ Ngắn gọn, súc tích.
3. Phong cách nghệ thuật:
- Hồ Chí Minh là một cây bút đa dạng và thống nhất
- Nguyên nhân:
Do viết về nhiều vấn đề, nhiều đối tượng, khác nhau với nhiều mục đích, nhiều thể loại khác nhau nên mỗi tác phẩm của Người lại có nét riêng về cấu trúc, ngôn ngữ, giọng điệu... nhưng vẫn luôn hướng về 1 nhiệm vụ phục vụ cách mạng
- Biểu hiện:
+ Văn chính luận: giàu sức thuyết phục, lập luận logic, tư duy khoa học, giọng điệu linh hoạt (khi tố cáo tội ác giọng đanh thép, khi kêu gọi thống thiết, hùng hồn, khi thể hiện quyết tâm giọng rắn rỏi, cương quyết...)
+ Truyện kí: viết bằng tiếng Pháp hình thức hiện đại, hài hước, ngôn ngữ đối thoại, giàu sức châm biếm, mỉa mai; viết bằng tiếng Việt, chủ yếu cho người Việt đọc Người lại dùng cách kể giản dị, hóm hỉnh, ngắn gọn đưa bài học thông điệp trực tiếp.
+ Thơ: chia 2 bộ phận thơ tuyên truyền kêu gọi và thơ trữ tình. Khi kêu gọi thơ Người có nội dung rõ ràng, ngôn ngữ dễ hiểu, phù hợp với đại chúng; khi trữ tình(thường viết bằng chữ Hán) thơ Người đậm màu sắc cổ điển ở cấu tứ, ở nhãn tự, tình yêu thiên nhiên và phong thái của NVTT.
</td>
</tr>
</table>

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát lại hiểu biết về cuộc đời, di sản văn học của Hồ Chí Minh

b. Nội dung: Khái quát ngắn gọn tiểu sử, quan điểm sáng tác, thành tựu, phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tuy duy

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Ghi nhớ 1 số nét chính về tiểu sử cuộc đời của Lãnh tụ Hồ Chí Minh Vẽ sơ đồ tư duy về Sự nghiệp văn học của HCM **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** **Hs** làm việc cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận:** Gv gọi 1 số hs báo cáo ,kiểm tra sản phẩm **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv chốt nội dung tổng kết	**III. Tổng kết** - Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc; người chiến sĩ cộng sản yêu nước, trung kiên, lạc quan... - Quan điểm sáng tác: coi văn chương là vũ khí của cách mạng, đề cao tính dân tộc... - Thành tựu: chia làm 3 bộ phận, ở thể loại nào cũng độc đáo, phong phú - Phong cách: đa dạng và thống nhất

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS bước đầu thực hành, vận dụng kiến thức đã học thể hiện năng lực bản thân

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu những thu hoạch bổ ích nhất của bạn khi đọc văn bản Tác gia Hồ Chí Minh?

c. Sản phẩm: Đoạn văn của hs trong lớp

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu những thu hoạch bổ ích nhất của bạn khi đọc văn bản Tác gia Hồ Chí Minh? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs hoạt động cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận:** Gv gọi 1 số hs báo cáo sản phẩm **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv nhận xét, đánh giá	Đoạn văn: Qua việc đọc văn bản "Tác giả Hồ Chí Minh", tôi đã được chứng kiến sự đa dạng và phong phú trong phong cách nghệ thuật của Người. Những tác phẩm của Bác không chỉ đơn thuần là các bản kêu gọi đấu tranh cho độc lập tự do mà còn là một hành trình sâu sắc vào thế giới văn học phong phú, với sự đa dạng từ văn chính luận tới thơ ca. Sự kết hợp giữa nghệ thuật và chính trị trong sáng tác của Hồ Chí Minh không chỉ mang lại nguồn cảm hứng mà còn mở ra một hướng đi mới cho văn học cách mạng. Bản chất của các tác phẩm là một lời kêu gọi yêu quê hương và tự hào dân tộc, đồng thời truyền đạt những bài học về tinh thần kiên cường, lạc quan và tình yêu thương con người. Những giá trị này không chỉ là nguồn động viên cho thế hệ tiếp theo mà còn là những hành trang quý báu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từng dòng văn của Hồ Chí Minh là một bài học về lòng yêu nước và trách nhiệm với dân tộc, là điều quý báu nhất mà tôi đã học được từ văn bản này.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS đánh giá được vai trò của Hồ Chí Minh và các giá trị của di sản văn học Người để lại.

b. Nội dung: HS sưu tầm tư liệu và xây dựng ý tưởng xây dựng không gian nghệ thuật – du lịch về *Hồ Chí Minh.*

c. Sản phẩm: Ý tưởng dự án của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ về nhà: **GV nêu yêu cầu:** cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh không chỉ là niềm tự hào của dân tộc ta mà còn là minh chứng cho tinh thần quốc tế vô sản với nhân loại. Cho đến hôm nay, Hồ Chí Minh vẫn đời đời sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta. Nhằm đưa hình ảnh của Người bất tử trên toàn nhân loại, gần hơn với công quốc tế, em hãy xây dựng chiến lược quảng bá tấm gương đạo đức, tư tưởng, phong cách Hồ Chí Minh. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi thảo luận theo nhóm học tập, lên ý tưởng dự án **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm tình bày ý tưởng dự án vào tiết học sau **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, đánh giá	

4. Củng cố:

5. HDVN:

- Hoàn thành bài tập vận dụng
- Đọc và chuẩn bị bài tiếp theo: Văn bản 2: Tuyên ngôn độc lập.

Tiết 56-57: VĂN BẢN 2: TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP - HỒ CHÍ MINH -

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

a/ Nhận biết: Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của văn nghị luận hiện đại.

b/ Thông hiểu: Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản nghị luận Tuyên ngôn Độc lập - Hồ Chí Minh: các luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính.

c/Vận dụng thấp: Khái quát đặc điểm phong cách của tác giả từ tác phẩm

d/Vận dụng cao: Vận dụng tri thức đọc hiểu văn bản để kiến tạo những giá trị sống của cá nhân. Trình bày những giải pháp để giải quyết một vấn đề cụ thể đặt ra trong tác phẩm.

2. Về năng lực:

- Năng lực đặc thù: Đọc – nói – nghe –viết

+ Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm: nắm được hoàn cảnh sáng tác, nhận biết đề tài, các luận điểm,…

+ Đánh giá được giá trị lịch sử và giá trị văn học của tác phẩm.

+ Phân tích được nghệ thuật lập luận: luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng, ngôn ngữ.

+ Phân tích, đánh giá được tình cảm, thái độ của người viết.

+ Trình bày được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm

+ Đọc mở rộng các tài liệu liên quan đến tác phẩm.

+ Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc lĩnh vực văn học.

- Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề

+ Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý.

+ Nắm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm.
+ Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước; Trách nhiệm

- Tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc.
- Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước; biết đấu tranh bảo về nền độc lập của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1.Thiết bị dạy học:

- Sách giáo khoa, giáo án/ thiết kế bài học
- Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, vở soạn, phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ: Chia sẻ điều em ấn tượng nhất về tác giả Hồ Chí Minh

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV/ Hs tham gia trò chơi "Ai nhanh hơn?"

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS/ Kết quả trò chơi, thái độ tham gia trò chơi của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

-Giáo viên nêu thể lệ trò chơi "Ai nhanh hơn?",

- GV chiếu cho HS xem một đoạn video về cách mạng tháng Tám, hình ảnh Bác Hồ đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tại quảng trường Ba Đình ngày 2/09/1945.
- HS theo dõi đoạn băng và trả lời câu hỏi: *Đoạn băng gợi cho em nhớ đến những sự kiện lịch sử trọng đại nào của dân tộc?*
-. Hs nào phát tín hiệu giơ tay đầu tiên sẽ giành được quyền trả lời.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS xem video
- Hs làm việc cá nhân, quan sát lắng nghe câu hỏi sau đó giơ tay thật nhanh để xin trả lời.

B3. Báo cáo thảo luận: Hs nhanh nhất được phát biểu trả lời câu hỏi; 1-2 hs bổ sung (nếu cần).

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Gv nhận xét các câu trả lời, công bố kết quả trò chơi và trao thưởng.
- Gv dẫn dắt vào bài: Có một sử gia đã từng nói: Nếu được vẽ dáng hình đất nước, bên cạnh dải đất cong cong hình chữ S, cần điểm thêm cây gươm luôn rỉ máu. Quả thế, suốt bốn ngàn năm lịch sử, dân tộc Việt nam luôn phải chiến đấu quyết liệt với đủ loại ngoại xâm để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Như tấm gương phản chiếu hiện thực đất nước, nền văn học của chúng ta đã có những áng văn ra đời vào những thời điểm trọng đại của lịch sử được coi như những Tuyên ngôn Độc lập mang dấu ấn một thời và có giá trị trường tồn cùng dân tộc: thế kỉ XI có *Nam quốc sơn hà* (tương truyền của Lí Thường Kiệt) âm vang trên sông Như Nguyệt, thế kỉ XV có *Bình Ngô đại cáo* – áng thiên cổ hùng văn của Nguyễn Trãi. Nhưng mãi đến thế kỉ XX, một văn bản thực sự mang tên *Tuyên ngôn Độc lập* mới chính thức ra đời và được Hồ Chí Minh đọc trước toàn dân. Sau này, có lần Bác

tâm sự "*Trong đời tôi, tuy viết nhiều nhưng chưa bao giờ tôi viết được một bài hữu ích như lần này*". Vậy chiều sâu tư tưởng của bản bản tuyên ngôn độc lập ấy là gì, nghệ thuật lập luận ra sao mà lại có thể hóa thành một bó đuốc văn hóa soi đường cho quốc dân đồng bào nói riêng và nhân dân các nước thuộc địa nói chung? Đó cũng là nội dung mà chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu trong 2 tiết học....

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS hiểu và phân tích được những đóng góp nghệ thuật văn chính luận và giá trị nội dung tác phẩm
- Học sinh thấy được trí tuệ sáng suốt, tầm vóc lớn lao, khát vọng hòa bình, độc lập của chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam.
- Hs biết đồng cảm với những khổ đau, tăm tối, lầm than mà cha ông đã trải qua, tự hào về những chiến công thời đại và luôn giương cao khát vọng về hòa bình, độc lập.

b. Nội dung hoạt động:

- Tìm hiểu kiến thức chung (hoàn cảnh sáng tác, mục đích sáng tác, bố cục bài tuyên ngôn)
- Các giá trị nội dung và nghệ thuật của bài tuyên ngôn.

c. Sản phẩm: Bài tập HĐ nhóm của HS

d. Tổ chức dạy học:

Nội dung 1. Tìm hiểu chung

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về bản tuyên ngôn. **B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Gv nêu câu hỏi định hướng tìm hiểu chung về VB để hs thảo luận theo cặp CH 1: Dựa vào sơ đồ trong SGK, em hãy giới thiệu về hoàn cảnh ra đời của Bản tuyên ngôn độc lập? CH 2: Bác đã trả lời hai câu hỏi sau trước khi cầm bút như thế nào? - *Viết cho ai?* - *Viết để làm gì?* *CH3:* Một bản tuyên ngôn độc lập thường có ba phần: Mở đầu, nội dung và kết luận. Căn cứ vào tác phẩm, hãy đánh dấu vị trí từng phần và phát biểu khái quát nội dung mỗi phần? **B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc kĩ phần Tri thức mở rộng phía sau VB, thảo luận theo cặp. **B3: Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. **B4: Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và kết luận . ***GV mở rộng:** Sự kiện này không chỉ là dấu mốc trọng đại trong trang sử đất	**I. Tìm hiểu chung:** ***1. Hoàn cảnh sáng tác:*** **Sơ đồ SGK kì 2 tr 16** ***2. Mục đích sáng tác:*** * Đối tượng: - Tất cả đồng bào Việt Nam - Nhân dân thế giới - Các lực lượng ngoại bang nhân danh đồng minh diệt phát xít Nhật (Pháp, Mĩ , Anh, Trung Quốc….) * Mục đích: - Công bố nền độc lập của dân tộc, khai sinh nước Việt Nam mới trước quốc dân và thế giới - Cương quyết bác bỏ luận điệu và âm mưu xâm lược trở lại của các thế lực thực dân đế quốc. - Bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. ***3. Bố cục:*** - Phần 1: Từ đầu đến *"...không ai chối cãi được"* → Nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn độc lập. - Phần 2: *"Thế mà, ...lập nên chế độ dân chủ cộng hòa"*

nước mà còn trở thành nguồn cảm hứng dào dạt cho thơ ca: *Hôm nay sáng mùng hai tháng chín* *Thủ đô hoa vàng nắng Ba Đình* *Muôn triệu tim chờ chim cũng nín* *Bỗng vang lên tiếng hát ân tình* (Tố Hữu)	→ Cơ sở thực tiễn: Tố cáo tội ác của thực dân Pháp, khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. - Phần 3: Còn lại: Phần tuyên ngôn → Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ nền độc lập của dân tộc

Nội dung 2: Khám phá văn bản

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đoạn 1 *Pp: Đọc định hướng, nêu vấn đề, thảo luận nhóm theo hình thức cặp đôi. **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn *HS đọc văn bản: Rõ ràng, nhấn mạnh các ý quan trọng, giọng đanh thép hùng hồn* - Gv gọi 1 hs đọc diễn cảm, lớp theo dõi, chú ý tập hợp các ý kiến đã chuẩn bị ở nhà để làm rõ nhiệm vụ trong 2 thẻ đọc đầu tiên. - Gv yêu cầu hs trao đổi theo hình thức nhóm đôi để giải quyết vấn đề: + Các nhóm trong 4 bàn đầu: Xác định 2 câu trích dẫn và nhận xét về mục đích, ý nghĩa của chúng. + Các nhóm trong 4 bàn giữa : Lời suy rộng ra của Bác đã kế thừa và phát triển những nội dung gì trong 2 câu trích dẫn? Bằng những hiểu biết lịch sử thế giới hiện đại, em hãy đánh giá về gía trị lịch sử của tư tưởng HCM được thể hiện qua lời suy rộng ra. + Các nhóm trong 4 bàn cuối: Nhận xét về giọng điệu và lời lẽ trong câu văn cuối cùng của đoạn 1. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trao đổi nhanh với bạn bên cạnh và đưa ra câu trả lời cho cặp nhóm mình.	**II. Khám phá chi tiết văn bản** **1. Đoạn 1:** ***Nguyên lí chung về quyền bình đẳng, tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của con người và các dân tộc***. - Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mĩ làm cơ sở pháp lí: + *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ.... + Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791... => Mục đích, ý nghĩa cho thấy cách lập luận vừa khéo léo, kiên quyế vừa hàm chứa ý nghĩa sâu xa: + Vừa khéo léo: Tỏ ra tôn trọng những tuyên ngôn bất hủ của cha ông kẻ xâm lược vì những điều được nêu là chân lí của nhân loại + Vừa kiên quyết: Dùng lập luận *Gậy ông đập lưng ông* , lấy chính lí lẽ thiêng liêng của tổ tiên chúng để phê phán và ngăn chặn âm mưu tái xâm lược của chúng. + Hàm chứa ý nghĩa sâu xa: Thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc khi đặt 3 dân tộc, 3 cuộc CM, 3 bản tuyên ngôn ngang hàng nhau. - Lời suy rộng ra: "..." + Kế thừa: thêm 1 lần khẳng định, nhấn mạnh quyền bình đẳng, tự do. + Phát triển: Từ quyền con người -> Quyền dân tộc; từ lập trường nhân bản -> Lập trường dân tộc -> Nêu vấn đề độc lập, tự do cho các dân tộc. => Đó là suy luận hợp lí, sáng tạo, là đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa. -Lời khẳng định: "Đó là những lẽ phải không ai có thể chối cãi được" + Giọng điệu đanh thép, hùng hồn. + Lời lẽ chọn lọc: Đồng nhất quyền bình đẳng, tự do của con người và của các dân tộc với "lẽ phải". Mà lịch sử nhân loại đã chứng minh phàm là chân lý, lẽ phải thì dù có lúc bị dập vùi, chà đạp nhưng chắc

B3. Báo cáo thảo luận - Đại diện 1 nhóm đứng tại chỗ trình bày, 1-2 nhóm nhận xét bổ sung nếu cần. - Gv theo dõi, điều hành, hỗ trợ HS. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung và chốt vấn đề. **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đoạn 2** **- PP: Thảo luận nhóm, kĩ thuật phân đoạn.** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn *HS đọc văn bản: Rõ ràng, nhấn mạnh các ý quan trọng, giọng đanh thép hùng hồn* - Gv gọi 1 hs đọc diễn cảm, lớp theo dõi, chú ý tập hợp các ý kiến đã chuẩn bị ở nhà để làm rõ nhiệm vụ trong 2 thẻ đọc đầu tiên. -Gv chia lớp thành 4 nhóm để thực hiện nhiệm vụ: *+ Nhóm 1,2 thảo luận thảo luận PHT số 1 để tìm hiểu về phần đầu đoạn 2: Bản cáo trạng đanh thép tội ác của thực dân Pháp* *+ + Nhóm 3,4 thảo luận thảo luận PHT số 2 để tìm hiểu về phần sau đoạn 2: Quá trình đấu tranh giương cao ngọn cờ chính nghĩa và khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc.* *- Gv chiếu slide và phát cho mỗi nhóm 1 phiếu học.* **- HS tiếp nhận nhiệm vụ.** **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS trong từng nhóm làm việc nhóm, thể hiện kết quả trên giấy A0 - 2 Nhóm cùng nhiệm vụ trao đổi kết quả cho nhau, ghi ý kiến bổ sung bằng màu mực khác- rồi trả kết quả về cho	chắn cuối cùng vẫn sẽ chiến thắng. =>Tiểu kết: Đoạn văn mở đầu ngắn gọn, súc tích, giọng điệu đanh thép, hùng hồn, lập luận khéo léo, kiên quyết đã nêu cơ sở lý luận, pháp lý cho toàn bộ bản tuyên ngôn. Từ cơ sở này, Bác sẽ đem soi chiếu lý luận vào thực tiễn các bên liên quan, sau đó đưa ra những tuyên bố đanh thép. ***2. Cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn độc lập:*** **a. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp:** **- Câu mở đầu đoạn 2: "..."** -> Quan hệ từ "thế mà" tạo sự tương phản giữa những lí tưởng tốt đẹp của tổ tiên người Pháp với những hành động phi nghĩa của chúng. **- Pháp kể công *"khai hóa"*, Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:** + Về chính trị: *không cho nhân dân ta một chút tự do nào,* chia để trị, đàn áp các cuộc khởi nghĩa... + Về kinh tế: bóc lột nhân dân đến tận xương tủy, cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu, độc quyền in giấy bạc, xuất cảng nhập cảng, đặt ra trăm thứ thuế vô lí... + Văn hóa – xã hội – giáo dục: lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc dân ta bằng rượu cồn và thuốc phiện. -> Biệp pháp nghệ thuật: liệt kê, điệp cấu trúc, điệp từ, điệp ngữ, từ ngữ chọn lọc, câu văn có nhịp ngắn dài đan xen, giọng văn thay đổi linh hoạt khi kết tội mạnh mẽ, đanh thép, lúc thống thiết lay động..., -> Tố cáo tội ác khai thác bóc lột, phản dân chủ, tiến bộ của Pháp. => Niềm xót xa, thương cảm khi điểm lại trang sử buồn của dân tộc. **- Pháp kể công "bảo hộ", Bác đã vạch rõ bộ mặt phản bội, đê hèn của TD Pháp trong 5 năm, từ đó lên án tội ác bán nước, phản bội của chúng:** + Mùa thu năm 1940... + Ngày 9/3/1945... + Trước ngày 9/3/1945... -> Liệt kê+ các số liệu, mốc thời gian cụ thể tạo nên tính chính xác, điển hình, tăng sức thuyết phục+ từ ngữ giàu giá trị tạo hình và biểu cảm+ giọng văn đầy phẫn nộ... => Lột trần bản chất đớn hèn, lươn lẹo, xảo trá, bán nước và phản bội của Pháp. **b. Tính chất chính nghĩa và quá trình đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta** **- Sự thật không thể chối cãi:** *+ "Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành*

nhóm bạn hoàn thiện sản phẩm - Gv quan sát, cố vấn. **B3. Báo cáo thảo luận** **(Mỗi nhóm có tối đa 5 phút cho phần báo cáo, 3 phút cho tranh luận)** - Đại diện nhóm: 1 hoặc 2 lên báo cáo kết quả nhiệm vụ đọc hiểu đoạn 2- lớp theo dõi, nghe có định hướng, cùng trao đổi với đại diện nhóm 1,2. - Đại diện nhóm 3 hoặc 4 lên báo cáo kết quả nhiệm vụ tìm hiểu đoạn 3- lớp theo nghe có định hướng, cùng trao đổi với đại diện nhóm 3,4. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện: 8 phút** - Sau phần báo cáo, trao đổi, tranh luận của mỗi nhóm, GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Mỗi nhóm Gv thực hiện trong khoảng 4 phút.	*thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa."* + *"Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp."* -> Điệp cấu trúc "*Sự thật là*" làm tăng âm hưởng hùng tráng của bản tuyên ngôn// chỉ rõ bản chất mối quan hệ Việt- Pháp trong 5 năm diễn ra chiến tranh thế giới thứ 2. => Câu khẳng định và câu phủ định sóng đôi làm nổi bật quá trình đấu tranh tự lực của dân tộc Việt Nam. -**Tổng kết quá trình đấu tranh:** *"Pháp chạy, Nhật hàng..."* + Câu văn ngắn: "Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị" vừa dựng lại bối cảnh lịch sử nước ta thời đó, vừa là lời tuyên bố đanh thép về sự hết thời của các thế lực thực dân, phát xít, phong kiến, đồng thời gián tiếp khẳng định ý nghĩa lịch sử lớn lao của cuộc Cách mạng tháng Tám. + Điệp cấu trúc "*Dân ta đã/ lại đánh đổ... để/ mà... nên*" trong câu văn dài có nhịp văn liền mạch đã tái hiện hành trình đấu tranh dài lâu, bền bỉ của nhân dân ta, đồng thời thể hiện niềm tự hào, sức mạnh tự chủ, tự cường của dân tộc. => Tiểu kết: - Nghệ thuật: Lí lẽ sắc sảo, thông minh, dẫn chứng giàu sức thuyết phục; giọng văn hùng biện linh hoạt luôn thay đổi phù hợp với đối tượng, nội dung; ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc; khai thác hiệu quả nhiều BPTT.. - Đoạn 2 đã cho thấy cơ sở thực tiễn của bản tuyên ngôn→ làm rõ tính phi nghĩa của Pháp và chính nghĩa của ta. - Cùng với cơ sở lý luậ, pháp lý được nêu ở đoạn 1, những cơ sở thực tiễn trong đoạn 2 hợp thành nền tảng lý luận, thực tiễn vững chắc để Bác tuyên ngôn về nền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.
Nhiệm vụ 3: Đọc hiểu đoạn 3- Đoạn tuyên ngôn ***PP: Đàm thoại gợi mở** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Gv nêu câu hỏi định hướng tìm hiểu đoạn 3 CH 1: Mở đầu phần tuyên ngôn, Bác đã tuyên bố những nội dung gì?Người đã đưa ra những lí lẽ nào để thuyết phục các nước Đồng Minh và nhân	***3. Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ nền độc lập của dân tộc*** **a. Tuyên bố về việc thoát li khỏi quan hệ thuộc địa với Pháp và khẳng định tinh thần đoàn kết và ý chí quyết tâm của dân tộc VN** - **Tuyên bố về việc thoát li khỏi quan hệ thuộc địa với Pháp:** + Giọng văn đĩnh đạc, trang trọng+ sử dụng động từ mạnh có ý nghĩa phủ định tuyệt đối *"thoát ly hẳn", "xóa bỏ hết", "xóa bỏ tất cả"* -> Bác tuyên bố cho cả thế giới thấy VN không còn bất cứ sự giàng buộc nào với Pháp và Pháp cũng

dân ưa chuộng hòa bình trên thế giới đồng tình với những tuyên bố đó? CH 2: Lời tuyên bố chính thức của Bác hướng về nội dung gì? Cảm xúc của em khi được nghe lại lời tuyên bố đó? **B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, ghi câu trả lời ra giấy nháp. **B3: Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. **B4: Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và kết luận .	không còn nguyên cớ, lí do nào để trở lại trên đất nước VN. => Thái độ dứt khoát, quyết liệt. **- Khẳng định tinh thần đoàn kết và ý chí quyết tâm của dân tộc VN: "Toàn dân VN...."** + Cụm từ "*trên dưới một lòng*" đã làm nổi bật tinh thần sức mạnh đoàn kết của dân tộc. **- Đưa ra các lí do để thuyết phục:** + Khôn khéo ràng buộc dư luận và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế: "Chúng tôi tin rằng...của Việt Nam." -> Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng tại hai Hội nghị Tê – hê - răng và Cựu Kim Sơn để buộc các nước Đồng minh: *"quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam."* + Nhắc lại hành trình đấu tranh kiên trì bền bỉ của nhân dân Việt Nam: *"Một dân tộc .... độc lập!"* -> Phép điệp cấu trúc kết hợp với phối thanh nhịp tài tình đã thể hiện lòng kiên trì và ý chí quyết tâm của dân tộc ta trong đấu tranh vì tự do. =>Tất cả đã hợp thành 2 lí do thấu tình đạt lý để khẳng định tính tất yếu, hợp lẽ phải chân lý trong quyền tự do độc lập của dân tộc. ***b.Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc*** - Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: - Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc: -> Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

b. Nội dung: Giáo viên nêu nhiệm vụ, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, giấy nháp ghi kết quả làm việc cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của gv và hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân vận dung kiến thức vừa đọc hiểu để hoàn thành nhiệm vụ: *+ Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản ra giấy nháp.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ	**III. Tổng kết** ***1. Nghệ thuật:*** Là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Bác: - Lập luận: - Lí lẽ: - Dẫn chứng: - Ngôn ngữ: ***<u>2. Ý nghĩa văn bản :</u>*** - *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện lịch

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung - Gv quan sát, hỗ trợ **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt vấn đề.	sử vô giá tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và khẳng định quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do ấy. - Kết tinh lí tưởng đấu giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng độc lập, tự do

PHIẾU HỌC TẬP

Họ tên/Nhóm HS……..Lớp……
Phiếu học tập số 1 **TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP** **- HỒ CHÍ MINH** **Tìm hiểu phần đầu đoạn 2:** *Bản cáo trạng đanh thép tội ác của thực dân Pháp*
- *(?):*Quan hệ từ *"thế mà"* trong câu văn mở đầu phần 2 có tác dụng gì? - *(?)* Những chứng cứ về hành động trái hẳn luật pháp và chính nghĩa của thực dân pháp đã được tập hợp theo hệ thống? - *(?)* Chiêu bài bảo hộ của thực dân Pháp đã bị vạch trần như thế nào.? - *(?):Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của đoạn văn kể tội thực dân Pháp.*

Họ tên/Nhóm HS……..Lớp……
Phiếu học tập số 2 **TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP** **- HỒ CHÍ MINH** **Tìm hiểu phần sau đoạn 2: Tính chất chính nghĩa và quá trình đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta**
- *(?):Những sự thật lịch sử nào đã được nêu ra? Nhận xét từ đặc sắc nghệ thuật của 2 câu văn khẳng định sự thật.* - *(?)Bác đã tổng kết quá trình đấu tranh của nhân dân Việt Nam bằng những câu văn nào*?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Suy nghĩ cá nhân về giá trị của tác phẩm *Tuyên ngôn độc lập*.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: **Giáo viên giao nhiệm vụ: Câu hỏi**: Lý giải vì sao bản *Tuyên ngôn Độc lập* của HCM từ khi ra đời cho đến nay là một áng văn chính luận có sức lay động hàng chục triệu trái tim con người VN? **B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân **B3: Báo cáo sản phẩm:** HS trình bày kết quả tìm hiểu: **B4: Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và	Ngoài giá trị lịch sử lớn lao, Tuyên ngôn Độc lập còn chứa đựng tình cảm yêu nước, thương dân nồng nàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tình cảm đó được bộc lộ qua các phương diện: lập luận, lí lẽ, bằng chứng và ngôn ngữ. - Về lập luận: Chủ yếu dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc nói chung và của dân tộc ta nói riêng. - Về lí lẽ: Sức mạnh của lí lẽ xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn

chốt lại.	trọng sự thật, và trên hết, dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc. - Về bằng chứng: Những bằng chứng xác thực, hùng hồn, không thể chối cãi cho thấy một sự quan tâm sâu sắc của tác giả đến vận mệnh của dân tộc ta, hạnh phúc của nhân dân ta. - Về ngôn ngữ: Sử dụng từ ngữ chan chứa tình cảm ngay từ câu đầu tiên: "*Hỡi đồng bào cả nước"* và những đoạn văn luôn có cách xưng hô bộc lộ tình cảm tha thiết, gần gũi: *đất nước ta, nhân dân ta, nước nhà của ta, dân tộc ta, những người yêu nước thương nòi của ta, nòi giống ta, các nhà tư sản của ta, công nhân ta,…* - Bản tuyên ngôn tác động đến người đọc bằng lí trí: qua cách lập luận logic 3 đoạn. - Ngoài ra có sự phù trợ của yếu tố tình cảm: Pháp : tàn bạo >< ta: khoan hồng, nhân đạo.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết và rèn luyện thêm về kiến thức bài học.

b. Nội dung: HS tìm tài liệu trên mạng internet tìm tòi thêm sau tiết học tại nhà

c. Sản phẩm: Phần bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tâp:

+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học**.**

+ Tìm đọc các tài liệu liên quan đến sự kiện cách mạng tháng Tám năm 1945 và các tài liệu nghiên cứu về bản *Tuyên ngôn Độc lập.*

+ Sưu tầm đoạn Video clip HCM đọc TNĐL, viết bài văn ngắn trình bày cảm nghĩ cá nhân sau khi xem đọc video clip đó.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ỏe nhà

B3: Báo cáo sản phẩm: HS nộp lại kết quả vào tiết học sau

B4: Đánh giá, nhận xét: GV thu sơ dồ, nhận xét và chốt lại.

4. Củng cố

5. Hướng dẫn về nhà: Chuẩn bị bài học tiếp theo

Tiết 58: VĂN BẢN 3: MỘ
HỒ CHÍ MINH

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Hiểu biết về cuộc đời của Hồ Chí Minh và phong cách thơ ca của tác giả, có kiến thức về các tác phẩm thơ chữ Hán của Người.

2. Về kĩ năng:

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời của Hồ Chí' Minh và phong cách thơ ca của tác giả để đọc hiểu các tác phẩm thơ chữ Hán của Người.
- Nhận diện, phân tích, đánh giá được một số yếu tố trong thơ trữ tình viết bằng chữ Hán của Bác: hoàn cảnh và cảm hứng sáng tác, cấu tứ, biện pháp tu từ,..

3. Về thái độ: Biết trân trọng tài năng, đồng cảm với vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ đồng thời là người chiến sĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1.Thiết bị dạy học: Máy tính, ti vi, Máy chiếu, giấy AO, A4…

2. Học liệu: Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về tác phẩm "Mộ".

b. Nội dung: Trong lịch sử Việt Nam thời kỳ chống thực dân Pháp, có nhiều chiến sĩ cách mạng đồng thời là nhà thơ bị bắt bớ, giam cầm. Hãy kể tên một vài nhà thơ- chiến sĩ đó và chia sẻ về một trong số các sáng tác thơ ca trong tù của họ.

c. Sản phẩm:

- Câu trả cá nhân của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Đặt câu hỏi gợi mở + Trong lịch sử Việt Nam thời kỳ chống thực dân Pháp, có nhiều chiến sĩ cách mạng đồng thời là nhà thơ bị bắt bớ, giam cầm. Hãy kể tên một vài nhà thơ- chiến sĩ đó và chia sẻ về một trong số các sáng tác thơ ca trong tù của họ. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời trên giấy nhớ **B3. Báo cáo thảo luận:** Một số HS trình bày câu trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá	Nhiều chiến sĩ cách mạng đồng thời là nhà thơ bị bắt bớ, giam cầm: như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Tố Hữu…

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT

a. Mục tiêu: Nhận biết phong cách thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh, vị trí và hoàn cảnh sáng tác bài thơ "Mộ".

b. Nội dung: HS thảo luận theo nhóm đôi, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Nêu câu hỏi thảo luận: 1. Nhắc lại phong cách thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh đã học trong bài tác giả gia? 2. Nêu vị trí và hoàn cảnh sáng tác bài thơ "Mộ"? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận theo nhóm đôi, trả lời các câu hỏi. **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện một nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét kết quả làm việc của HS, chốt ý.	**I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT** **1. Phong cách thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh. (xem lại bài tác gia Hồ Chí Minh).** **2. Vị trí và hoàn cảnh sáng tác bài thơ "Mộ"** Trong nguyên văn chữ Hán tập *Ngục trung nhật kí* (được khẳng định là thủ bút của Hồ Chí Minh, hiện được lưu trữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia), bài thơ Mộ được đánh số thứ tự 30, nhưng nếu tính cả bài "đề từ"ở đầu tập thì đây là bài thứ 31. Tác phẩm được viết vào khoảng những tháng đầu trong thời gian Hồ Chí Minh bị chính quyền Tưởng Giới Thạch (Trung Quốc) cầm tù, lúc phải chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời của Hồ Chí' Minh và phong cách thơ ca của tác giả để đọc hiểu các tác phẩm thơ chữ Hán của Người.
- HS nhận diện, phân tích, đánh giá được một số yếu tố trong thơ trữ tình viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh: hoàn cảnh và cảm hứng sáng tác, cấu tứ, biện pháp tu từ,...

b. Nội dung: HS thảo luận theo nhóm đôi, nhóm bàn, cá nhân trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Đối chiếu dịch thơ và phiên âm **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn - Đọc phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ trả lời câu hỏi số 5 SGK? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Thảo luận theo nhóm bàn **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện 2 nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét chốt ý	**II. Khám phá văn bản** ***1. Đối chiếu dịch thơ và phiên âm (câu 5)*** - Các cụm từ *chim mỏi* và *chòm mây* chưa lột tả được ý nghĩa của các từ ngữ đặc tả *quyện, cô* trong nguyên văn, vốn là các từ biểu đạt rất sâu sắc trạng thái tâm lý của con người. + "Cô vân" nghĩa đám mây cô đơn, lẻ loi nên bản dịch là "chòm mây" chưa chuyển tải được hết ý thơ và cũng chưa thể hiện được hết tâm trạng của nhà thơ. - "Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc", nghĩa gốc là "Thiếu nữ xóm núi xay ngô", bản dịch đã chuyển "sơn thôn" thành "cô em" và thêm chữ "tối" vào thành "Cô em xóm núi xay ngô tối" làm giảm tính hàm súc của câu thơ. - Từ hồng trong bản dịch thường được hiểu là màu hồng - một tính từ chỉ màu sắc;trong khi từ *hồng* trong nguyên văn có nghĩa là đốt cháy, thắp lên, làm cho cháy rực lên,...

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu *Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên (hai câu thơ đầu.*

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu HS làm việc cá nhân hoàn thành PHT số 1

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cá nhân hoàn thành PHT số 1

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày kết quả, các HS khác nhận xét

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Nhiệm vụ:

GV nhận xét, chốt ý

2. Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên (hai câu thơ đầu)

Hình ảnh	- Một cánh chim mỏi mệt bay về tổ. - Hình ảnh chòm mây cô lẻ chầm chậm trôi qua bầu trời rộng lớn
Từ ngữ	Từ ngữ đặc tả tâm trạng, gợi lên cái hồn của sự vật: dùng những từ vốn chỉ trạng thái thể chất, tinh thần của con người *(quyện, cô,...)* để miêu tả thiên nhiên.
Bút pháp	Bút pháp chấm phá, tạo hình: đối ứng và nối tiếp giữa cái hữu hình và cái vô hình, cái hữu hạn và cái vô hạn (cánh chim, chòm mây với thời gian và không gian,...).
Nhận xét khả năng khơi gợi, tâm trạng nhân vật trữ tình	Hình ảnh một cánh chim mỏi mệt bay về tổ, gợi thời gian chiều tối, gợi nhịp điệu của cuộc sống tự nhiên ngẫm đối lập với hình ảnh người tù bị giải đi trên con đường vô tận, không biết đâu là điểm dừng. Hình ảnh chòm mây cô lẻ chầm chậm trôi qua bầu trời rộng lớn lúc trời chiều gợi cảm giác xa vắng, bâng khuâng.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu *Mối liên hệ giữa hoàn cảnh sáng tác với tâm thế, tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình*

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn trả lời câu hỏi sau:

- Dựa vào hoàn cảnh sáng tác, hãy chỉ ra tác động của thời điểm chiều tối đến cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Thảo luận theo nhóm bàn

B3. Báo cáo thảo luận

Đại diện 2 nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét chốt ý

3. Mối liên hệ giữa hoàn cảnh sáng tác với tâm thế, tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình (câu 2)

+ Trong cảm thức chung,"chiều tối"(mộ) là sự đồng hiện khó phân tách giữa ý niệm về khung cảnh không gian và thời gian cuối ngày. Theo "nhịp điệu" của sự sống, đó là thời khắc mà mọi sinh linh đều cần nghỉ ngơi; theo "chiều kích"của tầm mắt, là giới hạn dần khép lại - tĩnh tại - ngưng lặng của bóng đêm."Chim về tổ"-"người về nhà", đó là một logic thông thường, đúng quy luật.

+ Nhưng ở đây có một sự bất thường: nhân vật trữ tình/ nhà thơ - kẻ chịu gông xiềng/ người chiến sĩ đang phải đối diện với một hành trình không có điểm dừng, bị mất tự do. Trong hoàn cảnh ấy, con người dễ rơi vào tâm trạng bi quan, bế tắc, cô đơn. Nhưng hiện diện trong khung cảnh núi rừng chiều tối này lại là hình ảnh tự tại của một con người có tâm hồn rộng mở, phóng khoáng, mạnh mẽ,...

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu *Bức tranh về cuộc sống con người (Hai câu thơ cuối)*

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

4. Bức tranh về cuộc sống con người (Hai câu thơ cuối) (câu 6)

Hình ảnh	*Thiếu nữ, Lò lửa*
Từ ngữ	*Xay ngô, hồng*
BPTT	Điệp vòng tròn

<table>
<tr>
<td rowspan="2">Yêu cầu HS thảo luận 2 bàn/ 1 nhóm hoàn thành PHT số 2
B2. Thực hiện nhiệm vụ
Làm việc cá nhân, thảo luận hoàn thành PHT số 2

B3. Báo cáo thảo luận
HS trình bày kết quả, các HS nhóm khác khác nhận xét
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
Nhiệm vụ:
GV nhận xét, chốt ý</td>
<td>***Nhận xét***</td>
<td>Bức tranh về cuộc sống con người được gợi lên từ những hình ảnh hết sức cụ thể, chân thực, thân thương: thiếu nữ mải miết với công việc xay ngô, lò lửa cháy rực giữa đêm tối. Người tù trên đường bị áp giải, mệt mỏi, mất tự do nhưng không ta thán, bi luy; toàn bộ thế giới tinh thần dường như hướng hẳn về những cảnh tượng, hình ảnh cuộc sống xung quanh, với tình cảm ấm áp, gần gũi.</td>
</tr>
<tr>
<td>***Tâm trạng, vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ***</td>
<td>Trong cảnh ngộ bất thường, người tù cách mạng có tâm hồn thi nhân vẫn thung dung, tự tại; nhạy cảm nhận ra những gì vốn nhỏ bé, dễ khuất lấp trong hiện thực. Điều đó chứng tỏ nhà thơ - chiến sĩ Hồ Chí Minh là con người không chỉ có bản lĩnh mà còn có đời sống tâm hồn hết sức phong phú.</td>
</tr>
<tr>
<td>**Nhiệm vụ 5:**
Tìm hiểu *sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ, bút pháp*
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn trả lời câu hỏi sau:
- Dựa vào hoàn cảnh sáng tác, hãy chỉ ra tác động của thời điểm chiều tối đến cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ?
HS làm việc cá nhân, trả lờ câu hỏi sau:
- Bài thơ có bút pháp hội hoạ đặc sắc. Bạn có đồng ý với nhận xét đó không, vì sao?
B2. Thực hiện nhiệm vụ
Thảo luận theo nhóm bàn
B3. Báo cáo thảo luận
Đại diện 2 nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
GV nhận xét chốt ý</td>
<td colspan="2">***5. Sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ, bút pháp (Câu 3, 4)***
- Thời gian khách quan vận động từ chiều tối (qua hình ảnh chim về tổ) đến khi màn đêm buông xuống và kết thúc ở hình ảnh lò lửa; thời gian tâm trạng lại có chiều hướng khác: từ bóng tối vắng lặng (của xóm núi sơn cước) đến ánh sáng (lò lửa cháy rực) của hình ảnh cuộc sống con người rất gần gũi, thân thương,...
- Hình tượng thơ vận động từ không gian thiên nhiên (cánh chim, chòm mây ở hai câu thơ đầu) đến khung cảnh sinh hoạt của con người (thiếu nữ xay ngô, lò lửa cháy rực ở hai câu sau).
- Cách nhìn của tác giả đối với chiều hướng phát triển của sự vật: từ thiên nhiên đến con người, từ viễn cảnh đến cận cảnh, từ ngoại cảnh đến tâm cảnh. Thế giới tâm hồn của con người thể hiện rõ qua việc nhà thơ luôn hướng về ánh sáng, về cuộc sống, dẫu là trong những hoàn cảnh gian khổ nhất của thân nhân.
- Thủ pháp đối lập giữa cái (hình ảnh) hữu hạn và vô hạn (cánh chim đơn lẻ và khung cảnh trời chiều, chòm mây cô đơn và không gian rộng lớn); thủ pháp "điểm nhãn" thể hiện qua việc tô đậm hình ảnh thiếu nữ và lò than cháy rực trong khung cảnh đêm tối miền sơn cước;...</td>
</tr>
</table>

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu:
- Rút ra cách phân tích một bài thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh
- Nhận biết dấu ấn của phong cách cổ điển

b. Nội dung: HS thảo luận theo nhóm đôi, nhóm bàn, cá nhân trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - HS rút ra cách phân tích một bài thơ chữ Hán - Thảo luận theo nhóm bàn chỉ ra dấu ấn của phong cách cổ điển **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Làm việc cá nhân, thảo luận hoàn thiện câu trả lời. **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày kết quả, các HS nhóm khác khác nhận xét **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chốt ý - Đối với đối tượng HS khá - giỏi, GV có thể mở rộng phạm vi và yêu cầu của câu hỏi, hướng HS tìm hiểu sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa bút pháp cổ điển và hiện đại, trọng tâm là đặc trưng cổ điển mà hiện đại trong phong cách thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh, cổ điển trong ngôn ngữ, hình ảnh, thi liệu,... kết hợp với sự sáng tạo mới lạ, độc đáo trong biểu đạt những cảm xúc tươi mới; chân dung tâm hồn một bậc hiền triết phương Đông với tinh thần, khí phách của một người chiến sĩ cách mạng;...	***III. Tổng kết*** ***1. Cách phân tích một bài thơ chữ Hán (HS tự làm)*** ***2. Dấu ấn phong cách cổ điển*** + Với bài thơ *Mộ*, dấu ấn phong cách cổ điển biểu hiện rõ nét qua: thể thơ tứ tuyệt Đường luật, ngôn ngữcô đọng, hàm súc; thi liệu, hình ảnh - không gian - thời gian ít nhiều có yếu tố ước lệ (không - thời gian trời chiều, hình ảnh chim bay về núi,...); bút pháp đối lập (cái hữu hạn và cái vô hạn, cái hữu hình và cái vô hình,...), đặc tả nội tâm (dùng từ ngữ chỉ tâm thế tồn tại của con người để miêu tả thế giới tự nhiên);...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Hình ảnh	
Từ ngữ	
Bút pháp	
Nhận xét khả năng khơi gợi, tâm trạng nhân vật trữ tình	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Hình ảnh	
Từ ngữ	
BPTT	
Nhận xét	
Tâm trạng, vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Về nhà)

a. Mục tiêu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích giá trị đặc sắc cảu hình ảnh lò than rực hồng.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích giá trị đặc sắc cảu hình ảnh lò than rực hồng. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm bài ở nhà **B3. Báo cáo thảo luận** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV tổ chức chấm chéo, nhận xét bài làm của HS.	- Cần đảm bảo yêu cầu về hình thức, cấu trúc đoạn văn. Đoạn văn có thể tổ chức thành một luận điểm, bao gồm một số ý nhỏ. Có thể kết hợp việc phân tích và bình luận, đánh giá. Cần lưu ý đặt hình ảnh lò than rực hồng/ trắng đẩy thuyền trong chỉnh thể văn bản và logic cấu tứ của tác phẩm. - Hình ảnh lò than rực hồng: chữ *hồng* trong nguyên văn. Trong nguyên vàng, từ hồng là một động từ, nghĩa là đốt, cháy rực,...; nối tiếp với động từ ma (xay) ở vế đầu câu thơ, biểu đạt sự vận động, tiếp nối. Từ này thường được hiểu không chính xác là màu hồng (tính từ).

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh ôn lại được kiến thức liên quan bài học
b. Nội dung: HS tìm tài liệu trên mạng internet tìm tòi thêm sau tiết học tại nhà
c. Sản phẩm: Phần bài làm của HS
d. Tổ chức thực hiện.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tâp:
+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học**.**
+ Tìm đọc các tài liệu liên quan đến bài Mộ
B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà
B3: Báo cáo sản phẩm: HS nộp lại kết quả vào tiết học sau
B4: Đánh giá, nhận xét: GV thu sơ dồ, nhận xét và chốt lại.
4. Củng cố: Nhắc lại kiến thức bài học Mộ
5. HDVN: Yêu cầu học sinh đọc và chuẩn bị trước văn bản Nguyên Tiêu

TIẾT 59,60 **NGUYÊN TIÊU**
(Rằm tháng Giêng)
HỒ CHÍ MINH

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người.
- Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố trong thơ trữ tình viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh (ngôn ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật, cấu tứ, cách sử dụng từ ngữ).
- Phân tích được một số nét đặc sắc trong trữ tình viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh.
- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để tìm hiểu các tác phẩm thơ khác của Hồ Chí Minh.

2. Phẩm chất: Trân trọng tài năng văn chương của Hồ Chí Minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Thiết bị dạy học: Máy tính, ti vi, Máy chiếu, giấy AO, A4…

2. Học liệu: Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Huy động kiến thức đã có của HS về thơ Hồ Chí Minh.
- Tạo được hứng thú để HS tìm hiểu bài học.

b. Nội dung: Thơ của Hồ Chí Minh thể hiện rõ phẩm chất gì của Người?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS: Phẩm chất nghệ sĩ

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Có 8 câu hỏi hàng ngang, mỗi đội được lựa chọn 2 lượt câu hỏi. Mỗi đáp án là một gợi ý, xâu chuỗi các đáp án sẽ tìm ra TỪ KHÓA

Câu 1. Nam Đàn, Nghệ An quê Bác còn có tên gọi khác là gì?

Câu 2. Nhà thơ Hoàng Trung Thông đã ca ngợi thơ của Bác Hồ như thế nào?

‘‘ Vần thơ của Bác .....

Mà vẫn mênh mông bát ngát tình”

Câu 3. Đây là một trong những thuật ngữ dùng để chỉ ngôn ngữ sử dụng trong văn bản?

Câu 4. “Tuyên ngôn độc lập” của Bác được vinh danh là văn kiện tuyên ngôn thứ mấy trong lịch sử dân tộc?

Câu 5. “Vọng nguyệt” được dịch sang tiếng Việt nghĩa là gì?

Câu 6. Bài thơ “Mộ”được sáng tác theo thể thơ nào?

Câu 7. Nhan đề của bài thơ sau đây là gì?

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”

Câu 8. Thơ của Chủ tich Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa giữa bút pháp hiện đại và vẻ

đẹp gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

***GV dẫn vào bài mới**

Nhắc đến Hồ Chí Minh người đọc bao thế hệ thường nhớ đến những bài thơ viết bằng chữ Hán nổi tiếng. Qua những tác phẩm đó, người đọc không chỉ bắt gặp chân dung người chiến sĩ – nghệ sĩ vĩ đại, mà còn là những bức tranh thơ được chấm phá bởi bút pháp mang đậm dấu ấn cổ điển kết hợp hiện đại. Bài thơ "Nguyên tiêu" là một bài thơ tiêu biểu.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm: Các nét cơ bản về hoàn cảnh sáng tác, văn tự, thể loại, nhan đề của tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia HS làm việc nhóm (theo bàn), chuyển giao nhiệm vụ: - Nêu những nét khái quát về tác phẩm "Nguyên tiêu" (Hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, bố cục, nhan đề). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh hoạt động theo nhóm **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	**I. Tìm hiểu chung** 1. Hoàn cảnh sáng tác: - Tác phẩm được sáng tác năm 1948, trong hoàn cảnh gian khổ, khó khăn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại chiến khu Việt Bắc. Văn bản bài thơ được báo *Cứu quốc* in lần đầu kèm theo bản dịch thơ của Xuân Thuỷ. 2. Văn tự: Nguyên văn chữ Hán không có dị bản, nhưng bản dịch thơ nói trên thì có chút ít khác biệt giữa lần xuất bản đầu tiên và những lần xuất bản sau, có thể do chính dịch giả hiệu chỉnh. Bản dịch được giới thiệu trong SGK là bản dịch có diện mạo được định hình sau này. 3. Nhan đề "*Nguyên tiêu*": *Nguyên tiêu*, nghĩa là "đêm rằm tháng giêng", đêm rằm mở đầu của mùa xuân, của một năm. Tác giả ở đây không chỉ nhạy cảm nắm bắt cảnh đẹp của đêm trăng rằm tháng giêng mà quan trọng hơn là nắm bắt cái thời điểm đẹp nhất của đêm trăng trong hành trình vận động của nó; để biểu thị cho sức sống của tâm hồn, của con người, của đất trời: tất cả đều tươi mới, đầy sức sống. - Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt. - Bố cục: hai câu đầu, hai câu kết.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí

Minh để đọc hiểu văn bản thơ của Người.
- Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố trong thơ trữ tình viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh (ngôn ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật, cấu tứ, cách sử dụng từ ngữ).

b. Nội dung:
GV yêu cầu HS lần lượt giải quyết các vấn đề sau: Hình ảnh thơ, cấu tứ thơ, thủ pháp nghệ thuật, ngôn ngữ thơ, cách sử dụng từ ngữ của tác giả trong bài thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
***Đọc vb** GV tổ chức cho HS đọc tác phẩm. lưu ý HS đọc với giọng điệu nhẹ nhàng, da diết. GV nhắc HS chú ý các cước chú và thẻ đọc trong quá trình tìm hiểu tác phẩm. GV cho HS đọc hoàn cảnh sáng tác để hiểu thêm về bài thơ. **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hai câu thơ đầu** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS tìm hiểu 2 câu đầu của bài thơ qua hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn - Hình tượng không gian và thời gian được thể hiện trong bài thơ như thế nào? - Chỉ ra những từ ngữ của bản dịch thơ trong câu 2 chưa diễn đạt được hết sắc thái của bản gốc. - Nhận xét về bút pháp hội họa được sử dụng trong hai câu thơ đầu. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh hoạt động theo nhóm **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn	**I. Khám phá văn bản** **Hai câu thơ đầu** - Thời gian: Đêm rằm tháng giêng, 1 đêm trăng vừa tròn, thời điểm khởi đầu cho 1 năm tràn đầy sức xuân. - Không gian: rộng lớn, thơ mộng ngập tràn sắc xuân (sông xuân, nước xuân, bầu trời xuân). - Hình ảnh "*nguyệt chính viên*" (trăng vừa tròn): gợi lên vẻ đẹp viên mãn, tràn đầy. Trăng vốn thi vị và quen thuộc với đời với thơ: *"Vầng trăng vằng vặc giữa trời*" (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du) "*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*" (*Đây thôn Vĩ Dạ* - Hàn Mặc Tử) "*Trăng sáng rực, trăng cao, trăng rộng lớn*" (*Trăng tình* – Xuân Diệu) nhưng ánh trăng trong thơ Bác vẫn có vẻ đẹp riêng. Trăng vừa là hiện thân của thiên nhiên thơ mộng vừa là người bạn đồng hành trong những thời khắc "*bàn việc quân*" (*Trăng vào cửa sổ đòi thơ/ Việc quân đang bận xin chờ hôm sau* – "Tin thắng trận"; *Giữa dòng bàn bạc việc quân*). Trăng vừa là tri âm tri kỉ vừa là nơi người chiến sĩ – nghệ sĩ bộc lộ vẻ đẹp chất thép – chất tình trong tâm hồn. Qua trăng, nhờ trăng thi nhân bày tỏ tình yêu thiên nhiên, cuộc sống và lòng lạc quan, niềm tin về ngày mai tươi sáng. Trăng vừa tròn còn là tín hiệu chỉ thời khắc vào độ đẹp nhất của đêm rằm tháng giêng, cũng là của cả một năm. - Câu 2: Bản gốc điệp lại ba lần từ "xuân" (*Xuân giang xuân thuỷ tiếp xuân thiên*) để nhấn mạnh về không khí xuân bao trùm (sông xuân, nước xuân, trời xuân). Từ "tiếp" nhấn mạnh sự nối tiếp của sắc xuân và sức xuân, nhưng bản dịch thơ lại chỉ còn hai chữ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức

HS: Đánh giá nhóm khác bằng bảng kiểm

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

TT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
	Thể hiện được đúng đủ		
	Cách thể hiện phong phú, không đơn điệu		
	Thiết kế phần trình bày đẹp, sinh động, hấp dẫn		
	Thể hiện được sâu sắc nội dung		
	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu hai câu thơ kết

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho học sinh thảo luận nhóm theo bàn, tìm hiểu hình ảnh thơ bằng việc hoàn thành phiếu học tập số 1.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu	Trả lời
Chỉ ra những từ ngữ của bản dịch thơ trong 2 câu kết chưa diễn đạt được hết sắc thái của bản gốc.	
Hình ảnh con người được miêu tả như thế nào qua hai câu kết? Qua đó, em có nhận xét gì về nhân vật trữ tình?	
Phân tích hiệu quả của	

"xuân" và bỏ ý biểu thị sự vận động của từ "*tiếp*".

- Bút pháp tạo hình miêu tả bức tranh mùa xuân thơ mộng được nhìn từ cận cảnh đến viễn cảnh, nhiều tầng bậc: *sông xuân, nước xuân, trời xuân* vừa thực vừa hư, vừa thơ mộng vừa gần gũi. Qua đó, tác giả bộc lộ tình yêu thiên nhiên thiết tha.

2. Hai câu thơ kết

- Từ ngữ:

Từ ngữ	Bản gốc	Bản dịch
"*yên ba thâm xứ*"	Nơi có khói sóng vắng lặng, heo hút	Từ "giữa dòng" mới gọi được địa điểm, chưa thể hiện được không khí vắng lặng này và làm giảm đi sắc thái của câu thơ trong nguyên văn.
"*nguyệt mãn thuyền*"	ánh trăng đầy ăm ắp, tràn xuống thuyền (nơi đang có người bàn việc quân)	"trăng ngân" lại chưa lột tả được ý nghĩa này.

→ Từ ngữ hàm súc, cô đọng đậm chất cổ điển.

thủ pháp nghệ thuật đối lập được sử dụng trong hai câu kết.	- Hình ảnh con người: người chiến sĩ đang "bàn bạc việc quân" giữa thời điểm chiến tranh chống Pháp ác liệt nhưng tâm hồn vẫn giao hòa cùng thiên nhiên thơ mộng hữu tình. Con người là trung tâm của bức tranh, tạo nên vẻ đẹp hiện đại quen thuộc trong thơ Người. - Nhân vật trữ tình: người chiến sĩ – nghệ sĩ có tâm hồn lãng mạn, lạc quan, yêu thiên nhiên và bản lĩnh thép. - Thủ pháp đối lập hư – thực: khói sóng hư áo – con thuyền trăng chở người bàn việc quân tạo nên một bức tranh vừa cổ điển vừa hiện đại. Qua đó, thể hiện sự giao hòa, gắn bó giữa con người và thiên nhiên.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoạt động theo nhóm **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức	

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV: Em hãy khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ "*Nguyên tiêu*". **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hoạt động cá nhân: **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	**III. Tổng kết** ***1. Nội dung:*** - Mạch vận động của cảm xúc (tứ thơ): <table><tr><th></th><th>*Nguyên tiêu*</th></tr><tr><td>Cách triển khai mạch cảm xúc</td><td>Chủ động nắm bắt thiên nhiên.</td></tr><tr><td>Cách triển khai hình tượng</td><td>Từ thiên nhiên đến con người.</td></tr><tr><td>Tư tưởng, chủ đề</td><td>Tình cảm với thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Hồ Chí Minh.</td></tr></table> - Chân dung tự họa của Hồ Chí Minh: người chiến sĩ – nghệ sĩ bản lĩnh thép nhưng vẫn "*mênh mông bát ngát tình*" (Hoàng Trung Thông). ***2. Nghệ thuật:*** - Ngôn ngữ: hàm súc, cô đọng. - Sử dụng tài tình bút pháp thi trung hữu họa, phép đối và khả năng thống nhất những hình ảnh đối lập trong hình ảnh, ngôn từ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Phân tích được một số nét đặc sắc trong hai bài thơ *Mộ* và *Nguyên tiêu* của Hồ Chí Minh.

b. Nội dung

Câu 1. Hoàn thiện phiếu bài tập sau và nhận xét về dấu ấn cổ điển trong mỗi bài thơ.

Đặc điểm	***Mộ***	***Nguyên tiêu***
Thể thơ		
Ngôn ngữ		
Thi liệu, hình ảnh		
Bút pháp, nghệ thuật		
Nhận xét:		

Câu 2. Tầm vóc của một nhà thơ lớn và đức tính cao quý của một nhân cách lỗi lạc được thể hiện như thế nào qua hai bài thơ?

c. Sản phẩm

Câu 1.

Đặc điểm	***Mộ***	***Nguyên tiêu***
Thể thơ	Thất ngôn tứ tuyệt	Thất ngôn tứ tuyệt
Ngôn ngữ	Cô đọng	Cô đọng
Thi liệu, hình ảnh	Ước lệ (hình ảnh chim bay về núi, thời gian trời chiều, ...)	Ước lệ (hình ảnh vầng trăng, sông nước, thời gian mùa xuân)
Bút pháp, nghệ thuật	Đối lập (hữu hạn - vô hạn, hữu hình - vô hình); đặc tả nội tâm; điểm nhãn, đặc tả của hội họa phương Đông.	Đồng nhất hình ảnh con người và vũ trụ; hư - thực; chấm phá, đặc tả của hội họa phương Đông.
Nhận xét: Dấu ấn cổ điển thể hiện đậm nét trong mỗi bài thơ cho thấy tác giả ảnh hưởng sâu sắc truyền thống văn hoá, tư duy, đặc trưng thơ ca cổ.		

Câu 2. Qua nội dung hai bài thơ cho thấy nhân vật trữ tình có tình cảm yêu quý, trân trọng thiên nhiên, lối sống hoà mình với thiên nhiên, vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn, bằng sự lạc quan của người chiến sĩ cách mạng.

- Hai bài thơ có tác dụng tuyên truyền, cổ vũ nhân dân ta trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống giặc ngoại xâm của dân tộc.
- Hai bài thơ được viết với thể thất ngôn tứ tuyệt, từ ngữ chọn lọc, hình ảnh gợi tả, gợi cảm, có sự kết hợp giữa dấu ấn cổ điển và nét hiện đại.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.

Bước 3. GV tổ chức cho HS thảo luận

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp để hoàn thiện phiếu học tập.
- GV lưu ý HS về cấu tứ thơ được thể hiện qua bốn đặc điểm được đưa ra trong phiếu học tập. GV khuyến khích 1 - 2 HS trả lời, các HS còn lại góp ý.

Bước 4. GV kết luận

- Ở vấn đề 1, GV có thể hỏi thêm: "Tại sao thơ Hồ Chí Minh thuộc giai đoạn văn học hiện đại nhưng lại mang dấu ấn cổ điển?".
- GV cho HS thảo luận, sau đó gợi ý trả lời: "Vì Hồ Chí Minh ảnh hưởng rất sâu sắc từ tư duy, văn hoá cũng như đặc trưng của thơ ca cổ điển nên một số bài thơ vẫn mang đậm phong cách này".

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để tìm hiểu các tác phẩm thơ khác của Hồ Chí Minh.

b. Nội dung

Đọc bài *Vọng nguyệt (Ngắm trăng)* và *Cảnh khuya* trong SGK *Ngữ văn 12,* tập hai (tr. 37) và sưu tầm những tài liệu viết về các bài thơ này

c. Sản phẩm: Các tài liệu HS sưu tầm được.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS như mục *Nội dung* và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học tới. Có thể nộp trực tiếp hoặc nộp online qua zalo, facebook hoặc phần mềm học tập của lớp (nếu có).

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3. GV cho HS trao đổi, thảo luận. GV khuyến khích sự xung phong, gọi 1 - 2 HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá thường xuyên).

Bước 4. GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS

4. Củng cố:

5. HDVN:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài.
- Chuẩn bị bài tiếp theo

Tiết 61,62: VĂN BẢN 5:

NHỮNG TRÒ LỐ HAY VA-REN VÀ PHAN BỘI CHÂU

NGUYỄN ÁI QUỐC

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- HS vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu một truyện ngắn của Người; nhận biết và phân tích được quan điểm nghệ thuật của tác giả và những giá trị lịch sử văn hoá thể hiện trong tác phẩm.
- HS vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm cuộc sống và tri thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về một truyện ngắn hiện đại.
- HS biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, phân tích được các chi tiết tiêu biểu; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.

2. Phẩm chất: HS có lòng ngưỡng mộ, học tập những con người biết xả thân vì đất nước, dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi/máy chiếu, …

2. Học liệu: SGK, SGV Ngữ văn 12, tập hai, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, các tài liệu liên quan đến nhân vật Va-ren, Phan Bội Châu và tác phẩm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ:
3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú và tâm thế hứng khởi cho HS; huy động kiến thức nền để tiếp nhận tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu.*
b. Nội dung: HS nêu hiểu biết của bản thân về chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt vấn đề: Bạn đã biết gì về Phan Bội Châu và sự kính trọng mà nhân dân ta dành cho ông? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để trao đổi theo bàn về hai vấn đề GV đặt ra. - GV theo dõi, hỗ trợ. **B3. Báo cáo thảo luận:** - Mời một vài HS trình bày kết quả thảo luận. - Yêu cầu các HS khác bổ sung, nhận xét. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV đánh giá nhận xét các câu trả lời. - GV định hướng một vài nội dung trọng tâm về vấn đề đặt ra (Có thể kể một giai thoại hoặc xem video về Phạn Bội Châu để dẫn dắt vào bài học).	HS nêu được hiểu biết của bản thân

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: HS nắm được những nét chính về hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, mục đích sáng tác và bố cục văn bản.
b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ gáo viên đã phân công theo từng nhóm để tìm hiểu về hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, mục đích sáng tác và bố cục văn bản.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
***/ Đọc:** - Trước khi cho HS đọc, GV nên chọn một đoạn (hoặc một vài câu) để đọc mẫu, chú ý đọc diễn cảm để HS thấy rõ nét đặc sắc của giọng điệu trần thuật, giọng điệu nhân vật. - GV có thể gọi 3 - 4 HS đọc từng đoạn nối tiếp nhau, yêu cầu mỗi HS sau khi đọc xong phần được chỉ định thì tóm tắt luôn nội dung của phần đó. - GV nhắc HS đọc kĩ các chú thích ở chân trang. Trong quá trình đọc, GV	**I. Tìm hiểu chung**

có thể yêu cầu HS dừng lại giải thích ý nghĩa của cả câu (đoạn) có chú thích để kiểm tra và trợ giúp việc đọc hiểu. ***/ Tìm hiểu chung** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Chia lớp thành 4 nhóm: - Nhóm 1,2: Trình bày khái quát hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, mục đích sáng tác của truyện ngắn "Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu". - Nhóm 3,4: Xác định bố cục của truyện ngắn "Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu". **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS đọc phần giới thiệu tác phẩm trong SGK, trao đổi, thảo luận về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. - GV gợi dẫn để HS lưu ý những sự kiện chính trị liên quan đến hai nhân vật lịch sử trong tác phẩm cũng như hình dung được bối cảnh xuất bản tác phẩm (năm 1925, ở thủ đô nước Pháp, bằng tiếng Pháp) và hoạt động của tác giả Nguyễn Ái Quốc. - Tùy theo việc lựa chọn mạch sự kiện, nhân vật, chủ đề,... mà HS có thể khái quát nội dung từng phần bằng những cụm từ khác nhau. GV nên tổ chức cho HS trao đổi trước khi chọn một phương án phù hợp nhất. **B3. Báo cáo thảo luận:** HS từng nhóm cử đại diện báo cáo kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và đánh giá kết quả của từng nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm.	**1. Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ văn bản** - Truyện ngắn lấy cảm hứng từ việc kết nối hai sự kiện diễn ra trong cùng một khoảng thời gian: Va-ren (đảng viên Đảng Xã hội Pháp) chuẩn bị sang Đông Dương nhậm chức Toàn quyền và nhà cách mạng Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt, toan tử hình (sau rút xuống án khổ sai chung thân). - Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu được tác giả viết bằng tiếng Pháp, đăng trên báo Người cùng khổ (Le Paria) số 36 – 37, tháng 9, 10/1925 với bút danh Nguyễn Ái Quốc. **2. Mục đích sáng tác** - Vừa đả kích sự phản bội của Va-ren đối với lí tưởng đấu tranh của Đảng Xã hội Pháp vừa ca ngợi một người con anh hùng của dân tộc Việt Nam. - Viết Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu cũng là một cách Nguyễn Ái Quốc góp tiếng nói từ nước Pháp ủng hộ phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu đang dâng cao tại Việt Nam. **3. Bố cục văn bản** - **Phương án 1** (bám vào nội dung sự việc cụ thể được thuật kể tuần tự qua từng đoạn văn bản): + Phần 1 (Từ đầu đến "giam trong tù."): Mở đầu. + Phần 2 (Từ "Đến Sài Gòn"đến "vẫn nằm tù."): Trò lố 1 (Va-ren tuần du Sài Gòn). + Phần 3 (Từ "Từ Sài Gòn" đến "vẫn nằm tù."): Trò lố 2 (Triều đình Huế nghênh tiếp Va-ren). + Phần 4 (Từ "Nhưng chúng ta" đến "hiểu Phan Bội Châu"): Trò lố 3 (Va-ren vào nhà lao thuyết phục Phan Bội Châu hợp tác). + Phần 5 (Từ "Cuộc gặp gỡ"đến hết): Kết thúc. - **Phương án 2** (nhấn mạnh mối quan hệ giữa nhân vật chính với các đối tượng khác): + Phần 1 (Từ đầu đến "giam trong tù."): Mở đầu. + Phần 2 (Từ"Đến Sài Gòn"đến "vẫn nằm tù."): Toàn quyền Va-ren và dân chúng. + Phần 3 (Từ"Từ Sài Gòn"đến"vẫn nằm tù."): Toàn quyền Va-ren và triều đình An Nam. + Phần 4 (Từ "Nhưng chúng ta" đến "hiểu Phan Bội Châu."): Toàn quyền Va-ren và Phan Bội

	Châu. + Phần 5 (Từ"Cuộc gặp gỡ"đến hết): Lời kể của nhân chứng.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu một truyện ngắn của Người; nhận biết và phân tích được quan điểm nghệ thuật của tác giả và những giá trị lịch sử văn hoá thể hiện trong tác phẩm.
- HS vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm cuộc sống và tri thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về một truyện ngắn hiện đại.
- HS biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, phân tích được các chi tiết tiêu biểu; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS tìm hiểu các khía cạnh của truyện ngắn "Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu": cảm hứng trào lộng, sự tương phản đối lập giữa các nhân vật, đặc sắc nghệ thuật tác phẩm, tài năng viết truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc, …

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
1. Cảm hứng trào lộng trong tác phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Gv yêu cầu HS tìm hiểu về cảm hứng trào lộng trong tác phẩm bằng việc trả lời các câu hỏi:
- Trào lộng là gì?
- Cảm hứng trào lộng trong tác phẩm văn học thể hiện như thế nào?
- Chỉ ra cảm hứng trào lộng trong "những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu" theo gợi ý ở bảng sau:
<table>
<tr><th colspan="2">Cảm hứng trào lộng trong tác phẩm</th></tr>
<tr><td>Nhan đề</td><td></td></tr>
<tr><td>Tình huống truyện</td><td></td></tr>
<tr><td>Cách xây dựng nhân vật</td><td></td></tr>
<tr><td>Ngôn ngữ, giọng điệu</td><td></td></tr>
</table>
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS có thể trao đổi với bạn cùng bàn để thực hiện nhiệm vụ GV đã giao.
B3. Báo cáo thảo luận: GV mời từng
</td><td>
II. Khám phá văn bản
1. Cảm hứng trào lộng trong tác phẩm
a. Cảm hứng trào lộng:
- Trào lộng: là tiếng cười có tính chất chế giễu, đùa cợt (giống với trào phúng).
- Cảm hứng trào lộng trong tác phẩm văn học:
+ Cảm hứng trào lộng gắn với sự thôi thúc bên trong của người việt muốn bóc trần thực chất của sự vật, sự việc trên một phương diện nào đó bằng tiếng cười gồm nhiều sắc thái.
+ Cảm hứng trào lộng cho thấy vị thế đứng cao hơn đối tượng của chủ thể tiếng cười.
+ Cảm hứng trào lộng được thể hiện khác nhau tuỳ theo phong cách nghệ thuật của từng nhà văn và tuỳ theo thể loại được chọn sử dụng.
b. Biểu hiện của cảm hứng trào lộng trong "những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu":
- Nhan đề: "những trò lố" chỉ sự việc không phù hợp với lẽ thường, đáng chế nhạo. Tác giả muốn hạ bệ, chế nhạo một sự kiện chính trị thành "những trò lố" nực cười.
- Tình huống: tưởng tượng về cuộc gặp gỡ
</td></tr>
</table>

HS trả lời các câu hỏi đã đặt ra.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và đánh giá câu trả lời của HS và chốt lại kiến thức trọng tâm.

2. Sự tương phản giữa các nhân vật trong tác phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS tìm hiểu sự tương phản giữa các nhân vật trong tác phẩm, GV cần gợi dẫn để HS tìm những chi tiết khắc sự tương phản giữa các nhân vật theo bảng sau:

Nhân vật / Tiêu chí	Va-ren	Phan Bội Châu
Địa vị		
Tiểu sử/ Lai lịch		
Hành vi		
Lời nói		
Thái độ		
Nhận xét		

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc kĩ văn bản (nhất là đoạn 2 phần 4), tìm các chi tiết thể hiện sự tương phản giữa các nhân vật và điền vào bảng trên.

B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi 1-2 HS trình bày.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và đánh giá câu trả lời của HS và chốt lại kiến thức trọng tâm.

3. Nghệ thuật viết truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Chỉ ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật của truyện ngắn "Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu" theo bảng sau:

Đặc sắc nghệ thuật tác phẩm		
Điểm nhìn trần thuật	Ngôn ngữ, giọng điệu	Phần kết độc đáo

giữa hai bên, hai lực lượng đối địch với nhau: một chí sĩ cách mạng yêu nước và một kẻ đi xâm lược đất nước.

- Xây dựng nhân vật: xây dựng chân dung hí hoạ về quan Toàn quyền Đông Dương.
- Ngôn ngữ, giọng điệu: châm biếm, mỉa mai, giễu nhại.

2. Sự tương phản giữa các nhân vật trong tác phẩm

a. Nhân vật Va-ren

- Địa vị: Toàn quyền Đông Dương
- Tiểu sử: Đảng viên Đảng Xã hội Pháp
- Hành vi:

+ Hứa "sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu".
+ Tuần du Sài Gòn.
+ Dự yến, nhận tưởng lệ.
+ Vào xà lim "tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gông to kệch đang siết chặt Phan Bội Châu".

- Lời nói:

+ Dài dòng"Tôi đem...Toàn quyền...!".
+ Lập luận ngụy biện xảo trá, trơ trẽn.

- Thái độ: Kẻ cả, ngạo nghễ: "tôi biết rõ", "ông nghe tôi","ông hãy nhìn tôi",...

b. Phan Bội Châu

- Địa vị: Tù nhân
- Tiểu sử: Chí sĩ yêu nước chống thực dân Pháp
- Hành vi: Nằm tù
- Lời nói: Im lặng
- Thái độ:

+ Dửng dưng
+ Khinh bỉ (nhếch mép, nhổ vào mặt)

=> Qua những chi tiết đối lập, tương phản, tác phẩm đã vạch trần bộ mặt lố bịch, giả dối của Va-ren và thực dân Pháp, đồng thời ca ngợi tinh thần yêu nước bất khuất của Phan Bội Châu.

3. Đặc sắc nghệ thuật truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc

a. Điểm nhìn trần thuật:

- Câu chuyện được kể từ nhiều điểm nhìn khác nhau: điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn của nhân vật (Va-ren, dân chúng, anh lính dõng, nhân chứng thứ hai).

+ Phần 1: Ngôi kể vô nhân xưng kết hợp với ngôi kể "chúng ta" thể hiện điểm nhìn của tác giả và những người cùng chí hướng

Câu chuyện tưởng tượng về việc Va-ren sang Việt Nam nhậm chức và gặp Phan Bội Châu được kể từ những điểm nhìn nào?	*Nhận xét về ngôn ngữ, giọng điệu của tác phẩm?*	*Điểm độc đáo của phần kết thúc tác phẩm là gì?*

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời các câu hỏi và điền vào bảng trên.

B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi 3-4 HS trình bày.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và đánh giá câu trả lời của HS và chốt lại kiến thức trọng tâm.

đang hoạt động ở Pa-ri.

+ Phần 2: Câu chuyện được tiếp nối với nhiều điểm nhìn: điểm nhìn của Va-ren (lần đầu tiên được thấy một thành phố Đông Dương); điểm nhìn của người quan sát và kể chuyện ("Bỗng dưng tất cả dừng lại..."); điểm nhìn của đám đông dân chúng ("Gì thế nhỉ?..."); điểm nhìn của chú bé con, chị con gái, anh sinh viên, bác cu li xe, nhà Nho.

+ Phần 3: Ngôi thứ 3 (vô nhân xưng) - điểm nhìn của người kể chuyện.

+ Phần 4: Ngôi thứ nhất ("chúng ta") - điểm nhìn của tác giả.

+ Phần 5: Điểm nhìn của người kể chuyện; điểm nhìn của anh lính dõng; điểm nhìn của "nhân chứng thứ hai".

- Việc tạo ra sự đa dạng về điểm nhìn làm cho câu chuyện được kể một cách tự nhiên, sinh động, gợi ra nhiều tầng nghĩa, giúp người đọc hiểu rõ hơn về bản chất của thực dân Pháp và tinh thần yêu nước của Phan Bội Châu.

b. Ngôn ngữ, giọng điệu

- Nhại: "sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu".
- Ngôn ngữ miêu tả mang sắc thái châm biếm: "hai con mắt của ông Va-ren được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương"; "đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng"; "những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm"; "những xâu lạp xưởng lủng lẳng dưới mái hiên".
- Nói mỉa: "ông Va-ren đã nửa chính thức hứa".
- Trùng điệp: "vẫn bị giam trong tù","vẫn nằm tù",...
- Nghịch ngữ: "Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi".
- Chơi chữ: "Những vị ấy, ngày nay lừng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy",...

=> Lời văn châm biếm đã góp phần làm nên màu sắc trào lộng độc đáo của tác phẩm

	c. Phần kết thúc của truyện Phần kết thúc của câu chuyện đáng chú ý về nhiều phương diện: - Kết lạ: Hiển thị trên văn bản thành một đoạn riêng biệt rồi lại được nối dài thêm bằng đoạn "T.B. - Một nhân chứng thứ hai...".T.B. = tái bút/ viết thêm, tưởng như không quan trọng, thường chỉ thấy trong thư từ trao đổi cá nhân. - Kết mở: Gia tăng nhân vật trần thuật và điểm nhìn (anh lính dõng và nhân chứng thứ hai). Với cách làm này, người viết có thể tiếp tục tăng thêm nhân vật trần thuật (nhân chứng thứ ba, thứ tư,...) để mở thêm những điểm nhìn và những tình huống khác giúp cho việc diễn tả chủ đề sâu sắc và thú vị hơn. Phần kết thúc có thể mở rộng như vậy là vì ở phần trên, tác giả đã lưu ý về "đôi cánh của trí tưởng tượng", chuẩn bị tâm thế cho việc trình bày những chi tiết hư cấu, bất ngờ. - Kết bất ngờ: Những chi tiết ở phần kết đã tiếp nối với đoạn trên để diễn tả phản ứng của Phan Bội Châu đối với Va-ren thành một chuỗi tăng tiến (im lặng, dửng dưng - nhếch mép, cười ruồi - nhổ vào mặt) mà đỉnh điểm là một hành động thể hiện sự khinh bỉ, căm phẫn cao độ. Hành động này cho thấy khí phách phi phàm của Phan Bội Châu trước Toàn quyền Đông Dương, diễn tả sinh động xung đột quyết liệt giữa những người yêu nước ở xứ thuộc địa và chính quyền thực dân. => Phần kết thúc của "Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu" là một kết thúc mở, ấn tượng và giàu ý nghĩa.
4. Tài năng viết truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Qua tác phẩm này, bạn có suy nghĩ gì về tài năng viết truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi của Gv. **B3. Báo cáo thảo luận:** GV gọi 2-3 HS trình bày. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và đánh giá câu trả lời của HS	**4. Tài năng viết truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc** - Viết truyện bằng ngoại ngữ - Khả năng quan sát, miêu tả sinh động. - Tư duy nghệ thuật hiện đại, khả năng châm biếm, trào phúng sắc sảo; xây dựng nhân vật thể hiện rõ tính cách, bản chất đối lập. - Bút pháp biến hoá linh hoạt (sáng tạo tình huống truyện độc đáo, trần thuật từ nhiều điểm nhìn, tạo dựng tình tiết đặc sắc, khả năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, hiệu

và chốt lại kiến thức trọng tâm.	quả). => Truyện ngắn *"Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu"* đã thể hiện tài năng văn chương và tinh thần yêu nước nồng nàn của Nguyễn Ái Quốc.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: HS tổng kết được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi để HS đánh giá tổng quát nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy đánh giá tổng quát nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS tổng kết được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. **B3. Báo cáo thảo luận:** 1-2 HS trả lời câu hỏi của GV. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và đánh giá câu trả lời của HS và chốt lại kiến thức trọng tâm.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung:** Truyện ngắn "Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu" đã phơi bày bản chất xâm lược của thực dân Pháp; ca ngợi tinh thần yêu nước của Phan Bội Châu và góp phần cổ vũ phong trào yêu nước Việt Nam. **2. Nghệ thuật** - Giọng văn hóm hỉnh, sắc sảo và khả năng tưởng tượng, hư cấu độc đáo. - Khắc họa nhân vật bằng lời bình, bằng ngôn ngữ độc thoại, bằng miêu tả, thái độ, hành động. - Khắc họa nhân vật bằng nghệ thuật tương phản, đối lập.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS kết nối đọc viết, hình thành nền lực viết đoạn văn về một vấn đề đặt ra từ văn bản.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận, suy nghĩ về một thủ pháp trào lộng đã được tác giả sử dụng hoặc về đoạn kết của tác phẩm "Những trò lố hay va-ren và Phan Bội Châu.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận, suy nghĩ về một thủ pháp trào lộng đã được tác giả sử dụng hoặc về đoạn kết của tác phẩm "Những trò lố hay va-ren và Phan Bội Châu. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS xác định vấn đề cần viết: HS lựa chọn 1 trong 2 vấn đề sau: + Vấn đề 1: một thủ pháp trào lộng đã được tác giả sử dụng. + Vấn đề 2: đoạn kết của tác phẩm. - Triển khai đoạn văn theo mô hình tổng	**Đoạn văn dự kiến:** Đoạn kết của tác phẩm "Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu" là một điểm sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc. Tác giả đã khéo léo sử dụng kết thúc mở để tạo sự bất ngờ cho người đọc và khơi gợi suy nghĩ sâu xa về tương lai của Việt Nam. Kết truyện, bộ mặt lừa đảo của Va-ren bị phơi bày, khiến hắn bẽ mặt trước dư luận quốc tế. Sự thất bại của Va-ren không chỉ là sự sụp đổ của một cá nhân mà còn tượng trưng cho sự suy yếu của hệ thống thực dân đang cố gắng kiểm soát và đàn áp phong trào yêu nước ở Việt Nam. Bên

– phân – hợp. - Kết hợp lí lẽ và bằng chứng hợp lý, nhuần nhuyễn. - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà nghiêm túc và nộp lại vào buổi học tới; có thể nộp trực tiếp hoặc nộp online qua zalo, facebook,... **B3. Báo cáo thảo luận:** GV cho HS trao đổi, thảo luận. GV khuyến khích sự xung phong, gọi 1 – 2 HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá thường xuyên). **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.	cạnh đó, hình ảnh Phan Bội Châu trong tác phẩm chính là ngọn lửa thắp sáng tinh thần quật khởi và niềm tin vào sự tất thắng của chính nghĩa. Kết thúc mở của tác phẩm không chỉ dừng lại ở việc phơi bày sự thật về Va-ren và tôn vinh Phan Bội Châu. Nó còn mở ra nhiều suy nghĩ cho người đọc về tương lai của Việt Nam. Qua đoạn kết, tác giả Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện niềm tin mãnh liệt vào sự chiến thắng của chính nghĩa. Đoạn kết của tác phẩm không chỉ khơi gợi lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc, mà còn truyền tải một thông điệp mạnh mẽ về niềm tin vào một tương lai tươi sáng cho Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS trình bày được suy nghĩ của cá nhân về một truyện ngắn hiện đại.

b. Nội dung: Viết một cái kết hợp lí khác cho câu chuyện. Giải thích nguyên nhân lựa chọn

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS viết một cái kết hợp lí khác cho câu chuyện. Giải thích nguyên nhân lựa chọn cái kết đó.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà nghiêm túc và nộp lại vào buổi học tới; có thể nộp trực tiếp hoặc nộp online qua zalo, facebook,...

B3. Báo cáo thảo luận: GV cho HS trao đổi, thảo luận. GV khuyến khích sự xung phong, gọi 1 – 2 HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá thường xuyên).

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm.

4. Củng cố: Nhắc lại kiến thức của văn bản Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu

5. HDVN: Chuẩn bị bài học tiếp theo Thực hành Tiếng Việt

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 63: MỘT SỐ BIỆN PHÁP LÀM TĂNG TÍNH KHẲNG ĐỊNH, PHỦ ĐỊNH TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: HS nhận biết và chỉ ra được đặc điểm của một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận

2. Về năng lực:

- HS phân tích được hiệu quả của việc sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận
- HS vận dụng được một cách sáng tạo các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định khi viết văn nghị luận

3. Về phẩm chất: Biết trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV Ngữ văn 12 Tập 2; KHBD; PHT; Giấy A3; Bút màu; Máy chiếu
2. Học liệu: Kiến thức về TV; VB của NAQ - HCM
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:
3. Bài mới:
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG
a. Mục tiêu: Huy động kiến thức của HS về một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận qua trò chơi " ***Bắt bướm***"
b. Nội dung: Đọc phần tri thức tiếng Việt, trả lời 5 câu hỏi và trình bày về một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV dành thời gian (khoảng 5- 10 phút) tổ chức trò chơi cho HS nhắc lại nội dung "lí thuyết" được trình bày trong mục Tri thức ngữ văn ở phần đầu bài học (HS đã tìm hiểu trước ở nhà) **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS tham gia trò chơi, trao đổi để lĩnh hội tri thức – SGK Tr5 - HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp, tặng điểm cho HS trả lời đúng các câu hỏi. **B3. Báo cáo :** - GV cho một HS điều khiển trò chơi khởi động (trả lời các câu hỏi); Thư kí lớp theo dõi học sinh trả lời đúng ghi tên; GV cho điểm - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn, điều chỉnh, kết luận **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV giải đáp những thắc mắc có thể có của HS và rõ thêm mối tương quan giữa tính khẳng định và tính phủ định trong văn bản nghị luận	**Câu trả lời của HS:** **Câu 1**: Biện pháp làm tăng tính khẳng định trong văn bản nghị luận thường sử dụng các từ ngữ như thế nào? ⇨ Sử dụng các từ ngữ mang nghĩa khẳng định **Câu 2:** Biện pháp làm tăng tính khẳng định trong văn bản nghị luận thường sử dụng phổ biến kiểu câu nào? Biện pháp tu từ gì? ⇨ Sử dụng phổ biến kiểu câu khiến, thể hiện ý khẳng định ⇨ Sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ nhấn mạnh ý được khẳng định. **Câu 3:** Biện pháp làm tăng tính phủ định trong văn bản nghị luận thường sử dụng từ ngữ như thế nào? ⇨ Sử dụng các từ ngữ mang nghĩa phủ định và những từ ngữ biểu thị ý nghĩa hạn chế **Câu 4:** Biện pháp làm tăng tính phủ định trong văn bản nghị luận thường sử dụng kiểu câu nào? ⇨ Sử dụng phổ biến kiểu câu hỏi thể hiện ý nghi ngờ, chất vấn **Câu 5:** Biện pháp làm tăng tính phủ định trong văn bản nghị luận thường sử dụng từ ngữ như thế nào? ⇨ Sử dụng các danh từ, đại từ thể hiện thái độ đánh giá tiêu cực để chỉ đối tượng bị đả kích

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC
a. Mục tiêu: HS nhận biết một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận; Biết phân tích các ví dụ minh họa để lĩnh hội tri thức Tiếng Việt

b. Nội dung:
- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- GV hướng dẫn học sinh thực hành tìm hiểu ngữ liệu để rút ra kiến thức và trình bày

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. NHẬN BIẾT MỘT SỐ BIỆN PHÁP LÀM TĂNG TÍNH KHẲNG ĐỊNH, PHỦ ĐỊNH TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện yêu cầu **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS hoạt động nhóm để tìm hiểu Phần 1,2 - SGK và rút ra bài học **B3. Báo cáo thảo luận** - Các nhóm 1,2 cử đại diện trình bày kết quả làm việc trên giấy A3; Các nhóm 3,4 quan sát, nhận xét, phản biện Và ngược lại: N3,4 cử đại diện trình bày kết quả làm việc trên giấy A3; nhóm 1,2 quan sát, nhận xét, phản biện - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn, điều chỉnh **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV cho học sinh đánh giá chéo lẫn nhau - GV đánh giá kết quả làm việc của học sinh – GV lưu ý HS: Khung "nhận biết" trong SGK chỉ nêu một số biện pháp có tính phổ biến, được nhiều người viết sử dụng. Đó không phải là tất cả biện pháp đã xuất hiện trong thực tế. Vì vậy, HS có thể phát hiện thêm một số biện pháp khác, miễn chứng minh được chúng thực sự làm tăng tính khẳng định hay phủ định của văn bản nghị luận.	***Nhận biết một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận*** **1. Biện pháp làm tăng tính khẳng định** - Từ ngữ mang tính khẳng định: *chắc chắn, tất nhiên, rõ ràng, chỉ có thể, không thể chối cãi,dĩ nhiên là vậy, không thể nào khác, …* - Từ ngữ thể hiện quy mô áp đảo, phạm vi bao quát (không trừ cá thể nào) hoặc trạng thái ổn định: *tất cả, mọi, toàn thể, luôn luôn, thường xuyên …* - Sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ nhấn mạnh ý được khẳng định **2. Biện pháp làm tăng tính phủ định** - Từ ngữ mang tính phủ định: *chưa từng, không, chẳng có, không thể, chẳng bao giờ,…* - Từ ngữ biểu thị ý nghĩa hạn chế: *không mấy, chẳng bao nhiêu, ít khi, …* - Sử dụng kiểu câu hỏi thể hiện ý nghi ngờ, chất vấn: *Không phải như thế chứ? Không ai có nổi tài năng ư? Không ó lấy một người tài danh nào ra phù giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao?,…* - Sử dụng các danh từ, đại từ thể hiện thái độ đánh giá tiêu cực (coi thường, khinh bỉ, căm ghét, …) để chỉ đối tượng bị đả kích. Ví dụ: ***Bọn*** *thực dân Pháp …hành động của* ***chúng*** *trái hẳn với nhân đạo…****Chúng*** *thi hành…****Chúng*** *lập ra…****Chúng*** *ràng buộc …*

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:
- HS xác định được đặc điểm và biết cách vận dụng kiến thức về các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận
- Phân tích được hiệu quả của việc sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận

b. Nội dung:

Bài tập 1,2 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr. 27,28)
Bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr. 28)
Bài tập 4. Liệt kê ít nhất 5 từ ngữ thể hiện ý khẳng định và phủ định được dùng trong Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh vào bảng sau và nhận xét về hiệu quả biểu đạt của những nhóm từ ngữ này.

Từ ngữ có nghĩa khẳng định	Từ ngữ có nghĩa phủ định
…… ……	…… ……
Nhận xét …… ……	Nhận xét …… ……

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
*** Thao tác 1: Bài tập 1,2** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm 3 HS thảo luận, trao đổi để hoàn thành Bài tập 1,2 **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS làm việc nhóm theo yêu cầu của GV - GV quan sát, điều hành, tư vấn và hỗ trợ học sinh **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV gọi học sinh đại diện các nhóm lên trình bày kết quả làm việc, cả lớp lắng nghe và nhận xét, bổ sung hoặc phản biện - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn, điều chỉnh **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, kết luận kết quả của học sinh theo mục	***Bài tập 1** Cách tác giả làm tăng tính khẳng định của các luận điểm sau đây trong Tuyên ngôn Độc lập khi trích dẫn hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của nước Mỹ và nước Pháp: – Sử dụng các từ ngữ có ý nghĩa khẳng định: *không ai chối cãi được, trái hẳn.* – Sử dụng các từ ngữ có quy mô áp đảo, phạm vi bao quát: *không ai* (ý chỉ tất cả mọi người). ***Bài tập 2** a. Câu 1: Điều tác giả muốn trong câu văn thứ nhất là phủ định vai trò "bảo hộ" của thực dân Pháp đối với nước Việt Nam; khẳng định thực dân Pháp không thực hiện được việc "bảo hộ" cho nhân dân Việt Nam như chúng tuyên bố. Câu 2, 3: khẳng định Việt Nam đã giành độc lập từ tay của phát xít Nhật; phủ định việc Pháp bảo hộ cho nhân dân Việt Nam và quyền thống trị của thực dân Pháp. b. Các từ khoá: *sự thực, không phải*. Vì đây là những từ ngữ được lặp đi lặp lại một cách có chủ ý, nhằm mục đích thể hiện ý khẳng định và phủ định, nếu như bỏ chúng đi thì đoạn văn sẽ bị mất sức thuyết phục
*** Thao tác 2: Bài tập 3,4** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS như mục Nội dung. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B 3,4. Báo cáo thảo luận:** - GV tổ chức cho HS thảo luận,	*** Bài tập 3:** – Các danh từ, cụm danh từ, đại từ đã được Hồ Chí Minh sử dụng trong Tuyên ngôn Độc lập để chỉ thực dân Pháp: bọn thực dân, chúng, Pháp, người Pháp. – Từ được sử dụng nhiều nhất: "*chúng*", việc sử dụng từ ngữ này đã làm tăng tính phủ định của một số luận điểm trong văn bản, nhằm thể hiện thái độ khinh bỉ, coi thường công khai đối với thực dân Pháp cùng với luận điệu "bảo hộ" xảo trá của chúng và phủ định ơn huệ của thực dân Pháp với Việt Nam mà chúng chỉ đang xâm chiếm, bóc lột nhân dân ta

<table>
<tr>
<td>báo cáo và kết luận.
- GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp để thực hiện nhiệm vụ, gọi 1 – 2 HS trình bày kết quả, các HS khác góp ý và bổ sung (nếu có).
Hoặc: GV khuyến khích HS xung phong, gọi 1 – 2 HS lên trình bày, mỗi HS trình bày một nhiệm vụ. Các HS khác nhận xét. GV kết luận như mục Sản phẩm, yêu cầu HS ghi kết quả vào vở
- GV kết luận như mục Sản phẩm và nhấn mạnh về hiệu quả của việc sử dụng một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.</td>
<td>* Bài tập 4:
HS liệt kê được ít nhất 5 từ ngữ cho một cột và đưa ra nhận xét về hiệu quả biểu đạt.
<table>
<tr><th>Từ ngữ có ý nghĩa khẳng định</th><th>Từ ngữ có ý nghĩa phủ định</th></tr>
<tr><td>mọi người, tất cả, toàn dân Việt Nam, không ai, không thể chối cãi, luôn luôn, sự thực là,…</td><td>không phải, tuyệt đối, không, trái hẳn, bọn, chúng,…</td></tr>
<tr><td>Nhận xét: Khẳng định nền độc lập của dân tộc Việt Nam là tất yếu không phải, tuyệt đối, không, trái hẳn, bọn, chúng,…</td><td>Nhận xét: Phủ định vai trò “bảo hộ” của thực dân Pháp đối với đất nước Việt Nam.</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được một cách sáng tạo các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định khi viết văn bản nghị luận.

b. Nội dung:

- Bài tập 5 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr. 28)
- Viết đoạn văn hoặc bài văn nghị luận theo chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định. Chỉ ra và phân tích hiệu quả của những biện pháp này

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoặc bài văn nghị luận của HS và phần phân tích hiệu quả của những biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định được sử dụng trong văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Giao cho HS về nhà làm Bài tập 5 (giao cho cá nhân HS hoặc nhóm – tùy đối tượng HS)
- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học tiếp theo.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ

B3. Báo cáo thảo luận

GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. HS có thể nộp bài qua phần mềm học tập (nếu có). GV yêu cầu HS trong lớp đọc và góp ý. GV có thể thông báo kết quả ở đầu buổi học tiếp theo; nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS và kết luận.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GVđánh giá, nhận xét, cho điểm

4. Củng cố: Ghi nhớ kiến thức bài học bằng cách vẽ Sơ đồ tư duy

5. HDVN:

- Hoàn thành BT
- Chuẩn bị bài tiếp theo: *Viết báo cáo*

Tiết: 64,65 **PHẦN 3: VIẾT**

VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Xác định rõ nội dung và mục đích thực hiện bài tập dự án
- Trình bày được những yếu tố chi phối việc thực hiện
- Miêu tả và đánh giá được kết quả nổi bật của bài tập

2. Về năng lực: Viết được hoàn chỉnh bài báo cáo kết quả

3. Về phẩm chất: Biết trân trọng những thành quả của cá nhân hoặc nhóm qua bài tập dự án

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm và mẫu phiếu học tập

2. Học liệu: SGK, SGV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Huy động kiến thức của HS liên quan đến bài tập dự án.

b. Nội dung: Đọc nội dung trong khung ở phần Viết (SGK, tr. 28) và cho biết: Bài tập dự án là gì? Lấy ví dụ về một đề tài cho bài tập dự án.

c. Sản phẩm Câu trả lời của HS:

- Bài tập dự án là loại bài tập lớn đòi hỏi em (hoặc nhóm học tập của em) phải dành thời gian thích đáng ngoài giờ lên lớp để nghiên cứu về một đề tài, chủ đề cụ thể.
- Các ví dụ về đề tài như: Sưu tầm các tài liệu hỗ trợ cho việc tìm hiểu văn chính luận của Hồ Chí Minh; Sưu tầm các tài liệu hỗ trợ tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV dành thời gian (khoảng 5- 10 phút) yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Bài tập dự án là gì? Ví dụ về bài tập dự án **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời câu hỏi Gv quan sát, lắng nghe **B3. Báo cáo :** - GV cho một HS báo cáo sản phẩm, HS khác lắng nghe - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn,	**Câu trả lời của HS:** **Câu 1**: Bài tập dự án là loại bài tập lớn đòi hỏi em (hoặc nhóm học tập của em) phải dành thời gian thích đáng ngoài giờ lên lớp để nghiên cứu về một đề tài, chủ đề cụ thể. **Câu 2:** Các ví dụ về đề tài như: Sưu tầm các tài liệu hỗ trợ cho việc tìm hiểu văn chính luận của Hồ Chí Minh; Sưu tầm các tài liệu hỗ trợ tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh

điều chỉnh, kết luận **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV giải đáp những thắc mắc có thể có của HS và rõ thêm yêu cầu của bài tập dự án	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

(HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH VIẾT BÁO CÁO BÀI TẬP DỰ ÁN)

a. Mục tiêu: Trình bày được các yêu cầu cơ bản của việc viết báo cáo kết quả bài tập dự án, xác định được các bước trong quy trình viết báo cáo kết quả của bài tập dự án.

b. Nội dung: Tạo lập được bài tập dự án theo đúng yêu cầu và các bước trong quy trình báo cáo kết quả

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

d. Tiến trình thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Vấn đề 1. Đọc bài viết tham khảo và thực hiện yêu cầu **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Chia nhóm 1. Đề tài của bài tập dự án là gì? 2. Lập dàn ý cho báo cáo kết quả của bài tập dự án này. 3. Nếu cần chỉnh sửa nội dung của bài tập dự án này, em sẽ chỉnh sửa điều gì? Vì sao? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS chuẩn bị bài ở nhà theo hướng dẫn của GV. **B3. Báo cáo thảo luận** - Theo hướng dẫn của GV **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Các nhóm khác góp ý, bổ sung - GV đánh giá chung, chốt kiến thức	**I. Tìm hiểu bài viết tham khảo** 1. Đề tài của bài tập dự án: Sưu tầm tài liệu hỗ trợ cho việc học tập, tìm hiểu về tác gia Hồ Chí Minh. 2. Lập dàn ý: – Thông tin chung về bài tập dự án: + Yêu cầu của bài tập dự án + Thời gian thực hiện + Xác định các công việc cụ thể + Phân công công việc + Xác định các bước tiến hành. – Kết quả chính của bài tập dự án: + Sưu tầm được khối lượng tranh, ảnh, video clip + Sưu tầm được các bài viết có liên quan về sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học. + Sưu tầm được các ấn phẩm tập hợp các sáng tác của Người + Xây dựng được niên biểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh + Cách sưu tầm và xử lí tài liệu. – Vấn đề sử dụng, lưu trữ kết quả bài tập dự án: Cách thức sử dụng và phương án lưu trữ. – Một số kinh nghiệm về việc thực hiện bài tập dự án: + Kinh nghiệm về thời gian thực hiện + Kinh nghiệm về huy động sự hỗ trợ của các bên liên quan. – Tự đánh giá về kết quả bài tập dự án: Mức độ thành công, lí giải nguyên nhân. 3. HS có thể đưa ra cách chỉnh sửa theo quan điểm của bản thân. Ví dụ: phần tự đánh giá kết quả thực hiện nên đưa ra một vài tiêu chí để tường minh hơn.

Vấn đề 2. Tìm hiểu quy trình viết **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Dựa vào việc tìm hiểu bài viết tham khảo và đọc kĩ nội dung của mục thực hành viết (tr. 32 – 34), em hãy điền tiếp các nội dung còn thiếu vào sơ đồ để hoàn thành quy trình viết một báo cáo kết quả bài tập dự án. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS chuẩn bị bài ở nhà theo hướng dẫn của GV. **B3. Báo cáo thảo luận** - Theo hướng dẫn của GV **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - HS khác góp ý, bổ sung - GV đánh giá chung, chốt kiến thức	**II. Quy trình viết** **1. Chuẩn bị viết** - Hình dung đầy đủ về quá trình thực hiện dự án - Dựa vào kết quả nghiên cứu dự án đã tham gia **2. Tìm ý, lập dàn ý** - Tìm ý - Lập dàn ý **3. Viết** - Bám theo dàn ý đã lập - Sử dụng ngôn ngữ khách quan - Quan tâm đến bản quyền khi sử dụng tài liệu của người khác **4. Chỉnh sửa, bổ sung** - Bổ sung các thông tin còn thiếu theo yêu cầu của kiểu bài - Thông qua các thành viên trong nhóm

HOẠT ĐỘNG 3,4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để viết hoàn chỉnh một báo cáo kết quả của bài tập dự án.

b. Nội dung: Các nhóm hoàn thiện báo cáo kết quả bài tập dự án theo dàn ý đã lập.

c. Sản phẩm: Báo cáo kết quả bài tập dự án của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu nghiêm túc thực hiện

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn thành nhiệm vụ và nộp lại đúng thời gian quy định.

B3: Báo cáo thảo luận

Lưu ý: 1 – 2 nhóm trình bày ở đầu buổi học tiếp theo

Bước 4. Nhận xét, đánh giá:

GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS và kết luận.

GV nên đưa ra tiêu chí để đánh giá bài tập dự án nhóm để HS tự đánh giá chéo, sau đó GV kết luận.

Các tiêu chí đánh giá: Báo cáo đã xác định rõ được nội dung và mục đích của việc thực hiện dự án chưa? Báo cáo có bám sát đề cương không? Kết quả nổi bật của dự án đã được ưu tiên chưa? Mức đánh giá có thể để hai mức: đạt và chưa đạt.

4. Củng cố: Nhắc lại nội dung, mục đích thực hiện và yêu cầu cụ thể của bài tập dự án

5. HDVN: chuẩn bị nội dung tiếp theo: Nói và nghe: Trình bày kết quả của bài tập dự án

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 66: TRÌNH BÀY KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu tên của bài tập dự án và người thực hiện
- Trình bày được nội dung cơ bản về quá trình thực hiện bài tập dự án với các bước cụ thể
- Làm nổi bật được kết quả chính thể hiện đóng góp riêng của người thực hiện bài tập dự án, kèm theo minh chứng chọn lọc được trình bày bằng những hình thức phương tiện phù hợp
- Gợi mở được hướng sử dụng kết quả bài tập dự án
- Rút ra kinh nghiệm từ việc thực hiện bài tập dự án

2. Về năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề: thực hiện nhiệm vụ trước vấn đề được cung cấp.
- Năng lực thuyết trình: giới thiệu, trình bày được kết quả của bài tập dự án.

3. Về phẩm chất: Bồi dưỡng khả năng lắng nghe và góp ý trên tinh thần cởi mở và xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.
- Học sinh: Đọc trước các nội dung được hướng dẫn trong SGK
  Chuẩn bị trước các nhiệm vụ Gv giao (trong cuối tiết trước)

2. Học liệu

Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung của bài học

b. Nội dung: GV cho HS xem video thuyết trình về dự án tìm hiểu về Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, hiểu biết của HS về bức tranh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS xem video trình bày, thuyết trình về dự án tìm hiểu Tuyên ngôn độc lập (Hồ Chí Minh): GV đặt câu hỏi: Trong bài thuyết trình, người thuyết trình đã trình bày những thông tin gì về đối tượng nghiên cứu? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ và trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV dẫn dắt vào bài học	Câu trả lời, chia sẻ của HS

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Xác định được yêu cầu cần thực hiện trong bài học qua 3 bước: Chuẩn bị nói- Thực hành nói và nghe- Trao đổi, thảo luận.

b. Nội dung: HS đọc SGK/ tr.34+35) và trả lời câu hỏi: *Các công việc cụ thể cần thực hiện trong quy trình nói và nghe khi trình bày kết quả của bài tập dự án?*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói cần thực hiện trong bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

*** Hoạt động tìm hiểu quy trình nói và nghe khi trình bày kết quả của bài tập dự án** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị - HS đọc và ghi chép lại các thông tin cơ bản trong từng bước - HS thực hành lập dàn ý theo phiếu học tập số 1 (dựa vào bài viết đã thực hiện trong phần viết) và tập nói theo phiếu HT. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Đọc SGK, tìm ý chính cho từng bước - Tìm ý, sắp xếp ý dựa vào bài viết đã hoàn thiện trong tiết viết **B3. Báo cáo thảo luận** Trình bày, chia sẻ ý kiến. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** Giáo viên chốt kiến thức cơ bản	**I. Quy trình nói và nghe khi trình bày kết quả của bài tập dự án** **1. Chuẩn bị nói** **a. Lựa chọn đề tài** Đề tài của bài nói là báo cáo đã hoàn thành ở phần viết **b. Tìm ý và sắp xếp ý** - Lựa chọn ý chính trong bài viết - Sắp xếp ý theo trình tự: + Nêu được tên của bài tập dự án và người thực hiện (cá nhân/nhóm) + Trình bày được thông tin cơ bản về quá trình thực hiện dự án với các bước cụ thể. + Làm nổi bật được các kết quả chính thể hiện đóng góp riêng của người thực hiện bài tập dự án, kèm theo các minh chứng chọn lọc được thể hiện bằng các hình thức, phương tiện phù hợp. + Gợi mở được hướng sử dụng kết quả của bài tập dự án và nêu các công việc cần tiếp tục thực hiện có liên quan đến bài tập dự án. + Rút ra được bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện bài tập dự án. **2. Thực hành nói và nghe** **a. Người nói** - Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về tên của bài tập dự án và người thực hiện. - Triển khai: + Giới thiệu về quá trình thực hiện dự án với các bước cụ thể. + Trình bày các kết quả chính của bài tập dự án. - Kết thúc: + Gợi mở được hướng sử dụng kết quả của bài tập dự án và nêu các công việc cần tiếp tục thực hiện có liên quan đến bài tập dự án. + Chia sẻ kinh nghiệm thực hiện dự án (nếu có). **b. Người nghe**: Lắng nghe tôn trọng, ghi lại ý chính và chú ý hơn về phong thái; viết vào vở những nội dung thấy hay, hứng thú; ghi rõ những câu hỏi, thắc mắc đối với người nói, sẵn sàng đối thoại để làm rõ vấn đề. **3. Trao đổi, đánh giá** **a) Người nghe** - Nhận xét về nội dung, cách thể hiện của bài nói - Đặt ra các câu hỏi cần thiết về việc thực hiện bài tập dự án - Đề xuất các hướng thực hiện khác mang tính khả thi với người thực hiện dự án, giúp người thực hiện dự án rút kinh nghiệm về sau. - Gợi ý hướng sử dụng của bài tập dự án vào học tập. **b) Người nói** - Tiếp nhận một cách tích cực các ý kiến phản hồi, góp ý

	- Làm rõ những điều người nghe còn băn khoăn, thắc mắc. - Mở rộng thêm ý nói về vấn đề rút kinh nghiệm sau khi thực hiện một bài tập dự án.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Tên dự án, người thực hiện :
.....
.....
2. Quá trình thực hiện dự án
.....
.....
3. Các kết quả chính của bài tập dự án (kèm minh chứng)
.....
.....
.....
.....
4. Hướng sử dụng kết quả của bài tập dự án và các công việc cần tiếp tục thực hiện có liên quan đến bài tập dự án:
.....
.....
5. Những bài học kinh nghiệm rút ra từ việc thực hiện bài tập dự án
.....
.....

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, năng lực để trình bày kết quả cvuar bài tập dự án đã thực hiện

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubic đánh giá

c. Sản phẩm: Phần trình bày bài nói – nghe của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ: + HS nói: trình bày kết quả của sản phẩm dự án (theo cá nhân/nhóm). Sau khi nói, tự đánh giá hoạt động nói theo rubic. + HS nghe: lắng nghe, đánh giá theo rubic, chia sẻ ý kiến và phản hồi ý kiến (nếu có) **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thực hành nói – nghe **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình. Người nghe và người nói tiến hành trao đổi, thảo luận, trình bày theo bảng kiểm và rubric đánh giá **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** - GV cùng HS nhận xét, bổ sung	Bài nói/nghe của HS

PL1. Rubic tự đánh giá và đánh giá về bài trình bày

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn được dự án phù hợp với yêu cầu bài học		
2	Nêu được quá trình thực hiện dự án với các bước cụ thể.		
3	Trình bày được các kết quả chính của bài tập dự án.		
4	Minh chứng kết quả cụ thể, rõ ràng		
5	Gợi mở được hướng sử dụng kết quả của bài tập dự án và nêu các công việc cần tiếp tục thực hiện có liên quan đến bài tập dự án.		
6	Chia sẻ được các kinh nghiệm thực hiện dự án (nếu có).		
7	Sử dụng có hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ.		

PL2. Rubic tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân

Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói	Đạt/ chưa đạt
Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:	
+ Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?	
+ Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ… có phù hợp không?	
+ Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào?	
Đánh giá chung:	
+ Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì?	
+ Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó?	

PL3. Rubic tự kiểm tra kĩ năng nghe:

Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Đạt/ chưa đạt
Kiểm tra kết quả nghe:	
+ Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?	
+ Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về kết quả bài tập dự án của bạn?	
Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:	
+ Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?	
+ Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để trình bày dự án: Một số tấm gương tiêu biểu về việc học tập và làm theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại ở lớp/trường em.

b. Nội dung: HS trình bày một số tấm gương tiêu biểu về việc học tập và làm theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại ở lớp/trường để chuẩn bị cho việc thực hiện bài tập dự án.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ Để chuẩn bị cho dự án: Một số tấm gương tiêu biểu về việc học tập và làm theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại ở lớp/trường em, em hãy nêu một số tấm gương tiêu biểu mà em biết. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện theo yêu cầu. **B3. Báo cáo thảo luận** HS trình bày, chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** GV nhận xét, cho HS ghi chép lại những tấm gương tiêu biểu để phục vụ cho việc thực hiện dự án ở nhà.	HS chia sẻ, ghi chép để chuẩn bị làm BT dự án ở nhà

4. Củng cố:
- Biết được quy trình nói và nghe trình bày kết quả bài tập dự án
- Thực hiện hoàn thiện bài tập dự án trong phần Vận dụng ở nhà.

5. HDVN:
- Thực hành đọc 2 văn bản: Vọng nguyệt và Cảnh khuya (Hồ Chí Minh)
- Chuẩn bị: Bài 7: Sự thật trong tác phẩm kí, đọc phần Tri thức ngữ văn (tìm hiểu 2 tiểu loại: Phóng sự và Hồi kí) và văn bản 1 (phần Đọc)

Tiết 67: CỦNG CỐ, MỞ RÔNG. THỰC HÀNH ĐỌC: VỌNG NGUYỆT (Ngắm trăng) CẢNH KHUYA

Hồ Chí Minh

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:
- Phát triển năng lực đọc hiểu một văn bản tiểu thuyết theo đặc trưng thể loại cho học sinh.
+ Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của thơ trên các phương diện: cấu tứ, từ ngữ, hình ảnh, cảm hứng chủ đạo, biện pháp tu từ...qua hai bài thơ.
+ Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách Hồ Chí Minh.
- Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản *Cảnh khuya và Ngắm trăng* để đọc hiểu thơ và thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

2. Về năng lực:
- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

3. Về phẩm chất: Có những trải nghiệm phong phú về cuộc sống để biết trân trọng cuộc sống và sống có ý nghĩa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
2. Học liệu: SGK, STK, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:
- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung: HS xem video và trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **NV1:** GV tổ chức cho HS thi đọc thơ về trăng của Bác. **NV2:** HS trả lời các câu hỏi **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS xem video, nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trả lời theo yêu cầu. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương câu trả lời nhanh, đúng của HS. GV dẫn vào bài.	Câu trả lời của HS theo trải nghiệm của bản thân.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Đọc khám phá chung về tác giả và tác phẩm

a. Mục tiêu: Nhắc lại vài nét về tác giả Hồ Chí Minh.
b. Nội dung: Trình bày nhanh kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.
c. Sản phẩm: HS trình bày về tác giả Hồ Chí Minh.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn trước cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập). **B2. Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà. **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trình bày nhanh trong vòng 2 phút về tác giả Y-an Ma-ten trước lớp. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chốt kiến thức .	**I. Đọc và khám phá chung** **1. Tác giả Hồ Chí Minh** Nhắc lại của bài học trước **2. Tác phẩm** - Thể loại: thơ - Vọng Nguyệt: thất ngôn tứ tuyệt, viết bằng chữ Hán. - Cảnh khuya: thất ngôn tứ tuyệt - Bố cục: 4 phần.

Nội dung 2: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của thơ trên các phương diện: cấu tứ, nhân vật trữ tình, từ ngữ hình ảnh, biện pháp tư từ, cảm hứng chủ đạo, nội dung trữ tình, phong cách trữ tình.
b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản thông qua chương trình thảo luận
c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tổ chức buổi trao đổi thảo luận cho những người yêu thơ. - GV cho HS đăng kí tham gia buổi thảo luận và ứng tuyển làm MC - Tên buổi thảo luận: **Sống cùng thơ ca Hồ Chí Minh** HS chuẩn bị trước ở nhà các công việc sau: 1. Tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác của từng bài thơ và sự chi phối của hoàn cảnh đó đến cấu tứ và nội dung trữ tình ở mỗi bài. 2. Phát hiện được các đặc điểm nổi bật trong phong cách thơ trữ tình của Hồ Chí MInh thể hiện qua hai bài thơ. 3. Nhận ra được vẻ đẹp tư tưởng, tâm hồn và tài năng văn chương của người viết thể hiện qua các bài thơ. - Trên lớp: GV chia lớp thành các nhóm theo bàn Các nhóm thảo luận trao đổi các vấn đề đã tìm hiểu ở nhà **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện một số nhóm HS đã đăng kí trước hoặc xung phong lên tham gia thảo luận	**II. Khám phá văn bản** **1. Hoàn cảnh sáng tác và sự chi phối của hoàn cảnh đó đến cấu tứ và nội dung trữ tình trong hai bài thơ "Vọng nguyệt" và "Cảnh khuya":** *Bài thơ "Vọng nguyệt" - Hoàn cảnh sáng tác: Thơ được sáng tác năm 1942, khi Bác Hồ bị giam cầm trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, chịu cảnh thiếu thốn, cô đơn, tù đày khắc nghiệt. * Sự chi phối của hoàn cảnh: - Cấu tứ: + Bài thơ sử dụng thể thất ngôn bát cú, cấu trúc chặt chẽ, cân đối. + Hai câu đầu miêu tả cảnh trăng đêm qua song cửa sổ nhà tù, gợi lên nỗi nhớ quê hương, đất nước. + Hai câu thực miêu tả tư thế của Bác, hướng ra ngoài trời, thể hiện khát vọng tự do. + Hai câu luận thể hiện sự trăn trở, suy tư về vận mệnh đất nước. + Hai câu kết thể hiện niềm tin tưởng vào tương lai tươi sáng. * Nội dung trữ tình: - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước mãnh liệt của Bác Hồ. - Bác Hồ thể hiện tinh thần lạc quan, kiên cường, không khuất phục trước khó khăn, thử thách. - Bác Hồ thể hiện niềm tin tưởng vào tương lai chiến thắng của dân tộc. * Bài thơ "Cảnh khuya" - Hoàn cảnh sáng tác: Thơ được sáng tác năm 1947, khi Bác Hồ đang ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu tiên của cuộc kháng chiến chống Pháp. - Sự chi phối của hoàn cảnh: * Cấu tứ: - Bài thơ sử dụng thể thất ngôn tứ tuyệt, cấu trúc ngắn gọn, cô đọng. - Hai câu đầu miêu tả cảnh thiên nhiên rừng khuya thơ mộng, trữ tình. - Hai câu sau thể hiện tâm trạng của Bác Hồ: sự hòa hợp với thiên nhiên và lòng trăn trở về nhiệm vụ. * Nội dung trữ tình:

HS tham gia thảo luận trao đổi cùng nhau, trao đổi cùng khán giả theo các chủ đề: - Hoàn cảnh sáng tác của từng bài thơ và sự chi phối của HCST đến cấu tứ và nội dung trữ tình của thơ. - Phong cách thơ trữ tình Hồ Chí Minh. - Vẻ đẹp tâm hồn tài năng văn chương của người nghệ sĩ. HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt vấn đề.	- Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên tha thiết của Bác Hồ. - Bác Hồ thể hiện tinh thần lạc quan, ung dung trước gian khó. - Bác Hồ thể hiện lòng yêu nước, sự hy sinh cho đất nước. - So sánh: + Cả hai bài thơ "Vọng nguyệt" và "Cảnh khuya" đều được sáng tác trong những hoàn cảnh khó khăn, thử thách, nhưng thể hiện những nội dung trữ tình khác nhau: + "Vọng nguyệt" thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, tinh thần lạc quan, kiên cường và niềm tin vào tương lai chiến thắng của dân tộc. + "Cảnh khuya" thể hiện tình yêu thiên nhiên, tinh thần lạc quan, ung dung và lòng yêu nước, sự hy sinh cho đất nước. + Tuy nhiên, cả hai bài thơ đều thể hiện một điểm chung: đó là phẩm chất cao đẹp của Bác Hồ - một vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. **2. Các đặc điểm nổi bật trong phong cách thơ trữ tình Hồ Chí Minh thể hiện qua hai bài thơ "Vọng nguyệt" và "Cảnh khuya":** - Giản dị, mộc mạc: + Ngôn ngữ thơ giản dị, dễ hiểu, gần gũi với ngôn ngữ nói của nhân dân. + Hình ảnh thơ giản dị, không có những điển tích, trau chuốt. + Cách diễn đạt thơ giản dị, mộc mạc, không cầu kỳ, hoa mỹ. - Sâu sắc, tinh tế: + Qua những hình ảnh giản dị, Bác Hồ thể hiện những suy tư, cảm xúc sâu sắc, tinh tế. + Bác Hồ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu thiên nhiên, tinh thần lạc quan, yêu đời một cách sâu sắc, tinh tế. + Bác Hồ thể hiện lòng yêu nước, sự hy sinh, cho đất nước một cách sâu sắc, tinh tế. - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa hiện thực và lãng mạn: + Bác Hồ miêu tả cảnh vật một cách chân thực, sinh động, nhưng cũng rất lãng mạn. + Bác Hồ thể hiện tình cảm một cách chân thành, nhưng cũng rất lãng mạn. * Hai bài thơ "Vọng nguyệt" và "Cảnh khuya" là những bức tranh thiên nhiên đẹp đẽ, thơ mộng, nhưng cũng là bức tranh tâm trạng của Bác Hồ: yêu nước, lạc quan, ung dung. - Giàu tính biểu cảm:

	+ Ngôn ngữ thơ giàu tính biểu cảm, thể hiện qua giọng điệu, nhịp điệu, hình ảnh thơ. + Bác Hồ sử dụng nhiều biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, nhân hóa,... để tăng sức gợi cảm cho thơ. + Hai bài thơ "Vọng nguyệt" và "Cảnh khuya" là những vần thơ giàu tính biểu cảm, thể hiện tình cảm chân thành, sâu sắc của Bác Hồ. * Mang đậm dấu ấn phong cách Hồ Chí Minh: - Phong cách thơ của Bác Hồ giản dị, mộc mạc, nhưng cũng rất sâu sắc, tinh tế. - Phong cách thơ của Bác Hồ kết hợp nhuần nhuyễn giữa hiện thực và lãng mạn. - Phong cách thơ của Bác Hồ giàu tính biểu cảm. * Hai bài thơ "Vọng nguyệt" và "Cảnh khuya" là những bài thơ mang đậm dấu ấn phong cách Hồ Chí Minh: giản dị, mộc mạc, sâu sắc, tinh tế, lãng mạn và giàu tính biểu cảm. => Tổng kết: Hai bài thơ "Vọng nguyệt" và "Cảnh khuya" là những bài thơ tiêu biểu cho phong cách thơ trữ tình Hồ Chí Minh. Qua hai bài thơ này, ta thấy được Bác Hồ là một nhà thơ vĩ đại, với phong cách thơ độc đáo, mang đậm dấu ấn riêng. **3. Vẻ đẹp tư tưởng, tâm hồn và tài năng văn chương của Bác Hồ thể hiện qua hai bài thơ "Vọng nguyệt" và "Cảnh khuya":** *Vẻ đẹp tư tưởng: - Lòng yêu nước, thương dân: + Hai bài thơ đều thể hiện tình yêu nước mãnh liệt của Bác Hồ. + Trong "Vọng nguyệt", Bác nhớ quê hương, đất nước da diết, mong muốn được tự do để góp sức giải phóng dân tộc. + Trong "Cảnh khuya", Bác trăn trở về vận mệnh đất nước, dù đang trong gian khổ nhưng vẫn lạc quan, tin tưởng vào ngày mai chiến thắng. - Tinh thần lạc quan, kiên cường: + Hai bài thơ đều thể hiện tinh thần lạc quan, kiên cường của Bác Hồ trước khó khăn, thử thách. + Trong "Vọng nguyệt", dù bị giam cầm trong tù ngục nhưng Bác vẫn giữ vững niềm tin vào tương lai. + Trong "Cảnh khuya", dù đang trong gian khổ kháng chiến nhưng Bác vẫn ung dung, tự tại, lạc quan. - Sức sống mãnh liệt: + Hai bài thơ đều thể hiện sức sống mãnh liệt của Bác Hồ. + Trong "Vọng nguyệt", dù bị giam cầm nhưng Bác vẫn khao khát tự do, hướng đến tương lai. + Trong "Cảnh khuya", dù đang trong gian khổ nhưng

	Bác vẫn hăng say làm việc, góp sức cho kháng chiến. *Vẻ đẹp tâm hồn: - Tâm hồn thi sĩ lãng mạn: + Hai bài thơ đều thể hiện tâm hồn thi sĩ lãng mạn của Bác Hồ. + Bác cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên một cách tinh tế, sâu sắc. + Trong "Vọng nguyệt", Bác ngắm trăng trong tù, nhưng vẫn cảm nhận được vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên. + Trong "Cảnh khuya", Bác miêu tả cảnh thiên nhiên rừng khuya một cách sinh động, gợi cảm. - Tâm hồn chiến sĩ cách mạng: + Hai bài thơ đều thể hiện tâm hồn chiến sĩ cách mạng của Bác Hồ. + Bác luôn đặt nhiệm vụ cách mạng lên hàng đầu. + Trong "Vọng nguyệt", dù nhớ quê hương, đất nước nhưng Bác vẫn hướng về vận mệnh dân tộc. + Trong "Cảnh khuya", dù đang trong cảnh đẹp thiên nhiên nhưng Bác vẫn trăn trở về nhiệm vụ. - Tâm hồn cao đẹp: + Hai bài thơ đều thể hiện tâm hồn cao đẹp của Bác Hồ. + Bác là người có lòng yêu nước, thương dân vô bờ bến. + Bác là người có tinh thần lạc quan, kiên cường. + Bác là người có ý chí quyết tâm, không khuất phục trước khó khăn, thử thách. *Tài năng văn chương: - Sử dụng ngôn ngữ điêu luyện: + Ngôn ngữ thơ giản dị, dễ hiểu, gần gũi với ngôn ngữ nói của nhân dân. + Hình ảnh thơ sinh động, gợi cảm. + Cách diễn đạt thơ tinh tế, giàu sức biểu cảm. - Sử dụng biện pháp tu từ hiệu quả: + Sử dụng nhiều biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, nhân hóa,... để tăng sức gợi cảm cho thơ. + Sử dụng phép đối, phép đảo ngữ,... để tạo nhịp điệu cho thơ. - Kết cấu thơ chặt chẽ, logic: + Hai bài thơ đều có kết cấu chặt chẽ, logic, thể hiện rõ mạch cảm xúc của tác giả. + "Vọng nguyệt" có cấu trúc tứ thất bát cú, "Cảnh khuya" có cấu trúc thất ngôn tứ tuyệt. *Kết luận: Hai bài thơ "Vọng nguyệt" và "Cảnh khuya" là những viên ngọc sáng trong kho tàng thơ ca Việt Nam. Qua hai bài thơ này, ta thấy được vẻ đẹp tư tưởng, tâm hồn và tài năng văn chương của Bác Hồ - một nhà thơ vĩ đại, một vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu	Trả lời
Xuất xứ	
Thể loại, PTBĐ	
Bố cục	
Tóm tắt	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS viết đoạn văn cảm nhận về một trong hai văn bản thơ

c. Sản phẩm: Bài tập đã hoàn thành của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **Nhiệm vụ**: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) cảm nhận về một trong hai văn bản thơ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS chuyển sản phẩm lên nhóm lớp, Google tài liệu hoặc Padlet. - GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá theo Rubric. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric.	Đoạn văn của học sinh

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS tái hiện văn bản bằng một hình thức nghệ thuật phù hợp với năng lực.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Tác phẩm nghệ thuật mang tính sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Tái hiện lại cảnh ngắm trăng và cảnh khuya bằng một hình thức nghệ thuật phù hợp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS kết nối với cuộc sống, tìm hiểu thêm những thông tin về tác phẩm và sáng tạo sản phẩm của nhóm hoặc cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chụp sản phẩm hoặc quay clip giới thiệu sản phẩm rồi nộp vào nhóm zalo của lớp hoặc gửi lên CLB truyền thông, trang fanpage của trường.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV giới thiệu sản phẩm của HS nêu nhận xét, đánh giá.

4. Củng cố: Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

5. HDVN:

- Tìm đọc thêm các văn bản tiểu thuyết có cùng đề tài, chủ đề.
- Chuẩn bị bài: Nghệ thuật băm thịt gà.

****

Tuần: 23-26 *Ngày soạn: 20/1/2025*
Tiết PPCT: 68-77 *Lớp: 12a2,3*

BÀI 7
SỰ THẬT TRONG TÁC PHẨM KÍ

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự và hồi kí như: tính phi hư cấu, một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;…
- Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội.
- Hiểu được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật để vậndụng một cách hiệu quả trong giao tiếp.
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

2. Năng lực:

- Biết cảm nhận, trao đổi, trình bày ý kiến của mình về thể loại phóng sự; biết thể hiện thái độ và quan điểm cá nhân về một số chi tiết tiêu biểu trong phóng sự.
- Biết trình bàu một ý kiến về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận liên quan đến tuổi trẻ.

3. Về phẩm chất: Có cái nhìn tỉnh táo về hiện thực; biết trân trọng những quyết đinh, hành động hướng về lí tưởng cao đẹp.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC
Tiết 68-70 - VĂN BẢN 1: NGHỆ THUẬT BĂM THỊT GÀ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Khái niệm và đặc điểm của thể loại phóng sự, hồi kí
- Cách đọc phóng sự, hồi kí.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua việc thảo luận nhóm, nhận xét kết quả của nhóm khác/bạn
- Năng lực tự chủ và tự học thể hiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, phần chuẩn bị bài ở nhà
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện qua việc biết phân tích, đánh giá vấn đề; hình thành kết nối các ý tưởng.

2.2. Năng lực đặc thù

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự và hồi kí như: tính phi hư cấu, một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ đánh giá của người viết,...
- Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội
- Hiểu được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật để vận dụng một cách hiệu quả trong giao tiếp.
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

3. Về phẩm chất: Có cái nhìn tỉnh táo về hiện thực; biết trân trọng những quyết định, hành động hướng về lí tưởng cao đẹp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV, KHBD Máy chiếu, máy tính; Phiếu học tập; Giấy A4, bảng phụ…

2. Học liệu : Tri thức ngữ văn và văn bản: Nghệ thuật băm thịt gà (Ngô tất Tố)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú về bài học; Nhận biết được chủ điểm của bài học; Nhận biết được nhiệm vụ học tập chính của phần Đọc.

b. Nội dung: HS thảo luận và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: suy nghĩ ,nhận xét của học sinh về từ nghệ thuật và nghệ sĩ.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Nội dung 1: Tìm hiểu chủ điểm bài học
* Chuyển giao nhiệm vụ
Cách 1. (1) Yêu cầu học sinh lấy giấy note và liệt kê những từ khóa thể hiện suy nghĩ của em về cụm từ “sự thật”, “trang viết”. Theo em, nhưng thể loại văn học nào đặc biệt chú trọng đến chất liệu là hiện thực cuộc sống? Kể tên một vài văn bản thuộc thể loại kí đã học ở chương trình Ngữ văn THCS và lớp 11.
Cách 2. HS thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau đây
(1) Hoàn thành cột K và cột W theo hướng dẫn sau:
<table>
<tr><th>K
(Những điều em đã biết về thể loại kí)</th><th>W
(Những điều em muốn biết thêm về thể loại kí)</th><th>L
(Những điều em đã học được về thể loại kí)</th></tr>
<tr><td>- Em đã biết gì về thể loại kí?
- Em đã từng đọc/học văn bản kí nào?
- Kể tên một số thể loại kí mà em nhớ.</td><td>- Em muốn biết thêm gì về thể loại kí?</td><td></td></tr>
</table>
</td><td>Câu trả lời của học sinh.</td></tr>
</table>

(2) Theo em, ngoài lĩnh vực nghệ thuật chuyên nghiệp, người ta thường dùng từ "nghệ thuật" và "nghệ sĩ" để chỉ hoạt động hoặc con người như thế nào? * ***Thực hiện nhiệm vụ:*** HS lắng nghe câu hỏi, cá nhân/thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi. Sử dụng giấy note để ghi ngắn gọn câu trả lời * ***Báo cáo, thảo luận:*** GV gọi 1 - 3 HS trình bày. * ***Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét câu trả lời của HS, giới thiệu chủ điểm của bài học.	
Nội dung 2: Xác định nhiệm vụ học tập ****Chuyển giao nhiệm vụ:*** *? Đọc lướt nhan để bài học, yêu cầu cần đạt, các văn bản sẽ học và xác định nhiệm vụ học tập chính của phần đọc* * ***Thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân, đọc SGK và trả lời câu hỏi. * ***Báo cáo, thảo luận:*** HS trả lời theo ý kiến cá nhân. Các HS còn lại lắng nghe, bổ sung. * ***Kết luận, nhận định:*** GV kết luận, nhận định về nhiệm vụ học tập.	Chia sẻ của học sinh

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

<u>Hoạt động 1</u>. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN: PHÓNG SỰ VÀ HỒI KÍ

a. Mục tiêu: Bước đầu nhận biết được đặc điểm của thể loại phóng sự, hồi kí

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh về đặc điểm của thể loại phóng sự, hồi kí

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>* Chuyển giao nhiệm vụ : GV yêu cầu hs đọc thông tin trong phần Tri thức ngữ văn- SGK 38,39,
(1) Hoàn thành phiếu học tập số 1.
<table><tr><th colspan="3">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
TÌM HIỂU VỀ PHÓNG SỰ, HỒI KÍ</th></tr><tr><th></th><th>Phóng sự</th><th>Hồi kí</th></tr><tr><td>Giống nhau</td><td colspan="2"></td></tr><tr><td>Khác nhau</td><td></td><td></td></tr></table>
(2) Em hiểu như thế nào là ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật? Điểm giống và khác nhau giữa hai phong cách ngôn ngữ này?
* Thực hiện nhiệm vụ : HS thực hành đọc, thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập 1.</td><td>1. Phóng sự và hồi kí
<table><tr><th colspan="3">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
TÌM HIỂU VỀ PHÓNG SỰ, HỒI KÍ</th></tr><tr><th></th><th>Phóng sự</th><th>Hồi kí</th></tr><tr><td>Giống nhau</td><td colspan="2">+ Đều thuộc loại hình kí
+ Phản ánh xác thực những hiện tượng của cuộc sống (phi hư cấu).</td></tr><tr><td>Khác nhau</td><td>- Cái nhìn chân thực về một sự vật, hiện tượng, có ý nghĩa thời sự, diễn ra trong đời sống.
- Chân thực về thời gian, địa điểm, sự kiện, con người.
- Thể hiện tính chiến đấu cao
- Tác giả thường sử dụng các biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, đối thoại,...để đảm bảo tính xác thực
- Hư cấu ở mức độ nhất định (hấp dẫn)</td><td>- Kể về những sự kiện, biế trong quá khứ, tác giả là nhâ trung tâm, người tham dự chứng kiến.
- Đề cao tính xác thực.
- Mang đậm tính chủ quan.</td></tr></table>
2. Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật :
- Giống nhau:
+ Đều là phương tiện giao tiếp
+ Tồn tại ở 2 dang: nói và viết
- Khác nhau
<table><tr><td>Ngôn ngữ trang trọng</td><td>Ngôn ngữ thân mật</td></tr></table></td></tr>
</table>

* Báo cáo thảo luận: Tùy cách GV - (1) Đại diện 1-2 nhóm HS trình bày nội dung ở phiếu học tập. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - (2) Cá nhân 1-2 HS trình bày, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. * Kết luận: (1), (2) GV nhận xét, đánh giá sản phẩm học tập của HS. Trên cơ sở phần trả lời của HS, GV hướng dẫn học sinh lưu ý các từ khóa ở phần *Tri thức Ngữ văn* có liên quan đến thể loại phóng sự, hồi kí. - GV có thể thu 1 vài phiếu học tập của nhóm đôi để lấy điểm thường xuyên/điểm cộng. HS sau khi điều chỉnh theo kết luận của GV gắn PHT vào vở.	- Phạm vi giao tiếp: có tính nghi thức. - Đầy đủ thành phần; có thể tổ chức theo cấu trúc tầng bậc phức tạp - Sắc thái: lịch sự, tôn trọng	- Phạm vi giao tiếp: thường ngày. - Có thể sử dụng tiếng lóng, biệt ngữ, từ địa phương - Sắc thái: gần gũi, thân thiện.

<u>Hoạt động 2</u>. ĐỌC VĂN BẢN "NGHỆ THUẬT BĂM THỊT GÀ" - NGÔ TẤT TỐ

<u>Nội dung 1</u>. Đọc văn bản, tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Vận dụng kĩ năng đọc để đọc hiểu nội dung VB; chuẩn bị thông tin cho việc trả lời các câu hỏi phần Đọc văn bản, về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: Các câu hỏi trong ô chỉ dẫn; hoàn thành PHT2

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh theo mẫu hướng dẫn

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

(1) Ở nhà, cá nhân học sinh

- Đọc trực tiếp VB. Khi đọc, HS cần chú ý sự xuất hiện của các thẻ đọc định hướng cách tiếp cận nội dung VB ở từng vị trí phù hợp và hoàn thành thẻ đọc theo gợi ý

<table>
<tr><th>STT</th><th>Thẻ đọc</th><th>Câu hỏi gợi ý</th><th>Nội dung trả lời của HS</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Chú ý cách tác giả dẫn dắt vào không gian của câu chuyện</td><td>- Cách tác giả dẫn dắt vào không gian của câu chuyện có điểm gì đáng chú ý?
- Nêu ý nghĩa của cách dẫn dắt này.</td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>Việc đan xen giữa yếu tố miêu tả, tự sự và ngôn ngữ đối thoại có hiệu quả như thế nào?</td><td>- Chỉ ra yếu tố miêu tả, yếu tố tự sự, ngôn ngữ đối thoại trong đoạn văn.
- Việc đan xen những yếu tố này có hiệu quả như thế nào?</td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>Chú ý cách kể, miêu tả chi tiết cùng thủ pháp "gây tò mò" về quá trình băm thịt gà.</td><td>Sự kết hợp cách kể, tả cùng thủ pháp "gây tò mò" về quá trình băm thịt gà có tác dụng gì?</td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td>Các chi tiết miêu tả động tác, âm thanh khi băm thịt gà có tác dụng gì?</td><td>Trả lời như câu hỏi trong thẻ đọc 4</td><td></td></tr>
<tr><td>5</td><td>Đoạn kết tạo ấn tượng như thế nào cho người đọc?</td><td>Trả lời như câu hỏi trong thẻ đọc</td><td></td></tr>
</table>

- Tìm hiểu những thông tin cơ bản về tác giả Ngô Tất Tố, tác phẩm "Việc làng" và đoạn trích "Nghệ thuật băm thịt gà". Hoàn thành phiếu HT 2 về thông tin tác giả, tác phẩm.

</td><td>

I. Tìm hiểu chung:

<table>
<tr><th colspan="2">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM, ĐOẠN TRÍCH</th></tr>
<tr><td>1. Tác giả</td><td>a. Vài nét về cuộc đời: Ngô Tất Tố (1893 - 1954); là nhà Nho, dịch giả, nhà nghiên cứu triết học, văn học cổ
b. Sáng tác:
- Là nhà báo, nhà văn có lối viết mới mẻ, sức viết dồi dào.
- Phong cách nghệ thuật: là nhà văn hiện thực xuất sắc chuyên viết về nông thôn và người nông dân VN
- Tác phẩm tiêu biểu: SGK/44</td></tr>
<tr><td>2. Tác phẩm</td><td>- Bối cảnh ra đời: Nông thôn VN đầu thế kỉ XX
- Thể loại: Phóng sự, gồm 17 chương
- Nội dung chính: Phơi bày những hủ tục nhiêu khê, quái gở ở nông thôn và hậu quả nghiêm trọng của nó</td></tr>
<tr><td>3. Đoạn trích</td><td>- Vị trí: Thuộc chương IV của phóng sự "Việc làng"
- Nội dung chính: tái hiện cảnh "chửa hàng xóm" ở thôn quê, nổi bật là cảnh mổ lợn bằng thịt gà.</td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM, ĐOẠN TRÍCH	
1. Tác giả	a. Vài nét về cuộc đời b. Sáng tác:
2. Tác phẩm	- Bối cảnh ra đời - Thể loại: - Nội dung chính:
3. Đoạn trích	- Vị trí: - Nội dung chính:

(2) Trên lớp, GV tổ chức cho HS đọc to văn bản ở một số đoạn tiêu biểu. Sau đó, GV tổ chức cho HS trao đổi theo cặp về nội dung trong bảng TRONG KHI ĐỌC để nắm nội dung cơ bản của văn bản và giới thiệu một só thông tin về tác giả, tác phẩm, đoạn trích.

*** Thực hiện nhiệm vụ :** HS làm việc cá nhân ở nhà.

*** Báo cáo kết quả:** Đại diện cá nhân HS trả lời, HS khác lắng nghe và bổ sung.

*** Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét đánh giá sản phẩm của hs, chuẩn hóa kiến thức.

Thu 05 thẻ đọc của học sinh để lấy điểm thường xuyên số 1.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu, phân tích các đặc điểm nội dung và nghệ thuật của phóng sự "Nghệ thuật băm thịt gà", từ đó hình thành tri thức và phát triển kĩ năng đọc hiểu thể loại phóng sự

b. Nội dung: HS đọc, trả lời các câu hỏi sau khi đọc/SGK.45

c. Sản phẩm: Câu trả lời và các phiếu học tập đã hoàn thành của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<u>Nhiệm vụ 1</u>. Tìm hiểu nội dung và trình tự kể chuyện * **Chuyển giao nhiệm vụ**: HS đọc câu hỏi 1,2 SGK/45; làm việc nhóm 6HS/nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn *** Thực hiện nhiệm vụ**: Hs thảo luận, trả lời câu hỏi trên bảng phụ hoặc giấy A4. *** Báo cáo thảo luận**: Các nhóm treo sản phẩm lên bảng, đại diện 1-2 nhóm trình bày, các nhóm khắc lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần). *** Kết luận, nhận định**: GV nhận xét đánh giá sản phẩm của hs, chuẩn hóa kiến thức.	**II. Khám phá văn bản** **2.1. Nội dung và trình tự kể chuyện** *a. Nhan đề và nội dung chính*: - Nhan đề: "Nghệ thuật băm thịt gà" + Nghệ thuật: gắn với người nghệ sĩ. + Băm thịt gà: gắn với sự việc đời thường. → Hé lộ nội dung sẽ được đề cập: gợi sự bất thường, tạo ấn tượng châm biếm, mỉa mai; gợi sự tò mò, hấp dẫn người đọc - Nội dung: phản ánh một tập tục có thật ở làng quê Bắc bộ "chứa hàng xóm" và việc "chia chác cỗ theo việc làng". *b. Các sự việc chính*:

<u>Nhiệm vụ 2</u>: Tìm hiểu hiện thực được phản ánh

*** Chuyển giao nhiệm vụ**: HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi 3/SGK 45 theo gợi ý.

PHT số 3 **Tìm hiểu hiện thực được phản ánh**		
Bối cảnh diễn ra câu chuyện	Cảnh anh mõ làng băm thịt gà	Nhận xét

*** Thực hiện nhiệm vụ**: Hs thảo luận, hoàn thành phiếu học tập

*** Báo cáo thảo luận**: Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định**: GV nhận xét đánh giá sản phẩm của hs, chuẩn hóa kiến thức

Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của phóng sự "Nghệ thuật băm thịt gà"

*** Chuyển giao nhiệm vụ**: HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi 4,5/SGK 45 theo gợi ý.

2.2. Hiện thực được phản ánh

Bối cảnh diễn ra câu chuyện	Cảnh anh mõ làng băm thịt gà	Nhận xét
- Sáng sớm. - Mấy ông cụ già khăn áo chỉnh tề. - Người đến mỗi lúc một đông: già có, trẻ có, đứng bóng có; gường phản chật hết; hàng xóm vẫn lục tục kéo đến… - Nguyên liệu làm 23 mâm cỗ cho 83 người: một mâm xôi + 1 con gà + hai chai rượu.	- Lòng gà: bày vào 10 đĩa, không đĩa nào thiếu một thứ nào. - Sỏ gà pha năm, miếng nào cũng dính 1 tí mỏ. - Phao gà pha bốn, miếng nào cũng có đầu bầu, đầu nhọn. - Hai chiếc cánh gà chặt làm 10 miếng - Mình gà: băm làm 92 miếng; không giập nát, không bong da, giống như tập con cánh bướm… → Miêu tả một cánh tỉ mỉ, chi tiết từng động tác của anh mõ khi băm thịt gà (tr.43). Băm thịt gà như một nghệ thuật đã thực hiện từ lâu đời.	→ Hiện thực được phản ánh: tập tục chia phần khủng khiếp ở nông thôn Việt Nam xưa "một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp"

2.3. Đặc sắc nghệ thuật:

PHT số 4 Đặc sắc nghệ thuật			
Vai trò của ngôi kể		Giọng điệu	
Xác định ngôi kể	Vai trò	Xác định giọng điệu kể	Các yếu tố tạo nên giọng điệu
Nhận xét chung:			

*** Thực hiện nhiệm vụ**: Hs thảo luận, hoàn thành phiếu học tập

*** Báo cáo thảo luận**: Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định**: GV nhận xét đánh giá sản phẩm của hs, chuẩn hóa kiến thức

Vai trò của ngôi kể		Giọng điệu	
Ngôi kể	Vai trò	Giọng điệu	Yếu tố tạo nên giọng điệu
Người kể ngôi thứ nhất, tận mắt chứng kiến.	- Đáp ứng yêu cầu cốt lõi của thể loại phóng sự, đó là tính chân thực. Người kể trực tiếp thể hiện giọng điệu, đưa ra những lời nhận xét và miêu tả chi tiết tỉ mỉ, từ đó thể hiện thái độ phê phán của mình đối với một việc làng đầy phiền toái.	Giọng điệu hài hước, châm biếm, phê phán sâu cay: + Miêu tả tỉ mỉ cảnh mọi người ùn ùn kéo đến dự lệ làng. + Lời trữ tình ngoại đề: Con gà làm được hai chục mâm cỗ, thật là một kì công; Tôi chịu lắm, và tôi muốn dâng cho ông Mới ấy cái chức nghệ sĩ… + Miêu tả chi tiết, cận cảnh cảnh anh mõ chia phao câu, sỏ gà...	+ Lối quan sát, ghi chép tỉ mỉ, chân thực đã khái quát, châm biếm một hiện tượng điển hình của xã hội nông thôn Việt Nam xưa. + Cách miêu tả và xây dựng nhân vật anh mõ làng thuần thục, điêu luyện trong việc băm thịt gà bằng cái nhìn khách quan nhưng có ý nghĩa phê phán sâu sắc. + Cách sử dụng ngôn ngữ miêu tả cùng với những lời trữ tình ngoại đề đầy thán phục nhưng không phải là lời ngợi ca tài năng và nghệ

				thuật mà là lời châm biếm về hủ tục chia phần khủng khiếp ở làng quê Việt Nam xưa.
	Nhận xét chung: Cái nhìn chân thực của tác giả về hiện thực xã hội nông thôn VN trước 1945 → Tính chiến đấu: phản bác nhận thức sai lệch bởi những hủ tục nặng nề.			

<u>Nhiệm vụ 4</u>. Tìm hiểu Chủ đề tư tưởng, thông điệp

*** Chuyển giao nhiệm vụ**: HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi 6/SGK 45 theo gợi ý.

PHT số 5 **Chủ đề tư tưởng, thông điệp**
1. Xác định chủ đề, cảm hứng chính, thông điệp tác giả gửi gắm qua đoạn trích. - Chủ đề:…… - Cảm hứng chính: …… - Thông điệp:……
2. Theo em, những nội dung tác giả đề cập có còn có ý nghĩa với thực tiễn hiện nay không? Vì sao? ……

*** Thực hiện nhiệm vụ**: Hs thảo luận, hoàn thành phiếu học tập

*** Báo cáo thảo luận**: Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định**: GV nhận xét đánh giá sản phẩm của hs, chuẩn hóa kiến thức

2.4. Chủ đề, tư tưởng, thông điệp

- Chủ đề: Hủ tục chia chác cỗ trong việc làng trước kia ở làng quê Việt Nam.
- Cảm hứng chủ đạo: Cảm hứng phê phán, châm biếm đối với những hủ tục ở làng quê.
- Thông điệp:

+ Không nên để những hủ tục ảnh hưởng đến đời sống của con người.

+ Cần có những thái độ và hành vi đúng đắn để mộ mặt nông thôn mới ngày càng phát triển, không còn những "nghệ thuật" và "nghệ sĩ" phi lý, phản cảm.

<u>Nội dung 3</u>: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát đặc điểm cơ bản của thể loại phóng sự, cách đọc phóng sự

b. Nội dung: Giá trị của văn bản và những chú ý khi đọc văn bản phóng sự văn học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ: Từ việc khám phá văn bản "Nghệ thuật băm thịt gà", hãy nêu ánh giá chung giá trị của văn bản ở các phương diện: + Một số đặc điểm của phóng sự trong văn bản.	**III. Tổng kết** **3.1. Một số đặc điểm của phóng sự:** - *Tính thời sự*: Tác giả tái hiện một hiện tượng diễn ra trong đời sống nông thôn Việt Nam lúc bấy giờ, qua đó tác động đến nhận thức của con người trong xã hội đương thời. - *Tính xác thực*: Ghi chép chân thực, chi tiết, tỉ mĩ.

+ Cách đọc văn bản phóng sự. *** Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS suy nghĩ, đánh giá chung và rút ra những điều cần chú ý khi đọc văn bản phóng sự. *** Báo cáo thảo luận:** HS trình bày nhận định, HS khác lắng nghe, bổ sung. *** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét đánh giá sản phẩm của HS, chuẩn hóa kiến thức.	- *Tính thẩm mĩ*: Thể hiện dấu ấn phong cách cá nhân của tác giả trong bút pháp mêu tả, sử dụng ngôn ngữ, lời trữ tình ngoại đề giàu hình ảnh, cảm xúc. **3.2. Cách đọc văn bản phóng sự:** - Xác định được hiện thực được phản ánh - Tập trung vào đặc trưng của thể loại: + Tính thời sự. + Tính xác thực. + Tính thẩm mĩ. - Các phương tiện ngôn ngữ, phương thức biểu đạt. - Lưu ý cách tả, kể, thái độ của tác giả đối với hiện thực được phản ánh. - Nét riêng của tác giả, đóng góp của người viết đối với thể loại ⇨ Kết nối giữa: tác giả - văn bản - người đọc

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS rèn các kĩ năng đọc và viết qua hoạt động kết nối đọc - viết; vận dụng kiến thức đã học viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

b. Nội dung: Đoạn văn về cảm xúc, suy nghĩ của bản thân.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật của văn bản "Nghệ thuật băm thịt gà" *** Thực hiện nhiệm vụ:** GV hướng dẫn các viết, HS viết đoạn văn tại nhà Hướng dẫn hs chọn một khía cạnh nôi dung (câu chuyện lệ làng, cảnh băm thịt gà,..) hoặc nghệ thuật (cách quan sát, ghi chép tại chỗ, nghệ thuật miêu tả nhân vật, giọng điệu hài hước, châm biếm,..) để triển khai đoạn văn. - Gợi ý cách trển khai: + Giới thiệu khía cạnh đối tượng được lựa chọn làm đề tài cho đoạn văn. + Nêu vị trí, phân tích được ý nghĩa của khía cạnh đó trong việc làm nên giá trị nội dung hoặc nghệ thuật của bài phóng sự. + Nhấn mạnh đặc điểm của thể loại phóng sự được thể hiện qua khía cạnh vừa phân tích. *** Báo cáo thảo luận:** Hs đọc đoạn văn. *** Đánh giá kết quả thực hiện:** hs khác nhận xét, gv nhận xét chất lượng đoạn văn.	Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số nội dung chính của VB; Liên hệ, kết nối với VB

"Nghệ thuật băm thịt gà"

b. Nội dung: Tìm đọc ít nhất 2 tác phẩm thuộc thể loại phóng sự và chỉ ra đặc điểm của thể loại phóng sự thể hiện qua văn bản.

c. Sản phẩm: Bảng nhật kí đọc phóng sự của HS

d. Tổ chức thực hiện:

**** Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

- GV yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ sau: Tìm đọc ít nhất 2 tác phẩm thuộc thể loại phóng sự. Thời gian thực hiện: 1 tuần
- GV yêu cầu HS đọc, ghi chép lại những suy nghĩ ban đầu của bản thân về văn bản. Sau đó, chia sẻ với bạn.
- Sau thời gian 1 tuần, GV thu sản phẩm học tập để nhận xét, đánh giá; GV có thể yêu cầu HS đưa lên Padlet để cùng chia sẻ, trao đổi.

NHẬT KÍ ĐỌC PHÓNG SỰ			
STT	Tên tác phẩm - tác giả	Đặc điểm của phóng sự qua văn bản	
		Suy nghĩ ban đầu của tôi	Suy nghĩ sau khi trao đổi với bạn
1			
2			
…			

**** Thực hiện nhiệm vụ.*** HS thực hiện nhiệm vụ học tập. HS trao đổi với bạn (cùng lớp, cùng khối, bạn học trên các nhóm học tập…) và ghi chép lại sau khi trao đổi với bạn.

**** Báo cáo thảo luận***

- Nộp sản phẩm: Nộp trên Padlet và nộp trực tiếp cho GV sau 1 tuần
- HS trao đổi, góp ý, đánh giá các sản phẩm học tập của bạn trên Padlet

**** Kết luận, nhận định***

GV và HS đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập trên Padlet

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHÓM

TIÊU CHÍ	**Mức 1** **CẦN CỐ GẮNG** **(0 - 4 điểm)**	**Mức 2** **ĐÃ LÀM TỐT** **(5 - 7 điểm)**	**Mức 3** **RẤT XUẤT SẮC** **(8 - 10 điểm)**
Hình thức (2 điểm)	**0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	**1 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	**1 - 3 điểm** Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	**4 - 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 - 2 ý mở rộng nâng cao	**6 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả	**0 điểm**	**1 điểm**	**2 điểm**

nhóm (2 điểm)	Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ VIẾT ĐOẠN VĂN

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ		**KẾT QUẢ**	
		ĐẠT	**CHƯA ĐẠT**
Mở đoạn	Giới thiệu khía cạnh đối tượng được lựa chọn làm đề tài cho đoạn văn.		
Thân đoạn	Nêu vị trí, phân tích được ý nghĩa của khía cạnh đó trong việc làm nên giá trị nội dung hoặc nghệ thuật của bài phóng sự.		
	Nhấn mạnh đặc điểm của thể loại phóng sự được thể hiện qua khía cạnh vừa phân tích.		
Kết đoạn	Nhận xét, đánh giá		
Trình bày, diễn đạt	Sắp xếp ý hợp lý		
	Diễn đạt mạch lạc, rõ ràng; liên kết ý/câu chặt chẽ, từ ngữ phù hợp		

Tiết: 71,72- VĂN BẢN 2: BƯỚC VÀO ĐỜI

(Trích *Nhớ nghĩ chiều hôm* – Đào Duy Anh)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hồi kí thể hiện trong văn bản Bước vào đời của tác giả Đào Duy Anh: tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;... được thể hiện trong văn bản Bước vào đời của tác giả Đào Duy Anh. Qua đó nhận thức được bối cảnh chính trị, xã hội Việt Nam giữa thập niên hai mươi của thế kỉ XX và hoài bão của tầng lớp thanh niên trên hành trình đi tìm con đường sự nghiệp của cá nhân.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy đọc, giúp HS:

*** Đọc**

- Nắm được sự kiện, nội dung chính của tác phẩm hồi kí,…
- HS rèn luyện kĩ năng phân tích tác phẩm hồi kí (tính phi hư cấu; hiện thực được phản ánh; ý nghĩa của văn bản và bài học với người tiếp nhận;...).
- HS vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống để phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội.

*** Viết:**

- Viết bài phân tích được nét đặc sắc của tác phẩm hồi kí.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo (phân tích và đề xuất được các giải pháp một cách linh hoạt khi giải quyết vấn đề).

*** Nói - nghe**

- Trình bày và phản hồi được ý kiến của bản thân về tác phẩm hồi kí

3.Phẩm chất

- Hướng tới lối sống có lí tưởng cao cả
- Trân trọng những hành động, quyết định cao đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập hai, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ, một số tranh ảnh về tác giả Đào Duy Anh hoặc tài liệu liên quan đến tác phẩm *Nhớ nghĩ chiều hôm*.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ: Những hiểu biết của em về tác giả Đào Duy Anh và tác phẩm ***Nhớ nghĩ chiều hôm ?***

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS huy động tri thức và trải nghiệm liên quan đến bài học; tạo tâm thế chủ động để kết nối với văn bản.

b. Nội dung*:* HS thảo luận về việc định hướng nghề nghiệp và cuộc sống tương lai bằng các câu hỏi như:

- Em dự định sẽ làm nghề gì?
- Yếu tố nào quyết định đến lựa chọn của em?

c. Sản phẩm

- Câu trả lời của HS. Định hướng kết quả trả lời:
- Một số yếu tố tác động đến sự lựa chọn hướng đi tương lai của mỗi người như: đam mê và hoài bão của cá nhân, xu hướng xã hội, những tấm gương thành công,...

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung*.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi theo cặp. GV quan sát, điều hành lớp.

Bước 3 – 4. GV tổ chức cho HS thảo luận và kết luận.

GV có thể kết nối để giúp HS nhớ lại văn bản đọc ở Bài 9 (*Ngữ văn 11*, tập hai) liên quan đến việc lựa chọn nghề nghiệp của một số nhân vật để từ đó giúp HS có định hướng trả lời câu hỏi.

GV kết nối VB *Cộng đồng và cá thể* - trích *Thế giới như tôi thấy* của An-be Anh - xtanh: An-be Anh-xtanh (1879 – 1955) là nhà vật lí lí thuyết người Đức, là một trong những nhà học vĩ đại nhất mọi thời đại - Anh-xtanh là người có những đóng góp lớn

cho sự phát triển khoa học thế giới nhưng lại nghĩ đến sự mang ơn vì được sống trong cộng đồng loài người.

- Nhà khoa học thường mải mê nghiên cứu theo sự thúc đẩy lí do chuyên môn, đôi khi không nghĩ đến tính thực dụng của kết quả, nhưng ở đây An-be Anh-xtanh lại thường nghĩ đến vấn đề tình cảm, suy nghĩ và hành động của anh giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác.

-> Anh-xtanh lựa chọn và hành động hướng đến lí tưởng cao đẹp.

- GV gọi một nhóm trình bày, các nhóm còn lại góp ý
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học: *Bước vào đời* là một minh chứng cho sức ảnh hưởng to lớn của những nhân vật lịch sử (Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh) đối với cá nhân tác giả. Trong tác phẩm này, tác giả đã kể lại những kỷ niệm đẹp đẽ của mình về những lần gặp gỡ các nhân vật lịch sử nổi tiếng, và những bài học quý giá mà ông đã học được từ họ.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Giúp HS khám phá và hình thành kiến thức về một số đặc điểm nội dung và nghệ thuật của hồi kí *Bước vào đời*, từ đó phát triển kĩ năng đọc hiểu thể loại hồi kí.

b. Nội dung

HS đọc và khám phá văn bản *Bước vào đời* qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập). https://www.youtube.com/watch?v=tU3oWJClahI https://vanhoavaphattrien.vn/video-giao-su-dao-duy-anh *** Giao nhiệm vụ:** Yêu cầu HS hoàn thành Phiếu học tập số 1 **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm (đã chuẩn bị ở nhà). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày nhanh 1 phút về tác giả và tác phẩm. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	**I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm** **1. Tác giả Đào Duy Anh** **a. Tiểu sử** - Giáo sư Đào Duy Anh (1904-1988) tại Thanh Hóa - Là học giả có nhiều đóng góp quan trọng trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu. - Ông được xem là những người đặt nền móng cho nhiều ngành khoa học xã hội ở Việt Nam. Ở lĩnh vực sử học, ông có đóng góp nổi bật với nhiều công trình có giá trị về lịch sử Việt Nam. **b. Sự nghiệp văn học** **Các tác phẩm tiêu biểu:** *Hán Việt từ giản yếu (1932), Việt Nam văn hóa sử cương (1938), Khảo luận về Kim Văn Kiều (1943), Nguồn gốc dân tộc Việt Nam (1950), Đất nước Việt Nam qua các đời (1964), Từ điển Truyện Kiều (1974), Chữ Nôm – nguồn gốc, cấu tạo diễn biến (1975)…* **c.Vị trí và đóng góp**

- Mở rộng thêm (nếu cần): Hồi ký của Giáo sư Đào Duy Anh thuật lại một phần cuộc đời hoạt động chính trị với vai trò Tổng bí thư Đảng Tân Việt và hoạt động khoa học trải dài nhiều lĩnh vực: lịch sử, văn hóa, biên soạn từ điển, nghiên cứu lịch sử địa lý... Bên cạnh đó, tác giả cũng dành một số chương bàn về Trí thức Việt Nam với dân tộc, Vận mệnh và sứ mệnh của dân tộc, Thanh niên tương lai của dân tộc... Nhìn lại cuộc đời mình, Giáo sư Đào Duy Anh tự đánh giá: **"Người ta có biết tôi cũng chỉ ở lịch sử dân tộc, mà có buộc tội tôi cũng chỉ ở lịch sử dân tộc".** *** Giao nhiệm vụ** : Yêu cầu HS đọc văn bản. Hướng dẫn đọc bài: đọc với giọng khi băn khoăn, lo lắng, khi hăm hở, sôi nổi, quyết tâm… + Yêu cầu HS chú ý các thẻ đọc trong SGK - 1 HS thực hiện nhiệm vụ đọc to, các HS khác đọc theo dõi, tưởng tượng - HS trình bày nội dung các thẻ đọc - GV yêu cầu HS đọc SGK tr 49 và đặt câu hỏi: Em hãy trình bày về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời, nội dung tác phẩm, vị trí đoạn trích?	- Đào Duy Anh được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí minh năm 2000 được ghi tên vào bộ từ điển *La-rút-xơ- Larrousse (Pháp)* với tư cách là một nhà bách khoa toàn thư của thời hiện đại **2. Văn bản "Bước vào đời"** **2.1 Đọc văn bản** **2.2 Những nét chung** **a. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** - Hồi kí " ***Nhớ nghĩ chiều hôm*"** được viết xong năm 1972 và hoàn thành năm 1974 **b. Nội dung**: thuật lại những chặng đường chính trong cuộc đời hoạt động chính trị, văn hóa và khoa học của ông. Tác phẩm cũng chứa đựng nhiều suy tư về mối quan hệ giữa tri thức Việt Nam với dân tộc, về sứ mệnh của thanh niên Việt Nam với tương lai đất nước. **c. Vị trí đoạn trích:** Đoạn trích thuộc phần đầu của cuốn hồi kí, kể về sự kiện đánh dấu giai đoạn " bước vào đời" của tác giả.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu: HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hồi kí thể hiện trong văn bản *Bước vào đời* của tác giả Đào Duy Anh

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

(HS cần đọc trước văn bản ở nhà, đồng thời hoạt động đọc văn bản cần được tổ chức trong lớp để tạo không khí cho HS trước khi tìm hiểu chi tiết về văn bản)

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Các nhóm điền các phiếu học tập và bốc thăm lên trình bày

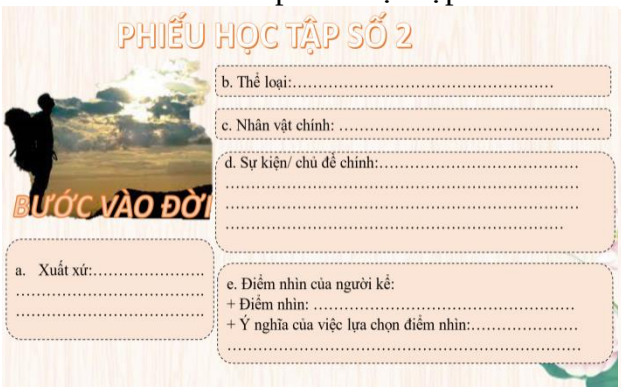

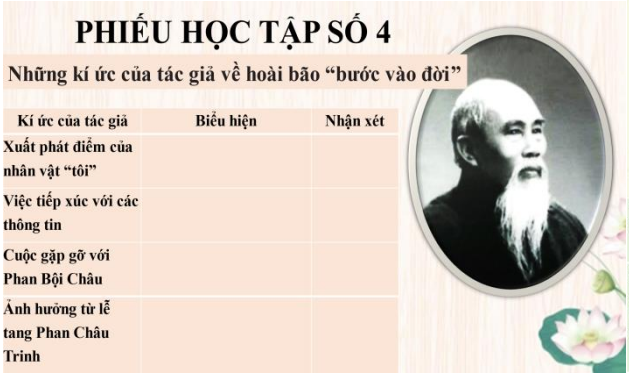

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Những kí ức của tác giả về hoài bão "bước vào đời"

Kí ức của tác giả	Biểu hiện	Nhận xét
Xuất phát điểm của nhân vật "tôi"		
Việc tiếp xúc với các thông tin		
Cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu		
Ảnh hưởng từ lễ tang Phan Châu Trinh		

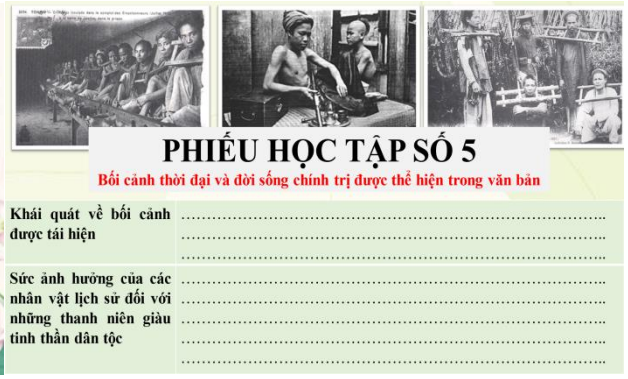

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Bối cảnh thời đại và đời sống chính trị được thể hiện trong văn bản

Khái quát về bối cảnh được tái hiện	....
Sức ảnh hưởng của các nhân vật lịch sử đối với những thanh niên giàu tinh thần dân tộc	....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Vai trò của yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản

Yếu tố	Biểu hiện	Vai trò
Miêu tả		
Biểu cảm		

BƯỚC VÀO ĐỜI

2.3: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu trích đoạn *Bước vào đời* theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

- Nhận biết, phân tích được sự kết hợp giữa miêu tả và biểu cảm trong hồi kí qua trích đoạn *Bước vào đời*; bối cảnh thời đại và đời sống chính trị được thể hiện trong văn bản; Tính phi hư cấu của nội dung văn bản: Những kí ức của tác giả về hoài bão "bước vào đời"
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản *Bước vào đời*

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung*.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm, dựa trên phiếu đọc của cá nhân để hoàn thành phiếu đọc chung của nhóm.

Bước 3. Các nhóm trình bày sản phẩm đọc (từng nhóm thuyết trình hoặc theo hình thức "phòng tranh").

Bước 4. GV nhận xét, bổ sung, định hướng hoàn thành các nội dung đọc hiểu văn bản (thống nhất theo từng mục).

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm : **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 – như trên** **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm cặp đôi **Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS**	**II. Khám phá văn bản** **1. Thể loại, nhân vật chính, chủ đề, điểm nhìn của người kể** **1.1. Thể loại**: Hồi kí. **1.2. Nhân vật chính:** Nhân vật "tôi", người trực tiếp kể lại hồi ức. **1.3. Chủ đề/ sự kiện chính**: Kí ức về giai đoạn "bước vào đời" của tác giả.

<table>
<tr>
<td>

báo cáo kết quả thảo luận
Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, chốt vấn đề.

</td>
<td>

1. 4. Điểm nhìn của người kể:
– Câu chuyện được kể từ điểm nhìn: Tác giả không chỉ xuất phát từ điểm nhìn cá nhân mà còn từ điểm nhìn thời đại.
– Ý nghĩa của việc lựa chọn điểm nhìn: Ngoài việc nói về sự lựa chọn của cá nhân, đoạn trích còn đề cập sự lựa chọn của tầng lớp thanh niên trí thức lúc bấy giờ, với sức ảnh hưởng lớn từ những nhà yêu nước, cách mạng tiền bối.

</td>
</tr>
<tr>
<td>

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS thảo luận theo bàn :
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 – như trên
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm b
Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả thảo luận
Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, chốt vấn đề.

</td>
<td>

2.Tính phi hư cấu của văn bản
- Khái niệm: Thuật lại những sự kiện, sự việc có thật.
- Biểu hiện trong văn bản: Những sự kiện, chi tiết tái hiện bối cảnh lịch sử, nhân vật mang dấu ấn lịch sử, câu chuyện được kể lại, các mốc thời gian,…
- Tác dụng
+ Làm sống lại những kí ức chân thật về một đoạn đời của mình hoặc của lịch sử đất nước, dân tộc.
+ Bên cạnh đó, tác giả có thể sắp xếp, bố trí các sự kiện theo mạch truyện và điểm nhìn riêng để tăng tính hấp dẫn.

</td>
</tr>
<tr>
<td>

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm
Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả thảo luận
Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, chốt vấn đề.

</td>
<td>

3.Những kí ức của tác giả về hoài bão bước vào đời

<table>
<tr><th>Kí ức của tác giả</th><th>Biểu hiện</th><th>Nhận xét</th></tr>
<tr><td>Xuất phát điểm của nhân vật “tôi”</td><td>Dạy ở trường tiểu học tỉnh lị Quảng Bình, trong bầu không khí “êm đềm uể oải”; mong muốn một nơi có sinh hoạt văn hoá rộng rãi hơn.</td><td rowspan="2">Bản thân tác giả đã mang trong mình hoài bão làm những việc lớn lao, lại được sống trong một thời đại có nhiều sự kiện tác động đến đời sống</td></tr>
<tr><td>Việc tiếp xúc với các thông tin</td><td>Qua báo chí, với những tin tức về các sự kiện lớn liên quan đến các nhân vật lịch sử (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh) đã đem đến một luồng suy nghĩ mới cho</td></tr>
</table>

</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr><td rowspan="3"></td><td></td><td>tác giả.</td><td rowspan="3">chính trị lúc bấy giờ, đó là động lực dẫn đến những quyết định trọng đại trong cuộc đời của tác giả</td></tr>
<tr><td>Cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu</td><td>Những ấn tượng, cảm xúc từ bài phát biểu của cụ Phan dẫn đến quyết định thay đổi cuộc đời của nhân vật “tôi”: “quyết định đi Sài Gòn để viết báo”.</td></tr>
<tr><td>Ảnh hưởng từ lễ tang Phan Châu Trinh</td><td>Những lời ca tụng trong bài Văn tế cụ Phan Châu Trinh càng thúc giục tác giả làm những điều cao cả theo tấm gương của những nhà cách mạng.</td></tr>
<tr><td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS thảo luận theo bàn : PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5 – như trên
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm
Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả thảo luận
Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, chốt vấn đề.</td><td colspan="3">4. Bối cảnh thời đại và đời sống chính trị được thể hiện trong văn bản:
– Khái quát về bối cảnh được tái hiện: Một giai đoạn lịch sử; đời sống chính trị xã hội Việt Nam giữa thập niên hai mươi của thế kỉ XX.
– Sức ảnh hưởng của các nhân vật lịch sử đối với những thanh niên giàu tinh thần dân tộc: Đoạn trích đã nhắc đến Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu, đặc biệt là sự xuất hiện của Phan Bội Châu tại trụ sở Hội Quảng tri. Những sự kiện gắn với hai nhân vật lịch sử này đã có tác động sâu sắc đến suy nghĩ, sự lựa chọn và hành động của đông đảo tầng lớp thanh niên giàu tinh thần dân tộc, trong đó có Đào Duy Anh</td></tr>
<tr><td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6 – như trên
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm
- GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- GV gọi 2 HS trình bày kết quả.
- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung
Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV chuẩn kiến thức.</td><td colspan="3">5.Vai trò của yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản
<table>
<tr><th>Yếu tố</th><th>Biểu hiện</th><th>Vai trò</th></tr>
<tr><td>Miêu tả</td><td>Nói về cảnh sinh hoạt tại trụ sở Hội Quảng tri ở phần đầu văn bản; thể hiện tập trung ở đoạn văn nói về sự kiện Phan Bội Châu đến dự cuộc tiếp đón tại địa điểm nêu trên.</td><td>Tạo ấn tượng về các sự việc, nhân vật; chất văn cho những hồi ức được kể lại; đem đến cảm xúc và sức hấp</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

		Biểu cảm	Kết hợp với yếu tố miêu tả về Phan Bội Châu; đoạn văn cuối nói về cảm xúc của tác giả khi nghe những câu văn trong bài *Văn tế cụ Phan Châu Trinh.*	dẫn cho người đọc khi tiếp xúc với văn bản.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Qua đoạn trích, em rút ra bài học gì về sự lựa chọn hướng đi khi đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ (cá nhân) - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**6. Bài học về sự lựa chọn hướng đi khi đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời:** - Đối tượng lựa chọn không chỉ đơn giản là một nghề nghiệp, một công việc mà còn là một lí tưởng, một hướng đi đúng đắn. - Với tư cách là một thanh niên thế hệ mới, mỗi người cần suy nghĩ đến con đường mình sẽ đi để có những cống hiến cho đất nước

2.4: Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Làm việc cặp đôi - Đề xuất các ý trả lời cho từng câu hỏi và trình bày các ý đó trong 1 phút. Câu 1. Nội dung trọng tâm của văn bản là gì? Câu 2. Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01	**III. Tổng kết** **1. Nội dung:** đoạn trích "Bước vào đời" đã khắc họa một cách sinh động bức tranh đời sống chính trị - xã hội Việt Nam và cách sống của tầng lớp tri thức lúc bấy giờ. Qua đó, tác giả thể hiện lòng yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường và niềm tin vào tương lai tươi sáng của dân tộc. **2. Nghệ thuật:** ***** Tính phi hư cấu của đoạn trích hồi kí (Nội dung chân thực, chính xác) * Kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm làm tăng tính hấp dẫn của văn bản - Miêu tả không gian, thời gian: + Tác giả sử dụng những từ ngữ gợi cảm để miêu tả không gian sống của người dân Việt Nam thời bấy giờ, như: "làng quê nghèo nàn, xóm thôn tù tối", "những con đường gồ ghề, sỏi đá", "những ngôi nhà tranh xiêu vẹo"...

phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	+ Tác giả cũng miêu tả thời gian một cách cụ thể, như: "những năm tháng trước Cách mạng tháng Tám", "thời kỳ thực dân Pháp đô hộ",... - Khắc họa hình ảnh con người: + Tác giả khắc họa hình ảnh người dân Việt Nam thời bấy giờ một cách chân thực, sinh động. Đó là những người nông dân lam lũ, đói khổ, bị bóc lột, áp bức; những trí thức yêu nước, nhưng bất lực trước thực trạng xã hội; những thanh niên học sinh, sinh viên sục sôi lòng yêu nước, mong muốn được tham gia vào phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. + Tác giả cũng khắc họa hình ảnh tầng lớp thống trị, như: bọn quan lại tham nhũng, cường hào ác bá, thực dân Pháp tàn bạo,... * Sử dụng các chi tiết tiêu biểu: + Tác giả sử dụng các chi tiết tiêu biểu để thể hiện bối cảnh chính trị - xã hội Việt Nam thời bấy giờ, như: cảnh phu phen kéo xe, cảnh lính tráng đàn áp dân chúng, cảnh người dân đi mót lúa,... + Những chi tiết này tuy nhỏ bé, nhưng lại có sức gợi cao, giúp người đọc hình dung ra một cách sinh động bức tranh xã hội Việt Nam thời bấy giờ. * Sử dụng ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu: + Tác giả sử dụng ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, phù hợp với trình độ nhận thức của đại đa số người đọc. + Nhờ vậy, tác phẩm của ông có thể đến được với nhiều đối tượng độc giả, góp phần nâng cao nhận thức của họ về lịch sử dân tộc. → Kết luận: Nhờ có sự kết hợp nhuần nhuyễn các biện pháp nghệ thuật, tác giả Đào Duy Anh đã thành công trong việc gợi lại bối cảnh chính trị - xã hội Việt Nam giữa thập niên hai mươi của thế kỉ XX trong tác phẩm "Bước vào đời". Tác phẩm của ông không chỉ có giá trị về mặt nghệ thuật mà còn có giá trị về mặt lịch sử, giúp người đọc hiểu rõ hơn về quá khứ của dân tộc và từ đó thêm trân trọng hiện tại.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao. HS rèn các kĩ năng đọc và viết qua hoạt động kết nối đọc – viết.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) về chủ đề: *Khát vọng của tuổi trẻ hôm nay*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân (tại lớp hoặc ở nhà).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 1-2 HS có đoạn viết hoàn chỉnh) .
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubric.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	**0**
Nội dung	Trình bày *Khát vọng của tuổi trẻ hôm nay*	
	Bày tỏ được suy nghĩ của bản thân: + Cảm nhận về những khát khao của lớp thanh niên được đề cập trong văn bản. + Cảm nhận về bối cảnh mới và những đòi hỏi của thời đại đối với lớp thanh niên hiện nay. + Nêu những thông điệp và bài học đối với cá nhân về việc lựa chọn hướng đi, lựa chọn lí tưởng sống.	**5**
	Suy nghĩ của cá nhân và liên hệ bản thân, định hướng chung	**3**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Khát vọng của tuổi trẻ hôm nay là sự kết hợp giữa niềm đam mê cháy bỏng và khao khát tạo dựng sự nghiệp. Họ không ngần ngại đối mặt với thách thức, luôn sẵn sàng học hỏi và thích nghi để vươn tới những tầm cao mới. Tuổi trẻ ngày nay không chỉ theo đuổi thành công vật chất mà còn hướng tới sự phát triển toàn diện, cân bằng giữa công việc và cuộc sống, giữa cá nhân và cộng đồng. Họ tin tưởng vào sức mạnh của sự đổi mới và sáng tạo, không ngừng tìm kiếm cơ hội để thể hiện bản thân và đóng góp cho xã hội. Đó là thế hệ trẻ đầy năng động, sáng tạo và có trách nhiệm, luôn khao khát đạt được những giá trị đích thực trong cuộc sống.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng để thực hành đọc hiểu một văn bản hồi kí.

b.Nội dung:

Thực hành đọc hiểu văn bản *Vĩ tuyến 17* (trích *Gánh gánh… Gồng gồng...* – Xuân Phượng) trong SGK *Ngữ văn 12*, tập hai (tr. 59 – 62).

c.Sản phẩm: Nội dung đọc hiểu văn bản *Vĩ tuyến 17* của HS. Phiếu ghi chép về văn bản *Vĩ tuyến 17*

d. Tổ chức thực hiện:

Phiếu ghi chép về văn bản *Vĩ tuyến 17*		
❀	Các yếu tố thời gian, không gian; mối liên hệ giữa người ghi chép và sự việc được kể lại.	…… …… ……

❁	Sự việc, con người để lại ấn tượng sâu sắc với tác giả.	…… …… ……
❁	Hiện thực đời sống lịch sử – xã hội được phản ánh qua văn bản.	…… …… ……
❁	Cảm xúc cá nhân và văn phong của tác giả.	…… …… ……
❁	…… ……	

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung*.
Bước 2. HS thực hiện ở nhà. HS tự đọc hiểu văn bản *Vĩ tuyến 17* ngoài giờ học.
Bước 3 – 4. GV tiến hành thu lại sản phẩm phiếu ghi chép đọc hiểu của HS để đánh giá, nhận xét vào giờ học sau.

4. Củng cố:

5. HDVN:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các hồi kí có cùng đề tài, chủ đề.
- Chuẩn bị bài Thực hành tiếng Việt : Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 73: NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

– Chỉ ra được đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật, cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong các tình huống giao tiếp.
– Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong các nhiệm vụ học tập và tình huống thực tiễn liên quan đến giao tiếp cá nhân.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Năng lực đặc thù: năng lực sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mặt trong quá trình nói và viết

3. Phẩm chất:

- Yêu quý, tự hào về ngôn ngữ dân tộc và có trách nhiệm gìn giữ, phát huy sự trong sáng của tiếng Việt.
- Có ý thức sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật hiệu quả trong thực tiễn giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, máy tính.

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo.

- HS: sách giáo khoa, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài.

b. Nội dung: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Hai học sinh đóng vai nhân vật A, B lên chào hỏi, cả lớp theo dõi rồi trả lời câu hỏi: **A:** *Chào bạn! Xin giới thiệu tôi là quản lý nhà hàng ở đây. Rất hân hạnh được đón tiếp bạn trong buổi tiệc hôm nay.* **B:** *Ồ ! Chào ní, hai ta rất có duyên được gặp nhau ở đây*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như mục *Nội dung*. GV giao nhiệm vụ: Em có nhận xét gì về từ ngữ trong hai lời chào trên **Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. Học sinh thực hiện làm việc theo cặp đôi nhận xét ngôn ngữ của hai nhân vật A và B **Bước 3.** GV khuyến khích HS xung phong, gọi một HS trả lời, các HS khác bổ sung, nhận xét. **Bước 4.** GV nhận xét và kết luận như mục *Sản phẩm*. GV dẫn dắt vào bài học	*GV gợi dẫn*: Lời chào của A: + Dùng từ ngữ lịch sự, trang trọng: " chào bạn", "xin giới thiệu", "hân hạnh", "được đón tiếp" + Câu văn rõ ràng, mạch lạc, thể hiện sự tôn trọng đối với người nghe. Lời chào của B: + Dùng từ ngữ thân mật, gần gũi: "Ồ", " chào ní", "có duyên" + Câu văn ngắn gọn, thể hiện thái độ vui vẻ, thoải mái, gần gũi

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Nội dung 1: Tri thức tiếng Việt:ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.

a. Mục tiêu:

Chỉ ra được đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật, cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong các tình huống giao tiếp

b. Nội dung: HS sử dụng sách giáo khoa và vận dụng hiểu biết của bản thân tìm hiểu về đặc điểm của của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần tri thức tiếng Việt, phần Nhận biết của bài học, kết hợp hiểu biết của mình trả lời các câu hỏi. - HS làm việc nhóm, lập bảng làm rõ sự khác biệt của **ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật** trên 3 phương diện: ngữ cảnh giao tiếp, thái độ chủ	**I. Tri thức tiếng Việt** **<u>1. Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật</u>** -Ngôn ngữ trang trọng là phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong ngữ cảnh giao tiếp có tính nghi thức, tồn tại ở cả dạng viết và nói. Trong phong cách ngôn ngữ này, chủ thể phát ngôn thường dùng những từ ngữ, câu thể hiện các ý tưởng, thông tin khách quan và thái độ lịch sự, tôn trọng đối với người tiếp nhận. Câu trong ngôn ngữ trang trọng thường đầy đủ thành phần và có thể được tổ chức theo cấu trúc tầng bậc

<table>
<tr>
<td>
thể, đặc điểm ngôn ngữ.
B2. Thực hiện nhiệm vụ
- HS đọc sách, trả lời các câu hỏi
- HS hoạt động nhóm
B3. Báo cáo thảo luận
- HS trả lời câu hỏi
- Đại diện 1 nhóm trả lời, các nhóm khác góp ý, bổ sung.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
Giáo viên đánh giá kết quả, chốt kiến thức.
</td>
<td>
phức tạp
-Ngôn ngữ thân mật là phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp thường ngày, tồn tại ở cả dạng viết và nói. Trong ngôn ngữ thân mật, chủ thể phát ngôn thường dùng những từ ngữ, câu thể hiện thái độ thân thiện, gần gũi với người tiếp nhận: ở một số trường hợp đặc biệt, có thể dùng tiếng lóng, biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương Câu trong ngôn ngữ thân mật thường ngắn và có thể rút gọn thành phần.
2.Bảng so sánh sự khác biệt của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.
<table>
<tr><th>Phương diện</th><th>Ngôn ngữ trang trọng</th><th>Ngôn ngữ thân mật</th></tr>
<tr><td>Ngữ cảnh giao tiếp.</td><td>- giao tiếp có tính nghi thức,</td><td>giao tiếp thường ngày</td></tr>
<tr><td>Thái độ chủ thể</td><td>thái độ lịch sự, tôn trọng đối với người tiếp nhân</td><td>thái độ thân thiện, gần gũi với người tiếp nhận</td></tr>
<tr><td>Đặc điểm ngôn ngữ</td><td>-Từ ngữ, câu thể hiện các ý tưởng, thông tin khách quan và thái độ lịch sự, tôn trọng

-Câu trong ngôn ngữ trang trọng thường đầy đủ thành phần và có thể được tổ chức theo cấu trúc tầng bậc phức tạp</td><td>- Từ ngữ, câu thể hiện thái độ thân thiện, gần gũi ,có thể dùng tiếng lóng, biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương

–Câu trong ngôn ngữ thân mật thường ngắn và có thể rút gọn thành phần</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

2.2. Nội dung 2: Nhận biết và sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- Bài 1: HS hoạt động nhóm 2, vận dụng kết quả lập bảng ở trên để làm bài tập. (1 nhóm làm câu a, 1 nhóm làm câu b)
- Bài 2: HS hoạt động nhóm 3, vận dụng kết quả lập bảng ở trên để làm bài
</td>
<td>
II. Nhận biết và sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.
1. Thực hiện bài tập SGK
a.Thực hiện các yêu cầu 1,2 cột bên trái SGK trang 50,51.
*Bài tập 1.
a. Ngôn ngữ trang trọng vì:
-Ngữ cảnh giao tiếp nghi thức giữa lãnh đạo công ti và đối tác của công ti trong lần đầu gặp gỡ nhau.
-Lời chào thể hiện thái độ xã giao.
</td>
</tr>
</table>

tập. (1 nhóm làm câu a, 1 nhóm làm câu b,
1 nhóm làm câu c)
Bài 3, 4: HS hoạt động cá nhân

B2. Thực hiện nhiệm vụ:
HS đọc SGK, vận dụng kiến thức và làm bài.

B3. Báo cáo thảo luận
- Bài 1: 1 nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét bổ sung
- Bài 2: 1 HS báo cáo. HS khác bổ sung, góp ý.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV đánh giá và chữa bài.
- GV chốt lại kiến thức bên cột phải SGK

- Câu văn có đầy đủ thành phần.
b. Ngôn ngữ thân mật vì:
-Ngữ cảnh giao tiếp thường ngày, bạn bè làm quen với nhau.
-Lời chào thể hiện thái độ thân thiện.
-Có câu được sử dụng là câu đặc biệt.
***Bài tập 2**
a. Trường hợp 1
– Giống nhau: đều là quy định về việc sử dụng điện thoại trong giờ họp.
– Khác nhau:
+ Câu thứ nhất sử dụng ngôn ngữ thân mật, nêu thông tin dưới hình thức một câu hỏi
để nhắc nhở người tham gia cuộc họp về việc dùng điện thoại.
+ Câu thứ hai sử dụng ngôn ngữ trang trọng, nêu trực tiếp quy định sử dụng điện
thoại, cách phổ biến lịch sự, nghiêm túc ngay ở đầu cuộc họp.
b. Trường hợp 2
– Giống nhau: giới thiệu sự xuất hiện của một nhân vật quan trọng trong hội thảo.
– Khác nhau:
+ Câu thứ nhất dùng cách nói trang trọng, ngôn ngữ lịch sự (xin hân hạnh giới thiệu),
giới thiệu trực tiếp (sự có mặt của diễn giả Phạm Văn B).
+ Câu thứ hai dùng ngôn ngữ thân mật, bộc lộ tình cảm của người nói khi giới thiệu
(cùng chào đón nhân vật quan trọng nhất).
c. Trường hợp 3
– Giống nhau: thông báo một sự kiện chuẩn bị diễn ra.
– Khác nhau:
+ Câu thứ nhất dùng ngôn ngữ thân mật, tiếng lóng (bật mí).
+ Câu thứ hai dùng ngôn ngữ trang trọng, thông báo trực tiếp (Trân trọng thông báo
tới toàn thể quý vị, sự kiện quan trọng sẽ diễn ra ngay sau đây)
b. Bài tập 3

	Ngôn ngữ trang trọng	**Ngôn ngữ thân mật**
Ngôn ngữ viết	Thư xin việc gửi nhà tuyển dụng	Thư thăm hỏi bạn bè ở xa
Ngôn ngữ nói	Lời phát biểu mở đầu cuộc họp	Lời phát biểu chia tay đồng nghiệp chuyển công tác

c.Bài tập 4

	- a. Thể hiện sự thay đổi trong quan hệ giao tiếp, chẳng hạn, cùng người nói và người nghe, nhưng trong những tình huống giao tiếp khác nhau, quan hệ giao tiếp giữa họ có sự thay đổi, kéo theo đó là sự thay đổi trong cách gọi. Ví dụ, trong cuộc họp của công ty, khi phát biểu, nhân viên gọi lãnh đạo là "Tổng Giám đốc Nguyễn Văn A", nhưng khi trò chuyện trong nhóm bạn bè thì có thể chỉ gọi bằng tên riêng. -b. Thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm hoặc gây cười, chẳng hạn: Trong truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài có đoạn nói về cuộc gặp giữa Dế Mèn và họ nhà Cóc, khi nghe câu chào rất văn vẻ của thầy đồ Cóc:"Hà cớ mà nhị vị tráng sĩ du nhàn qua bản thôn?", Dế Mèn đã đáp đùa lại cũng bằng những lời hoa mỹ, khôi hài: "Thưa tiên sinh, chúng tôi đi du lịch". Lời đáp lại của Dế Mèn tỏ vẻ trang trọng nhưng lại chứa đựng thái độ châm biếm, gây cười **2. Kiến thức cần nhớ** *** Nhận biết:** - Ngôn ngữ trang trọng được sử dụng trong ngữ cảnh giao tiếp có tính nghi thức. -Ngôn ngữ thân mật được sử dụng trong giao tiếp đời thường, mang tính cá nhân hoá cao. ***Lưu ý:** -Trong một số tình huống giao tiếp (cuộc họp, hội thảo,..) cùng một nội dung thông tin(thông báo, giới thiệu,.) có thể sử dụng ngôn ngữ trang trọng hoặc ngôn ngữ thân mật tuỳ vào mục đích và đối tượng giao tiếp. -Có những ngữ cảnh đòi hỏi ngông ngữ phải trung tính, tức không mang tính trang trọng và cũng không mang tính thân mật (tài liệu nghiên cứu khoa học, giáo trình, sách giáo khoa, bản tin trên báo chí,.) ***Khi sử dụng:** - Trong giao tiếp cần căn cứ và ngữ cảnh để lựa chọn ngông ngữ cũng như mức độ của ngôn ngữ trang trọng hay thân mật - Trong một số tình huống giao tiếp, có thể có sự chuyển đổi tự nhiên giữa ngôn ngữ trang trọng hay ngôn ngữ thân mật, tuỳ thuộc vào mối quan hệ được thiết lập giữa các đối tượng giao tiếp... **-Lưu ý:** Các ví dụ a và b (BT 4) cũng cho thấy tính chất phức tạp, tinh tế trong việc chuyển đổi phong cách ngôn ngữ trang trọng và thân mật, do vậy người nói, người viết cần cân nhắc kỹ cản trong việc lựa chọn phong cách ngôn ngữ phù hợp để đạt hiệu quả giao tiếp.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng kiến thức ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân

mật.để làm những bài tập cụ thể.
b.Nội dung: HS làm các bài tập GV giao ở phiếu học tập số 1.
c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- Hoạt động cá nhân, làm bài tập luyện tập
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS vận dụng kiến thức và làm bài.
B3. Báo cáo thảo luận
- HS trao đổi bài cho nhau, nhận xét, góp ý.
- HS báo cáo. HS khác bổ sung, góp ý
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV đánh giá và chữa bài.
</td><td>
<table>
<tr><th>Phương diện</th><th>Văn bản 1</th><th>Văn bản 2</th></tr>
<tr><td>Ngữ cảnh giao tiếp.</td><td>- giao tiếp có tính nghi thức,</td><td>giao tiếp thường ngày</td></tr>
<tr><td>Thái độ chủ thể</td><td>VB là những thông điệp của tác giả đối về trách nhiệm và sứ mạng của giới trẻ với thế hệ trẻ hiện nay
Thể hiện sự nghiêm túc, trang trọng, động viên tinh thần cho giới trẻ của tác giả</td><td>VB là lo lắng, quan tâm và hi vọng của người mẹ với con gái của mình khi bước vào cổng trường đại học
Thể hiện sự thân mật gần gũi giữa mẹ với con</td></tr>
<tr><td>Đặc điểm ngôn ngữ</td><td>- Từ ngữ chọn lọc: “học sinh, sinh viên, tri thức trẻ”, “cán bộ lãnh đạo, quản lý liêm khiết có trình độ cao..”, “trách nhiệm và sứ mạng”

-Câu trong ngôn ngữ trang trọng đầy đủ thành phần
=>Đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng</td><td>- Từ ngữ thân mật: cách xưng hô: con gái yêu quý, mẹ,
Bộc lộ tình cảm trực tiếp: Mẹ vẫn lo lắng y như ngày đầu tiên, lòng mẹ xót xa,...
–Câu chan chứa tình cảm mẹ dành cho con
=>Đặc điểm của ngôn ngữ than mật</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng kiến thức ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật để làm những bài tập cụ thể.
b. Nội dung: HS thực hiện bài tập vận dụng
c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. Viết đoạn văn ngắn có sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật tương ứngvới hai tình huống sau: 1. Em được chọn làm đại diện cho HS toàn trường phát biểu trong buổi lễ khai giảng. Hãy viết lời mở đầu cho bài phát biểu này theo ngôn ngữ trang trọng. 2. Nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, em hãy viết lời chúc gửi đến GV mà mình quý mến ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS***: suy nghĩ, thảo luận, ghi vào bảng phụ. GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh. ***Bước 3: Báo cáo kết quả*** HS mỗi nhóm cử đại diện, báo cáo kết quả thảo luận. GV quan sát, hỗ trợ. ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá*** kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.	.GV chốt kiến thức:

4. Củng cố:

- Gv yêu cầu hs nhắc lại những dấu hiệu nhận biết và những lưu ý khi sử dụng của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.
- Gv nhận xét và chốt lại kiến thức bằng sơ đồ tư duy.

5. HDVN:

-Tìm đọc bài *thơ Ngài và anh, cô vờ em của* nhà thơ.S. Puskin (A.s. Puskin) do Thuý Toàn dịch. Bài thơ nói về sự chuyển đổi trong cách dùng đại từ xưng hô của hai nhân vật (từ tiếng "ngài" lịch sự, trang trọng đến tiếng "anh"gần gũi, thân thiết trong lời của người con gái;từ tiếng"cô"xa vời, khách khí đến tiếng "em"đầm ấm, mến thương trong lời của người con trai), qua đó thể hiện những cảm xúc tình yêu của hai nhân vật.

-Chuẩn bị để viết bài trong giờ viết

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc văn bản 1, và 2, hoàn thành bảng thông tin ở dưới:

Văn bản 1:

Học sinh, sinh viên, trí thức trẻ phải biết cách học để trở thành những công nhân, chuyên viên giỏi, những kĩ sư, bác sĩ, cán bộ giảng dạy xuất sắc, cung cấp cho Nhà nước những cán bộ lãnh đạo, quản lí liêm khiết có trình độ cao, có tầm nhìn xa. Bản thân học sinh và sinh viên phải tự mình khắc phục những suy nghĩ lệch lạc, những tiêu cực của mình cũng như những tệ nạn xã hội đang diễn ra trên đất nước làm cho mọi người, kể cả thanh niên hết sức bất bình, căm giận. Thái độ đúng đắn của mỗi thanh niên là phải biết đấu tranh và vượt qua những yếu kém và tiêu cực đó bằng những hành vi tích cực và bản lĩnh của người chủ xứng đáng của đất nước. Đó là trách nhiệm và sứ mạng của giới trẻ. (Nguyễn Thị Bình)

Văn bản 2:

Con gái yêu quý! Vậy là con gái của mẹ đã lớn thật rồi, cuối cùng cũng đến ngày con phải rời xa vòng tay mẹ để đi học xa nhà. Mẹ vẫn lo lắng y như ngày đầu tiên con đi nhà trẻ, con khóc mà lòng mẹ xót xa. Mẹ biết con không còn mãi bé, cô gái của mẹ đã lớn và đến lúc con phải bay đi bằng chính đôi cánh của mình, trên bầu trời cua con.Con hãy nhớ, cuộc sống không thể tránh khỏi những chông gai, nếu con coi đó là một trò chơi mạo hiểm, con sẽ thấy nó thú vị, còn nếu con nhìn nó bằng con mắt của sự bi quan, sợ hãi, nó

sẽ là con quái vật nuốt chửng con lúc nào không hay. Chỉ khi con xông pha, trải nghiệm, con mới nhận ra những điều giá trị con mong muốn. Con hãy thoải mái tham gia vào các hoạt động cùng các bạn, làm tình nguyện, đi đến những nơi mà con muốn đến nhé!

(Nguyễn Thu Hà)

Kết quả tìm hiểu

Phương diện	Văn bản 1	Văn bản 2
Ngữ cảnh giao tiếp.		
Thái độ chủ thể		
Đặc điểm ngôn ngữ		

PHẦN 3. VIẾT

Tiết 74,75: **VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

BÀN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

(Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

Thời gian thực hiện: 02 tiết

Tên giáo viên:
1. Trần Thị Thùy Giang, Trường THPT Phú Quóc, TP Phú Quốc, Kiên Giang.
2. Nguyễn Trâm Anh, Trường THPT Tân Châu, Tây Ninh

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).
- Trình bày được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ; có ý thức rèn luyện các kỹ năng, thao tác cần thiết để viết bài và biết cách trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân.

2. Về năng lực: Viết được hoàn chỉnh bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

3. Về phẩm chất: Biết cách ứng xử đối với việc phát triển, hoàn thiện bản thân và xây dựng cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ, đồ dùng khác.

2. Học liệu: SGK, SGV Ngữ văn 12, Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

TIẾT 1

a. **Mục tiêu**: Huy động kiến thức của học sinh liên quan đến yêu cầu của kiểu bài viết nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

b. Nội dung: Giới thiệu về kiểu bài viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan

đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi:

1. Đọc nội dung mục yêu cầu ở SGK (Ngữ văn 12, tập II, trang 52) và cho biết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) cần đảm bảo mấy yêu cầu? Đó là những yêu cầu nào?

2. GV đưa ra bảng đối chiếu yêu cầu của kiểu bài ở Bài 3 và Bài 7. Sau đó, HS chỉ ra điểm giống và khác nhau về yêu cầu của kiểu bài này.

<table>
<tr><th>Bài 3</th><th>Bài 7</th></tr>
<tr><td>Viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)</td><td>Viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)</td></tr>
<tr><td>Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận.</td><td>Giới thiệu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội.</td></tr>
<tr><td>Trình bày được hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; biết phối hợp hiệu quả các thao tác chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh để tăng sức thuyết phục cho bài viết.</td><td>Thể hiện được quan điểm cá nhân và đưa ra được các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục về cách ứng xử trong mối quan hệ được bàn luận.</td></tr>
<tr><td>Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận nhằm củng cố quan điểm của người viết.</td><td>Nêu được ý kiến trái chiều và phản bác bằng lập luận chặt chẽ, sắc bén.</td></tr>
<tr><td>Kết bài gây ấn tượng đối với người đọc, thúc giục tuổi trẻ hành động.</td><td>Khẳng định được tầm quan trọng của cách ứng xử đối với việc phát triển, hoàn thiện con người cá nhân và xây dựng cộng đồng.</td></tr>
</table>

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe yêu cầu của GV,
- Hs thảo luận nhóm 2hs hoặc theo bàn; sau đó suy nghĩ và

</td><td>

Câu 1:

- Bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) cần đảm bảo 4 yêu cầu.
- Đó là những yêu cầu sau:

+ Giới thiệu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội.

+ Thể hiện được quan điểm cá nhân và đưa ra được các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục về cách ứng xử trong mối quan hệ được bàn luận.

+ Nêu được ý kiến trái chiều và phản bác bằng lập luận chặt chẽ, sắc bén.

+ Khẳng định được tầm quan trọng của cách ứng xử đối với việc phát triển, hoàn thiện con người cá nhân và xây dựng cộng đồng.

Câu 2:

<table>
<tr><td colspan="2">Giống nhau:
- Thuộc kiểu bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.</td></tr>
<tr><td colspan="2">Khác nhau</td></tr>
<tr><td>- Vấn đề nghị luận: những hoài bão, ước mơ</td><td>- Vấn đề nghị luận: cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội</td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

nêu câu trả lời. **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV mời đại diện nhóm HS chia sẻ trước lớp. - GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá. - GV dẫn vào bài học: *Ở thời đại nào, cuộc sống của mỗi cá nhân cũng không thể tách rời các mối quan hệ gia đình và xã hội. Hình thành cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp trong các mối quan hệ ấy có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển, hoàn thiện con người cá nhân, nhất là với tuổi trẻ. Và trong khuôn khổ tiết học ngày hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu cách viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. Cụ thể hơn là nghị luận về cách ứng xử của giới trẻ trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.*	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu chung về kiểu bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

a. Mục tiêu: Bước đầu nhận biết được khái niệm, yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.

b. Nội dung:

- Khái niệm về kiểu bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm, yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS ôn lại kiến thức về kiểu bài thông qua hệ thống câu hỏi: **TRẮC NGHIỆM** ***Câu 1.*** *Tìm hiểu về khái niệm:* *Nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ một vấn đề xã hội có liên quan đế tuổi trẻ, từ đó giúp người đọc nhận thúc đúng đắn về vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp với vấn đề đó.* ***A. Đúng*** *B. Sai* ***Câu 2.*** *Điền vào chỗ trống: Kiểu bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) có bố cục ……* *A. 1 đoạn* *B. 2 phần* ***C. 3 phần*** *D. 4 phần*	**Đáp án trắc nghiệm:** Câu 1: A Câu 2: C Câu 3: C Câu 4: C Câu 5: Giải thích, phân tích, chứng minh, bác bỏ, bình luận. **I. Tri thức về kiểu bài** **1. Kiểu bài** **Nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ** là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ một vấn đề xã hội có liên quan đế tuổi trẻ, từ đó

Câu 3. *Trong phần mở bài của bài văn Nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, người viết phải nêu được vấn đề nào sau đây?* *A. Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận.* *B. Không cần thiết giới thiệu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội.* *C. Giới thiệu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội.* *D. Giới thiệu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội để khẳng định quan điểm của người viết.* ***Câu 4.*** *Trong bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), người viết:* *A. Không cần nêu ý kiến trái chiều và phản bác bằng lập luận chẽ.* *B. Việc nêu hay không nêu ý kiến trái chiều trong bài luận không quan trọng.* *C. Phải nêu được ý kiến trái chiều và phản bác bằng lập luận chặt chẽ, sắc bén.* ***Câu 5.*** *Để viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, người viết cần vận dụng linh hoạt các thao tác nghị luận. Anh/ chị hãy liệt kê tên các thao tác nghị luận ấy.* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS lắng nghe yêu cầu của GV, - HS suy nghĩ cá nhân và nêu câu trả lời. **B3. Báo cáo thảo luận:** - Đại diện HS trình bày; những HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - GV tiến hành hệ thống hoá tri thức về kiểu bài cho HS.	giúp người đọc nhận thúc đúng đắn về vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp với vấn đề đó. **2. Yêu cầu đối với kiểu bài** - Giới thiệu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội. - Thể hiện được quan điểm cá nhân và đưa ra được các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục về cách ứng xử trong mối quan hệ được bàn luận. - Nêu được ý kiến trái chiều và phản bác bằng lập luận chặt chẽ, sắc bén. - Khẳng định được tầm quan trọng của cách ứng xử đối với việc phát triển, hoàn thiện con người cá nhân và xây dựng cộng đồng. - Có bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. Cụ thể: + Mở bài: + Thân bài: + Kết bài:

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo: GIÁ TRỊ CỦA TUỔI TRẺ

a. **Mục tiêu**: Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ thông qua việc đọc, phân tích ngữ liệu tham khảo trong SGK.

b. Nội dung:

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của giáo viên.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết và trình bày.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài qua việc phân tích ngữ liệu tham khảo.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	**II. Phân tích ngữ liệu tham khảo**

- GV yêu cầu HS:

+ Đọc bài viết tham khảo trang 80/sgk.

+ Thảo luận nhóm (theo bàn) và thực hiện Phiếu học tập trong thời gian 5 phút.

PHIẾU HỌC TẬP

Câu 1	Theo anh/chị, vấn đề gì liên quan đến tuổi trẻ được nêu để bàn luận?
Câu 2	Tác giả Nguyễn Lân Dũng đã đặt mình vào vị trí nào để trình bày quan điểm về vấn đề này?
Câu 3	Hãy xác định bố cục của bài viết, các luận điểm được trình bày trong bài viết.
Câu 4	Ở từng luận điểm, sự phối hợp giữa các lí lẽ và bằng chứng được thể hiện như thế nào?
Câu 5	Hãy chỉ ra những ý kiến trái chiều được bị phản bác trong bài viết. Lí lẽ và bằng chứng được người viết dùng để phản biện có sức thuyết phục không?
Câu 6	Hãy chỉ ra các thao tác nghị luận đã được phối hợp sử dụng trong bài viết.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ học tập

B3. Báo cáo thảo luận:

- Giáo viên gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả.
- Học sinh theo dõi, đánh giá nhận xét và bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Giáo viên nhận xét, đánh giá và kết luận như dự kiến sản phẩm.

Câu 1:

Vấn được được bàn luận trong bài viết là tình yêu đôi lứa.

Câu 2:

Tác giả Nguyễn Lân Dũng đã đặt mình vào vị trí của tuổi trẻ để trình bày quan điểm về vấn đề trên.

Câu 3:

- Bố cục của bài viết:

+ Mở bài:

+ Thân bài:

+ Kết bài:

- Các luận điểm được trình bày trong bài viết:

+ So với các thế hệ trước, con người hiện đại đã có được sự bình đẳng, tự do trong tình yêu.

+ Nhưng cũng chính cuộc sống hiện đại đã làm nảy sinh không ít quan niệm về tình yêu và cách ứng xử lệch lạc, thậm chí "xấu xí" trong tình yêu.

+ Yêu không chỉ là nhớ nhung da diết, đắm say, nồng nàn mà trước hết phải biết sống có trách nhiệm với mình, với người yêu.

+ Yêu còn là phải biết sống sao cho xứng đáng với tình yêu.

+ Khi tình yêu không được đền đáp hoặc tan vỡ vì lí do nào đó, con người càng phải có trách nhiệm cao hơn để xứng đáng với tình cảm đẹp đẽ, thiêng liêng này.

Câu 4:

Ở từng luận điểm, sự phối hợp giữa các lí lẽ và bằng chứng được dùng hợp lí.

Dẫn chứng bằng cách liên hệ bản thân: "Ở trường tôi, có một đôi thường được nhiều lứa…đời thường"

Dẫn chứng thực tế từ những nhân vật nổi tiếng kết hợp với trích dẫn từ những tác phẩm văn học nổi tiếng:

+ "Trên những trang nhật kí tuổi hai mươi của Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thuỳ Trâm,… Của một người nô lệ"

+ "Tôi nhớ chàng trai với tâm hồn bị giằng xé….cho con mình"

Câu 5:

- Ý kiến đối lập đã bị phản bác với lập luận rằng: "Nhưng cũng chính cuộc sống hiện đại đã làm nảy sinh không ít quan niệm về tình yêu và cách ứng xử lệch lạc, thậm chí 'xấu xí' trong tình yêu."

	- Lý lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để phản biện rất thuyết phục. **Câu 6:** Các thao tác nghị luận đã được phối hợp sử dụng trong bài viết là: giải thích, phân tích, bình luận, chứng minh.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu:
- Nắm được yêu cầu viết một bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).
- Học sinh hiểu, biết tìm ý và lập dàn ý cho một bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).
- Học sinh biết vận dụng kiến thức, kĩ năng để hoàn thành bài viết.
- Học sinh biết đánh giá, nhận xét và chỉnh sửa để hoàn thiện bài viết của mình.

b. Nội dung:
- Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của giáo viên.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết và trình bày.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - *Để viết bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), ta cần làm những công việc gì?* - GV yêu cầu HS tìm hiểu phần chuẩn bị viết ở sgk trang 84 và nêu vấn đề: *Để viết bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) , người viết cần chuẩn bị những gì?* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc các nhân để nắm được các yêu cầu chuẩn bị. **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày kết quả làm việc. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** HS đánh giá, trao đổi, bổ sung để hoàn thiện.	**- Công việc cần làm khi viết bài nghị luận:** + Chuẩn bị viết + Tìm ý, lập dàn ý + Viết + Chỉnh sửa, hoàn thiện *** Chuẩn bị viết:** - Phải chọn đề tài có liên quan đến cuộc sống của tuổi trẻ hiện nay. - Sau khi chọn được đề tài, tiến hành tìm kiếm và thu thập tài liệu cần thiết phục vụ cho bài viết qua các kênh như: sách báo, tạp chí, internet, phiếu điều tra, … - Các đề tài có liên quan đến cuộc sống của tuổi trẻ hiện nay như: + Quan niệm sống + Định hướng tương lai + Việc học tập và rèn luyện + Cách ứng xử trong các mối quan hệ, ….

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm hiểu phần	*** Tìm ý và lập dàn ý:** **1.Tìm ý:**

tìm ý, lập dàn ý trong sgk trang 84 - 85. - GV nêu vấn đề về tìm ý: *Cần đặt những câu hỏi gì khi viết bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) ?* - GV nêu vấn đề về lập dàn ý: + *Bài nghị luận có bố cục mấy phần?* + *Em dự kiến sắp xếp các ý tìm được trong trong phần tìm ý vào bố cục này như thế nào?* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc nhóm 2 người để nắm được các yêu cầu chuẩn bị. **B3. Báo cáo thảo luận:** - Đại diện các nhóm trình bày. - Các nhóm còn lại nghe, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV quan sát, bổ sung, góp ý.	- Những câu hỏi gì khi viết bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội): + Cần giải thích điều gì ở vấn đề vừa nêu? + Có những khía cạnh nào của vấn đề cần bình luận? + Cần có định hướng hành động như thế nào sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề? - Bài luận triển khai theo cấu trúc 3 phần: + Mở bài + Thân bài + Kết bài **2. Lập dàn ý:** *** Mở bài:** + Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ + Nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó *** Thân bài:** + Giải thích vấn đề cần bàn luận + Trình bày các khía cạnh của vấn đề + Bình luận về sự đúng đắn của vấn đề + Bác bỏ ý kiến trái chiều + Định hướng hành động của bản thân *** Kết bài** + Khái quát lại ý ghĩa của vấn đề + Liên hệ với đời sống thực tại + Bài học cho bản thân

*** Viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm hiểu phần viết trong sgk trang 85 – 86 và cho biết: *khi viết bài nghị luận, người viết cần chú ý điều gì?* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc các nhân đưa ra sự lựa chọn của riêng mình. **B3. Báo cáo thảo luận:** Hs hoàn thành vào giấy để chuẩn bị cho bài viết của mình. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV quan sát, bổ sung, góp ý.	*** Viết:** - Khi viết bài nghị luận, người viết cần chú ý: + Bám sát dàn ý để triển khai. + Khi bàn, cần viết với tâm thế của người trong cuộc. + Chú ý phối hợp linh hoạt các thao tác nghị luận. + Cần triển khai vấn đề xuất phát từ góc nhìn của tuổi trẻ.

*** Chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm hiểu phần chỉnh sửa, hoàn thiện trong sgk trang 86 và cho biết: *khi chỉnh sửa và hoàn thiện bài nghị luận, người viết cần chú ý điều gì?* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc các nhân đưa	*** Chỉnh sửa, hoàn thiện:** Cần chú ý: + Mở bài: người viết đã thể hiện được quan điểm chưa? + Thân bài: đã trình bày

ra sự lựa chọn của riêng mình. **B3. Báo cáo thảo luận:** Hs hoàn thành vào giấy để chuẩn bị cho bài viết của mình. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV quan sát, bổ sung, góp ý.	đầu đủ các ý chưa? + Kết bài: đã liên hệ, đã nêu ra phương hướng hành động chưa? + Sự phối hợp của các thao tác nghị luận

TIẾT 2

Tuỳ theo tổ chuyên môn có thể tổ chức cho HS viết tại lớp hay về nhà

ĐỀ:

Trường bạn đang mở một diễn đàn bàn về vấn đề người trẻ trong bối cảnh toàn cầu hoá, có gợi ý một số đề tài cụ thể: khẳng định giá trị bản thân; hoà nhập chứ không hoà tan; những xu hướng nghề nghiệp trong tương lai; người trẻ và vai trò công dân toàn cầu; trách nhiệm của người trẻ với Tổ quốc; ... Hãy chọn một trong nhưng đề tài nêu trên (hoặc có thể đề xuất một đề tài khác) và viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của bạn.

DÀN Ý

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề: khẳng định giá trị bản thân

2. Thân bài:

- Giải thích vấn đề: Hiểu thế nào về việc khẳng định giá trị bản thân?
- Khẳng định giá trị bản thân giúp tuổi trẻ thực hiện được hoài bão của mình.
- Khẳng định giá trị bản thân là một điều không hề dễ dàng.
- Phê phán những biểu hiện tiêu cực của vấn đề
- Đề xuất phương hướng hành động.

3. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề
- Phương hướng hành động

BÀI THAM KHẢO

Giả sử một ngày nào đó, bạn nhận được một tấm bưu thiếp in hình nữ kình ngư Ánh Viên với nụ cười tươi tắn cùng tấm huy chương vàng lấpla1nh trên cổ, mặt bên kia tấm bưu thiếp là lời nhắn: " Hãy tìm ra điểm mạnh của mình và hãy biết cách tự khẳng định giá trị bản thân". Bạn sẽ suy nghĩ gì về lời nhắn đó?

Đã bao giờ bạn tự hỏi bản thân: " Tôi là ai? Tôi đến với thế giới này để làm gì? Những người xung quanh nhìn nhận tôi như thế nào?" Nếu bạn gặp khó khăn trong việc trả lời những câu hỏi này, có lẽ bạn chưa biết thế nào là tự khẳng định giá trị của mình. " Tự khẳng định giá trị của bản thân" là khi bạn tự nhận ra điểm mạnh của mình, có ước mơ, hoài bão; nỗ lực để đạt được ước mơ, hoài bão và để lại ấn tượng sâu sắc trong mắt của những người khác. Trong một xã hội phát triển nhanh chóng như hiện nay thì việc tự khẳng định mình càng trở nên quan trọng.

Giá trị của bản thân là điều khiến bạn trở nên khác biệt. Và nó cũng giúp bạn thực hiện được hoài bão của chính mình. Có thể bạn không phải là người giỏi nhất, giàu nhất nhưng bạn luôn là duy nhất. Chỉ khi bạn thực sự hiểu mình cần gì, mình giỏi ở điểm nào thì bạn mới có thể thành công. Đơn cử như tiền vệ Mê-sút Ơ-siu (Mêsut Ozil) của đội

tuyển bóng đá Đức, vốn được biết đến với tài chuyền bóng như " dọn cỗ" cho đồng đội ghi bàn. Điều này không làm cho Ơ-siu trở nên nhạt nhoà mà khiến anh trở thành cầu thủ đắt giá, liên tiếp nhận được những giải thưởng danh giá. Anh thành công là nhờ biết tự khẳng định điểm mạnh của bản thân và chứng tỏ cho người khác thấy rằng, ai cũng có thể thành công theo cách riêng của mình.

Xã hội hiện nay đòi hỏi nhiều hơn ở mỗi người, vì thế, việc khẳng định giá trị bản thân càng quan trọng. Trong buổi tư vấn tuyển sinh đại học, một vị giáo sư cho rằng, gần đây, bằng cấp không còn quá quan trọng, các nhà tuyển dụng đang hướng tới những người trẻ có đam mê nghề nghiệp và thực sự biết làm mình nổi bật. Nếu chỉ ỷ lại vào gia thế và đổ lỗi cho hoàn cảnh, bạn khó có thể thành công. Giờ đây, chính bạn là người quyết định tương lai của mình.

Tự khẳng định giá trị của bản thân không phải là điều đơn giản. Một bác sĩ muốn được người bệnh tin tưởng thì phải trải qua hàng chục năm trời học hỏi, nghiên cứu và thực tập. Nói rộng ra, tự khẳng định mình là quá trình học hỏi, rèn luyện, hoàn thiện bản thân để trở nên tốt hơn. Để một quốc gia, một cộng đồng phát triển, luôn cần những cá nhân như thế.

Đôi lúc, chúng ta thường quên mình thích gì, giỏi những gì, điểm mạnh của mình là gì. Đó là những điều có thể khiến ta thất bại. Trước vô vàn những thử thách của cuộc sống, giá trị của bản thân là gốc rễ giúp bạn đứng vững. Thế nhưng vẫn còn những người trẻ thờ ơ trước vấn đề này. Họ chấp nhận cách sống buông trôi, không nỗ lực vươn lên. Lại có một bộ phận người trẻ chọn cách khẳng định bản thân theo hướng tiêu cực, quái đảng, lập dị, tạo xcăng-đan (scandal), phát biểu gây sốc, ... Đây thực sự là những cách thể hiện sai lầm, đi ngược lại quy chuẩn và yêu cầu của cuộc sống. về thực chất, hành xử như vậy chẳng qua là dùng những cách dị biệt để trở nên "khác người"

Khẳng định giá trị bản thân là một quá trình cần được định hướng đúng đắn từ ban đầu và từ nhiều phía. Chính vì vậy, gia đình và nhà trường cần quan tâm, giúp người trẻ sớm nhận ra điểm mạnh, thiên hướng của họ qua việc tổ chức các hoạt động đa dạng trong học tập và trong cuộc sống, để họ có thể phát triển bản thân. Mỗi người trẻ cũng cần đánh thức tiềm năng của chính mình bằng cách tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, thể thao, âm nhạc, các hoạt động phục vụ cộng đồng, ... và không ngại thử thách bản thân.

Hãy hình dung, nếu trướcma18t là tấm bảng chỉ đường ghi dòng chữ: " Con đường tự khẳng định mình" thì chúng ta hãy mạnh dạn bước trên con đường đóva2 đừng bỏ cuộc. Hãy cùng nhau thực hiện những điều sau:

Tôi sẽ tìm hiểu bản thân và khẳng định giá trị của mình.

Đừng bỏ quên con người thật của bạn!

(Theo Đỗ Phương Thảo, in trong Những bài văn nghi luận xã hội chọn lọc, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr.14 - 17)

TIẾT 3

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. **Mục tiêu**: Nắm vững yêu cầu chung của kiểu bài.

b. Nội dung:

- Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của đề bài.
- Nhận xét về kết quả viết và yêu cầu sửa chữa bài viết

c. Sản phẩm: Sản phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nhắc lại kiểu *bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)* và yêu cầu cụ thể đối với kiểu bài này. - HS chuẩn bị sẵn bài nghị luận đã làm. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc các nhân. **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện 2,3 HS trình bày bài nghị luận **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét chung về tình hình bài làm của HS trong lớp. Nhận xét theo 2 phương diện: + Điểm mạnh + Điểm yếu ➔ Điểm mạnh, điểm yếu được thể hiện theo các khía cạnh: về hiểu được vấn đề nghị luận, trình bày đúng hình thức, triển khai nội dung đúng theo trình tự, mở vàke1t6 tạo ấn tượng, … Chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau theo thang đánh giá để giúp HS rút ra những kinh nghiệm cần thiết - phụ lục 1 (Rubic đánh giá). - Hướng dẫn HS tự chỉnh sửa bài viết theo phụ lục 2 (Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ).	

Phụ lục 1. Rubic đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	**1 điểm** -Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả. -Sai lỗi chính tả -Sai kết cấu bài -sử dụng không linh hoạt các thao tác nghị luận	**2 điểm** -Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu. -Trình bày cẩn thận. -Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận -Mắc lỗi chính tả không đáng kể. -sử dụng khá linh hoạt các thao tác nghị luận	**3 điểm** -Bài làm đầy đủ, chỉn chu -Trình bày cẩn thận -Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận -Không có lỗi chính tả -sử dụng linh hoạt các thao tác nghị luận Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	**1 – 4 điểm** Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	**5 – 6 điểm** Nội dung trình bày tương đối đúng, đủ và trọng tâm.	**7 điểm** Nội dung đúng, đủ và trọng tâm
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 2.

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận.		
	Nêu khái quát quan điểm và cách ứng xử của của người viết về vấn đề cần bàn luận.		
Thân bài	Giải thích vấn đề cần bàn luận liên quan đến tuổi trẻ → Nêu ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề được bàn luận.		
	Thể hiện được quan điểm và đề xuất cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp của người viết bằng hệ thống luận điểm.		
	Nêu được lí lẽ thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm.		
	Nêu được bằng chứng để làm sáng tỏ lí lẽ.		
	Đưa ra lập luận hợp lí để trao đổi với những biểu hiện tiêu cực/ ý kiến trái chiều.		
Kết bài	Khẳng định lại tầm quan trọng của vấn đề.		
	Bài học phù hợp/ Liên hệ bản thân.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Mở bài và kết bài gây ấn tượng.		
	Sắp xếp luậm, lí lẽ và bằng chứng hợp lí.		
	Đảm bảo đúng chính tả.		
	Không mắc lỗi diễn đạt (dùng từ, viết câu, …)		

4. Củng cố:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để viết một văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (*(cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).*
- HS nắm được các bước trong quy trình viết.
- HS nắm được các yêu cầu đối với kiểu bài.

5. HDVN:

- Hs chuẩn bị phần nói và nghe: **Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.**

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 76:

TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Xác định được các bước để trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).
- Trình bày được quan điểm và cách ứng xử về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội.
- Nghe hiểu và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn.

2. Về năng lực:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của bản thân.
- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

3. Về phẩm chất:

- Biết tôn trọng người đối thoại, hình thành tư duy phản biện.
- Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung:

-Gia đình là tế bào của xã hội, là nơi mỗi chúng ta tìm về sau những bộn bề, lo toan của cuộc sống. Một gia đình hạnh phúc, êm ấm là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của mỗi cá nhân và toàn xã hội.

-Học sinh cần nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện đại với nhiều áp lực và thay đổi, việc duy trì và vun đắp tình cảm gia đình đang gặp không ít thách thức, từ đó đặt ra vấn đề cần bàn luận: sự kết nối giữa các thành viên trong gia đình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

- Yêu cầu cần đảm bảo khi trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội):

- Chọn được vấn đề hấp dẫn và có ý nghĩa với tuổi trẻ.
- Bày tỏ được quan điểm cá nhân và đưa ra được cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp; kết hợp được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng phù hợp.
- Thể hiện được sự đồng cảm, thái độ tôn trọng đối với người khác.
- Biết tận dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để trình bày bài nói hiệu quả.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Gia đình là nơi bình yên, an toàn nhất trong cuộc đời của mỗi chúng ta, chỉ có ở gia đình, con người mới có thể cảm nhận được tình yêu thương và sự bao dung vô bờ bến. Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện đại với nhiều áp lực và thay đổi, việc duy trì và vun đắp tình cảm gia đình đang gặp không ít thách thức dẫn đến thực trạng các thành viên trong gia đình thiếu sự kết nối với nhau. Là một HS đồng thời cũng là một thành viên của gia đình, em suy nghĩ như thế nào về sự kết nối trong gia đình Việt hiện nay?” **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	HS có những hình dung ban đầu về cách trình bày quan điểm của mình/ đưa ra ý kiến về những vấn đề trong gia đình và xã hội.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Xác định được các bước để trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).
- Trình bày được quan điểm và cách ứng xử về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội.
- Nghe hiểu và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung:

Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị thảo luận, tranh luận và vận dụng vào một đề tài cụ thể.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, ghi chú của HS; Quá trình thảo luận, tranh luận của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ: đọc phần yêu cầu trong SGK, tóm tắt các thông tin quan trọng nhất, yêu cầu một vài HS phát biểu điều em cảm thấy cần lưu ý nhất đối với người nói – người nghe. **B2. Thực hiện nhiệm vụ**	**I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI** **1. Yêu cầu của kiểu bài** - Xác định được vấn đề cần nghị luận. - Đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân khi tham gia trình bày quan điểm về vấn đề nghị luận. - Biết thảo luận, tranh luận với các ý kiến,

- Đọc, gạch chân những yêu cầu chính trong SGK. - Ghi chép lại những định hướng chung mà GV kết luận. **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trình bày **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** - GV quan sát quá trình HS tham gia hoạt động, nhận xét, chốt ý	quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình. - Tôn trọng người đối thoại, có tinh thần cầu thị, lắng nghe; biết chấp nhận những ý kiến, quan điểm hợp lí, xác đáng. **2. Quy trình** - Bước 1: Chuẩn bị trình bày quan điểm - Bước 2: Thảo luận, tranh luận, đưa ra quan điểm cá nhân và bảo vệ quan điểm đúng đắn - Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu:

- HS chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.
- Trình bày được quan điểm và cách ứng xử về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.
- HS biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- HS biết chủ động đề xuất ý kiến, hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

b. Nội dung: Yêu cầu học sinh thực hành để rèn luyện kĩ năng nói và nghe quy trình 3 bước: Chuẩn bị thảo luận – Thảo luận – Đánh giá, rút kinh nghiệm.

c. Sản phẩm:

-Bài nói được HS thuyết trình trước lớp.

-Phiếu ghi lại nhận xét về bài nói trên các tiêu chí đã gợi ý ở hoạt động 2.

-Phần ghi chép các quan điểm được thừa nhận sau khi thảo luận của HS, Phiếu đánh giá theo nhóm và theo cá nhân của HS (Phụ lục 2,3)

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE
BƯỚC 1: CHUẨN BỊ TRÌNH BÀY	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm để chuẩn bị quan điểm cá nhân về các vấn đề được gợi ý. - GV có thể cho HS tự chọn nhóm, cho các nhóm cùng bốc thăm chọn vấn đề thảo luận. - Nhóm 1 – *Vấn đề 1:* Khái niệm và các yếu tố tạo nên sự kết nối trong gia đình Việt. - Nhóm 2 – *Vấn đề 2*: Tầm quan trọng của sự kết nối trong gia đình Việt. - Nhóm 3 – *Vấn đề 3*: Thực trạng về sự kết nối trong gia đình Việt hiện nay. - Nhóm 4 – *Vấn đề 4:* Các giải pháp để duy trì và phát triển sự kết nối trong gia đình Việt **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS hoàn thành PHT số 1 theo link Google From GV gửi trước 1 ngày diễn ra tiết học. **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trình bày PHT và phản hồi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ ở nhà, trao đổi với	**Bước 1: Chuẩn bị trình bày** - Xác định đề tài - Xác mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói, - Tìm ý (quan điểm cá nhân), lập dàn ý… ***Phiếu học tập số 1*** **Họ và tên:……** **Lớp……** ***Đề tài thảo luận:* Sự kết nối trong gia đình Việt hiện nay** ***Vấn đề 1***: Khái niệm và các yếu tố tạo nên sự kết nối trong gia đình Việt. ***Vấn đề 2***: Tầm quan trọng của sự kết nối trong gia đình Việt. ***Vấn đề 3***: Thực trạng về sự kết nối trong gia đình Việt hiện nay. ***Vấn đề 4***: Các giải pháp để duy trì và phát triển sự kết nối trong gia đình

GV qua zalo, nhóm lớp… **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** - GV quan sát quá trình HS tham gia hoạt động. - GV đánh giá qua PHT và phần phản hồi của HS	Việt. Đối tượng người nghe:…… Với đối tượng này, tôi cần có cách nói/trình bày quan điểm: …… Quan điểm của tôi lựa chọn: …… Lí do:…… Minh chứng:…… Dàn ý phần trình bày:…… Trọng tâm của phần trình bày:…… Những câu hỏi dự kiến để tương tác:…
BƯỚC 2: THẢO LUẬN	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Căn cứ vào khảo sát kết quả PHT số 1, GV tổ chức cho HS trình bày quan điểm dưới hình thức Tọa đàm về chủ đề: Sự kết nối trong gia đình Việt hiện nay. **GV** chọn 2 HS làm MC, chủ trì dẫn dắt HS đại diện các nhóm trình bày vấn đề. - MC phổ biến thời gian tối đa cho mỗi HS trình bày quan điểm, thời gian thảo luận phản biện, chốt lại vấn đề. - *Các đại diện nhóm sẽ thay phiên nhau đưa ra những quan điểm của mình về vấn đề được giao. Mỗi lượt không quá 40 giây. Trong lượt trình bày của mình, đại diện 1 nhóm có thể đưa ra luận điểm phản biện hoặc đặt câu hỏi cho nhóm các nhóm còn lại...* - Quá trình nhóm bạn trình bày, các nhóm khác lắng nghe và ghi lại phần trình bày của nhóm bạn theo bảng kiến thức. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để đưa ra các luận điểm cơ bản trong vòng 5 phút. Sau khi thời gian thảo luận kết thúc, HS bắt đầu tham gia trò chơi theo sự điều phối của người chủ trì. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Thảo luận nhóm, nêu ra một số ý kiến cá nhân (đã chuẩn bị ở nhà) để nhóm góp ý. - Lắng nghe phần phản hồi của các thành viên để rút kinh nghiệm cho bản thân. - Tiến hành trình bày và lắng nghe phần trình bày của các HS khác. **B3. Báo cáo thảo luận** - Đại diện các nhóm/cá nhân trình bày dưới sự chủ trì của MC. - Phần tranh luận, thảo luận của HS **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**	**Bước 2: Thảo luận** - ***Người nói:*** + Nêu sự hưởng ứng đối với đề tài của cuộc thảo luận + Tóm tắt và đánh giá các ý kiến đã có về vấn đề. + Nêu rõ quan điểm/ cách nhìn nhận riêng của mình và làm rõ căn cứ của quan điểm đó + Tóm tắt lại quan điểm của bản thân, nêu những điểm cần được đồng thuận, nhấn mạnh sự bổ ích của cuộc thảo luận. - ***Người nghe:*** + Nghe trên tinh thần sẵn sàng đưa ra ý kiến hồi đáp của mình + Ghi vắn tắt những điểm cần tranh luận với người nói

- GV quan sát quá trình HS tham gia hoạt động. - GV đánh giá phần trình bày của HS. Đánh giá các nhóm theo rubric, bảng kiểm	
BƯỚC 3: ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Nội dung đánh giá sẽ có 2 phần: + Đánh giá nhóm trình bày (PHT số 2) – Mỗi nhóm 1 phiếu + Đánh giá cá nhân trình bày (PHT số 3) – Mỗi HS 1 phiếu - GV yêu cầu đại diện các nhóm tiến hành trao đổi phần đánh giá của nhóm mình trước lớp; Bình chọn nhóm xuất sắc nhất và cá nhân xuất sắc nhất. -Từ đó GV rút ra kinh nghiệm chung khi trình bày quan điểm cá nhân về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Điền vào phiếu đánh giá nhóm và phiếu đánh giá cá nhân. - Trao đổi phần đánh giá của nhóm mình trước lớp để cùng nhau rút kinh nghiệm. - Chia sẻ với GV những thắc mắc/ý kiến của bản thân về bài học. **B3. Báo cáo thảo luận** - Phần đánh giá chéo theo nhóm của HS - Phần đánh giá cá nhân **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** - GV quan sát, đánh giá phần trình bày của HS	**Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm** • Lắng nghe với thái độ cầu thị và ghi chép tóm lược ý kiến, những vấn đề cần trao đổi thêm. • Dành thời gian phù hợp để trao đổi những nội dung cần thiết.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn.
- HS trình bày được quan điểm của bản thân về vấn đề, làm rõ sự tương đồng và khác biệt giữa ý kiến của bản thân với các ý kiến đã có.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ về nhà, yêu cầu HS hoàn thiện và trình bày bài nói mà em đã lựa chọn, nói cho GV, người thân hoặc bạn bè nghe; viết bài văn vận dụng.

c. Sản phẩm: Bài nói của HS được ghi âm, quay video clip hoặc trình bày trực tiếp cho GV, người thân hay bạn bè nghe. Bài viết hoàn chỉnh của HS trình bày quan điểm về vấn đề đã chọn.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp sản phẩm qua phần mềm học tập (nếu có).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, nộp sản phẩm đúng hạn, phản hồi với GV những thắc mắc, ý kiến về nhiệm vụ được giao. GV nghe/ đọc và nhận xét góp ý cho HS, cho điểm đánh giá thường xuyên nếu muốn.

Bước 3. Báo cáo thảo luận

GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV thu lại các video clip được HS ghi lại phần trình bày của mình. Nếu không có phương tiện ghi âm, GV chọn 1 – 2 HS thuyết trình vào đầu buổi học tới. Các HS còn lại nhận xét, góp ý.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá sản phẩm học tập của HS (Đoạn/ bài văn)
- GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

4. Củng cố: Vẽ sơ đồ tư duy theo 4 bước về quy trình nói và nghe về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

5. HDVN: Hoàn thành bài tập về nhà trên Padlet.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:…….

STT	**Nội dung đánh giá**	**Kết quả**	
		Đạt	**Chưa đạt**
BÀI THUYẾT TRÌNH			
1	Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc.		
2	Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày.		
	2.1. Ý nghĩa của vấn đề được thảo luận, tranh luận		
	2.2. Chất lượng của các quan điểm được trình bày (làm rõ đươc bản chất vấn đề, quan điểm riêng, việc huy động lí lẽ và dẫn chứng, tính thuyết phục, tính đúng đắn của quan điểm, tính xây dựng, nhân văn...)		
QUÁ TRÌNH NÓI			
3	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
4	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		
5	Khả năng tương tác trong thảo luận, tranh luận.		
6	Tinh thần tham gia thảo luận, tranh luận của các thành viên khác trong nhóm.		
7	**ĐÁNH GIÁ CHUNG** - Kết quả thảo luận, tranh luận (đi đến sự đồng thuận hoặc khẳng định quan điểm khác nhau về vấn đề; mức độ thuyết phục của quan điểm riêng hoặc tranh luận với ý kiến trái ngược: .... - Việc điều hành của người chủ trì:		

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:…….

STT	**Nội dung đánh giá**	**Kết quả**

		Đạt	Chưa đạt
ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE			
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa		
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		
5	**ĐÁNH GIÁ CHUNG** - Kết quả thảo luận, tranh luận (đi đến sự đồng thuận hoặc khẳng định quan điểm khác nhau về vấn đề; mức độ thuyết phục của quan điểm riêng hoặc tranh luận với ý kiến trái ngược: .... - Việc điều hành của người chủ trì:		

PHỤ LỤC 3

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được vấn đề có ý nghĩa để thuyết trình.		
2	Xác định mối liên hệ giữa vấn đề với đời sống của giới trẻ.		
3	Làm rõ được từng khía cạnh của vấn đề, đánh giá được tính tích cực hay tiêu cực của các cách nhìn nhận về vấn đề.		
4	Đảm bảo tính cụ thể, chính xác của các thông tin liên quan.		
5	Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.		
6	Đảm bảo cấu trúc bài nói.		
7	Phân bổ thời gian hợp lí cho từng phần.		
8	Phát âm chính xác, không nói ngọng.		
9	Có tương tác hiệu quả với người nghe.		
10	Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để hỗ trợ bài nói (hình ảnh, tranh minh hoạ, video clip,…).		

BÀI THAM KHẢO

Đề bài: Kết nối trong gia đình Việt hiện nay

I. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề: Tầm quan trọng của sự kết nối trong gia đình Việt.
- Nêu ý kiến tổng quan về giá trị của mối quan hệ gia đình trong văn hóa Việt Nam.

II. Thân bài:

1. Khái niệm và các yếu tố tạo nên sự kết nối trong gia đình Việt:

sự kết nối trong gia đình:

*** Khái niệm:** Kết nối trong gia đình là mối quan hệ gắn bó, yêu thương và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên.

*** Các yếu tố tạo nên sự kết nối trong gia đình Việt:**

- Tình yêu thương và sự quan tâm:

+ Cha mẹ yêu thương, chăm sóc con cái.
+ Con cái hiếu thảo, biết ơn cha mẹ.

- Giao tiếp và chia sẻ:

+ Thường xuyên trò chuyện, chia sẻ cảm xúc và suy nghĩ.
+ Lắng nghe và thấu hiểu lẫn nhau.

- Các hoạt động chung:

+ Cùng nhau tham gia các hoạt động gia đình như ăn uống, du lịch, lễ hội.
+ Tạo ra những kỷ niệm đáng nhớ cùng nhau.

- Giữ gìn và truyền thống văn hóa:

+ Tôn trọng và duy trì các giá trị văn hóa, phong tục truyền thống.
+ Dạy dỗ con cháu về nguồn gốc và lịch sử gia đình.

2. Tầm quan trọng của sự kết nối trong gia đình Việt:

- Đối với cá nhân:

+ Tạo cảm giác an toàn, được yêu thương và bảo vệ.
+ Giúp phát triển nhân cách và khả năng xã hội.

- Đối với gia đình:

+ Tạo nên một gia đình hạnh phúc, hòa thuận và bền vững.
+ Giúp giải quyết các mâu thuẫn, xung đột một cách hiệu quả.

- Đối với xã hội:

+ Góp phần xây dựng một xã hội văn minh, đoàn kết và tiến bộ.
+ Lan tỏa các giá trị nhân văn và tình yêu thương.

3. Thực trạng về sự kết nối trong gia đình Việt hiện nay

- Trong xã hội hiện đại, nhiều gia đình đang đối mặt với tình trạng các thành viên ít có thời gian dành cho nhau, sự xa cách về mặt tình cảm ngày càng tăng. Công việc bận rộn, áp lực học tập, sự phát triển của công nghệ khiến các thành viên trong gia đình ít có cơ hội giao tiếp, chia sẻ và thấu hiểu lẫn nhau.
- Hậu quả: Nếu không được giải quyết, sự thiếu gắn kết trong gia đình sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy tiêu cực. Các thành viên cảm thấy cô đơn, thiếu sự hỗ trợ và chia sẻ, dễ rơi vào trạng thái căng thẳng, stress. Trẻ em lớn lên trong môi trường gia đình thiếu tình thương dễ hình thành những hành vi lệch lạc, gây ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách và tương lai của các em.

4. Các giải pháp để duy trì và phát triển sự kết nối trong gia đình Việt:

*** Nguyên nhân** của tình trạng "mất kết nối" giữa các thành viên trong gia đình Việt đến từ nhiều yếu tố như sự thay đổi về lối sống, giá trị quan, sự tác động của môi trường xã hội và đặc biệt là sự thiếu quan tâm, đầu tư thời gian và công sức cho việc xây dựng mối quan hệ gia đình.

*** Một số giải pháp thiết thực:**

4.1. Gần gũi, chia sẻ và lắng nghe:

- Người thực hiện: Tất cả các thành viên trong gia đình, đặc biệt là học sinh.
- Cách thực hiện: Dành thời gian trò chuyện, tâm sự với ông bà, cha mẹ, anh chị em. Lắng nghe những chia sẻ, tâm tư của mọi người. Cùng nhau xem phim, đọc sách, chơi trò chơi...
- Công cụ/phương pháp hỗ trợ: Tổ chức các buổi họp mặt gia đình, đi du lịch cùng nhau, sử dụng các ứng dụng trò chuyện trực tuyến (nếu các thành viên ở xa).

- Lí giải, phân tích: Sự gần gũi, chia sẻ giúp mọi người hiểu nhau hơn, giải tỏa những căng thẳng, mệt mỏi. Khi cảm thấy được lắng nghe, thấu hiểu, mỗi thành viên sẽ cảm thấy được yêu thương, tôn trọng.
- Bằng chứng: Theo một nghiên cứu của Đại học Brigham Young (Mỹ), những gia đình có thói quen ăn tối cùng nhau thường xuyên có tỷ lệ trẻ em gặp các vấn đề về tâm lý thấp hơn.

3.2. Thể hiện tình cảm một cách chân thành:

- Người thực hiện: Tất cả các thành viên trong gia đình.
- Cách thực hiện: Nói lời yêu thương với ông bà, cha mẹ, anh chị em; giúp đỡ mọi người trong công việc nhà; tặng quà, viết thiệp, tổ chức sinh nhật...
- Công cụ/phương pháp hỗ trợ: Tự làm quà tặng, viết nhật ký gia đình, sử dụng mạng xã hội để chia sẻ những khoảnh khắc vui vẻ bên gia đình.
- Lí giải, phân tích: Những hành động nhỏ nhưng chân thành sẽ giúp lan tỏa yêu thương, tạo không khí vui vẻ, ấm áp trong gia đình.
- Bằng chứng: Theo nhà tâm lý học Gary Chapman, có 5 ngôn ngữ yêu thương: lời nói khẳng định, thời gian chất lượng, quà tặng, hành động phục vụ và tiếp xúc cơ thể. Việc hiểu và sử dụng đúng ngôn ngữ yêu thương của mỗi người sẽ giúp tình cảm gia đình thêm gắn bó.

3.3. Tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt:

- Người thực hiện: Tất cả các thành viên trong gia đình.
- Cách thực hiện: Tôn trọng sở thích, quan điểm của mỗi người. Không áp đặt, phán xét hay so sánh. Học cách thỏa hiệp, tìm tiếng nói chung.
- Công cụ/phương pháp hỗ trợ: Tổ chức các buổi thảo luận gia đình, tham gia các khóa học về kỹ năng giao tiếp, giải quyết mâu thuẫn.
- Lí giải, phân tích: Mỗi người đều có cá tính, suy nghĩ riêng. Việc tôn trọng sự khác biệt giúp giảm thiểu mâu thuẫn, tạo sự hòa hợp trong gia đình.
- Bằng chứng: Theo một nghiên cứu của Đại học California (Mỹ), những cặp vợ chồng có khả năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực thường có cuộc hôn nhân hạnh phúc hơn.

3.4. Cùng nhau xây dựng những kỷ niệm đẹp:

- Người thực hiện: Tất cả các thành viên trong gia đình.
- Cách thực hiện: Cùng nhau nấu ăn, tổ chức các bữa tiệc nhỏ, đi du lịch, tham gia các hoạt động cộng đồng...
- Công cụ/phương pháp hỗ trợ: Lập kế hoạch du lịch, tạo album ảnh gia đình, quay video lưu giữ những khoảnh khắc đáng nhớ.
- Lí giải, phân tích: Những kỷ niệm đẹp sẽ là sợi dây gắn kết các thành viên trong gia đình, giúp tình cảm thêm bền chặt.
- Bằng chứng: Một nghiên cứu của Đại học Harvard (Mỹ) cho thấy, những người có nhiều trải nghiệm tích cực với gia đình thường có cuộc sống hạnh phúc và ý nghĩa hơn.

5. Liên hệ bản thân

Bản thân em luôn cố gắng dành thời gian cho gia đình, trò chuyện và chia sẻ với bố mẹ, anh chị em những câu chuyện hàng ngày. Em cũng thường xuyên cùng gia đình tham gia các hoạt động chung như nấu ăn, xem phim, đi du lịch... Nhờ đó, tình cảm gia đình em ngày càng gắn bó và bền chặt.

III. Kết bài

Xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người. Chỉ khi gia đình hạnh phúc, mỗi cá nhân mới có thể phát triển toàn diện và đóng góp tích cực cho xã hội. Em tin rằng, bằng sự nỗ lực và cố

gắng của mỗi người, chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng một gia đình hạnh phúc, tràn ngập yêu thương.
- Kêu gọi mọi người hãy trân trọng và duy trì sự kết nối gia đình để xây dựng một gia đình hạnh phúc và xã hội tốt đẹp.

Tiết 77 – CỦNG CỐ, MỞ RỘNG. THỰC HÀNH ĐỌC: VĨ TUYẾT 17
(Trích Gánh gánh… Gồng gồng… - Xuân Phượng)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:
- Nhận biết được một số yếu tố của hồi kí qua đọc hiểu văn bản Vĩ tuyến 17 của tác giả Xuân Phượng: tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, các yếu tố không gian, thời gian, mối liên hệ của người viết với sự việc được kể lại, thái độ và đánh giá của người viết;...
- HS rèn luyện kĩ năng phân tích tác phẩm hồi kí (tính phi hư cấu; hiện thực được phản ánh; các yếu tố không gian, thời gian, mối liên hệ giưuax người viết với sự việc được kể lại, sự việc, con người để lại ấn tượng sâu sắc với người viết, hiện thực đời sống xax hội và ý nghĩa của văn bản và bài học với người tiếp nhận;...).
- HS vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống để phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo (phân tích và đề xuất được các giải pháp một cách linh hoạt khi giải quyết vấn đề).

2. Về năng lực: Giải quyết vấn đề và sáng tạo (phân tích và đề xuất được các giải pháp một cách linh hoạt khi giải quyết vấn đề).

3. Về phẩm chất: Biết trân trọng những lịch sử và những con người tạo ra lịch sử của dân tộc, hành động hướng về lí tưởng cao đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:
- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ.
- Một số tranh ảnh về tác giả Xuân Phượng hoặc tài liệu liên quan đến tác phẩm *Gánh gánh… Gồng gồng.*
- Một số tranh ảnh về Vĩ tuyến 17 những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

2. Học liệu: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập hai - Bộ sách KNTT với cuộc sống.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: HS huy động tri thức và trải nghiệm liên quan đến bài học; tạo tâm thế chủ động để kết nối với văn bản.

b. Nội dung: HS thảo luận về những mất mát đau thương của nhân dân Việt Nam trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS. Định hướng kết quả trả lời: Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ta đã thiệt hại về sức người, tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hoá, xã hội,… vô cùng nặng nề.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HV	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **Trả lời câu hỏi:** - Hậu quả của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ? - Hãy kể lại những tấm gương những bà mẹ Việt Nam, thương binh, liệt sĩ ở địa phương em? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS trả lời câu hỏi theo suy nghĩ cá nhân - GV động viên, khuyến khích HS. **B3. Báo cáo thảo luận:** - Câu trả lời của HS và ý kiến của các HS khác **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.	Học sinh trả lời câu hỏi

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu được khái quat chung về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS đọc và khám phá văn bản Vỹ tuyến 17 qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Tìm hiểu những nét chính về tác giả, tác phẩm: Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác, tóm tắt tác phẩm theo sơ đồ **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS nghe câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời các câu hỏi của GV **B3. Báo cáo thảo luận** GV gọi từ 2 – 3 HS trả lời câu hỏi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** Tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Phượng, sinh năm 1929 tại Hương Trà, Thừa Thiên Huế **Sách:** Gánh gánh... gồng gồng..., **Giải thưởng:** Giải Hội Nhà văn Việt Nam cho Văn xuôi **Đề cử:** Giải Hội Nhà văn Việt Nam cho Văn xuôi **2. Văn bản** - Xuất bản vào năm 2020, cuốn hồi ký đã gây nên một tiếng vang trong giới văn học khi đoạt 2 giải thưởng cùng lúc của Hội Nhà văn Việt Nam và Hội Nhà văn TP.HCM.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số yếu tố của hồi kí qua đọc hiểu văn bản Vĩ tuyến 17 tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, các yếu tố không gian, thời gian, mối liên hệ của người viết với sự việc được kể lại, thái độ và đánh giá của người viết;...

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và hoàn thiện PHT.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Yếu tố thời gian, không gian và mối liên hệ giữa người ghi chép và sự việc được kể lại trong tác phẩm hồi kí **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV giao nhiệm vụ cho HS - phiếu học tập số 1 (Tổ 1) **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận nhóm, chuẩn bị ở nhà, trình bày bằng bảng phụ hoặc Slide **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện tổ 1 trình bày, tổ 2, 3, 4 nhận xét chéo và bổ sung **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV: nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	**II. Khám phá văn bản** **1. Yếu tố thời gian và không gian, mối liên hệ giữa người ghi chép và sự việc được kể lại trong tác phẩm hồi kí.** *** Thời gian:** - Thời gian chính: Diễn ra trong khoảng thời gian từ năm 1954 đến năm 1975, tập trung vào thời kỳ chiến tranh Việt Nam. - Thời gian lồng ghép: + Qua lời kể của các nhân vật, ta có thể hình dung được quãng thời gian dài hơn, từ thời Pháp thuộc đến sau chiến tranh. + Có những chi tiết gợi nhớ về quá khứ, hiện tại và tương lai đan xen nhau. *** Không gian:** - Không gian chính: + Diễn ra ở nhiều địa điểm khác nhau trên khắp Việt Nam, từ vĩ tuyến 17 đến Sài Gòn, Huế, Hà Nội,... + Tập trung chủ yếu vào chiến trường và hậu phương. - Không gian khác: + Qua lời kể của các nhân vật, ta có thể hình dung được không gian rộng lớn hơn, bao gồm cả nước ngoài. + Có những chi tiết gợi nhớ về quê hương, gia đình,... * **Mối liên hệ giữa người ghi chép và sự việc:** - Người ghi chép: + Là một nhà văn, nhà báo trực tiếp tham gia vào cuộc chiến tranh. + Có mặt ở nhiều chiến trường, chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử quan trọng. - Sự việc được kể lại: + Là những câu chuyện có thật về những con người, những sự kiện trong chiến tranh Việt Nam. + Được ghi chép lại một cách chân thực, sinh động, qua góc nhìn của người trong cuộc. - Mối liên hệ: + Người ghi chép là người chứng kiến và ghi chép lại những sự kiện lịch sử. + Có mối quan hệ gắn bó với những nhân vật trong câu chuyện. + Sử dụng ngòi bút của mình để phản ánh hiện thực chiến tranh một cách chân thực, khách quan. *** Ý nghĩa:** - Các yếu tố thời gian, không gian và mối liên hệ giữa người ghi chép và sự việc được kể lại góp phần tạo nên giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo cho tác phẩm.

Nhiệm vụ 2: Sự việc, con người và hiện thực đời sống lịch sử - xã hội được phản ảnh thông qua tác phẩm hồi kí. **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV giao nhiệm vụ cho HS - phiếu học tập số 1 (Tổ 2, 3) **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận nhóm, chuẩn bị ở nhà, trình bày bằng bảng phụ hoặc Slide **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện tổ 2, 3 trình bày, tổ 1, 4 nhận xét chéo và bổ sung **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV: nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	- Giúp người đọc hiểu rõ hơn về cuộc chiến tranh Việt Nam, về những con người đã chiến đấu và hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. - Khơi gợi lòng yêu nước, lòng căm thù giặc và ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc trong mỗi người đọc. **2. Sự việc, con người để lại ấn tượng sâu sắc với tác giả.** + Sức sống mãnh liệt của người dân Việt Nam. + Sự hy sinh của lính tráng và dân thường. + Tình đồng đội và mối liên kết được hun đúc trong chiến tranh. + Những hành động tàn bạo của chiến tranh. + Niềm hy vọng hòa bình không lay chuyển. **3. Hiện thực đời sống lịch sử - xã hội được phản ánh qua văn bản.** - Nỗi đau chiến tranh: + Chiến tranh đã mang đến những đau thương, mất mát to lớn cho người dân Việt Nam. Nhiều gia đình ly tán, vợ xa chồng, con mồ côi cha mẹ. + Bom đạn tàn phá ruộng vườn, nhà cửa, khiến người dân phải sống trong cảnh màn trời chiếu đất, thiếu thốn về vật chất. + Cái chết luôn rình rập, gieo rắc nỗi sợ hãi và ám ảnh trong lòng người dân. - Lòng yêu nước, căm thù giặc: + Bất chấp chiến tranh tàn khốc, người dân Việt Nam vẫn giữ vững tinh thần yêu nước, căm thù giặc. + Họ sẵn sàng hy sinh tất cả để bảo vệ quê hương, đất nước. + Lòng yêu nước được thể hiện qua những hành động cụ thể như: tham gia quân đội, du kích, ủng hộ tiền của cho chiến tranh,... - Tinh thần đoàn kết, tương trợ: + Trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, người dân Việt Nam đã đoàn kết, tương trợ lẫn nhau để cùng nhau vượt qua. + Họ chia sẻ thức ăn, thuốc men, giúp đỡ nhau xây dựng nhà cửa, chăm sóc trẻ mồ côi,... +Tinh thần đoàn kết, tương trợ là nguồn sức mạnh to lớn giúp người dân Việt Nam chiến thắng kẻ thù. - Niềm tin vào tương lai: + Dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách, người dân Việt Nam vẫn luôn giữ vững niềm tin vào tương lai tươi sáng. + Họ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tin vào chiến thắng cuối cùng trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước.
Nhiệm vụ 3: Cảm xúc cá nhân của tác giả trong tác phẩm hồi kí. **B1. Chuyển giao nhiệm**	+ Niềm tin vào tương lai là động lực giúp người dân Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, gian khổ. - Ngoài ra, "Vĩ tuyến 17" còn phản ánh: + Sức sống mãnh liệt của con người Việt Nam trước bom

vụ - GV giao nhiệm vụ cho HS - phiếu học tập số 1 (Tổ 4) **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận nhóm, chuẩn bị ở nhà, trình bày bằng bảng phụ hoặc Slide **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện tổ 4 trình bày, tổ 1, 2, 3 nhận xét chéo và bổ sung **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV: nhận xét đánh giá câu trả lời của HS, chuẩn hóa kiến thức.	đạn tàn phá. + Hình ảnh người lính Cụ Hồ dũng cảm, kiên cường trên chiến trường. + Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh. **Kết luận:** "Vĩ tuyến 17" là một tác phẩm có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. Tác phẩm đã góp phần tái hiện một cách chân thực, sinh động hiện thực đời sống lịch sử - xã hội của người dân Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Qua đó, tác phẩm khẳng định tinh thần yêu nước, căm thù giặc, tinh thần đoàn kết, tương trợ và niềm tin vào tương lai của người dân Việt Nam. **4. Cảm xúc cá nhân và văn phong của tác giả trong tác phẩm hồi kí.** - Bằng cách sử dụng từ ngữ sâu sắc và hình ảnh sinh động, Xuân Phượng đã truyền đạt cảm xúc của mình với sức mạnh đặc biệt. - Tác giả thể hiện lòng yêu nước, niềm tự hào và sự đồng cảm sâu sắc đối với cả những người lính và dân thường trong cuộc chiến. Văn phong của bà được đặc trưng bởi tính chân thành và mạnh mẽ, rõ ràng phản ánh tinh thần và quan điểm của mình về cuộc chiến và những người tham gia vào nó.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh.

b. Nội dung: Giáo viên hỏi, học sinh làm việc cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ cho HS: Sơ đồ hóa nội dung của bài cáo Cả lớp thực hiện nhiệm vụ **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thực hiện, trình bày miệng bằng bảng phụ **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện HS trả lời, các HS khác nhận xét chéo và bổ sung **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV: nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung:** Tác phẩm đã ghi chép đa dạng các khía cạnh của cuộc sống trong chiến tranh, từ sự kiên cường và ý chí chiến đấu của người dân, cho đến những khó khăn và đau thương mà họ phải trải qua. Đó là một bức tranh đa chiều về cuộc sống trong thời kỳ chiến tranh, phản ánh sự thật về lịch sử và xã hội của Việt Nam vào thời điểm đó. **2. Nghệ thuật** - Kết hợp yếu tố không gian và thời gian trong tác phẩm kí.

4. Củng cố:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng để thực hành đọc hiểu một văn bản hồi kí.

- Vận dụng tri thức đã học về thể loại này để tập viết văn bản kí như nhật kí, kí sự, hồi kí,… theo quan điểm và cách nhìn nhận cá nhân về cuộc sống.

5. HDVN:

- Học sinh tìm đọc các văn bản kí khác nhau như "Dế Mèn phiêu lưu kí", "Cát bụi chân ai" của nhà văn Tô Hoài; "Kí sự Cao Lạng" (Nguyễn Huy Tưởng)
- Học sinh đọc "Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm" hoặc "Mãi mãi tuổi 20" của Nguyễn Văn Thạc ở thư viện trường hoặc đọc Online; sau đó viết bài văn ngắn nêu cảm nhận của bản thân khi đọc cuốn nhật kí ấy.
- Yêu cầu:

+ Hs thực hiện nghiêm túc, bài tập được thu vào tiết học tiết theo
+ Hs thực hiện nhiệm vụ ở nhà
+ Gv có thể hỗ trợ từ xa nếu hs cần tư vấn
+ Gv chấm bài, sửa bài và nhận xét cách viết, nội dung của học sinh

- Chuẩn bị bài mới đầy đủ theo các định hướng học tập theo yêu cầu.

****

Tuần: 27-31 ***Ngày soạn: 12/2/2025***
Tiết PPCT: 78-91 ***Lớp: 12a2,3***

Tiết: 78,79 KIỂM TRA GIỮA KÌ II
(ĐỀ THI TẬP TRUNG)

BÀI 8
DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc.
- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề khác.
- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin; phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- Biết tranh biện về một vấn đề đời sống (có những ý kiến trái ngược nhau); thể hiện được thái độ cầu thị khi tranh biện.
- Hiểu được các quy định liên quan đến việc sử dụng ý tưởng, thông tin hay câu chữ của người khác trong bài viết của mình để tránh vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Về năng lực:

- So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.
- Viết được thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.

3. Về phẩm chất: Có cái nhìn cởi mở, thái độ tôn trọng đối với những gì khác biệt.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 80,81

VĂN BẢN 1: PA-RA-NA (PARANA)

(Trích *Nhiệt đới buồn)* Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt (Claude Lévi-Strauss)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Biết về thông tin và ngữ liệu
- Nhận biết vai trò của dữ liệu đối với đời sống nhân loại đương đại
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- Biết được số phận của người bản địa trong lịch sử
- Hiểu được mối quan hệ giữa chính quyền thực dân và những người da đỏ bản xứ

2. Về năng lực:

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc qua văn bản Pa-ra-na
- Chỉ ra được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề khác cho văn bản Pa-ra-na
- Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin qua văn bản Pa-ra-na
- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để viết một đoạn văn về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã, tìm đọc các văn bản khác trong tác phẩm Nhiệt đới buồn

3. Về phẩm chất:

Trân trọng và có ứng xử bình đẳng với những văn hoá khác biệt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu:

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- Video, tranh ảnh liên quan

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tìm hiểu, trải nghiệm nội dung về người Anh điêng ở châu Mỹ.

b. Nội dung: Học sinh xem video giới thiệu về lịch sử và văn hóa của người Anh điêng ở châu Mỹ, thưởng thức một tác phẩm điện ảnh về người da đỏ (*Kỹ sĩ cô độc),* Sưu tập các tranh, ảnh về lịch sử, văn hoá, phong tục của người thổ dân ở châu Mỹ…

Video về người Anh điêng: **https://www.youtube.com/watch?v=o9mbR5VEdyM**

Review phim *Kỵ sĩ cô độc*: **https://www.youtube.com/watch?v=Rwy4ZJlB3Po**

c. Sản phẩm: Học sinh chia sẻ thông tin mà mình tìm hiểu được dưới dạng một audio, một video clip hoặc một bài thuyết trình ngắn vào đầu giờ học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV gửi đường link video để học	Sản phẩm trình bày của

sinh xem trước ở nhà, học sinh sưu tầm thêm thông tin, tranh ảnh về lịch sử, văn hóa, phong tục của người thổ dân ở châu Mỹ **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Làm việc theo nhóm, mỗi tổ chia thành hai nhóm, biên tập sản phẩm (theo nội dung mục c ở trên) để giới thiệu về người Anh điêng ở châu Mỹ trước lớp vào đầu giờ học. **B3. Báo cáo thảo luận:** Các nhóm trình bày, lắng nghe và phản hồi nhận xét từ nhóm bạn. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV cùng HS nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài học.	học sinh theo yêu cầu.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

e. Mục tiêu: Học sinh nắm được tri thức Ngữ văn về dữ liệu trong văn bản thông tin, có sự đối chiếu với những thông tin đã học trong SGK *Ngữ văn 10,* tập hai, SGK *Ngữ văn 11,* tập hai về văn bản thông tin và chú ý đến những thông tin mới ở bài học này.

f. Nội dung: Giáo viên giao nhiệm vụ ở nhà trước bài học:

- Hoàn thành phiếu học tập (Phiếu học tập số 1)
- Đối chiếu với những thông tin đã học trong SGK *Ngữ văn 10,* tập hai, SGK *Ngữ văn 11*, tập hai về văn bản thông tin để hệ thống được những tri thức đã học và những tri thức mới trong bài học này.

g. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh.

h. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ để học sinh chuẩn bị bài ở nhà qua phiếu học tập (như phần b. Nội dung ở trên) **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh nắm được tri thức Ngữ văn, từ đó hoàn thành nhiệm vụ học tập. **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh trình bày sản phẩm trước lớp, lắng nghe và phản hồi ý kiến của các bạn. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV cùng HS đánh giá, nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	1. Vai trò của dữ liệu trong văn bản thông tin. 2. Dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp. 3. Tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu. 4. Thư từ. 5. Tôn trong và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: PA-RA-NA (PARANA)
(Trích *Nhiệt đới buồn),* Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt (Claude Lévi-Strauss)

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Học sinh đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi sau khi đọc; giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, đọc văn bản và tóm tắt những thông tin cơ bản về tác giả, văn bản theo hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm: HS đọc văn bản rõ ràng, tóm tắt được nội dung chính về tác giả và văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ **1. Đọc:** GV hướng dẫn học sinh đọc to văn bản, chú ý đến các thẻ chỉ dẫn của văn bản. **2. Tác giả:** Tóm tắt những nét cơ bản về Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt (Claude Lévi-Strauss). **3. Tác phẩm:** Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm *Nhiệt đới buồn.* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn (phần chuyển giao nhiệm vụ). **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh trình bày sản phẩm, lắng nghe và phản hồi ý kiến từ các bạn. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV cùng HS đánh giá, kết luận.	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt là nhà nhân học, dân tộc học, triết học nổi tiếng người Pháp. - Các nghiên cứu của ông bao trùm nhiều lĩnh vực và tư tưởng của ông có ảnh hưởng sâu rộng trên thế giới. - Các công trình nổi tiếng của ông: *Những cấu trúc sơ đẳng về thân tộc* (1949), *Chủng tộc và lịch sử* (1952), *Nhiệt đới buồn* (1955)… **2. Văn bản** - Thể loại: Là tác phẩm tự truyện, du kí, đồng thời cũng là một ghi chép dân tộc học, du khảo triết học độc đáo. - Hoàn cảnh sáng tác: Tác phẩm được viết sau hai mươi năm Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt khảo sát thực địa ở Bra-xin, nơi ông có cơ hội được tiếp xúc với nền văn hóa Anh điêng đang đứng trước nguy cơ bị hủy hoại. - Giá trị: Tác phẩm đặt ra nhiều vấn đề đáng suy ngẫm về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên và về chính bản chất, lịch sử của nhân loại.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản.
- Chỉ ra được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề.
- Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin qua văn bản *Pa-ra-na.*
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản *Pa-ra-na*.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và nội dung tri thức được tiếp thu của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nhan đề, thông tin cơ bản của văn bản. **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** a. Em hiểu thế nào về nhan đề *Pa-ra-na*? Nhan đề này có liên quan gì đến nội dung văn bản? b. Đọc kĩ đoạn 2 của văn bản, tìm các mốc thời gian và sự kiện lịch sử cho thấy số phận của người Anh điêng ở khu vực nam Bra-xin để hoàn thiện Phiếu học tập số 2; từ đó, xác định đâu là ý chính, đâu là ý phụ? (Lưu ý, học sinh có thể thay đổi hình thức phiếu học tập thành dạng hình ảnh minh họa, sơ đồ tư duy…)	**II. Khám phá văn bản** **1. Nhan đề, thông tin cơ bản của văn bản.** a. Nhan đề: - *Pa-ra-na* là tên một bang nằm ở phía nam của Bra-xin, được bao phủ bởi rừng bách tán, một trong những rừng cận nhiệt đới quan trọng nhất trên thế giới. - Văn bản phản ánh lịch sử và văn hoá của người Anh điêng ở nơi đây. b. Thông tin về số phận của người bản địa trong lịch sử - Trước thời kì thuộc địa: Người Giê (Gé) sống ở toàn bộ khu vực nam Bra-xin. - Vài thế kỉ trước: Người Tu-pí chiếm vùng biển và bị xóa sổ bởi thực dân. Người Giê rút

- Từ những thông tin trên, em hãy nhận xét về số phận của người Anh điêng?

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh lần lượt trả lời câu hỏi và hoàn thiện phiếu học tập theo hướng dẫn của GV

B3. Báo cáo thảo luận

- Học sinh trả lời câu hỏi, trình bày phiếu học tập, tiếp thu và phản hồi ý kiến từ các thành viên khác và từ GV.
- Chỉnh sửa nội dung phiếu học tập, lưu giữ làm tư liệu của bài học.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV cùng HS đánh giá, chốt nội dung.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chi tiết, dữ liệu trong văn bản.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

a. Thảo luận nhanh (nhóm theo bàn) để tìm những dữ liệu cho thấy thông tin về cuộc sống người Giê dưới chế độ thực dân; từ đó, cá nhân hoàn thiện Phiếu học tập số 3.

b. Đọc kĩ lại phần Tri thức ngữ văn về dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, trả lời câu hỏi: Tìm dự liệu sơ cấp và thứ cấp trong văn bản. Dựa vào đâu em nhận ra điều đó? Giá trị của các dữ liệu đó có khác nhau không? Vì sao?

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh lần lượt thảo luận, hoàn thành nội dung vào phiếu, trả lời các câu hỏi… theo hướng dẫn.

B3. Báo cáo thảo luận:

- Học sinh trình bày, lắng nghe và phản hồi ý kiến từ các nhóm hoặc các cá nhân trong lớp.
- Chỉnh sửa nội dung phiếu học tập, lưu giữ làm tư liệu của bài học.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV cùng HS rút ra kết luận.

lui vào vùng hẻo lánh.

- Khoảng năm 1914: Phần lớn người Giê bị ép phải định cư để khai hóa văn minh.
- Sau đó: Chính quyền để họ tự do sống theo cách của mình. Người Giê quay lại với lối sống cổ xưa.

=> Những thông tin cho thấy tình thế ngặt nghèo của người bản địa dưới sức ép cuộc bành trướng thuộc địa của người phương Tây.

2. Chi tiết, dữ liệu trong văn bản.

a. Thông tin về cuộc sống người Giê dưới chế độ thực dân:

Chính quyền thực dân	**Người bản xứ**
Ép người bản xứ phải định cư trong các ngôi làng, quy họ vào đối tượng cần được khai hoá văn minh.	Vẫn sống du cư
Gửi đến rìu, dao, đinh, chày gỗ; quần áo, chăn màn.	Không dùng đến, vẫn sử dụng những công cụ và kĩ thuật cổ xưa.
Xây nhà, cấp giường.	Vẫn ở ngoài trời, phá giường làm củi đun.
Gửi đến những đàn bò.	Để mặc chúng đi lang thang, từ chối sữa và thịt.

Nhận xét:

- Những dữ liệu cho thấy sự xung đột đột quyền lực giữa một bên là những nỗ lực trấn áp, đồng hoá, khai hoá văn minh của người da trắng và một bên là sự kháng cự của thổ dân da đỏ. Kết quả là dấu vết của văn minh chỉ nằm ở lớp vỏ hời hợt bề ngoài, công cuộc đồng hóa thất bại. Khi văn hoá bản địa cất lên tiếng nói, nó cho thấy sức sống, vẻ đẹp, sự bền vững của các giá trị truyền thống bản địa trước sự trấn áp của văn minh phương Tây.
- Người trần thuật xưng "tôi" vừa có vai trò quan sát, khảo cứu, thu thập dữ liệu, ghi chép và mô tả lại những thông tin về lịch sử, cuộc sống của người Anh điêng; vừa suy ngẫm, phân tích, tìm ra cấu trúc, bản

	chất, quy luật, xung đột quyền lực chìm bên dưới những dữ liệu bề mặt. b. Dữ liệu sơ cấp và thứ cấp trong văn bản. - Dữ liệu sơ cấp về cuộc sống của người Anh điêng: + Dữ liệu được tác giả thu thập trực tiếp: "*lần đầu tiên tôi đã tiếp xúc với những người hoang dã, trong khi đi theo một trưởng chi nhánh của cơ quan bảo vệ người Anh điêng trong chuyến đi kiểm tra của ông ta*",... Ngoài ra, căn cứ vào những thông tin trong phần giới thiệu về tác giả, tác phẩm, ta biết *Nhiệt đới buồn* là ghi chép dân tộc học, được viết sau hai mươi năm đi khảo sát thực địa của Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt ở Bra-xin. + Các dữ trên khiến văn bản thú vị, mới mẻ, gây tò mò, thậm chí bất ngờ, chấn động, giúp người đọc hình dung ra một cách cụ thể, sống động bức tranh cuộc sống của người Anh điêng, phá bỏ định kiến về những cộng đồng thiểu số trên thế giới thường được cho là man rợ, thấp kém. - Dữ liệu thứ cấp về lịch sử của người Anh điêng: + Thu thập gián tiếp qua các tài liệu nhưng không ghi rõ nguồn: "*Vào thời kì phát hiện ra xứ sở này, toàn bộ khu vực nam Braxin là nơi trú ngụ của những nhóm người có mối quan hệ gần gũi về ngôn ngữ và văn hoá và người ta xếp chung dưới tên gọi là Giê.*"; "*Trong những khu rừng của các bang phía nam: Pa-ra-na và Xan-ta Ca-ta-ri-na những nhóm nhỏ người hoang dã đã tồn tại cho tới thế kỉ XX* (…) *vào khoảng năm 1914*" + Các dữ liệu này giúp người đọc mường tượng ra được toàn bộ số phận éo le cũng như tình thế lịch sử ngang trái mà người Anh điêng phải đối mặt, gợi liên tưởng tới những tri thức về lịch sử châu Mỹ. Tuy nhiên, người đọc có thể chất vấn về tính khả tín và chính xác của các thông tin mà tác giả cung cấp.

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu:

- Khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.
- Rút ra được một số nội dung cần lưu ý khi đọc thể loại văn bản thông tin qua bài học.

b. Nội dung: Học sinh trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Khái quát về giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản. - Rút ra một số nội dung cần lưu ý khi đọc thể loại văn bản thông tin qua bài học này. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS suy nghĩ, chuẩn bị trình bày. - GV quan sát, hỗ trợ **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày trước lớp, lắng nghe và phản hồi ý kiến từ các thành viên trong lớp. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV cùng HS đánh giá, kết luận.	**III. Tổng kết** **1. Giá trị nội dung, nghệ thuật** **- Về nội dung:** *Pa-ra-na, Nhiệt đới buồn* cũng như rất nhiều nghiên cứu khác của Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt là sự chất vấn những tư tưởng học thuật đương thời và thể hiện một cái nhìn sâu sắc về văn hóa nhân loại cũng như về môi trường sinh thái, ông cất lên tiếng nói để bảo vệ cho sự đa dạng văn hoá, giá trị của đời sống hoang dã cũng như khẳng định vẻ đẹp và sức sống bền bỉ của những nền văn hoá cổ xưa. **- Về nghệ thuật:** *Pa-ra-na, Nhiệt đới buồn* hấp dẫn người đọc bởi văn phong tinh tế, bay bổng và phóng khoáng, vừa mang dáng dấp của một cuốn du kí, vừa là một khảo luận về triết học, dân tộc học, nhân chủng học, vừa rất giàu chất thơ… **2. Một số lưu ý khi đọc thể loại văn bản thông tin** - Nhận biết bố cục, mạch lạc của văn bản. - Phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng. - Đánh giá cách chọn lọc, sắp xếp thông tin. - Phân biệt dữ liệu sơ cấp, thứ cấp để từ đó đánh giá tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản - …

PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
TRI THỨC NGỮ VĂN

Tìm hiểu	Trả lời
1. Vai trò của dữ liệu trong văn bản thông tin	- Khái niệm… - Vai trò…
2. Dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp	- Dữ liệu sơ cấp là… - Dữ liệu thứ cấp là…
3. Tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu	Một số thao tác để đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu: - … - … - … - …
4. Thư từ	…
5. Tôn trong và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	…

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:

SỐ PHẬN CỦA NGƯỜI ANH ĐIÊNG BẢN ĐỊA TRONG LỊCH SỬ

Trước thời kì thuộc địa	Vài thế kỉ trước	1914	Sau đó
….	….	….	…

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:
HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN THỰC DÂN VÀ NGƯỜI DÂN ANH ĐIÊNG BẢN XỨ

Chính quyền thực dân	Người bản xứ
…	…
…	…
…	…
…	…
Nhận xét: - Về mối quan hệ giữa chính quyền thực dân và những người da đỏ bản xứ:… - Về vai trò của người trần thuật xưng "tôi" trong văn bản.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:
- Đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết qua văn bản.
- Rút ra thông điệp từ văn bản.

b. Nội dung: Học sinh trình bày quan điểm qua việc trả lời câu hỏi gợi dẫn từ GV.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Em hãy trình bày cảm nhận và quan điểm của bản thân về văn bản bằng cách trả lời hai câu hỏi sau: 1. Cho biết lập trường, quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản. Bằng cách nào em nhận ra điều đó? 2. Thông điệp em nhận được từ văn bản là gì? Đặt trong bối cảnh ra đời của văn bản, theo em, thông điệp đó có ý nghĩa gì? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh trình bày trước lớp, lắng nghe và phản hồi ý kiến từ các bạn. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV cùng HS đánh giá, kết luận vấn đề.	**1. Lập trường, quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản:** - Tác giả thể hiện lập trường khách quan qua việc cung cấp thông tin sơ cấp và thứ cấp. Ông đứng ở vị trí quan sát của cả người bên ngoài và trực tiếp khám phá. Đồng thời, ông cũng tìm hiểu nền văn hóa và lịch sử từ các tài liệu thứ cấp để lý giải quá trình hình thành, phát triển và bảo tồn nền văn hóa bản địa của người Anh điêng. - Tác giả thể hiện thái độ ngưỡng mộ đối với vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt và sự tinh tế của nền văn hoá bản địa. Điều này thể hiện qua những cách diễn đạt bộc lộ cảm xúc như: "*thất vọng lớn cho tôi*", "*họ đã cho tôi một bài học về sự thận trọng và tính khách quan*",... - Quan điểm của tác giả: Đối thoại với tư tưởng "dĩ Âu vi trung", tư tưởng thực dân và những định kiến đã tồn tại lâu đời trong xã hội phương Tây về sự lạc hậu của cộng đồng các dân tộc thiểu số, đồng thời khẳng định sự bình đẳng và đa dạng giữa các nền văn hoá và kêu gọi sự trở về, sống hài hoà với thiên nhiên, giữ gìn bản sắc dân tộc. **2. Thông điệp từ văn bản:** Hãy tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá, cần kêu gọi và đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc khác nhau…

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học để viết một đoạn văn về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã; tìm đọc các văn bản khác trong tác phẩm *Nhiệt đới buồn.*

b. Nội dung:

- Văn bản gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ đó.
- Khuyến khích HS tìm đọc các văn bản khác trong *Nhiệt đới buồn* của Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt.

c. Sản phẩm: Đoạn văn và trải nghiệm đọc tác phẩm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS như mục *Nội dung* và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học tới. Có thể nộp trực tiếp hoặc nộp online qua zalo, facebook hoặc phần mềm học tập khác…

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi 1-2 HS trình bày trong đầu buổi học tiếp theo, GV thu lại sản phẩm của học sinh cả lớp.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của học sinh.

4. Củng cố: GV củng cố nội dung tri thức ngữ văn cần ghi nhớ qua văn bản *Pa-ra-na.*

5. HDVN: Nắm chắc những tri thức đã được tìm hiểu, chuẩn bị bài tiếp theo: Văn bản 2: *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục.*

Tiết 82,83: VĂN BẢN 2.

GIÁO DỤC KHAI PHÓNG Ở VIỆT NAM NHÌN TỪ ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC

- Nguyễn Nam –

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản.
- Năng lực giao tiếp.

b. Năng lực riêng biệt

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết về Đông Kinh Nghĩa Thục.
- Chỉ ra được bố cục mạch lạc của văn bản.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ; độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học được để thể hiện quan điểm về giáo dục khai phóng và đọc hiểu văn bản cùng thể loại.

2. Về phẩm chất:

- Trân trọng với những di sản của quá khứ.
- Có cái nhìn cởi mở, thái độ tôn trọng đối với những gì khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, ti vi.
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; ở nhà.
- Rubric đánh giá học sinh

2. Học liệu: SGK, SGV Ngữ văn 12, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ: Lồng ghép trong tiết học.

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối với những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời qua đó, thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: Kiến thức, vốn hiểu biết về bối cảnh lịch sử xã hội Việt Nam cũng như khu vực Đông Á đầu thế kỉ XX của HS có liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Chia sẻ sản phẩm của HS sau khi được GV phân công và chuẩn bị ở nhà.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS làm inforaphic tóm tắt những sự kiện chính trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục ở nhà sau đó chọn ngẫu nhiên và mời nhóm cử đại diện lên thuyết trình.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS nghe thuyết trình và chia sẻ bổ sung nếu cần thiết

B3. Báo cáo thảo luận:

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã tích cực trả lời câu hỏi
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam từ Đông Kinh Nghĩa Thục* một cách hiệu quả.

b. Nội dung: Tìm hiểu tri thức có liên quan về văn bản *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam từ Đông Kinh Nghĩa Thục*.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Tìm hiểu tác giả, tác phẩm **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV mời đại diện các nhóm dựa vào nội dung đã đọc ở nhà: *Trình bày những hiểu biết của em về tác giả* - Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ. - *GV gọi 1-2 HS trình bày phần chuẩn bị ở nhà tìm hiểu về xuất xứ, nội dung văn bản.*	**I. Tìm hiểu chung** ***1. Tác giả Nguyễn Nam.*** - Sinh năm 1961 quê tỉnh Hà Tây (Nay thuộc thành phố Hà Nội). - Là người chuyên nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực: Lịch sử tư tưởng, văn chương và điện ảnh Đông Á. ***2. Văn bản*** - Xuất xứ: đăng trên báo Vieetnamnet, ngày 09/11/2022 - Nội dung: đề cao vị trí và đóng góp của Đông

B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Các nhóm thảo luận và trả lời các câu hỏi trong SGK **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV mời đại diện 1 nhóm lên trả lời câu hỏi, yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.	Kinh Nghĩa Thục trong lịch sử, là một mô hình tiêu biểu cho giáo dục khai phóng.
<u>Nhiệm vụ 2:</u> Đọc văn bản **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS đọc văn bản, chú ý các dấu hiệu hình thức của văn bản thông tin như nhan đề, sa-pô, các đề mục, hình ảnh trả lời câu hỏi: *Các mục in đậm trong văn bản có tác dụng gì? Qua đó em nhận xét gì về trình tự sắp xếp các thông tin trong VB?* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính. **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	***3. Đọc văn bản*** ***- Có 4 mục in đậm trong văn bản:*** + Sa pô + Bối cảnh lịch sử + Điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục Việt Nam + Giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục => Cung cấp thông tin chính của từng phần theo tạo thành bố cục gồm 4 phần. *Hình thức và cách sắp xếp các thông tin trong văn bản hợp lí, logic theo tầm quan trọng của vấn đề giúp người đọc hiểu rõ quá trình phát triển và ý nghĩa của Đông Kinh Nghĩa Thục.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1</u>: Tìm hiểu bối cảnh lịch sử của Đông Kinh Nghĩa Thục **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV giao nhiệm vụ học sinh đọc kĩ mục Bối cảnh lịch sử, tìm các câu chủ đề, từ khóa và xác định các ý chính - Gv yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi số 1: *+ Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời trong bối cảnh lịch sử nào?* + GV gợi ý: HS đọc phần đầu văn bản từ đầu đến "ở phố hàng Đào (Hà Nội) năm 1907" và ghi lại các thông tin trong các đoạn văn. Dựa vào các thông tin để trả lời câu hỏi	**II. Đọc hiểu văn bản** ***1. Bối cảnh lịch sử*** - Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời dưới tác động của những biến động chính trị, kinh tế, xã hội và quân sự lớn trong khu vực Đông Á cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX: + Thất bại của Mậu Tuất Duy Tân -> Sự truyền bá tư tưởng, chính trị, triết học phương Tây tới Đông Á qua hình thức "tân thư" + Chiến thắng của Nhật Bản và những thành tựu cải cách CT, KT, GD, Xh-> Các nước Đông Á cần cải cách để đối đầu với hiểm họa thôn tính từ Châu Âu.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS làm việc theo nhóm, HS thực hiện nhiệm vụ học tập. **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV mời HS đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, chốt kiến thức. **<u>Nhiệm vụ 2: tìm hiểu Điểm then chốt của Đông Kinh Nghĩa Thục.</u>** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV giao nhiệm vụ học sinh đọc kĩ mục **Điểm then chốt của Đông Kinh Nghĩa Thục**, tìm các câu chủ đề, từ khóa và xác định các ý chính - *GV đặt câu hỏi: Theo tác giả, Điểm then chốt của Đông Kinh Nghĩa Thục là gì? Tác giả đã sử dụng những dữ liệu nào để làm rõ điều này? Những dữ liệu ấy còn cho thấy điều gì ?* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ. **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV gọi HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	+ Nhận thức được sức mạnh của giáo dục trong việc xây dựng dân tộc tự cường, hiện đại cùng với ảnh hưởng của mô hình giáo dục Nhật Bản. **2. Điểm then chốt của Đông Kinh Nghĩa Thục.** - Những điểm nhấn then chốt của Đông Kinh Nghĩa Thục: + Được tiến hành từ dưới lên, bắt nguồn từ dân chúng + Theo định hướng độc lập dân tộc. +Mong cầu tiến bộ về tri thức, tư duy và dân chủ. - Tác giả đã sử dụng các dữ liệu chính: + Sách Đông Kinh Nghĩa Thục của Đào Trinh Nhất: Bị cấm trên toàn cõi An Nam từ năm 1937. + Khảo cứu Đời cách mệnh Phan Bội Châu bị cấm giới thiệu, lưu hành trên toàn cõi An Nam năm 1938 + Cuốn sách Đông Kinh Nghĩa Thục chưa được in chính thức của Hoa Bằng. -Những dữ liệu này cho thấy: +Các thư tịch, khảo cứu về Đông Kinh rất ít ỏi, bị chính quyền kiểm duyệt chặt chẽ-> sự trấn áp của chính quyền thực dân đối với phong trào này, +Nỗ lực của giới học giả đầu thế kỉ nhằm bảo vệ, khẳng định đóng góp của Đông Kinh Nghĩa Thục. =>Nổi bật mối quan hệ đối kháng giữa sự thống trị của quyền lực thực dân và sự kháng cự của giới tri thức Việt Nam, trong bối cảnh xã hội thuộc địa. Điều này làm sáng rõ tính chất dân chủ, tinh thần yêu nước ẩn chứa trong các hoạt động, phong trào.
<u>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu đặc điểm của Giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục</u> **<u>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</u>** - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc lại phần định nghĩa của giáo dục khai phóng ở phần đầu văn bản đọc kĩ mục giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục, tóm tắt những ý chính, ý phụ, chi tiết, chú ý những dữ liệu trong văn bản để trả lời câu hỏi theo nhóm	**3. Đặc điểm của giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục** **- Khái niệm: Giáo dục khai phóng là: c**ung cấp nền tảng tri thức rộng mở để tư duy phản biện, lập luận, phân tích và biểu đạt một cách rõ ràng. Những nên tảng tri thức này sẽ chuẩn bị cho người học năng lực xử lí những vấn đề phức tạp nhất thế giới và ứng phó với những thay đổi không thể lường trước được của tương lai.

- CH1: Giáo dục khai phóng ? - CH2:Tinh thần khai phóng hiện đại cua Đông Kinh Nghĩa Thục? - CH3: Tại sao tác giả cho rằng Đông Kinh Nghĩa Thục là một mô hình giáo dục khai phóng? - CH4: Tác giả đã sử dụng những dữ liệu nào để chứng minh cho tinh thần khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục? Những dữ liệu đó có đáng tin cậy không? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ. **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV gọi HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	- Tinh thần khai phóng hiện đại của Đông Kinh Nghĩa Thục: + Đa dạng trong sử dụng văn tự + Phân cấp rõ ràng: 3 cấp. + Dạy miễn phí, cấp dụng cụ học tập + Dạy KHTT và CNTT + Diễn thuyết công khai 1 tuần/lần +Thực nghiệm để sẵn sàng mở khắp 3 kì. => Với 6 đặc điểm này người học đạt được mục đích của GD khai phóng. Đồng thời ĐKNT thực hiện trong thời gian nhất định, với mục đích sẵn sàng mở rộng 3 kì. Vì thế tác giả cho rằng đây là một mô hình khai phóng. - Tác giả đã sử dụng hai dữ liệu thứ cấp: + Nhận định của Giám học Nguyễn Quyền về Đông Kinh Nghĩa Thục, được trích dẫn trong cuốn sách Đông Kinh Nghĩa Thục của Đào Trinh Nhất => Dữ liệu này thể hiện cái nhìn, sự đánh giá mang tính chất cá nhân của người đương thời về Đông Kinh Nghĩa Thục. +Tác phẩm khuyết danh *Văn minh tân học sách là* cương lĩnh giáo dục thể hiện chủ trương, đường lối, nguyên tắc hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục. Hai dữ liệu này cho thấy tinh thần khai phóng hiện đại của Đông Kinh Nghĩa Thục toát lên từ mọi hoạt động của trường. =>Trên cơ sở dữ liệu đáng tin cậy tác giả rút ra kết luận: Tinh thần khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục được thể hiện ở dũng khí dám từ bỏ lối học từ chương, cho phép người học tự do học thuật, thúc đẩy tinh thần phản biện, giúp hòa nhập với thế giới hiện đại.
Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu các phương tiện Phi ngôn ngữ trong văn bản **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh được sử dụng trong văn bản, cá nhân trả lời câu hỏi: CH1: : *Hình ảnh thứ nhất về càn nhà riêng của cụ Lương Văn Can và căn nhà từng là cơ sở dạy học của Đông Kinh Nghĩa Thục được sử dụng nhằm mục đích gì?Bức ảnh*	**4. Các phương tiện phi ngôn ngữ.** - Hình ảnh: căn nhà riêng của cụ Lương Văn Can và căn nhà từng là cơ sở dạy học của Đông Kinh Nghĩa Thục giúp chúng ta hình dung trực quan về xã hội VN đầu thế kỉ XX(nhà cửa, trang phục, phương tiện..) Đồng thời bức ảnh còn góp phần khẳng định vai trò quan trọng của của cụ Lương Văn Can với ĐKNT.

giúp em hình dung ra sao về xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX, đặc biệt là không khí của trường học Đông Kinh Nghĩa Thục, Đọc chú thích về nguồn của bức ảnh, em biết thêm những thông tin gì? CH2: phân tích bức ảnh thứ hai - ba cho, em biết thêm những thông tin gì? NH3: phân tích tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu trong văn bản.. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS chuẩn bị câu trả lời cá nhân theo yêu cầu. GV quan sát, nhắc nhở HS lưu ý khi trình bày cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận** Một số HS đại diện trình bày sản phẩm đã chuẩn bị, các HS khác nhận xét, phản biện GV quan sát, hỗ trợ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, chốt lại **Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu quan điểm của tác giả trong văn bản** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm thảo luận: Tác giả nhận xét, đánh giá thế nào về Đông Kinh Nghĩa Thục? Có gì thiên kiến trong cách nhận xét, đánh giá đó không? Hãy lí giải về điều này. *Những nhận xét, đánh giá đó của tác giả có được chứng minh, làm rõ bằng các dữ liệu khách quan, đáng tin cậy và lập luận logic hay không? Chỉ ra logic lập luận của tác giả.* **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS chuẩn bị cử đại diên nhóm trả lời theo yêu cầu GV quan sát, nhắc nhở HS lưu ý khi thuyết trình **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện nhóm trình bày, tranh luận GV quan sát, hỗ trợ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, chốt lại GV hướng dẫn HS cách suy luận để tìm ra quan điểm của tác giả được bộc lộ một cách gián tiếp trong văn bản thông tin: - Bước 1 : đọc kĩ nhan đề, các đề mục, phần	- Hình ảnh 2-3: giúp chúng ta hiểu rõ hơn về hình thức xuất bản của một cuốn sách đương thời; tiếp cận với chân dung giám học Nguyễn Quyền, các nội dung cấm xuất bản. => Hình ảnh gắn kết chặt chẽ với nội dung trình bày về ĐKNT tăng tính trực quan, sinh động của văn bản, khơi gợi thêm cảm xúc, liên tưởng của người đọc. Nếu ko có hình ảnh này giá trị VB giảm xuống vì thiếu tính trực quan, cách thức cung cấp thông tin lịch sử. - Các phương tiện phi ngôn ngữ không đơn thuần chỉ là minh hoạ, làm rõ các thông tin được biểu đạt bằng các phương tiện ngôn ngữ, mà nó có "tiếng nói" riêng, có thể cung cấp nhiều thông tin quan trọng mà các phương tiện ngôn ngữ không thể biểu đạt, giúp trực quan hoá thông tin, từ đó người đọc nắm bắt thông tin một cách đầy đủ, đa chiều hơn. **5. Quan điểm của tác giả** - Ngôi trường ĐKNT: có tầm ảnh hưởng sâu rộng đối với truyền thống GDVN nói riêng và đối với sự phát triển theo định hướng mới của xã hội VN nói chung. - Thời gian tồn tại ngắn ngủi, nội dung còn sơ khai nhưng đã dám từ bỏ lối học từ chương, giáo điều hàng nghìn năm áp đặt, kìm hãm tâm trí người dân cần được ghi nhận như một cột mốc lịch sử GD quan trọng. - Thành công của tinh thần khai phóng là hướng người học vào con đường tự học, tự kiểm nghiệm thực tiễn, suy nghĩ cởi mở, tinh thần phản biện, có khả năng hòa nhập với thế giới hiện đại mà không bị cắt đứt khỏi căn rễ văn hóa của mình. =>Nguyễn Nam đánh giá cao vai trò của Đông Kinh Nghĩa Thục trong việc tiếp nối và phát huy tinh thần khái phóng của GDVN trong khung cảnh thuộc địa của ĐN và bối cảnh biến động phức tạp của thế giới đầu TK XX. - Quan điểm không thiên kiến: vì những nhận định đánh giá của tác giả dựa trên những dữ liệu khách quan, dữ liệu thứ cấp

mở đầu, những lời bình luận trực tiếp để nhận ra đề tài, chủ đề, cách tiếp cận chủ đề của tác giả - Bước 2 : Tóm tắt các ý chính, ý phụ và mối liên hệ giữa các thông tin trong văn bản. - Bước 3: Chỉ ra cách thức chọn lọc, trình bày và sắp đặt thông tin của tác giả. - Bước 4: suy luận để tìm ra quan điểm của tác giả - Bước 5 : nhận xét, đánh giá về quan điểm đó.	được cung cấp với nguồn trích dẫn cụ thể, cả kênh hình và kênh chữ; kết hợp các thao tác phân tích, BL, chứng minh, so sánh để làm rõ quan điểm của mình.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản.

b. Nội dung: HS chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trình bày cá nhân: đánh giá đặc sắc nội dung và nghệ thuật của văn bản **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS chuẩn bị câu trả lời cá nhân theo yêu cầu GV quan sát, nhắc nhở HS lưu ý khi trình bày cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận** Một số HS đại diện trình bày, một số HS khác nhận xét, phản biện GV quan sát, hỗ trợ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, chốt lại	**III. Tổng kết** ***1. Nội dung:*** Bài viết đánh giá, đề cao vị trí và đóng góp của Đông Kinh Nghĩa Thục trong lịch sử giáo dục của nước nhà. Đông Kinh Nghĩa Thục là mô hình tiêu biểu cho giáo dục khai phóng cho thấy tính chất hiện đại, thậm chí đi trước thời đại của Đông Kinh Nghĩa Thục,khả năng bắt nhịp với thế giới của giáo dục Việt Nam vào đầu thế kỉ XX, đồng thời cũng khẳng định giáo dục khai phóng Việt Nam thời đương đại đã bắt rễ trong truyền thống lịch sử. Tác giả đã thể hiện một cách gián tiếp thái độ ủng hộ đối với giáo dục khai phóng. **2. Nghệ thuật:** - Bố cục mạch lạc, chặt chẽ, logic. - Sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ, yếu tố tự sự và biểu cảm. -Dữ liệu được lựa chọn hợp lí, đáng tin cậy, có sức thuyết phục cao.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Rèn cho học sinh kĩ năng viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một vấn đề được đặt ra từ văn bản.
- HS thực hành viết để củng cố kiến thức đã học trong văn bản.

b. Nội dung:

- HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Đoạn văn 150 chữ của học sinh theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về một dữ liệu gây ấn tượng mạnh mẽ với bạn trong văn bản *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục.* **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS chuẩn bị câu trả lời cá nhân theo yêu cầu GV quan sát, nhắc nhở HS lưu ý khi trình bày cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận** Một số HS đại diện trình bày, một số HS khác nhận xét, phản biện GV quan sát, hỗ trợ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, chốt lại	- Để viết tốt kiểu đoạn văn này, HS cần biết chọn lọc các dẫn chứng, chi tiết, sử dụng một cách thuần thục các thao tác phân tích, bình luận, so sánh,...; trích dẫn đúng quy cách và ghi rõ nguồn trích dẫn.

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi 7:

Từ những thông tin được cung cấp trong văn bản, bạn suy nghĩ như thế nào về giá trị của giáo dục nói chung và giáo dục khai phóng nói riêng??

c. Sản phẩm: Sản phẩm làm việc nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm trong thời gian 10 phút trả lời câu hỏi 7: Từ những thông tin được cung cấp trong văn bản, bạn suy nghĩ như thế nào về giá trị của giáo dục nói chung và giáo dục khai phóng nói riêng?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận theo 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ
- GV quan sát, gợi mở

B3. Báo cáo thảo luận

- Đại diện các nhóm HS trình bày, các nhóm khác phản biện, nhận xét
- GV quan sát, hỗ trợ

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, đánh giá, chốt lại**:** Về giá trị của giáo dục, từ Đông Kinh Nghĩa Thục, ta có thể thấy giáo dục không chỉ là truyền đạt kiến thức mà còn là phương tiện để giải phóng tư duy, khuyến khích sự sáng tạo và phản biện. Giáo dục khai phóng, với tinh thần cởi mở và phản tư, giúp con người phát triển toàn diện, nhận thức đầy đủ hơn về thế giới và bản thân.

Rubic đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	**0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	**1 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	**1 - 3 điểm** Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	**4 – 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	**6 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	**0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	**1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	**2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

4. Củng cố: GV củng cố nội dung tri thức ngữ văn cần ghi nhớ qua văn bản.

5. HDVN: Nắm chắc những tri thức đã được tìm hiểu, chuẩn bị bài tiếp theo: Văn bản 3

Tiết 84,85: VĂN BẢN 3: ĐỜI MUỐI

(Trích *Đời muối: Lịch sử thế giới)*

Mác Kơ-len-xki (Mark Kurlansky)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: HS nắm được:

- Vai trò của muối trong tiến trình lịch sử nhân loại.
- Góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử.
- Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc qua văn bản.

2. Về năng lực:

- HS vận dụng các kĩ năng đã có được từ việc đọc hai văn bản thông tin trước đó để tự phân tích được thông tin cơ bản của văn bản, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết.
- HS nhận biết được bố cục và mạch lạc của văn bản, phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- HS so sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

3. Về phẩm chất: HS trân trọng những bước đi của nhân loại trong quá khứ và có cái nhìn đa chiều, sâu sắc về lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, laptop, ti vi, bảng phụ, giấy A0…

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, thiết kế bài dạy, sách tham khảo, video, tranh ảnh liên quan đến bài học…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Huy động kiến thức đã có của HS về nội dung liên quan đến tác phẩm.

b. Nội dung: Đối thoại với các sử gia đương đại : Ngoài cách tiếp cận lịch sử thông thường qua các cuộc chiến tranh, qua sự biến đổi và tiếp nối của các triều đại, các cuộc cách mạng…người ta còn có thể tiếp cận lịch sử bằng những cách nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Phân công tổ 1 chuẩn bị và tổ chức đối thoại với các sử gia đương đại về cách tiếp cận lịch sử - Lịch sử qua đời sống thường nhật: Xem xét các lễ hội truyền thống, phong tục tập quán để hiểu về văn hóa và tín ngưỡng của người dân,... - Lịch sử qua văn học nghệ thuật: Phân tích các tác phẩm văn học, thơ ca, nhạc họa để hiểu về tâm tư, nguyện vọng, và quan điểm của con người trong các thời kỳ lịch sử khác nhau,... - Lịch sử qua khảo cổ học: Phân tích các di vật khảo cổ như di chỉ, đồ vật, hài cốt để hiểu về đời sống vật chất và tinh thần của người xưa,... **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS trong tổ 1 được phân công chuẩn bị và thực hiện nhiệm vụ **B3. Báo cáo thảo luận:** MC điều hành cuộc đối thoại, sau đó dẫn dắt vào bài Đời muối; các HS khác lắng nghe, quan sát, ghi vào phiếu đánh giá hoạt động khởi động của nhóm **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, dẫn vào bài mới	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a.Mục tiêu: Giúp HS nắm được những kiến thức cơ bản về tác giả và văn bản – những tiền

đề cần thiết để đọc hiểu, khám phá văn bản.

b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về tác giả và văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **1. Đọc:** GV cùng HS đọc to văn bản, cảm nhận giọng điệu kể chuyện chậm rãi, thong dong của tác giả trong văn bản. Trong quá trình đọc, GV lưu ý HS về các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn của các thẻ chỉ dẫn đọc ở bên phải văn bản. **2. Tác giả:** GV yêu cầu HS đọc những thông tin trong SGK và giới thiệu về tác giả. **3. Văn bản:** GV yêu cầu HS dựa vào những thông tin trong SGK nêu xuất xứ và thể loại của văn bản. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc, suy nghĩ, trao đổi, thảo luận để trả lời các câu hỏi. **B3. Báo cáo thảo luận** HS trả lời câu hỏi. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, kết luận, khắc sâu nội dung kiến thức.	**I – TÌM HIỂU CHUNG** **1. Tác giả** - Mark Kurlansky (7/12/ 1948) là nhà báo, nhà văn người Mĩ. - Ông nổi tiếng với các cuốn sách nghiên cứu về những đối tượng bình dị, vô hình, những vật dụng thường nhật, bị chìm khuất trong đời sống nhưng có khả năng làm thay đổi thế giới như cá tuyết, muối, giấy… Thông qua việc khảo sát những đối tượng này, các cuốn sách của ông mang lai một góc nhìn thú vị và mới mẻ về lịch sử loài người. - Tác phẩm tiêu biểu: *Khi loài cá biến mất* (1997), *Giấy: Lật giở từng trang sử* (2016), *Cá hồi và trái đất: Lịch sử của một số phận bình thường* (2020)… **2. Văn bản** - Xuất xứ: trích trong cuốn *Đời muối: Lịch sử thế giới* (2002) – cuốn sách khám phá hành trình của muối trong lịch sử nhân loại. - Thể loại: văn bản thông tin.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: HS nắm được:

- Vai trò của muối trong tiến trình lịch sử nhân loại, từ đó biết trân trọng những bước đi của nhân loại trong quá khứ có cái nhìn đa chiều, sâu sắc về lịch sử.
- Góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử.
- Cách sử dụng và trình bày dữ liệu của tác giả trong văn bản.
- Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc qua văn bản.

b. Nội dung: Tổ chức cho HS hoạt động để khám phá văn bản, chinh phục những mục tiêu học tập đã đề ra.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS (phiếu học tập, câu trả lời, những chia sẻ của HS về các vấn đề gợi ra từ văn bản…)

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về vai trò của muối trong tiến trình lịch sử nhân loại **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và cho HS thảo luận, trả lời câu hỏi trong phiếu học tập số 1 **B2. Thực hiện nhiệm vụ**	**II – KHÁM PHÁ VĂN BẢN** **1. Vai trò của muối trong tiến trình lịch sử nhân loại** - Căn cứ vào thời gian và tầm quan trọng của muối đối với đời sống của con người, tác giả đã tóm lược lịch sử nhân loại thành hai giai đoạn: + Giai đoạn 1: Trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu với đời sống nhân loại, con người tiến từng

HS trao đổi, thảo luận để trả lời câu hỏi trong phiếu học tập số 1 **B3. Báo cáo thảo luận** - GV yêu cầu nhóm trưởng các nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận (theo phiếu học tập). - HS theo dõi, bổ sung, phản biện. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá việc hoạt động nhóm của HS; tổng hợp, bổ sung và chuẩn hóa kiến thức.	bước phát triển chậm chạp. Trong quá trình này, họ đã thuần hoá động vật hoang dã, nuôi động vật trong nhà, trồng cây để sinh sống. + Giai đoạn 2: Sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu với đời sống nhân loại, các hoạt động liên quan đến tìm kiếm, sản xuất, buôn bán muối đã thúc đẩy công nghiệp, giao thông, thương mại, hoá học phát triển. Từ đó, đã tạo nên những thay đổi lớn về chính trị, kinh tế, xã hội,... => Từ cách tóm lược lịch sử như trên, tác giả đã khẳng định vai trò quan trọng của muối. Từ một yếu tố tưởng chừng vô hình và chìm khuất trong đời sống, muối đã trở thành một nhân vật đóng vai trò quan trọng trong sân khấu lịch sử. Muối có một số phận và số phận của muối đã gắn bó mật thiết với những thăng trầm của lịch sử loài người. Quá trình tìm kiếm, khai thác sử dụng muối đã thúc đẩy sự phát triển của nhân loại. - Tác giả đã nhìn lịch sử nhân loại dựa trên lăng kính quy chiếu là lịch sử của muối - một yếu tố thường được coi là không có ý nghĩa, giá trị gì trong dòng chảy lịch sử của nhân loại. Từ đó, tác giả triển khai các sự kiện lịch sử xung quanh sự phát triển của yếu tố này, tạo ra một cách phân kỳ lịch sử khác, nhìn lịch sử nhân loại từ một góc độ khác, nhìn ra những quy luật khác của lịch sử .
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về cách sử dụng và trình bày dữ liệu trong văn bản **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và cho HS thảo luận, trả lời câu hỏi trong phiếu học tập số 2 **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS trao đổi, thảo luận để trả lời câu hỏi trong phiếu học tập số 2 **B3. Báo cáo thảo luận** - GV yêu cầu nhóm trưởng các nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận (theo phiếu học tập). - HS theo dõi, bổ sung, phản biện. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá việc hoạt động nhóm của HS; tổng hợp, bổ sung và chuẩn hóa kiến thức.	**2. Cách sử dụng và trình bày dữ liệu trong văn bản** - Cách sử dụng dữ liệu: + Tác giả sử dụng cả dữ liệu sơ cấp và thứ cấp (dẫn chứng trong văn bản). + Tuy nhiên, với các dữ liệu thứ cấp, tác giả không ghi rõ hoặc không trích đầy đủ nguồn dẫn khiến cho văn bản bị giảm đi độ tin cậy và tính thuyết phục. Vì thế, để văn bản có giá trị hơn, tác giả cần bổ sung các nguồn trích dẫn rõ ràng, đáng tin cậy. - Cách trình bày dữ liệu: + Tác giả trình bày dữ liệu theo trình tự thời gian, được tổ chức dưới hình thức một câu chuyện. Mở đầu miêu tả bối cảnh, sau đó xuất hiện các nhân vật, tiếp đến là các sự kiện xảy ra. Các sự kiện lịch sử cũng được liệt kê theo trình tự thời gian, sắp xếp theo chuỗi nhân quả, với những đoạn diễn tiến, thắt nút, mở nút, những tình tiết bất ngờ. + Cách sắp xếp các dữ liệu lịch sử theo mô hình truyện kể (thần thoại và truyền thuyết) này tạo nên sự mới mẻ, sức hấp dẫn, sinh động cho văn bản, kích thích trí tưởng tượng của người đọc, khiến người đọc có cảm giác như đang theo dõi một câu chuyện hay
Nhiệm vụ 3: Rút ra thông điệp từ văn bản. **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và cho HS thảo luận, rút ra thông điệp từ văn bản. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS trao đổi, thảo luận để rút ra	

thông điệp từ văn bản. **B3. Báo cáo thảo luận** - GV yêu cầu nhóm trưởng các nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận. - HS theo dõi, bổ sung, phản biện. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá việc hoạt động nhóm của HS; tổng hợp, bổ sung và chuẩn hóa kiến thức.	một bộ phim chứ không phải là những thông tin đơn thuần, đồng thời cũng giúp người đọc dễ dàng nắm bắt và ghi nhớ những thông tin chính trong văn bản. **3. Thông điệp từ văn bản** - Lịch sử nhân loại không chỉ là những sự kiện lớn mang tính chất bước ngoặt trong quá trình phát triển của xã hội loài người mà còn thể hiện qua "số phận" của những yếu tố tưởng chừng vô hình và chìm khuất trong đời sống. - "Ở bất cứ thời đại nào, con người đều tin rằng chỉ những thứ họ cho là có giá trị mới có giá trị thật sự". - Tất cả các cuộc chiến tranh, bạo lực, xung đột để tranh giành những thứ mà người ta cho là có giá trị, đến một lúc nào đó sẽ trở nên phù phiếm, vô nghĩa.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: HS hệ thống hóa lại giá trị của văn bản ở hai phương diện: nội dung và nghệ thuật.

b. Nội dung: Tổ chức cho HS hoạt động để hệ thống hóa lại kiến thức đã học

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ, thảo luận để khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản. **B3. Báo cáo thảo luận** - GV yêu cầu một vài HS trả lời câu hỏi. - HS khác theo dõi, bổ sung, phản biện. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS; tổng hợp, bổ sung và chuẩn hóa kiến thức.	**III – TỔNG KẾT** **1. Nội dung** Với cách nhìn lịch sử dựa trên lăng kính quy chiếu là lịch sử của muối, tác giả đã khẳng định vai trò quan trọng của muối trong tiến trình lịch sử nhân loại, qua đó gửi tới người đọc nhiều thông điệp có ý nghĩa sâu sắc. **2. Nghệ thuật** - Sử dụng đa dạng các loại dữ liệu (sơ cấp và thứ cấp). - Trình bày, sắp xếp dữ liệu theo trình tự thời gian, mô hình truyện kể vừa tạo sức hấp dẫn cho văn bản, vừa giúp người đọc dễ dàng nắm bắt và ghi nhớ thông tin.

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập số 1 **ĐỜI MUỐI (**Mác Kơ-len-xki**)** **Tìm hiểu về vai trò của muối trong tiến trình lịch sử nhân loại** Nhóm:……Lớp:…….
Câu 1: Tiến trình lịch sử nhân loại đã được tác giả tóm lược như thế nào? Trong tiến trình lịch sử đó, theo tác giả, muối đóng vai trò gì? ……

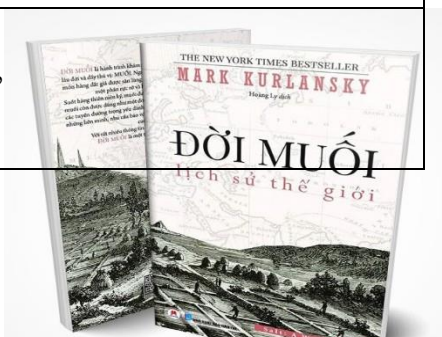

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 2. Góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử có gì độc đáo?

……
……
……
……
……
……

Phiếu học tập số 2
ĐỜI MUỐI (Mác Kơ-len-xki**)**
Tìm hiểu về cách sử dụng và trình bày dữ liệu trong văn bản
Nhóm:……Lớp:…….

Câu 1: Dữ liệu được tác giả sử dụng là dữ liệu sơ cấp hay thứ cấp? Em cảm nhận như thế nào về mức độ chính xác, đáng tin cậy của dữ liệu?

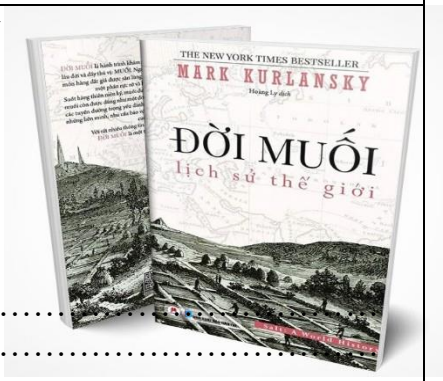

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 2. Phân tích và đánh giá cách trình bày dữ liệu của tác giả trong văn bản.

……
……
……
……
……

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Rèn cho HS kĩ năng viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một vấn đề được đặt ra từ văn bản.

- Giúp HS mở rộng suy tưởng sau khi đọc văn bản, kết nối với những vấn đề thời sự trong thế giới đương đại, biết cách quan sát, phân tích, đánh giá, bày tỏ chủ kiến về các sự kiện, hiện tượng lịch sử; chuẩn bị cho hoạt động viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm ở những tiết học sau.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.
- HS viết đoạn văn (thực hiện ở nhà, trên cơ sở hướng dẫn của GV).

c. Sản phẩm: Đoạn văn 150 chữ của học sinh theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu: *Thời nay, nhân loại không còn xung đột với nhau vì tranh giành muối, nhưng vẫn còn rất nhiều cuộc chiến tranh và xung đột xảy ra nhằm tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm, nguồn nước,... Em nghĩ gì về vấn đề này? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em.* - GV lưu ý HS viết đúng cấu trúc đoạn văn và yêu cầu của kiểu văn bản: có luận điểm rõ ràng, các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. - GV yêu cầu HS làm việc tại lớp để lập ý tưởng, về nhà hoàn thiện đoạn văn. GV sẽ kiểm tra sản phẩm vào giờ sau. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ (lập ý tưởng ở lớp, về nhà viết thành đoạn văn hoàn chỉnh). **B3. Báo cáo thảo luận** - GV gọi 2-3 HS lên trình bày đoạn văn đã chuẩn bị ở nhà. - Các HS còn lại theo dõi, góp ý, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; tuyên dương những HS làm tốt. - GV thu lại bài viết của HS và có thể chấm, sửa chữa, nhận xét 1 - 2 bài ngay tại lớp (nếu có thời gian).	HS có thể có nhiều cách trình bày đoạn văn theo những cách khác nhau song cần lưu ý: 1. Viết đúng cấu trúc đoạn văn và yêu cầu của kiểu văn bản: có luận điểm rõ ràng, các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. 2. Biết cách triển khai đoạn văn: - Mở đoạn: Giới thiệu được vấn đề nghị luận: các cuộc chiến tranh và xung đột xảy ra nhằm tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm, nguồn nước,... trên thế giới hiện nay. - Thân đoạn: + Thực trạng các cuộc chiến tranh và xung đột xảy ra nhằm tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm, nguồn nước,... trên thế giới hiện nay. + Nguyên nhân dẫn đến các cuộc chiến tranh, xung đột. + Hậu quả của các cuộc chiến tranh, xung đột. + Giải pháp khắc phục tình trạng chiến tranh, xung đột. - Kết đoạn: Khái quát lại vấn đề và rút ra bài học.

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề	
3	Đoạn văn có luận điểm rõ ràng, các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục; đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự	

	kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS nhận thức được bài học cuộc sống qua một văn bản thông tin hiện đại.
- HS biết cách vận dụng kiến thức, kĩ năng hình thành từ bài học để giải quyết một vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

- Từ lịch sử của muối, rút ra những bài học quan trọng với thế giới đương đại.
- Từ văn bản, tìm hiểu về một xu hướng khá nổi bật trong sử học đương đại: viết lại lịch sử nhân loại theo hướng quan tâm đến những "tiểu lịch sử", "vi hình lịch sử" - những mảng lịch sử đã bị chìm khuất trong các thư tịch chính thống.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và nêu câu hỏi (có thể chiếu các câu hỏi lên màn hình) cho HS thảo luận, trả lời:

- *Từ lịch sử của muối, em rút ra những bài học quan trọng gì đối với thế giới đương đại?*
- *Từ văn bản, em hiểu gì về xu hướng khá nổi bật trong sử học đương đại: viết lại lịch sử nhân loại theo hướng quan tâm đến những "tiểu lịch sử", "vi hình lịch sử" - những mảng lịch sử đã bị chìm khuất trong các thư tịch chính thống?*

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận theo nhóm để trả lời các câu hỏi.

B3. Báo cáo thảo luận

- GV yêu cầu đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả làm việc.
- GV cho HS đánh giá chéo lẫn nhau, bổ sung cho nhau để hoàn thiện.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, đánh giá việc hoạt động nhóm của HS; tổng hợp, bổ sung và chuẩn hóa kiến thức.
- Đối với câu hỏi thứ 2, GV có thể hướng dẫn HS tìm đọc thêm những cuốn sách khác về lịch sử đã xuất bản của Mác Kơ-len-xki, những cuốn sách theo hướng tương tự của tác giả Việt Nam như *Chuyện trà - Lịch sử một thức uống lâu đời của người Việt, Ngàn năm áo mũ* của Trần Quang Đức... để hiểu thêm về xu hướng viết sử trong sử học đương đại.

Rubic đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	**0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	**1 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung	**1 - 3 điểm**	**4 – 5 điểm**	**6 điểm**

(6 điểm)	Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	**0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	**1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	**2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

4. Củng cố:
- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung kiến thức trong phần Tri thức Ngữ văn của bài 8
- Ôn tập những đơn vị kiến thức đã học trong văn bản *Đời muối*.

5. HDVN:
- Hoàn thành đoạn văn trong phần Luyện tập.
- Tìm đọc thêm các văn bản cùng thể loại, cùng chủ đề,
- Chuẩn bị bài thực hành tiếng Việt: *Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ*.

Tiết 86: TRẢ BÀI VIẾT GỮA KÌ II
(ĐÁP ÁN ĐỀ TẬP TRUNG)

PHẦN 2. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
Tiết 87: TÔN TRỌNG VÀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức:
- Trình bày được các quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

2. Về năng lực:
- Biết cách sử dụng sản phẩm trí tuệ của người khác để phục vụ cho học tập và làm việc mà không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả.
- Vận dụng được các kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập và các vấn đề gặp phải trong cuộc sống
- Tự tin áp dụng sự hiểu biết của người học để trình bày quan điểm về quyền tác giả và tôn trọng quyền tác giả.
- Biết bảo vệ sản phẩm do chính mình tạo ra. Phát hiện các trường hợp đạo văn, đạo ý tưởng.

3. Về phẩm chất: Có ý thức tôn trọng và bảo vệ sản phẩm trí tuệ của các tác giả.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính; máy chiếu; bảng phụ

2. Học liệu: SGK; SGV Ngữ văn 12, tập 2; phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Huy động kiến thức của học sinh về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của tác giả; tạo tâm thế cho người học.

b. Nội dung: GV cho HS xem ảnh, gợi dẫn HS tới vấn đề vi phạm bản quyền trong lĩnh vực thời trang nói riêng và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung

c. Sản phẩm: Học sinh trình bày câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS xem 2 ảnh, trả lời câu hỏi **B2. Thực hiện nhiệm vụ** **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV khuyến khích HS giơ tay trả lời. Có thể gọi 2-3 HS bày tỏ suy nghĩ. - GV nhận xét, đưa ra đáp án **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV dẫn dắt vào bài:Trong học tập và cuộc sống sẽ có rất nhiều lần chúng ta tham khảo ý tưởng, phát hiện, tìm tòi... của người khác. Vậy làm thế nào để chúng ta có thể tiếp thu, kế thừa và phát triển nhưng không vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ, có thái độ tôn trọng và bảo vệ quyền tác giả. Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em điều đó.	**- Vấn đề vi phạm bản quyền trong lĩnh vực thời trang**

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Trình bày được các quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
- Tôn trọng quyền tác giả, sản phẩm của người khác
- Tránh vi phạm quyền sở hữu trí tuệ

b. Nội dung: GV tổ chức hoạt động theo nhóm

- Nhóm 1: trình bày hiểu biết của mình về quyền sở hữu trí tuệ
- Nhóm 2: trình bày các quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

c. Sản phẩm: Phần trình bày của HS

Bài tập 1 . Một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Bài tập 2. Dẫn chứng về việc mượn từ hoặc mượn câu chữ của người khác trong văn học trung đại

Ví dụ: Khi sáng tác kiệt tác "Truyện Kiều" Nguyễn Du đã dựa theo bộ truyện văn xuôi "Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm Tài Nhân, lấy bối cảnh Trung Quốc thời vua Gia Tĩnh Đế đời nhà Minh (từ năm 1521 tới năm 1567)

i. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VIỆC TÔN TRỌNG VÀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ nhóm: - Nhóm 1: trình bày hiểu biết của mình về quyền sở hữu trí tuệ - Nhóm 2: trình bày các quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, GV quan sát, điều hành HS **B3. Báo cáo thảo luận** GV tổ chức cho HS báo cáo, thảo luận **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận	- Khái niệm: Quyền sở hữu trí tuệ là quyền sở hữu đối với kết quả của hoạt động sáng tạo của con người. Quyền tác giả là quyền sở hữu của cá nhân, pháp nhân đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu, thường gọi là bản quyền tác giả. - Một số quy định: + Tất cả những gì được kế thừa của người khác đều phải được dẫn nguồn, nếu không sẽ bị coi là đạo văn. Tuy nhiên, có những tri thức phổ quát, được mặc định là tài sản chung của cộng đồng hay nhân loại thì khi dùng không cần chú nguồn, ví dụ: Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời; Văn học là nghệ thuật của ngôn từ; Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người;... + Khi trích dẫn trực tiếp và đặt phần trích dẫn trong ngoặc kép, cần dẫn đúng nguyên văn kể cả khi có những ý tưởng, thông tin, cách diễn đạt trong văn bản gốc bị coi là sai. Người viết có thể dùng cước chú để thuyết minh về ý tưởng, thông tin, cách diễn đạt bị coi là sai đó hoặc dùng kí hiệu [sic], một từ trong tiếng La-tinh có nghĩa là "nguyên văn như vậy". Nếu có phần nào đó bị cắt thì cần đánh dấu chỗ bị cắt bằng kí hiệu [...]. + Ngoài trích dẫn trong phần chính của văn bản, việc sử dụng kết quả lao động sáng tạo của người khác có thể được thể hiện qua cước chú. Với một số kiểu văn bản như báo cáo nghiên cứu, bài đăng ở tạp chí chuyên ngành, luận văn, luận án, sách chuyên khảo,... còn có phần Tài liệu tham khảo, thường được đặt sau văn bản, liệt kê các công trình mà người viết tham khảo với đầy đủ thông tin về tác giả, tên công trình, nhà xuất bản, năm xuất bản. *Một số dẫn chứng: - "Hịch tướng sĩ" của Trần Hưng Đạo sử dụng

B1.GV chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS thảo luận về vấn đề: dẫn chứng về việc mượn từ hoặc mượn câu chữ của người khác trong văn học trung đại. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** **B3. Báo cáo thảo luận** GV tổ chức cho HS báo cáo, thảo luận **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận	nhiều điển tích và thành ngữ từ văn học Trung Quốc như: "dân chúng bốn cõi," "phá cường địch, phục cường lưu," "nếu biết tuân theo mệnh lệnh" và "quyết không đội trời chung." - "Chinh phụ ngâm khúc" của Đặng Trần Côn mượn nguyên câu chữ từ nhiều bài thơ Đường như: + "Đăng Lạc Dương thành" của Vương Duy: "Hôm qua tiễn biệt Trường An, hôm nay đã đến Lạc Dương." + "Tống biệt" của Vương Duy: "Quân tẩu tây tòng quân, tống quân mạc tái sầu."

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Áp dụng kiến thức được học để giải quyết các nhiệm vụ học tập

b. Nội dung: Thực hiện các bài tập trong SGK *Ngữ văn 12,* tập hai, tr. 79

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ hoàn thành bài tập cho HS **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS hoàn thành bài tập - GV quan sát lớp và điều hành **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trình bài tập - Khuyến khích học sinh đưa ra nhiều câu trả lời về cách diễn đạt gián tiếp. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	Bài 2: Đọc đoạn văn dưới đây và xác định các dấu hiệu cho thấy người viết có ý thức tuân thủ quy định về trích dẫn: Đánh giá về nhà văn Nguyễn Tuân, nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh viết: "Ông không hoàn toàn thoát li thực tại, nhưng nhìn thực tại ông chỉ thấy vẻ đẹp, chất thơ thuộc về những cái của ngày xưa còn vương sót lại. [...] Hồi ấy, đối với những cái hiện tại ông thường chỉ dành cho những lời khinh bạc. Nhưng đối với những cái của ngày xưa, giọng văn của ông bao giờ cũng đôn hậu.".(Bài làm của học sinh) Gợi ý: - Sử dụng dấu ngoặc kép: "Ông không hoàn toàn thoát li thực tại, nhưng nhìn thực tại ông chỉ thấy vẻ đẹp, chất thơ thuộc về những cái của ngày xưa còn vương sót lại". - Ghi rõ nguồn bài làm. - Sử dụng trích dẫn để làm rõ ý kiến: lấy nhận xét của Nguyễn Đăng Mạnh về Nguyễn Tuân. Bài 3: Hãy viết lại các đoạn văn dùng cách dẫn trực tiếp dưới dây thành đoạn văn dùng cách dẫn gián tiếp, mang tính chất tóm lược. Trong "Yêu và đồng cảm" của Phong Tứ Khải có đoạn viết: "Nói cách khác, con người ta vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Chỉ vì lớn lên bị cách nghĩ của người đời dồn ép, nên tấm lòng áy mới bị cản trở hoặc hao mòn. Chỉ có kẻ thông minh mới không khuất phục, dù bên

	ngoài chịu đủ thứ áp bức thì bên trong vẫn giữ được lòng đồng cảm đáng quý no. Những người ấy chính là nghệ sĩ.”. (Phong Tử Khải, Yêu và đồng cảm, in trong Ngữ văn 10, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2022, tr. 80) Gợi ý: Trong tác phẩm “Yêu và đồng cảm,” Phong Tử Khải cho rằng con người vốn giàu lòng đồng cảm, nhưng áp lực xã hội có thể làm cản trở hoặc hao mòn phẩm chất này. Chỉ những người thông minh, giữ được sự độc lập trong suy nghĩ mới có thể bảo tồn lòng đồng cảm, và những người như vậy chính là nghệ sĩ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Áp dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để nêu quan điểm của bản thân về vấn đề đạo văn, quyền tác giả và quyền sở hữu trí tuệ.
- Tìm hiểu và phát hiện các trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

b. Nội dung: Nêu quan điểm của bạn về vấn đề đạo văn. Tự nhận xét về việc bản thân sử dụng ý tưởng của người khác khi thực hiện các bài viết trong quá trình học tập.

c. Sản phẩm: HS trình bày bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ hoàn thành bài tập cho HS **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS hoàn thành bài tập - GV quan sát lớp và điều hành **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trình bài tập - Khuyến khích học sinh đưa ra nhiều câu trả lời về cách diễn đạt gián tiếp. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	Nêu quan điểm của bạn về vấn đề đạo văn. Tự nhận xét về việc bản thân sử dụng ý tưởng của người khác khi thực hiện các bài viết trong quá trình học tập. Gợi ý: Đạo văn là hành vi sử dụng ý tưởng hoặc văn bản của người khác mà không trích dẫn nguồn, vi phạm đạo đức và ảnh hưởng xấu đến uy tín cá nhân và tổ chức. Tôi hoàn toàn phản đối đạo văn vì nó thiếu trung thực và không tôn trọng công sức người khác. Khi học tập và viết bài, tôi luôn cố gắng trích dẫn đầy đủ nguồn tham khảo để đảm bảo trung thực và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ. Sử dụng ý tưởng của người khác một cách đúng đắn không chỉ tránh được đạo văn mà còn phát triển kỹ năng nghiên cứu và phân tích của bản thân.

4. Củng cố:

- Tìm trong văn học Việt Nam các trường hợp mượn ý tưởng hoặc mượn nguyên văn câu chữ từ một tác phẩm khác mà em biết.
- Lí giải vì sao trong thời kì văn học trung đại lại có hiện tượng mượn ý tưởng?

5. HDVN:

- Tìm thêm các trường hợp mượn ý tưởng trong các lĩnh vực của cuộc sống ngoài lĩnh vực Văn

PHẦN 3. VIẾT

Tiết 88,89: VIẾT THƯ TRAO ĐỔI VỀ CÔNG VIỆC HOẶC MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Viết được thư trao đổi về công việc hoặc vấn đề đáng quan tâm.

2. Về năng lực:

- Xác định được các bước trong quy trình viết một bức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm đáp ứng được các yêu cầu của kiểu bài.
- Viết được một bức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm sau khi lựa chọn được đề tài phù hợp.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thiện bức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm có sức hấp dẫn đối với người đọc

3. Về phẩm chất: Chủ động, tích cực và cẩn trọng trong khi viết bài.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV Ngữ văn 12, tập hai, kế hoạch bài dạy, giấy A0, sơ đồ về quy trình viết.

2. Học liệu:

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Khơi gợi sự hứng thú của HS với bài học.

b. Nội dung: Thảo luận về một vấn đề xã hội mà hs quan tâm

c. Sản phẩm: Bài viết**,** chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Cách 1: **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Chia sẻ về một vấn đề xã hội mà em quan tâm. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B3. Báo cáo thảo luận:** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. *** HS thành các cặp** và yêu cầu mỗi cặp thảo luận về một vấn đề xã hội mà họ quan tâm. - Hướng dẫn HS chia sẻ các nội dung: + Vấn đề em quan tâm là gì? + Tại sao em lại quan tâm đến vấn đề đó? + Vấn đề này đang có những hạn chế nào cần khắc phục? + Cần giải quyết những hạn chế đó ra sao? - Mỗi HS viết một bức thư trao đổi về vấn đề đã thảo luận với bạn của mình. ***HS chia sẻ và phản hồi** - Mời 1-2 cặp HS lên chia sẻ trước lớp về vấn đề xã hội mà họ đã thảo luận. - GV lưu ý HS chia sẻ các nội dung như đã hướng dẫn. - Sau mỗi phần chia sẻ, GV và các HS khác đặt câu hỏi và đưa	Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

ra phản hồi. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV tổng kết:** - Nhận xét chung về phần chia sẻ của các cặp HS. - Nhấn mạnh lại tầm quan trọng của việc trao đổi và viết thư về các vấn đề xã hội. - Dặn dò HS hoàn thiện bức thư của mình và nộp lại vào tiết sau. Lưu ý: + Khuyến khích HS chọn những vấn đề xã hội gần gũi và thiết thực với cuộc sống của các em. + Đảm bảo tất cả HS đều có cơ hội tham gia và chia sẻ ý kiến của mình. + Tạo không khí thoải mái, khuyến khích sự sáng tạo và tự tin trong phần trình bày của HS. **Cách 2:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Xem video rút ra nhận xét về vai trò của những bức thư ngoại giao mà Nguyễn Trãi viết cho quân giặc **B2, 3. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thực hiện nhiệm vụ - xem vi deo, GV quan sát, điều hành lớp. - Hs trả lời độc lập. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV tổng kết:** - Nhận xét phần trả lời của từng hs, tổng hợp. - Nhấn mạnh lại tầm quan trọng của việc trao đổi và viết thư về các vấn đề xã hội.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu trong SGK.

a. **Mục tiêu**: giúp HS nắm vững các bước trong quy trình viết thư.

b. Nội dung: HS trao đổi nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập các yêu cầu khi viết thư trao đổi về một vấn đề xã hội mà hs quan tâm

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: yêu câu HS tìm hiểu yêu cầu trong SGK. **B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc độc lập** • Xác định rõ đối tượng nhận thư (cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức). • Thể hiện rõ mục đích viết thư và vấn đề chính được trình bày, trao đổi, bàn luận trong thư. • Trình bày tường minh, mạch lạc các thông tin (nếu mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin) hoặc triển khai các nội dung phù hợp để khẳng định một quan niệm hay sự cần thiết phải tiến hành công việc hay hoạt động (nếu mục đích chủ yếu là thuyết phục). Sử dụng ngôn ngữ (gồm cả từ ngữ xưng hô) phù hợp với mục đích viết thư và người nhận.	Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

Sử dụng yếu tố bổ trợ để đạt được mục đích viết một cách hiệu quả. **B3. HS trả lời độc lập** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. **Mục tiêu**: Xác định được các bước trong quy trình viết một bức thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm đáp ứng được các yêu cầu của kiểu bài.

b. Nội dung: HS đọc kĩ văn bản tham khảo, giáo viên phát vấn các yêu cầu sau bài viết tham khảo

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** **Đọc bài viết tham khảo và thực hiện yêu cầu** 1. Giữa người viết thư và người nhận thư có mối quan hệ gì? Quan hệ đó thể hiện như thế nào qua ngôn ngữ được dùng trong thư? Người nhận thư có đặc điểm gì đáng chú ý? 2. Bức thư này được viết nhằm mục đích gì? Thư trao đổi, bàn luận về vấn đề gì? 3. Phần mở đầu thư có gì đáng chú ý? Nội dung tiếp theo của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư? 4. Người viết dùng những yếu tố bổ trợ nào để thuyết phục người đọc về vấn đề được bàn đến trong thư? 5. Qua bức thư tham khảo, em rút ra được kinh nghiệm gì khi viết thư? **B3. Báo cáo thảo luận:** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	1. – Người viết thư và người nhận thư là chị em ruột trong cùng một nhà. – Ngôn ngữ thể hiện: Ma-két-ta yêu quý; Em có khoẻ không?; Kể cho chị nghe về Luân Đôn;… – Người nhận đang đi học ở Luân Đôn, một nơi xa nhà. 2. Mục đích viết thư là trao đổi, bàn luận về sự việc: Tình trạng bất công với những người lao động ở châu Phi. 3. – Phần mở đầu thư bằng cách hỏi thăm về sức khoẻ, công việc đầy thân mật. Sau đó, nêu sự việc bằng cách gây tò mò cho người đọc: sự việc đúc kết một kinh nghiệm: "trông người mà nghĩ đến ta". – Các sự việc tiếp theo được trình bày theo trình tự thời gian, liên quan đến câu chuyện mà người chị kể. Trình tự này có liên quan chặt chẽ đến mục đích viết thư. 4. Sử : tự sự, biểu cảm. Những yếu tố này làm cho bức thư thêm lôi cuốn, hấp dẫn và thuyết phục người đọc về vấn đề đặt ra. 5. Kinh nghiệm của HS rút ra từ bức thư.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. **Mục tiêu**: Huy động trải nghiệm, kiến thức của HS về một vấn đề xã hội.

b. Nội dung: Hãy lựa chọn một đề tài mà em quan tâm và thực hiện các nhiệm vụ sau:

Câu 1. Lập dàn ý cho bức thư viết về vấn đề em quan tâm.

Câu 2. Viết một bức thư về vấn đề em quan tâm theo dàn ý đã lập.

Câu 3. Chỉnh sửa bài viết.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	

B2,3. Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo thảo luận:

– Xác định rõ đối tượng nhận thư (cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức).

– Thể hiện rõ mục đích viết thư và vấn đề chính được trình bày, trao đổi, bàn luận trong thư.

– Trình bày tường minh, mạch lạc các thông tin (nếu mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin) hoặc triển khai các nội dung phù hợp để khẳng định một quan niệm hay sự cần thiết phải tiến hành công việc hay hoạt động (nếu mục đích chủ yếu là thuyết phục).

– Sử dụng ngôn ngữ (gồm cả từ ngữ xưng hô) phù hợp với mục đích viết thư và người nhận.

– Sử dụng yếu tố bổ trợ để đạt được mục đích viết một cách hiệu quả.

B3.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

STT	Các b bước	Mô tả các
1	Chuẩn bị viết	
2	Tìm ý, lập dàn ý	
3	Viết	
4	Chỉnh sửa, hoàn thiện	

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Qua nghiên cứu bài viết tham khảo và mục *Yêu cầu* về kiểu bài (tr. 80), em hãy cho biết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm cần những yêu cầu nào? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** **B3. Báo cáo thảo luận:**	Câu 1. GV gợi ý một số vấn đề mà các em quan tâm: Viết thư xin tài trợ sách cho trẻ em vùng cao, viết thư cho nhà văn chia sẻ về 1 vấn đề trong tác phẩm, viết thư cho bạn thân cùng lập nhóm để thực hiện các hoạt động thiện nguyện…. Đề minh họa: **Viết thư xin học bổng từ 1 trường đại học** **Phần đầu thư**: “....., ngày ... tháng ... năm Kính gửi: Hội đồng xét duyệt Trường đại học …. Em tên là:…, học sinh trường..... Địa chỉ thường trú……” **Phần nội dung chính:** Những ý chính và nội dung cần triển khai bao gồm: - Lý do viết thư xin học bổng này (Sự phù hợp, điều kiện kinh tế,….) - Bày tỏ quan điểm và khẳng định: mình là người phù hợp, xứng đáng cho suất học bổng này - Chứng minh qua quá trình, kết quả học tập tại trường (chủ yếu là liệt kê các thành tích, danh hiệu về học tập, hoạt động…) - Dùng lí lẽ chân thành thuyết phục, mong muốn sự ủng hộ. **Phần cuối thư**: - Nhấn mạnh lại về mong muốn nguyện vọng của bạn với suất học bổng đó. - Lời cảm ơn chân thành

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Ký và ghi rõ họ tên của mình bên dưới mục người viết thư.

Câu 2. Bức thư của HS.

Câu 3. Sau khi HS làm bài, GV hướng dẫn HS tự rà soát và rà soát chéo bài viết của mình theo bảng tiêu chí sau:

Tiêu chí		**Nội dung kiểm tra**	**Đạt**	**Chưa đạt**
	Phần đầu thư	Địa điểm thời gian viết thư, người nhận		
Nội dung		Lời chào mở đầu, lời giới thiệu, lời hỏi thăm		
	Phần nội dung chính	Mục đích, lí do viết thư		
		Suy nghĩ, quan điểm của người viết		
		Đưa ra bằng chứng xác đáng, tin cậy để làm rõ nội dung hoặc các giải pháp cho công việc..		
		Thuyết phục đối tượng nhận thư đồng tình, đồng thuận		
	Phần cuối thư	Bày tỏ mong muốn, lời cảm ơn, lời chúc		
		Danh tính người viết thư		
Hình thức		Bố cục cân đối, mở đầu và kết thúc tương xứng về dung lượng		
		Ngôn ngữ viết phù hợp với đối tượng nhận thư		
		Không mắc lỗi diễn đạt, đúng chính tả.		

Chú ý: *Thư có bố cục linh hoạt nên phần nội dung chính có thể thể đổi trình tự theo mục đích cũng như mối quan hệ giữa người viết thư và đối tượng nhận thư.*

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	**Dự kiến sản phẩm**
Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để lập dàn ý. GV cho HS làm việc cá nhân để hoàn thiện bài viết. Lưu ý HS bám sát vào dàn ý đã lập, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với đối tượng nhận thư, kết hợp các yếu tố bổ trợ như: miêu tả, biểu cảm, nghị luận,… và các phương tiện phi ngôn ngữ (nếu có). **Đánh giá kết quả thực hiện:**	Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. **Mục tiêu**: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thiện bức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm đáp ứng được các yêu cầu của kiểu bài.

b. Nội dung: Hoàn thiện lại bài viết theo góp ý của GV và các bạn cùng lớp.

c. Sản phẩm: Bài viết hoàn chỉnh của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. **B3,4. Báo cáo thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện:** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. HS có thể nộp bài online hoặc trực tiếp cho GV. GV chọn một số bài để nhận xét ở buổi học tiếp theo.	Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

4. Củng cố:

- Các bước trong quy trình viết một bức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm
- Sử dụng yếu tố bổ trợ để thuyết phục người đọc

5. HDVN:

- Viết bức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm
- Chuẩn bị tiết nói và nghe

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 90: TRANH BIỆN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh biết lựa chọn một vấn đề xã hội phù hợp, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức tranh biện
- Học sinh biết tranh biện có hiệu quả và có văn hóa về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi
- Học sinh biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,…xoay quanh vấn đề xã hội mà mình tranh biện hoặc nghe học sinh khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe

3. Về phẩm chất: Phẩm chất và tinh thần về công dân số, công dân toàn cầu được rút ra từ tác phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: GV phát vấn: Theo bạn, tranh biện là gì? Mục đích của tranh biện?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
GV phát vấn: Theo bạn, tranh luận là gì? Mục đích của tranh luận? **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV đặt câu hỏi **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ và trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên dẫn dắt vào bài học	**Gợi ý đáp án:** -Tranh biện hay còn gọi là tranh luận, một hoạt động giao tiếp và tư duy mà trong đó các cá nhân hoặc nhóm thảo luận về một vấn đề có tính chất tranh cãi, mỗi bên đưa ra những quan điểm và luận cứ riêng để bảo vệ hoặc phản đối một quan điểm cụ thể. - Mục đích của tranh biện: + Phát triển tư duy phản biện + Cải thiện kĩ năng giao tiếp + Nâng cao kiến thức và hiểu biết xã hội + Rèn luyện kỹ năng lập luận +Phát triển tinh thần hợp tác + Tăng cường lắng nghe và hiểu biết + Thúc đẩy tư duy sáng tạo + Xây dựng tinh thần dân chủ => Tranh biện không chỉ là kỹ năng quan trọng trong giao tiếp mà còn là công cụ học tập để phát triển bản thân

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết lựa chọn một vấn đề xã hội phù hợp, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức tranh biện
- Học sinh biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,…xoay quanh vấn đề xã hội mà mình tranh biện hoặc nghe học sinh khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe
- Học sinh hoàn thiện phiếu học tập về kĩ năng nói nghe

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị - HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân - HS thực hành lập dàn ý, chuẩn	**I. Chuẩn bị tranh biện .** **1. Lựa chọn đề tài:** - Chọn vấn đề mang tính thời sự, thiết thực với đời sống và có những quan điểm tiếp cận trái chiều, đáp ứng được sự quan tâm, chờ đợi của người tham gia - Vấn đề tranh biện thường được phát vấn dưới hình thức một ý kiến, nhận định, những người tham gia sẽ thể hiện ý kiến tán thành hay phản đối

bị ý **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hành nói theo chủ đề **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên chốt những kiến thức	- Ví dụ: + Học sinh nên sử dụng điện thoại thông minh trong giờ học với mục đích giáo dục + Việc phân loại và tái chế rác thải tại nguồn là nghĩa vụ bắt buộc của mọi hộ gia đình + Công nghệ hiện đại đang phá hủy khả năng tập trung và học tập của học sinh +Học tập trực tuyến hiệu quả hơn so với học tập truyền thống trong lớp học **2. Lập đội tham gia tranh biện** - Phân chia đội: 2 đội chơi (4-5 thành viên): 1 đội tán thành, 1 đổi phản đối - Lựa chọn quan điểm: Mỗi đội được giao một quan điểm cụ thể để bảo vệ - Vai trò của các thành viên: Trong mỗi đội phân công vài trò cụ thể + Người mở đầu: đưa ra luận điểm chính của vấn đề tranh biện + Người phát triển luận điểm: Đưa ra chi tiết, bằng chứng + Người tổng kết: Tổng kết, đánh giá khái quát lại vấn đề và củng cố lại luận điểm - Người điều hành và khán giả: + Theo dõi thời và điều chỉnh thời gian + Giữ cho cuộc tranh biện diễn ra công bằng trật tự + Đánh giá hoặc bình chọn **3. Nghiên cứu vấn đề đã lựa chọn và chuẩn bị ý kiến tranh biện** - Tìm hiểu kĩ vấn đề - Dự kiến những lí lẽ có thể phản bác và suy đoán những lí lẽ mà phía đối lập có thể sử dụng để bảo vệ quan điểm của họ - Hình dung rõ ràng nhiệm vụ của đội trong tranh biện -Phân biệt được ba loại lập luận: + Lập luận chứng minh quan điểm mình đúng + Lập luận chứng minh quan điểm đối lập sai trái + Lập luận bảo vệ quan điểm của mình - Tập trung vào sự thuyết phục - Luyện tập và thảo luận nhóm **4. Quy tắc tranh biện** - Tinh trọng, bình đẳng và lắng nghe - Thời gian tranh biện - Lập luận rõ ràng, có cơ sở -Trả lời câu hỏi và phản biện - Giữ thái độ khách quan, cở mở - Thông tin chuẩn xác - Tôn trọng quyết định của người điều hành - Kết thúc một cách lịch sự - Bám sát vấn đề tranh luận

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài tranh biện

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubic chấm

c. Sản phẩm: Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS và và ý kiến của người nghe về vấn đề trong đời sống

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ: Học đại học có phải là con đường tiến thân duy nhất của giới trẻ ngày nay? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thực hành tranh biện **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh trao đổi, đánh giá theo phiếu phụ lục **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	HS có thể đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng khác nhau, chỉ cần thuyết phục và hợp lí. Có thể tham khảo hướng dưới đây: - HS đồng tình: + Nền tảng kiến thức chuyên sâu + Cơ hội phát triển kỹ năng mềm + Cơ hội nghệ nghiệp và thu nhập cao + Tạo điều kiện cho sự học tập suốt đời + Hs nêu dẫn chứng phù hợp - HS phản đối: + Có nhiều con đường khẳng định bản thân + Chi phí và thời gian: cao + Thực tế thị trường lao động chưa phù hợp với việc đào tạo của các trường đại học + Khởi nghiệp sáng tạo không nhất thiết phải phụ thuộc vào tấm bằng đại học + Dẫn chứng phù hợp - Kết luận: + Cần xem xét lựa chọn việc học đại học theo nhu cầu và khả năng + Khuyến khích đa dạng trong việc lựa chọn con đường khởi nghiệp, không nhất thiết phải học đại học + Tôn trọng sự lựa chọn cách học tập và phát triển bản thân sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông ⇨ Cuộc tranh biện này giúp cho hs có cái nhìn rộng hơn về việc lựa chọn con đường phát triển bản thân

Phụ lục:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Vấn đề tranh biện thực sự có ý nghĩa.		
2	Cuộc tranh biện đã đề cập đầy đủ các phương diện của vấn đề.		
3	Có lý lẽ, bằng chứng thuyết phục người nghe.		
4	Có sự chuẩn bị tốt và tự tin khi tranh biện.		
5	Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm khi tranh biện.		
6	Có cử chỉ, điệu bộ thể hiện sự tương tác với phía đối lập và chủ tọa.		

7	Có ngữ điệu (âm lượng, tốc độ,...) linh hoạt, phù hợp.		
8	Sử dụng phương tiện hỗ trợ như sơ đồ tư duy, hình ảnh, video clip,... một cách hiệu quả.		
9	Tuân thủ quy tắc và thời gian tranh biện.		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh viết bài văn nghị luận bàn về vấn đề trên sau tranh biện

b. Nội dung: Học sinh viết bài văn nghị luận bàn về vấn đề trên sau tranh biện

Học đại học có phải là con đường tiến thân duy nhất của giới trẻ ngày này?

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Dự kiến Sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh viết bài **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

4. Củng cố: Lựa chọn một vấn đề xã hội phù hợp, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức tranh biện

5. HDVN

1. Tìm đọc thêm các văn bản thông tin
2. Tranh biện với các bạn trong lớp về một số vấn đề đã gợi ý trong tiết học
3. Chuẩn bị bài 9: văn học và cuộc sống (Tìm hiểu tri thức Ngữ văn, đọc các văn bản, tóm tắt và trả lời câu hỏi trong SGK)

Tiết 91. CỦNG CỐ, MỞ RỘNG. : THỰC HÀNH ĐỌC SÁCH THAY ĐỔI LỊCH SỬ LOÀI NGƯỜI (Vũ Đức Liêm)

I. MỤC TIÊU

1.Về kiến thức:

- Hệ thống các ý chính, ý phụ, các chi tiết trong văn bản.
- Quan điểm của tác giả về vai trò của sách đối với lịch sử loài người và những dữ liệu lịch sử được sử dụng để làm sáng tỏ quan điểm đó.

2. Về năng lực:

a. Về năng lực chung:

- Nêu cảm nhận về nội dung chính của các văn bản thông tin.
- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc.

b. Về năng lực đặc thù:

- Nêu cảm nhận về bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp nội dung và nhan đề.

- Phân tích, suy luận mỗi liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin; phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.

3. Về phẩm chất: Chia sẻ thêm các câu chuyện về sách thay đổi lịch sử loài người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, máy tính

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: -HS tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của sách? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS tham gia trò chơi; nêu suy nghĩ và trả lời cá nhân. - GV quan sát, khích lệ **B3. Báo cáo thảo luận:** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	**-Có 7 cột mốc lớn trong lịch sử phát triển của các thiết bị lưu trữ thông tin:** + Thiết bị lưu trữ thông tin đầu tiên được sử dụng là **table**t làm bằng đất sét ra đời vào khoảng 2500 TCN ở vùng Lưỡng Hà (Mesopotamia). +Trong khi đó ở Ai Cập, người Ai cập lại sử dụng **cuộn giấy papyrus** (tên một loại cây chỉ có ở Ai Cập) làm thiết bị để viết. +Đột phá lớn thứ ba đó là sự ra đời của **sách** ở dạng lật trang như thời hiện đại thay vì là một cuộn giấy dài. + Sau đó là sự ra đời của **máy in** sử dụng khuôn là các chữ cái Latin bằng kim loại do Gutenberg phát minh vào năm 1450. + Tiếp đó, máy in của **Gutenberg** được cải tiến và sử dụng đầu máy hơi nước thay vì sức người vào năm 1800. + 2 phát minh gần đây nhất chính là kỹ thuật in offset (**máy in hiện đại**) và sự ra đời của **sách điện tử.**

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Thực hành kĩ năng đọc hiểu văn bản

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu trong hoạt động. Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về tác giả, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **1. Đọc:** **a/ Đọc** - GV hướng dẫn HS cách đọc VB: Chú ý ngữ điệu **b/ Tra cứu, giải thích nghĩa của cá thuật ngữ** - Tân thư, Tân văn: Danh từ chỉ sách mới, mang kiến thức hiện đại, khác biệt với truyền thống. - Diễn ngôn: Sự truyền đạt thông qua lời nói hoặc sự trình bày cụ thể về một đề tài. - Thư tịch: Thuật ngữ cũ chỉ sách vở. - Thư mục học: Lĩnh vực nghiên cứu về tổ chức và phương pháp hoạt động của thư viện. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** -HS tìm hiểu nét chính tác giả và xuất xứ văn bản theo nhóm đôi thảo luận nội dung đã chuẩn bị ở nhà. **B3. Báo cáo thảo luận** - GV gọi 1-2 đại diện các nhóm trình bày tin về tác giả, tác phẩm. - Những HS khác nhận xét, góp ý. - HS trình bày tiếp thu phản hồi ý kiến. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS và định hướng HS tự chốt kiến thức.	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Vũ Đức Liêm sinh năm 1986, quê ở tỉnh Thanh Hóa. - Là nhà sử học, giảng viên khoa Lịch sử Trường Đại học sư phạm Hà Nội; Là tác giả của một số công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam và Đông Nam Á được xuất bản trên tạp chí và sách biên tập trong và ngoài nước. *+ Năm học 2003- 2004: giải nhì HSG Quốc gia môn lịch sử.* *+ 2008:Nhận bằng khen cho giải nhì cấp quốc gia cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa hoc; Tốt nghiệp loại giỏi, thủ khoa khóa hoc 2004-2008.* *+ Nghiên cứu sinh tại nước ngoài nhận được nhiều học bổng có giá trị…* *+ Cố vấn môn lịch sử cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia* **2. Văn bản** - Xuất xứ: Trích tạp chí ***Tia sáng***, ngày 02/7/2021. - Bố cục: + Giới thiệu vấn đề nghị luận + Vai trò của sách trong việc thay đổi lịch sử loài người + Khẳng định tầm quan trong của sách đối với lịch sử loài người.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại văn bản.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, thảo luận nhóm để tìm hiểu về văn bản.

c. Sản phẩm: PHT của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** -Để tìm hiểu đặc điểm văn bản, GV yêu cầu HS hoàn thành các nội dung: + Vấn đề nghị luận chính của văn bản. + Vai trò của sách đối với lịch sử loài người + Quan điểm của tác giả về vai trò	**II. Khám phá văn bản** **1. Giới thiệu vấn đề nghị luận** -Sách có sự ảnh hưởng lớn đến sự tiến hóa của các xã hội, sẽ giúp cho con người có sự thay đổi trong thế giới nhân sinh quan và có góc nhìn đa chiều về thời đại. Nhiều cuốn sách đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử nhân loại, thách thức nhận thức, khơi dậy trí tưởng tượng và thúc đẩy tiến bộ. Chúng là kho tàng tri thức và là chất xúc tác cho sự thay đổi. -Sách góp phần tạo ra Châu Âu hiện đại, xã hội

của sách đối với lịch sử loài người và những dữ liệu lịch sử được sử dụng để làm sáng tỏ quan điểm đó. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS chia thành các nhóm, tìm hiểu các yêu cầu GV giao - GV: TS Vũ Đức Liêm từng nói cuộc cách mạng về sách vở thư tịch tiếp theo của nhân loại cũng giống những gì đã diễn ra trong quá khứ: Chuyển từ cuộn sang giấy papyrus, chuyển từ viết trên mảnh đất sét sang cuốn sách, chuyển từ cuốn sách dày bằng da sang sách in ấn gọn nhẹ… việc tồn tại của sách vở không phải là cộng gộp của tri thức từ xưa đến giờ, mà nó cho thấy trong quá khứ con người đã phát triển, tiến hóa từng bậc thang ra sao để có được ngày hôm nay. Ví dụ đơn giản, ngày nay trẻ em đều có thể nói Trái Đất quay quanh Mặt Trời. Nhưng để điều hiển nhiên này được công nhận, con người ta đã phải trả bằng máu và nước mắt, phải lên giàn hỏa thiêu vì nó. "*Ta không chỉ cần biết tri thức, mà còn phải biết để có tri thức đó, loài người đã phải tranh đấu, hy sinh ra sao, và làm thế nào để tri thức tiến bộ được tồn tại, được sống sót trước tất cả cơn hỗn loạn; làm thế nào để hệ tư tưởng, tôn giáo, ý tưởng nhân văn, niềm tin cao đẹp này được tiếp tục*". **B3. Báo cáo thảo luận** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	Đông Á hiện đại… **2. Vai trò của sách đối với lịch sử loài người** **-Lịch sử của sách thời hiện đại cho thấy những tương tác và ảnh hưởng sâu rộng của sách trên nhiều lĩnh vực.** + Dù khó xác định một cuốn sách nào thay đổi hoàn toàn lịch sử, nhiều tác phẩm đã ảnh hưởng sâu sắc, vượt qua ranh giới thời gian và văn hóa, định hình ý thức tập thể của chúng ta. + Văn hóa in ấn bùng nổ kéo theo sự phát triển của sách in, báo, tạp chí, quảng cáo. Một số cuốn sách hay không chỉ tạo ra "*Các diễn ngôn về văn minh, đức tin, trí tuệ, khoa học và tiến bộ*" của thời đại mà còn tham gia dẫn dắt sự vận hành của xã hội loài người, cách mạng khoa học, kĩ thuật, ý thức hệ, cách mạng văn hóa, tư tưởng, chính trị, xã hội… sách góp phần định hình, thúc đẩy hay níu giữ sự tiến hóa của xã hội. Từ các chuyên luận khoa học đến tuyên ngôn chính trị, sách đã trở thành công cụ mạnh mẽ để biến đổi, thách thức chuẩn mực, và ủng hộ một thế giới công bằng hơn. + Ở một góc độ khác, sách mê tín, phù thủy, chiến tranh tôn giáo, tin giả,...cũng tham gia định hình xã hội loài người. Đó là những cuốn sách gây hỗn loạn. Hành động hôn lên cuốn kinh thánh…ra trận + Chính nhu cầu quản lí sách sẽ tạo ra một loạt các thiết chế và lĩnh vực khoa học. "*Có thể kể đến..người Pháp*" **- Mối quan hệ giữa bạn đọc và sách** + Yếu tố quan trọng của thực hành sách là mối quan hệ giữa sách và độc giả. +Bản sắc tri thức mỗi thời đại phụ thuộc vào hoạt động đọc sách "*Một trong…chuyển giao giữa thời đại"* + Hành vi đọc cũng được thay đổi song song với sự thay đổi của không gian đọc, kĩ thuật đọc, thiết bị đọc, mạng lưới độc giả "*Hành vi đọc…chuyện tương lai"* **- Sách tạo ra các làn sóng văn hoá, văn minh** "*Trên cơ sở đó..nhân loại*". Sách đã thay đổi lịch sử..những thay đổi đó mới chỉ bắt đầu ->Văn học, qua nhiều hình thức, đóng vai trò then chốt trong việc định hình nhận thức của chúng ta về thế giới và bản thân, khám phá chiều sâu cảm xúc và phản ánh những chủ đề phổ quát về tình yêu, mất mát và điều kiện con người. **3. Quan điểm của tác giả về vai trò của sách đối với lịch sử loài người và những dữ liệu lịch sử**

	được sử dụng để làm sáng tỏ quan điểm đó. - *Quan điểm của tác giả*: Sách đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng tri thức và thúc đẩy các làn sóng văn hóa toàn cầu. - *Dữ liệu lịch sử*: Sự phong phú của thư tịch ở Trung Hoa trong giai đoạn Sơ kì Cận đại là một ví dụ. Lời mở đầu của một bộ sách thời Minh năm 1599 viết: "Sách bây giờ nhiều vô cùng như biển nước, người ta làm sao mà đọc hết được?" Thư tịch và việc sử dụng thư tịch đã góp phần định vị vai trò của tầng lớp "sĩ", những người dẫn dắt xã hội.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi/ nhóm nhỏ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - Phát biểu chủ đề của tác phẩm và trình bày suy nghĩ của em về chủ đề đó. - Khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện theo cặp hoặc theo bàn, nhóm - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi đại diện một số HS trình bày. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **B4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung** - Sách thay đổi không chỉ là tư duy mà còn là quan điểm sống của mỗi người. Vì sách đem đến cho con người giá trị nhân văn sâu sắc. Đó là quan niệm về một thời đại, một xã hội và ở đó những vấn đề xã hội được đặt ra để bộc lộ quan niệm của mỗi nhà văn về các vấn đề diễn ra trong thực tại đời sống.Thông qua những tác phẩm văn học, người đọc sẽ có cái nhìn đa chiều, đa góc độ hơn về cuộc đời để hướng đến cái đẹp "*chân- thiện- mỹ*". Những tác phẩm văn học sẽ giúp con người cải thiện được tư duy của mình về các vấn đề trong xã hội,từ đó giúp cho độc giả ngày càng trở nên tốt đẹp hơn không chỉ ở lối sống mà còn là những cử chỉ,hành động trong đời thường. **2.Nghệ thuật** - Bố cục, mạch lạc

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức trong bài học, vận dụng để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Củng cố kiến thức qua bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -Các dữ liệu lịch sử được người viết sử dụng trong văn bản.	*** Các dữ liệu lịch sử được người viết sử dụng:** - Sự thắng thế của phương Tây ở thế kỉ XIX - XX sẽ xác lập một nền văn hóa đọc mới trên toàn thế giới.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: **B3. Báo cáo thảo luận** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	[...] Từ cuối thế kỉ XVIII, văn hoa in ấn bùng nổ kéo theo sự phát triển của sách in, báo, tạp chí, quảng cáo,... Không phải ngẫu nhiên theo sau tân văn, tân thư cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là các cuộc chuyển dịch xã hội và cách mạng chính trị sâu rộng ở thế giới Đông Á. - Sự phong phú của thư tịch ở Trung Hoa giai đoạn Sơ kì Cận đại là một ví dụ. Lời mở đầu của một bộ sách thời Minh năm 1599 cho biết: "Sách bây giờ nhiều vô cùng như biển nước, người ta làm sao mà đọc hết được" Vì thế, các chiến binh Thiên Chúa giáo hay Hồi giáo đã mang theo các cuốn kinh sách khi ra trận. [...] Đồng thời, ở chiều hướng ngược lại, mỗi xã hội đều sở hữu một lịch sử. - Có thể kể đến sự ra đời của các ngành thư mục học ở châu Âu thời Sơ kì Cận đại. Các thư viện công được chuẩn hóa đã được thành lập trên khắp nước Anh và nước Đức ở thế kỉ XIX. Đó là cơ sở để thế kỉ sau đó, người Thái cải tổ các thư viện hoàng gia "truyền thống" thành một thư viện quốc gia "hiện đại" thành lập năm 1905. Việt Nam có Thư viện Trung ương Đông Dương (Bibliothèque centrale de l'Indochine) ra đời năm 1917 dưới sự bảo trợ của người. Khi Khổng Tử biên soạn Kinh Xuân Thu, có lẽ ông không thể tưởng tượng rằng 2500 năm sau, mọi thứ đã tiến xa đến thế. Dù lịch sử sách là lĩnh vực nghiên cứu mới mẻ từ những năm 1980, nhưng bản thân hoạt động này đã có từ hàng nghìn năm trước. -"Thị hiếu đọc" là khuynh hướng thích thú việc đọc sách của người đọc.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức trong bài học, vận dụng để thực hiện bài tập GV giao.
b. Nội dung: HS tìm hiểu và giới thiệu về một cuốn sách mà em yêu thích.
c. Sản phẩm: HS hoàn thành phiếu học tập.
d. Tổ chức thực hiện:
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
-Giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích.
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
B3. Báo cáo thảo luận
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
Tham khảo:

Những cuốn sách thay đổi lịch sử (do Công ty cổ phần Văn hóa Đông A và NXB Dân Trí liên kết ấn hành) cung cấp lượng thông tin và hình ảnh rất dồi dào, được hệ thống hóa một cách khoa học và dễ tra cứu về hơn 80 tác phẩm nổi tiếng, quý hiếm và quan trọng bậc nhất thế giới, từ sử thi *Mahābhārata* cho đến *Kinh Thánh Gutenberg,* từ *Tôn Tử binh pháp* đến *Truyện kể Genji*, từ bản thi ca vĩ đại *Thần khúc* của Dante đến*Truyện cổ Grimm* và *Nhật ký Anne Frank*…

Mỗi chương sách trình bày một cách sinh động về lịch sử ra đời và tầm ảnh hưởng của từng cuốn sách nổi bật được kể tên, dù đó là những bản thảo chép tay trang trí, những tập sách in số lượng lớn hay những ví dụ tiêu biểu nhất của thể loại văn học minh họa.Những ai yêu sách không khỏi xúc động khi lần giở những trang viết tư liệu hiếm về những cuộn bản thảo, tập bản thảo đầu tiên của người Ai Cập cổ đại - tiền thân của sách in xuất hiện về sau (từ thế kỷ XV). Chuyến du hành ngược thời gian về sách đưa người đọc quay về nhiều thời kỳ lịch sử nhân loại: năm 3000 trước công nguyên đến năm 999; năm 1000 đến 1449; năm 1450 đến 1649; 1650-1899 và từ 1900 trở về sau.

Herodotus, sử gia Hy Lạp đặt ra mục tiêu khi viết lịch sử (khoảng 450 trước công nguyên) rằng: "Để gìn giữ ký ức về quá khứ bằng cách ghi chép lại những thành tựu đáng kinh ngạc của chính chúng ta và của những người châu Á". Ngày xưa, thời Trung Cổ, "các học giả nhiều khi lặn lội ngàn dặm đường xa chỉ để được đọc một bản hiếm trong một tác phẩm quan trọng" nào đó, theo *Những cuốn sách thay đổi lịch sử.* Vậy nên trải qua bao niên đại thời gian, sách và những bản ghi chép vẫn là vốn quý của xã hội loài người. Ngày nay, hàng tỷ trang sách được in mỗi ngày để đến hàng tỷ bạn đọc. "Trong thế giới đông đúc này, sách giúp chúng ta chia sẻ những câu chuyện, kinh nghiệm và ý tưởng theo một cách thức mà không có chúng, hẳn sẽ không thể nào thực hiện được" - cuốn sách viết.

Những cuốn sách thay đổi lịch sử được biên soạn bởi Cha Michael Collins cùng với Alexandra Black, Thomas Cussans, John Farndon và Philip Parker. Bản dịch Việt ngữ của Lê Ngọc Tân. Sách dày 256 trang in màu với kích thước 25x30cm không chỉ nặng về định lượng (1,7kg) mà còn "nặng ký" về giá trị kiến thức lịch sử về sách mà những ai yêu sách, sưu tập sách hẳn muốn có trong tủ sách gia đình. Sách chứa hàng trăm bản chụp lại những tác phẩm, trang sách quý hiếm xưa nay trên thế giới, mang đến cho người đọc một "bữa tiệc thị giác" hấp dẫn. Một ví dụ tuyệt vời như cuốn *Những giờ phút sung túc của công tước xứ Berry* (tác giả: ba anh em nhà Limbourg, ra đời khoảng năm 1412-1416 tại Berry, Pháp), được nhà nghiên cứu Donna B.Ellard bật thốt lên rằng: "Tác phẩm đã xóa nhòa ranh giới giữa văn hóa đọc sách và văn hóa thưởng ngoạn hội họa". Vẻ đẹp của thư pháp và minh họa trong những cuốn sách thời kỳ đầu là một công trình sáng tạo, dù đó là một tiểu thuyết, biên khảo lịch sử, lý thuyết khoa học, kinh thư tôn giáo, hay chỉ đơn giản là vài trang bút chiến.

(Nguồn:https://baodongnai.com.vn/dong-nai-cuoi-tuan/202002/nhung-cuon-sach-thay-doi-lich-su-2990492/)

4. Củng cố:

- Hệ thống các ý chính, ý phụ, các chi tiết trong văn bản.
- Quan điểm của tác giả về vai trò của sách đối với lịch sử loài người và những dữ liệu lịch sử được sử dụng để làm sáng tỏ quan điểm đó.

5. HDVN: Đọc thêm các văn bản thông tin

****

Tuần: 31-35 ***Ngày soạn: 1/3/2025***

Tiết PPCT: 92-105 ***Lớp: 12a2,3***

BÀI 9
VĂN HỌC VÀ CUỘC ĐỜI

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Phân tích, đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa tư tưởng chủ đề và cảm hứng chủ đạo của văn bản.
- Phân tích dược giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm; phất hiện được giá trị văn hoá, nhân sinh từ văn bản.
- Có nhận thức đúng về việc giữ gìn và phát triển Tiếng Việt để sử dũng phù hợp với chuẩn ngôn ngữ góp phần làm cho tiếng nói của dân tộc đáp ứng ngày càng tốt hơn với nhu cầu giao tiếp.

2. Về năng lực:

-Viết được bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.
- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước; nắm được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình.

3. Về phẩm chất:

- Biết sống chủ động, lạc quan, vượt lên mọi nghịch cảnh để khẳng định niềm tin vào cuộc đời

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1. ĐỌC

Tiết 92-94 : <u>VĂN BẢN 1</u>

VỘI VÀNG

- Xuân Diệu-

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Niềm khát khao giao cảm với đời và quan niệm nhân sinh, thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu.
- Đặc sắc của phong cách nghệ thuật thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám.

2. Năng lực:

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của bài thơ *Vội vàng.*
- Chỉ ra được cách tân nghệ thuật đặc sắc của Xuân Diệu trong bài thơ *Vội vàng.*
- Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản để viết một đoạn văn về vấn đề thời gian và tuổi trẻ.

3. Phẩm chất:

- Biết sống chủ động, tích cực, lạc quan, có niềm tin vào cuộc sống.
- Phân biệt được lối sống chủ động, tích cực với lối sống gấp không phù hợp với truyền thống dân tộc đang tồn tại trong giới trẻ hiện nay.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ

2. Học liệu: SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu

- Huy động kinh nghiệm của HS về vấn đề thời gian, liên quan đến văn bản Vội vàng của Xuân Diệu.
- Tạo tâm thế tích cực, chủ động cho HS tìm hiểu bài học

b. Nội dung

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Văn bản: *Vội vàng*

Tên:……

Nhóm:……..**Lớp:**…….

Em quan niệm thế nào về thời gian? Hãy chia sẻ quan điểm của mình bằng cách trình bày bằng lời, vẽ một bức tranh hoặc thông qua một bài hát.

……

……

c. Sản phẩm: Phiếu học tập đã hoàn thiện của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như mục *Nội dung*.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3 – 4. GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận.

GV có thể phát phiếu học tập cho HS từ cuối buổi học trước hoặc đầu buổi học này. GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp, gọi 1 – 2 HS chia sẻ bằng lời hoặc bằng bức tranh, bài hát; các HS khác góp ý. GV kết luận và dẫn dắt vào bài.

Trước cách mạng tháng Tám, hồn thơ của Xuân diệu hồn nhiên yêu đời, yêu cuộc sống, say mê với cái đẹp, nhạy cảm với sự trôi chảy của thời gian. Nhưng càng yêu say đắm, Xuân Diệu sợ cuộc sống, sợ tình yêu và vẻ đẹp sẽ bỏ mình bay đi mất. Chính vì thế mà trong thơ ông có những thái độ hốt hoảng, lo âu, yêu sống một cách vội vàng cuống quýt, vồ vập.

"Vội vàng" tiêu biểu cho trạng thái cảm xúc ấy của Xuân Diệu.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Khái quát TG, TP
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của bài thơ Vội vàng

b. Nội dung

- Học sinh hoàn thiện phiếu học tập giáo viên giao.
- Trình bày sản phẩm thảo luận trước lớp.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của học sinh và phần trao đổi thảo luận.

d.Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc SGK – tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm.	**I. ĐỌC HIỂU KHÁI QUÁT** **1. Tác giả** - Xuân Diệu (1916- 1985) tên khai sinh là Ngô

- Hãy nêu vài nét về tác giả?	Xuân Diệu. - Quê: Can Lộc – Hà Tĩnh nhưng sông với mẹ ở Quy Nhơn. - Là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới. - Là nghệ sĩ lớn, nhà văn hóa lớn có sức sáng tạo mãnh liệt, bền bỉ với những cách tân táo bạo về mặt nghệ thuật và một giọng thơ sôi nổi, đắm say và tràn đầy tình yêu cuộc sống. - Có sự nghiệp văn học phong phú.
- Hãy cho biết xuất xứ của bài thơ? - **"Vội vàng":** Được coi là một tuyên ngôn của Xuân Diệu về cuộc sống	**2. Tác phẩm** - **Xuất xứ:** In trong tập Thơ thơ (1938)- tập thơ đầu tay và cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu – "*Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới*".
Học sinh đọc, giáo viên hướng dẫn cách đọc, giọng đọc ngắt nhịp từng đoạn cho phù hợp.	**II. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT** **1. Đọc- chú thích**
Chia bố cục bài thơ và nêu nội dung chính từng phần?	**2. Bố cục** - 13 câu đầu: Tình yêu cuộc sống trần thế "tha thiết". - 16 câu (câu 14→29): Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người. - 10 câu cuối: Lời giục giã cuống quýt vội vàng để tận hưởng tuổi xuân của mình…
Vấn đề 1. Chủ đề, tư tưởng của bài thơ *Vội vàng* **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV phát phiếu học tập, tổ chức thảo luận và kết luận**. - Em hãy cho biết ý nghĩa nhan đề bài thơ.	**3. Tìm hiểu chi tiết** 3.1. Chủ đề, tư tưởng của bài thơ *Vội vàng* **3.1.1. Ý nghĩa nhan đề:** –Vội vàng là rất nhanh, gấp gáp, vội vã. –Điệu sống vội vàng, cuống quýt của Xuân Diệu bắt nguồn từ ý thức về thời gian ngắn ngủi của kiếp người và ý thức bám đời. Đặc biệt tuổi trẻ chỉ như "một gang tay" nên cần sống hết mình trong từng phút giây, phải chớp lấy từng khoảnh khắc và phải chạy đua với thời gian. Ý thức ấy luôn giục giã Xuân Diệu và thế hệ trẻ sống hết mình. Nhan đề này cũng gián tiếp phê phán thái độ lãng quên, trốn tránh thực tại của một bộ phận người không biết trân trọng cuộc sống.
- Bức tranh thiên nhiên hiện lên như thế nào trong đoạn thơ thứ hai (từ "Của ong bướm này đây tuần tháng mật;" đến "Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?")? Qua bức tranh đó, em nhận ra điều gì về cái nhìn thế giới của tác giả?	**3.1.2. Bức tranh thiên nhiên được thể hiện:** –Trong đoạn thơ thứ hai, bức tranh thiên nhiên hiện lên sống động, giàu sức sống, ngập tràn màu sắc, âm thanh, ánh sáng, tình tứ và gần gũi qua các hình ảnh như: cỏ xanh, hoa đồng nội thơm ngát hương, lá non phất phơ trên cành cây, ong bướm nối đuôi nhau đi ngắm hoa mùa xuân, những chàng yến anh ca khúc nhạc xuân đầy say mê. Đó là một thiên nhiên tươi đẹp, hoàn mĩ. –Qua đó, em nhận ra cái nhìn thế giới của tác giả: nhìn từ lăng kính của tuổi trẻ, tình yêu nên bức

- Qua sự tự bộc lộ của nhân vật trữ tình, hãy phân tích mạch vận động cảm xúc trong bài thơ. Nêu nhận xét khái quát về nhân vật trữ tình. - Đọc phần *Tri thức ngữ văn*, mục *Chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm văn học* trong SGK (*Ngữ văn 12*, tập hai, tr. 92), kết hợp với trả lời các câu hỏi trên, hãy cho biết chủ đề, tư tưởng, cảm hứng của tác phẩm là gì? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh suy nghĩ làm việc trên phiếu học tập **B3. Báo cáo thảo luận:** - Giáo viên mời một vài học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Giáo viên động viên khuyến khích những chia sẻ của học sinh	tranh tràn đầy niềm vui, sự háo hức, rộn ràng. **3.1.3. Nhân vật trữ tình** xưng "tôi", có sự biến đổi tâm trạng vô cùng phức tạp, lúc thì đắm say, cuồng nhiệt, khi lại lắng đọng, da diết: –Trong đoạn thứ nhất, nhân vật trữ tình hiện lên với một tâm hồn khát khao níu giữ vẻ đẹp của tạo hoá. Nhân vật "tôi" cảm thấy lo lắng, sợ hãi những gì đẹp đẽ trên thế gian sẽ lụi tàn và biến mất. –Trong đoạn thứ hai, "tôi" lại bộc lộ cảm xúc đầy mâu thuẫn. "Tôi" vừa sung sướng, vừa đắm chìm vào cảnh sắc thiên nhiên rạo rực nhưng cũng lo lắng, tiếc nuối, vội vàng trước sự trôi chảy của thời gian và cái hữu hạn của sinh mệnh khi đứng trước cái vô hạn của vũ trụ nên "bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời". –Trong đoạn còn lại, nhân vật "tôi" thể hiện tâm trạng cuống quýt, gấp gáp qua giọng điệu vội vã, thúc giục với các từ ngữ, hình ảnh, câu thơ: *Mau đi thôi, Ta muốn ôm, Ta muốn thâu, Ta muốn say,...* Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người say đắm với cuộc sống và luôn mến yêu cuộc đời. Nhân vật "tôi" muốn nắm lấy từng giây phút để có thể trải nghiệm trọn vẹn những nét đắm say của cuộc sống bằng toàn bộ giác quan của bản thân. Nhưng đồng thời, nhân vật trữ tình cũng bộc lộ một tâm trạng lo lắng, tiếc nuối, thậm chí tuyệt vọng khi thấy mình quá nhỏ bé trong vũ trụ bao la. **3.1.4. Chủ đề, tư tưởng của tác phẩm:** – Chủ đề là vấn đề trọng tâm mà tác giả muốn biểu đạt, là tư tưởng quán xuyến trong tác phẩm. Chủ đề thể hiện sự tìm tòi, phát hiện về cuộc sống và chiều sâu tư tưởng, cá tính sáng tạo của nhà văn. Trong các yếu tố chính tạo nên tầm vóc của tác phẩm, chủ đề có một vị trí đặc biệt quan trọng. –Tư tưởng là sự nhận thức, lí giải của nhà văn về đời sống, được bộc lộ qua cách lựa chọn đề tài, tổ chức hình tượng, sử dụng ngôn từ trong tác phẩm,... Tư tưởng được biểu hiện qua hai bình diện: sự lí giải chủ đề và cảm hứng. Sự lí giải chủ đề là lập trường, quan điểm mà dựa trên đó nhà văn cắt nghĩa các tình huống, sự kiện, nhân vật,... Cảm hứng là cảm xúc mãnh liệt, được dồn nén cao độ, thúc đẩy hành động sáng tạo của nhà văn. Nếu sự lí giải chủ đề làm nên chiều sâu tư tưởng của tác phẩm, thì cảm hứng khơi gợi sự đồng cảm, tác động mạnh mẽ đến cảm xúc của người đọc.
Vấn đề 2. Cảm hứng, thông	III.TỔNG KẾT

điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi** Bài thơ *Vội vàng* thể hiện quan niệm gì của Xuân Diệu về cuộc sống, tình yêu và tuổi trẻ? Em có đồng ý với quan niệm đó không? Vì sao? Chỉ ra những nét thành tựu nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh suy nghĩ làm việc cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận:** - Giáo viên mời một vài học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình –HS có thể đồng ý với quan niệm của tác giả, không đồng ý hoặc vừa đồng ý, vừa không đồng ý và cần lí giải được nguyên nhân, gắn kết với văn bản. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Giáo viên động viên khuyến khích những chia sẻ của học sinh **- GV có thể nhấn mạnh thêm**: Cách miêu tả thiên nhiên này rất phù hợp với phong cách sáng tạo của Xuân Diệu với những cách tân táo bạo về nghệ thuật, giọng thơ sôi nổi, say đắm, tràn đầy tình yêu trong cuộc sống.	1. Thông điệp của tác phẩm –Bài thơ thể hiện quan niệm của Xuân Diệu về cuộc sống, tình yêu và tuổi trẻ: Thời gian quý giá nhất của loài người là tuổi trẻ. Tình yêu là sự kết tinh tất cả những gì quý giá, đẹp đẽ nhất của nhân gian. Chính vì thế, con người cần phải sống gấp, sống vội vàng để nắm bắt lấy điều đẹp nhất của cuộc sống, tình yêu và tuổi trẻ. **2.Nghệ thuật** - Hình thức nghệ thuật điêu luyện: Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa mạch cảm xúc và mạch lí luận, giọng điệu say mê, sôi nổi, những sáng tạo độc đáo về ngôn từ và hình ảnh thơ - Cách liên tưởng, so sánh mới lạ với những hình ảnh thơ độc đáo, giàu sức gợi cảm, gợi hình: *Tháng Giêng ngon, Mùi tháng năm,...* - Thủ pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác để người thi sĩ có thể cảm nhận mùa xuân, cái đẹp của thiên nhiên đất trời bằng tất cả các giác quan. Đó chính là cách sống hết mình, tận hưởng hết mình, giao hòa với thiên nhiên của Xuân Diệu - Một loạt những hình ảnh nhân hóa, biện pháp điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc và các động từ mạnh đã tạo ra nhịp điệu cuống quít, hối hả, rộn rã khiến cho bài thơ mang âm hưởng như một lời hiệu triệu, một sự giục giã của Xuân Diệu với những con người trẻ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

***a.* Mục tiêu**

- Chỉ ra được cách tân nghệ thuật đặc sắc của Xuân Diệu trong bài thơ.
- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của văn học được thể hiện trong bài thơ Vội vàng.

***b.* Nội dung**

Đặc điểm	**Thời gian trong thơ Xuân Diệu**	**Thời gian trong thơ trung đại**
Cách miêu tả và cảm nhận về thời gian		
Quan niệm của nhà thơ		

Nguyên nhân		

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
–**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đưa yêu cầu thông qua phiếu học tập **Câu 1.** Phân tích các thủ pháp sáng tạo ngôn từ của Xuân Diệu. Qua đó, hãy nêu quan điểm của mình về nhận định: Xuân Diệu là người có nhiều cách tân trong việc sử dụng ngôn từ. **Câu 2.** Em có nhận xét gì về nhịp điệu và tác dụng của việc sử dụng nhịp điệu này trong bài thơ? **Câu 3.** Hoàn thành bảng so sánh về cách miêu tả, cảm nhận thời gian trong thơ Xuân Diệu và thơ trung đại. *Định hướng: –Với câu 1 và 2, GV cho HS làm việc theo nhóm. GV khuyến khích HS xung phong, gọi 1 – 2 HS trình bày. GV gọi HS trình bày, sau đó kết luận như mục e. *Sản phẩm.* –Với câu 3, GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp để hoàn thiện bảng so sánh. GV có thể gợi ý HS sử dụng một hoặc một số bài thơ trong văn học trung đại đã được học hoặc đã biết để hoàn thiện bảng so sánh. GV gọi 1 – 2 HS trả lời, các HS còn lại góp ý, bổ sung. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B3. Báo cáo thảo luận:** - Giáo viên mời một vài học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Giáo viên động viên khuyến khích những chia sẻ của học	**<u>Câu 1</u>** – Các thủ pháp sáng tạo ngôn từ được Xuân Diệu sử dụng: + Thủ pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: "mùi tháng năm", "vị chia phôi", "Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần", "Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!". Tác dụng: diễn tả mong muốn, nỗi khát khao của nhân vật trữ tình muốn dùng tất cả các giác quan để cảm nhận sự chuyển động của tạo hoá. + Thủ pháp tương phản: "Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua"; "Lòng tôi rộng, nhưng trời cứ chật", "Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già", "Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi",… Tác dụng: nhấn mạnh sự đối lập giữa cái hữu hạn và cái vô hạn, cái nhỏ bé và lớn lao, cá nhân và tạo hoá. + Thủ pháp so sánh: "Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần": nhấn mạnh sự say đắm, khao khát được trải nghiệm vẻ đẹp của tạo hoá. + Thủ pháp điệp từ: *Ta muốn, và, cho,…* Tác dụng: bộc lộ khát khao tận hưởng vẻ đẹp cuộc sống trong từng giây phút quý giá của cuộc đời. + Thủ pháp liệt kê: *mây đưa, gió lượn, cánh bướm, tình yêu, non, nước, mây,…* Tác dụng: gợi ra vẻ đẹp mơn mởn, sự phong phú của thiên nhiên khiến con người ngất ngây. + Sử dụng các động từ mạnh: *buộc, tắt, ôm,…* Tác dụng: thể hiện khao khát mãnh liệt muốn tận hưởng những giây phút của cuộc đời. –Qua phân tích các thủ pháp sáng tạo này, HS có thể đưa ra nhận xét của mình về nhận định. Nếu HS đồng ý với nhận định, sau khi phân tích các thủ pháp nghệ thuật, các em cần đưa ra được lí giải chứng minh đây là sự cách tân hoặc không. Ví dụ, nếu lí giải là sự cách tân thì HS cần chỉ ra rằng đây là sự phá bỏ những cách thức so sánh, ẩn dụ, ước lệ thông thường để bộc lộ cảm xúc của nhà thơ. Nếu không đồng ý, HS có thể lí giải theo cách đây là những thủ pháp nghệ thuật hay nhưng cũng bắt gặp ở một số tác giả khác nên chưa thật sự được gọi là cách tân nghệ thuật. Câu 2 –Nhịp điệu của bài thơ nhanh, gấp gáp, mạnh là chủ đạo, xen lẫn với nhịp điệu chùng xuống, chậm rãi hơn ở một số đoạn. + Nhịp điệu này được tạo nên bởi việc sử dụng những

sinh

–**GV hỏi thêm**: "Qua đó, em có nhận xét gì về những cách tân nghệ thuật của Xuân Diệu trong cách thể hiện thời gian so với các nhà thơ trung đại?".

–***GV định hướng trả lời***: "Xuân Diệu đã mang đến một hơi thở mới về cảm thức thời gian. Thời gian trở nên hữu hạn, ngắn ngủi nên con người cần phải sống hết mình trong từng phút giây". GV nhấn mạnh thêm: Như vậy, có thể thấy tư tưởng, quan niệm sáng tác của nhà thơ ảnh hưởng rất nhiều đến sáng tác của họ và điều đó cũng mang lại những giá trị nhận thức, giúp chúng ta thấu hiểu được thế giới phức tạp của con người cá nhân ở từng giai đoạn, từng sáng tác, giá trị giáo dục (khơi dậy những cảm xúc tốt đẹp đối với một tinh thần ham sống, khát khao nắm bắt lấy từng phút giây, trân trọng những cái chảy trôi của thời gian), giá trị thẩm mĩ (giúp độc giả có những rung động đặc biệt trước những từ ngữ, hình ảnh đẹp và cảm xúc mãnh liệt của nhà thơ) và giá trị văn hoá (tiếp thu được những cái hay, cái đẹp trong sáng tác của Xuân Diệu nói riêng và các nhà thơ mới nói chung, hiểu được sự cách tân của Xuân Diệu trong nghệ thuật so với giai đoạn trước đó).

điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc liên tiếp, dồn dập: *Của ong bướm này đây tuần tháng mật/ Này đây hoa của đồng nội xanh rì/ Này đây lá của cành tơ phơ phất/ Của yến anh này đây khúc tình si,…* cùng những cách ngắt nhịp đột ngột: *Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa*, đồng thời tác giả cũng sử dụng những câu mang âm hưởng thúc giục như: *Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm; Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*

+ Nhịp điệu chùng xuống, chậm lại ở những đoạn thể hiện nỗi tiếc nuối, tuyệt vọng:

Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa…, Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?,…

–Nhịp điệu này có tác dụng thể hiện cảm xúc rạo rực, sôi nổi, của nhân vật trữ tình trong bài thơ trước cuộc sống sôi động và sự tiếc nuối, lo lắng của "tôi" trước cái vô hạn, chảy trôi không bao giờ trở lại của tạo hoá và thời gian.

Câu 3

Đặc điểm	**Thời gian trong thơ Xuân Diệu**	**Thời gian trong thơ trung đại**
Cách miêu tả và cảm nhận về thời gian	Đất trời chảy trôi, phôi pha một đi không trở lại. Thời gian ngắn ngủi, hữu hạn.	Đất trời tuần hoàn, theo vòng sinh, lão, bệnh, tử. Thời gian là vô hạn.
Quan niệm của nhà thơ	Cảm thức về sự mất mát của thời gian, lo lắng về sự chia xa, tan vỡ của tình yêu, tuổi trẻ và hạnh phúc. Thể hiện sự bất an, lo lắng trước sự biến đổi, chảy trôi của thời gian, khao khát nắm bắt lấy từng phút giây.	Cảm thức về sự vĩnh cửu của thời gian. Thể hiện sự ung dung, tự tại trước sự chảy trôi của thời gian.
Nguyên nhân tạo nên sự khác nhau	Tư tưởng của Xuân Diệu ảnh hưởng từ phương Tây: đề cao con người cá nhân, nhìn sự vật qua lăng kính cá nhân.	Tư tưởng sáng tác theo tư tưởng phương Đông, nhìn thế giới quan theo lăng kính của vũ trụ, thời gian là tuần hoàn.

HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản để thực hành bài

tập trắc nghiệm khách quan; viết một đoạn văn về vấn đề thời gian và tuổi trẻ.
b. Nội dung: GV giao bài tập về nhà (Phụ lục 1 + 2)
c. Sản phẩm: Phần bài làm của HS
d. Tổ chức thực hiện
Bước 1. GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS như mục Nội dung và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện và nộp lại vào buổi học tiếp theo.
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
Bước 3. GV hỗ trợ, tư vấn từ xa nếu HS cần.
Bước 4. GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. HS có thể nộp bài qua phần mềm học tập hoặc nộp trực tiếp vào buổi tiếp theo. GV chọn ra một số bài để đưa ra thảo luận, nhận xét và rút kinh nghiệm cho HS chỉnh sửa. GV kết luận.
Phụ lục 1.
Câu 1. Bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu được in trong:
a. Gửi hương cho gió b. Thơ thơ
c. Phấn thông vàng d. Trường ca
Câu 2. Điệp ngữ *"này đây"* được sử dụng mấy lần ở đầu và ở giữa các dòng thơ trong đoạn từ dòng thứ 5 đến dòng thứ 11(Vội vàng – Xuân Diệu):
a. 6 c. 4
b. 5 d. 3
Câu 3. Trong bài thơ *Vội vàng*, Xuân Diệu đã thể hiện tình yêu tha thiết với:
a. Cuộc sống trong văn chương b. Cuộc sống trần thế
c. Cuộc sống nơi tiên giới d. Cuộc sống trong mơ ước
Câu 4. Cái hay của phép so sánh *"Tháng giêng ngon như một cặp môi gần"* là:
a. So sánh vẻ đẹp của thiên nhiên với vẻ đẹp của con người bằng một hình ảnh rất đời thường, gắn với cảm nhận về một tình yêu trẻ trung, cuồng nhiệt, nồng nàn.
b. So sánh vẻ đẹp của thiên nhiên với vẻ đẹp của con người bằng một hình ảnh độc đáo
c. So sánh vẻ đẹp của thiên nhiên với vẻ đẹp của con người bằng một hình ảnh mới lạ
d. So sánh vẻ đẹp của thiên nhiên với vẻ đẹp của con người bằng một hình ảnh rất quen thuộc
Câu 5. Vì sao nhân vật trữ tình *"tôi"* chỉ sung sướng *"một nửa"* và vội vàng *"một nửa"*?
a. Vì đời người ngắn ngủi
b. Vì niềm vui và cơ hội tận hưởng niềm vui quá hữu hạn
c. Vì mùa xuân, tuổi trẻ không còn mãi
d. Vì tất cả những gì tươi đẹp, kì thú sẽ mau chóng tàn phai
Phụ lục 2
I. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

....Của ong bướm này đây tuần tháng mật
Này đây hoa của đồng nội xanh rì
Này đây lá của cành tơ phơ phất
Của yến anh này đây khúc tình si
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi
Mỗi buổi sớm thần Vui hằng gõ cửa
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần….
(*Vội vàng* - Xuân Diệu)

Thực hiện các yêu cầu sau:
Câu 1. Xác định nội dung của đoạn thơ trên?
Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên?

Câu 3. Phương thức biểu đạt của đoạn thơ?

Câu 4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 100 chữ) trình bày cảm nhận của em về tình yêu cuộc sống của Xuân Diệu được thể hiện trong đoạn thơ trên

4. Củng cố:

- GV yêu cầu Hs vẽ sơ đồ tư duy về giá trị nội dung và nghệ thuật tác phẩm *Vội vàng*
- Thực hiện viết đoạn văn ở HĐ 4

5. HDVN: Chuẩn bị trước bài *Trở về*

Tiết 95,96 - VĂN BẢN 2.

TRỞ VỀ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết, phân tích và đánh giá được thông điệp của văn bản, kết nối được thông điệp đó với chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm *Ông già và biển cả*.
- Nhận biết và phân tích được những điểm đặc sắc nghệ thuật gắn liền với phong cách sáng tác của Hê-minh-uê thể hiện trong đoạn trích.

2. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù:

**** Nghe, đọc:***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả, tác phẩm của Hê-minh-uê.
- Năng lực đọc - hiểu các tác phẩm Văn học nước ngoài theo đặc trưng thể loại.

***Nói, viết:**

- Năng lực ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận cá nhân về ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh các tác phẩm cùng đề tài, tư tưởng, thông điệp.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.
- Phân tích tâm trạng nhân vật tiểu thuyết.

b. Năng lực chung:

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành công, hạn chế, những đóng góp nổi bật của nhà văn.
- Tư duy sáng tạo: phân tích, cảm nhận *nguyên lí sáng tác "tảng băng trôi" được thể hiện qua đoạn trích "Trở về" trong tác phẩm "Ông già và biển cả"*
- Chỉ ra được nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm.
- Vận dụng được những kĩ năng sau khi học văn bản để đọc hiểu một văn bản tự sự khác.

3. Về phẩm chất: Có lòng can đảm, tự tin, dám nghĩ dám làm, tôn trọng bản thân và tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, phấn, phần mềm Powerpoint.

2. Học liệu: SGK, hình ảnh về tác giả, tác phẩm; phiếu học tập, giấy A0, bút dạ, …

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ:
3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:
- Huy động kinh nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung văn bản.
- Tạo tâm thế tích cực cho HS vào bài học.

b. Nội dung:
- Chia sẻ về một hành trình tưởng như vượt quá sức của bản thân mà em đã từng trải qua hoặc đã từng biết.
- Nhan đề *Trở về* khiến em liên tưởng đến điều gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung*. **Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3 .** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp, gọi 1 – 2 HS, các HS khác góp ý. **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận và dẫn dắt vào bài học.	- Frodo Baggins trong *Chúa tể của những chiếc nhẫn* phải đi một hành trình gian khổ đến Mordor để tiêu hủy Chiếc nhẫn Một. Hành trình của anh ta đầy rẫy những nguy hiểm và thử thách, nhưng cuối cùng anh ta đã thành công trong việc hoàn thành nhiệm vụ của mình. - Luke Skywalker trong *Chiến tranh giữa các vì sao* phải trải qua một cuộc hành trình để trở thành một Jedi và đánh bại Đế chế Ác. Hành trình của anh ta cũng đầy rẫy những nguy hiểm và thử thách, nhưng cuối cùng anh ta đã thành công trong việc đánh bại Darth Vader và cứu lấy thiên hà. - Harry Potter trong loạt phim *Harry Potter* phải đối mặt với Chúa tể Voldemort, một pháp sư hắc ám nguy hiểm đang cố gắng chiếm lấy thế giới phù thủy. Hành trình của Harry đầy rẫy những nguy hiểm và thử thách, nhưng cuối cùng anh ta đã thành công trong việc đánh bại Voldemort và cứu lấy thế giới phù thủy. Chặng cuối của những cuộc hành trình này thường là những thử thách khó khăn nhất mà các nhân vật phải đối mặt. Họ thường phải vượt qua những nỗi sợ hãi và nghi ngờ lớn nhất của mình để thành công. Tuy nhiên, đây cũng là phần bổ ích nhất của hành trình, vì họ có thể phát huy hết tiềm năng của mình và tạo ra sự khác biệt trên thế giới. - Chủ đề chung của những câu chuyện này là bất kể thử thách có khó khăn đến đâu, chúng ta luôn có thể vượt qua nếu chúng ta đặt ra tâm trí của mình để làm như vậy. Những câu chuyện này truyền cảm hứng cho chúng ta tin tưởng vào bản thân và không bao giờ bỏ cuộc với ước mơ của mình. 2. Nhan đề "Trở về" trong đoạn trích trích từ tiểu thuyết "Ông già và biển cả" là một nhan đề gợi mở, chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa sâu sắc. Nhan đề này không chỉ thể hiện hành trình trở về bến cảng của Santiago mà còn là

	hành trình trở về với bản thân, với những giá trị cốt lõi của cuộc sống, và là lời nhắn nhủ về ý nghĩa của hành trình chinh phục ước mơ của con người.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Tìm hiểu khái quát thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: Gv yêu cầu học sinh tìm hiểu thông tin trong sách giáo khoa, HS ghi nhớ các thông tin cơ bản về tác giả**,** Hoạt động cá nhân tìm hiểu về tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần Tri thức về tác giả - tác phẩm ở SGKđể nêu những hiểu biết về tác giả và tác phẩm ? Nêu hiểu biết về tác giả (vị trí, nét đặc sắc,...) ? Nêu hiểu biết về tác phẩm, **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc nhanh và gạch chân những ý quan trọng về tác giả và tác phẩm. **B3. Báo cáo thảo luận:** - HS trả lời cá nhân. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét và chuẩn kiến thức	**I. . ĐỌC HIỂU KHÁI QUÁT** **1. Tác giả** - Hê-minh-uê là một trong những nhà văn lớn nhất nước Mĩ vào thế kỉ XX, ông khai sinh lối viết kiệm lời, kiệm cảm xúc. - Ông là người đề ra nguyên lí sáng tác *"tảng băng trôi":* + Dựa vào hiện tượng tự nhiên: tảng băng trên mặt nước chỉ có một phần nổi, bảy phần chìm. Khẳng định cách viết ngắn gọn, hàm súc, ngụ ý về những mạch ngầm văn bản hay các lớp nghĩa chưa được phô bày. Ngôn ngữ, chi tiết, cốt truyện, nhân vật rất cô đọng. + Nhà văn phải hiểu biết cặn kẻ về điều muốn viết, sau đó lược bỏ những chi tiết không cần thiết, giữ lại những phần cốt lõi, sắp xếp lại để người đọc vẫn có thể hiểu được những gì tác giả đã lược bỏ. + Người đọc phải đồng sáng tạo mới có thể hiểu được *"bảy phần chìm"*, những hình tượng, những hình ảnh,… giàu tính tượng trưng đa nghĩa. - Dù viết về đề tài gì, Châu Phi hay Châu Mĩ, Huê-minh-uê đều nhằm mục đích "*viết một áng văn xuôi đơn giản* *và trung thực về con người".* **2. Tác phẩm** **a. Hoàn cảnh sáng tác** - Năm 1952, sau gần 10 năm sống ở Cu-ba, Huê-minh-uê cho ra đời tác phẩm *Ông già và biển cả.* - Bối cảnh của truyện là ngôi làng chài yên ả bên cảng La-ha-ba-na. Nguyên mẫu của nhân vật Xan-ti-a-go là người thủy thủ trên tàu của ông. - Trước khi in thành sách, tác phẩm đã được đăng trên tạp chí *Đời sống*. - Tác phẩm gây tiếng vang lớn và hai năm sau Hê-ming-uê được trao giải Nô-ben. - Tác phẩm tiêu biểu cho lối viết *"Tảng băng trôi"*

	của Huê-minh-uê. **b. Tóm tắt** - Một ông lão đánh cá tên là Xan-ti-a-go đã nhiều ngày không kiếm được một con cá nào. - Trong một chuyến đi biển "rất xa", lão đã câu được một con cá kiếm cực lớn, cực đẹp. Nhưng con cá quá khỏe đã lôi lão ra ngoài khơi. - Vật lộn với con cá ba ngày liền, lão kiệt sức. Lão quyết định đâm chết nó - Nhưng trên đường về, lão phải chiến đấu với đàn cá mập dữ tợn đến ăn con cá kiếm. Cuộc chiến không cân sức và cuối cùng lão chỉ mang về được bộ xương của con cá kiếm. - Lão trở về lều và nằm vật ra. Chú bé Ma-nô-lin gọi các bạn chài đến chăm sóc lão. Lão ngủ thiếp đi và mơ về *"những con sư tử"*. **3. Đoạn trích** Vị trí: Đoạn trích nằm ở cuối tác phẩm.

2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Chỉ ra và đánh giá được thông điệp của văn bản, kết nối được thông điệp đó với chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm *Ông già và biển cả*.

b. Nội dung: GV tổ chức trao đổi trong bàn, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản và chia bố cục **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản và gọi hs đọc. - GV hỏi: Theo bạn, đoạn trích Trở về có thể chia làm mấy phần? các phần có liên hệ với nhau như thế nào? - Hướng dẫn HS chia bố cục: HS thảo luận trong bàn, thực hiện yêu cầu: *Căn cứ vào sự thay đổi không gian – thời gian và sự xuất hiện của nhân vật, xác định bố cục và nêu nội dung chính của mỗi phần trong văn bản.* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, đọc chú thích, suy nghĩ trao đổi trong bàn	**II. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT** **1. Đọc – chia bố cục** *** Đọc** *** Bố cục:** Đoạn trích có thể chia làm các phần như sau: - Phần 1 (từ đầu đến "lòng bàn tay ngửa lên"): ông lão trở về đất liền trong đêm tối, dùng hết sức lực còn lại để đưa chiếc thuyền cùng cái đầu và bộ xương khổng lồ của con cá kiếm vào bờ. Sau đó, ông vì lán và lăn ra ngủ. - Phần 2 (tiếp theo đến "thằng bé nói"): Sáng hôm sau cậu bé đến lán nhìn lão ngủ và khóc cô bé đi mua cà phê cho ông lão. Một nhóm ngư dân vây quanh và đo bộ xương khổng lồ của con cá kiếm, họ gửi lời hỏi thăm ông lão qua cậu bé. - Phần 3 (từ "thằng bé mang lon cà phê" đến "tiếp tục khóc"): khi cậu bé mang cà phê đến, ông lão tỉnh dậy, hai người trò chuyện với nhau về khoảng thời gian qua và lên kế hoạch cho chuyến đi câu cá cùng nhau sắp tới. - Phần 4 (từ "chiều hôm đó" đến "Cô ta nói"): chiều tối hôm đó, hai du khách trong bữa tiệc ở khách sạn nhìn thấy bộ xương con cá kiếm nhưng lại tưởng nhầm rằng đó là bộ xương của con cá mập. - Phần 5 (phần còn lại): ông lão quay lại với giấc ngủ

và chia bố cục văn bản.

B3. Báo cáo thảo luận: Nghe, thảo luận, trả lời

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Câu trả lời của HS

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chủ đề, tư tưởng của văn bản *Trở về*

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp làm 4 nhóm, tìm hiểu theo các câu hỏi 2,3,4,5:

- Nhóm 1 (câu 2): Cuộc đối thoại giữa Xan-ti-a-go và Ma-nô-lin trong đoạn trích là cuộc đối thoại dài nhất trong tác phẩm Ông già và biển cả. Nội dung và hình thức cuộc đối thoại cho ta biết những gì về quan hệ giữa hai nhân vật.
- Nhóm 2 (câu 3): Nêu diễn biến tâm lí của nhân vật Xan -ti-a-gô trong đoạn trích?
- Nhóm 3 (câu 4): Trong đoạn trích tác giả đã miêu tả hành động khóc của Ma-nô-lin bao nhiêu lần? hãy lí giải về hành động này của nhân vật.
- Nhóm 4 (câu 5): Trước bộ xương của con cá kiếm, các nhân vật Ma-nô-lin, nhóm ngư dân, chủ khách sạn và hai du khách có thái độ khác nhau như thế nào?

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi nhóm, trả lời câu hỏi

B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày phần làm việc nhóm

sâu và mơ về những con sư tử trong khi cậu bé ngồi bên cạnh nhìn lão ngủ.

=> Mối quan hệ giữa các phần: hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau, phần sau tiếp nối của nội dung phần trước, phần trước làm rõ cho nội dung của phần sau. Thể hiện chủ đề và ý nghĩa sâu sắc của tác phẩm. Mỗi phần đều góp phần tạo nên một bức tranh toàn cảnh về hành trình trở về của ông lão Santiago, một hành trình đầy gian nan thử thách nhưng cũng đầy hy vọng và niềm tin.

2. Chủ đề, tư tưởng của văn bản *Trở về*

**** Nội dung và hình thức cuộc đối thoại giữa Xan-ti-a-go và Ma-nô-lin***

Nội dung cuộc đối thoại	Hình thức cuộc đối thoại
Ma-nô-lin mời Xan-ti-a-gô uống cà phê.	Ngôn ngữ ngắn gọn, như hai người bạn.
Chuyện Xan-ti-a-gô bị con cá đánh bại và Pê-đri-cô đang trông coi con thuyền và những thứ khác.	Ngôn ngữ ngắn gọn, dứt khoát, thẳng thắn.
Lên kế hoạch cho những việc khác như việc hai ông cháu sẽ cùng đi câu và phản ứng của mọi người ở nhà.	Ngôn ngữ hàm súc.
Cậu bé hỏi thăm ông lão có bị đau không và sẽ chuẩn bị cho ông lão thức ăn, quần áo, thuốc và báo.	Ngôn ngữ ngắn gọn nhưng thể hiện được tình cảm và sự đồng điệu của hai người.

=> *Nhận xét*: Đặc điểm mối quan hệ giữa hai nhân vật: Xan-ti-a-gô và Ma-nô-lin là hai thầy trò, đồng thời cũng là hai người bạn luôn gắn bó, chia sẻ với nhau những đam mê, có cùng sở thích, lí tưởng, không quan tâm đến sự chênh lệch tuổi tác và cũng không có mối quan hệ huyết thống. Chúng ta cũng có thể thấy sự phản ánh của Xan-ti-a-gô trong Ma-nô-lin và ngược lại. Nếu coi ông lão là đại diện cho hiện tại thì Ma-nô-lin là đại diện cho tương lai. Cuộc đối thoại giữa họ vì thế đôi khi có dáng dấp của một cuộc độc thoại. Đoạn đối thoại này có vị trí quan trọng, nêu bật được chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm.

**** Diễn biến tâm lý của nhân vật Xan-ti-a-gô trong đoạn trích "Trở về":***

Tâm lí của ông lão đan xen nhiều trạng thái khác nhau:

+ khi thì mệt mỏi vì kiệt sức (Khi lão vác cột buồm lên là lúc lão ý thức được không có ai giúp mình, lão cảm thấy rất mệt, lão leo lên dốc, ngã xuống và nằm một lát với cái cột buồm vắt qua vai, lão cố ngồi dậy nhưng điều đó là khó,…).

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Phần trình bày của HS, Kết quả làm việc nhóm. - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, phản biện lẫn nhau. - GV nhận xét, bổ sung.	+ Lúc thì buồn bã (chỉ ngắm nhìn con đường, thằng bé nhìn thấy hai cánh tay của lão thì chỉ biết khóc,…). + Lúc lại thất vọng (chúng đã đánh bại ông, ông không may mắn, ông không còn vận may nữa,…). + Khi thì hi vọng (ông nhớ cháu, bây giờ chúng ta lại đi câu cùng nhau, ông biết cách chăm sóc chúng mà, nằm ngủ và mơ thấy những chú sư tử,…) => Kết luận: Diễn biến tâm lý của Xan-ti-a-gô trong đoạn trích "Trở về" thể hiện một con người kiên cường, bất khuất trước thử thách. Mặc dù trải qua nhiều khó khăn, mệt mỏi và cô đơn, ông lão vẫn giữ niềm tin vào cuộc sống và vào bản thân. Hình ảnh Xan-ti-a-gô là biểu tượng cho tinh thần lạc quan, ý chí nghị lực phi thường của con người trước thiên nhiên và trước những thử thách của cuộc sống. **** Hành động khóc của Ma-nô-lin trong đoạn trích "Trở về":*** – Tác giả đã miêu tả bốn lần Ma-nô-lin khóc: + Lần 1: Khi mới nhìn thấy Xan-ti-a-gô ngủ trong lán. + Lần 2: Trên đường đi từ lán đến khách sạn. + Lần 3: Khi cậu bé nói chuyện với người chủ khách sạn. + Lần 4: Sau khi kết thúc cuộc đối thoại với Xan-ti-a-gô và rời khỏi lán. – Lí giải về hành động "khóc" của cậu bé: mỗi lần khóc là một cảm xúc đan xen khác nhau. Lần 1, cậu khóc vì nhìn thấy ông lão quá mệt mỏi. Lần 2, cậu khóc vì vẫn nghĩ đến sự mệt mỏi của ông lão. Lần 3 khóc vì nghĩ đến những con cá của ông lão và bản thân mình bắt được. Lần 4, cậu khóc vì vừa chia tay ông lão về để chuẩn bị thuốc, thức ăn, quần áo và báo cho ông, đồng thời thu xếp thuyết phục gia đình cho chuyến đi tiếp theo. => Kết luận: Hành động khóc của Ma-nô-lin là một chi tiết nghệ thuật tinh tế, góp phần thể hiện nội dung và ý nghĩa của tác phẩm. Nó cho thấy sự gắn bó, yêu thương giữa hai nhân vật, đồng thời thể hiện tâm hồn trong sáng, giàu tình cảm của Ma-nô-lin. **** Thái độ của các nhân vật trước bộ xương con cá kiếm:*** -Ma-nô-lin: + Thán phục: Ma-nô-lin thán phục trước kích thước khổng lồ của bộ xương cá kiếm. Cậu bé tưởng tượng ra hình ảnh con cá khi còn sống và bày tỏ sự khâm phục đối với Xan-ti-a-go, người đã chiến thắng con cá này. + Hiểu biết: Ma-nô-lin nhận thức được sự vĩ đại của thiên nhiên và sức mạnh phi thường của con người. Cậu bé học hỏi được bài học quý giá về lòng dũng cảm,

	ý chí và nghị lực từ Xan-ti-a-go. -Nhóm ngư dân: + Ngạc nhiên: Nhóm ngư dân ngạc nhiên trước kích thước khổng lồ của bộ xương cá kiếm. Họ chưa bao giờ nhìn thấy con cá nào to lớn như vậy và tin tưởng vào câu chuyện của Xan-ti-a-go. + Thán phục: Nhóm ngư dân thán phục lòng dũng cảm và kỹ năng đánh bắt cá của Xan-ti-a-go. Họ coi ông lão là một huyền thoại trong làng chài. -Chủ khách sạn: + Thờ ơ: Chủ khách sạn thờ ơ trước bộ xương cá kiếm. Ông ta chỉ quan tâm đến việc kiếm tiền từ du khách và không tin vào câu chuyện của Xan-ti-a-go. + Thực dụng: Chủ khách sạn là đại diện cho lối sống thực dụng, đề cao vật chất và không tin tưởng vào những điều phi thường. - Hai du khách: + Hiếu kỳ: Hai du khách hiếu kỳ trước bộ xương cá kiếm. Họ chụp ảnh, quay phim và bàn tán về nó. + Hoài nghi: Hai du khách hoài nghi về câu chuyện của Xan-ti-a-go. Họ cho rằng đây chỉ là một trò lừa bịp để thu hút du khách. -So sánh: + Ma-nô-lin và nhóm ngư dân tin tưởng vào câu chuyện của Xan-ti-a-go và thán phục ông lão. Họ đại diện cho những người có lòng tin, biết trân trọng giá trị tinh thần và những điều phi thường. + Chủ khách sạn và hai du khách thờ ơ hoặc hoài nghi về câu chuyện của Xan-ti-a-go. Họ đại diện cho lối sống thực dụng, đề cao vật chất và thiếu niềm tin vào những điều phi thường. => Kết luận: Thái độ của các nhân vật trước bộ xương con cá kiếm thể hiện những quan điểm sống khác nhau. Ma-nô-lin và nhóm ngư dân đại diện cho những người có lòng tin, biết trân trọng giá trị tinh thần và những điều phi thường. Chủ khách sạn và hai du khách đại diện cho lối sống thực dụng, đề cao vật chất và thiếu niềm tin vào những điều phi thường. Qua đó, tác giả thể hiện thông điệp về tầm quan trọng của lòng tin, ý chí và nghị lực của con người trong cuộc sống.
Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu cảm hứng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV nêu câu hỏi: - Theo bạn, đoạn kết truyện có thể gợi mở những ý nghĩa	**3. Cảm hứng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc** **** Ý nghĩa liên tưởng từ đoạn kết truyện "Trở về":*** Đoạn kết truyện "Trở về" của Ernest Hemingway mở ra nhiều ý nghĩa liên tưởng sâu sắc, khơi gợi trong lòng người đọc những suy ngẫm về cuộc sống, con người và giá trị của lòng tin, nghị lực. - Niềm tin vào tương lai

liên tưởng gì? - Chuyến đi của Xan-ti-a-gô có phải là một chuyến đi thất bại không? Tại sao? Nếu coi nhân vật Xan-ti-a-gô là một biểu tượng, thì theo bạn, đó là biểu tượng điều gì? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày cá nhân. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Phần trình bày của HS. - GV nhận xét, bổ sung.	- Sức mạnh của ý chí và nghị lực - Tình yêu thương và sự gắn kết - Bài học về cuộc sống: Đoạn kết truyện "Trở về" mang đến cho người đọc nhiều bài học quý giá về cuộc sống. Đó là bài học về lòng dũng cảm, ý chí phi thường, nghị lực kiên cường, niềm tin vào bản thân và vào tương lai. Đồng thời, tác phẩm cũng ca ngợi tình yêu thương và sự gắn kết giữa con người. => Kết luận: Đoạn kết truyện "Trở về" là một phần quan trọng, góp phần hoàn chỉnh nội dung và ý nghĩa của tác phẩm. Với những ý nghĩa liên tưởng sâu sắc, đoạn kết đã khơi gợi trong lòng người đọc nhiều suy ngẫm về cuộc sống, con người và giá trị của lòng tin, nghị lực. => ***Nhìn chung, chuyến đi của Xan-ti-a-gô là một hành trình đầy thử thách và gian nan. Tuy về mặt vật chất, ông lão có thể được xem là thất bại, nhưng về mặt tinh thần, đây là một chiến thắng vang dội. Chuyến đi là minh chứng cho sức mạnh phi thường của con người trước thiên nhiên và trước những thử thách của cuộc sống.*** **** Nhân vật Xan-ti-a-gô có thể được xem là biểu tượng:*** + Biểu tượng cho lòng dũng cảm, ý chí phi thường và nghị lực kiên cường: Xan-ti-a-gô đã dũng cảm đối mặt với những nguy hiểm, thử thách trên biển, chiến đấu với con cá kiếm khổng lồ và chiến thắng bản thân. + Biểu tượng cho tinh thần lạc quan, niềm tin vào cuộc sống: Mặc dù trải qua nhiều khó khăn, thất bại, Xan-ti-a-gô vẫn giữ niềm tin vào bản thân, vào cuộc sống và vào tương lai. + Biểu tượng cho sự chiến đấu không ngừng nghỉ: Xan-ti-a-gô là đại diện cho những con người không ngừng nỗ lực, chiến đấu cho ước mơ và lý tưởng của mình, dù cho có gặp phải nhiều khó khăn, thử thách. + Biểu tượng cho tình yêu thiên nhiên: Xan-ti-a-gô có mối quan hệ gắn bó sâu sắc với biển cả. Ông lão luôn trân trọng thiên nhiên và ý thức được sức mạnh to lớn của nó. => Kết luận: Nhân vật Xan-ti-a-gô là một hình ảnh đẹp đẽ, giàu ý nghĩa trong văn học. Ông lão là biểu tượng cho những phẩm chất tốt đẹp của con người như lòng dũng cảm, ý chí phi thường, tinh thần lạc quan, niềm tin vào cuộc sống và tình yêu thiên nhiên. Chuyến đi của Xan-ti-a-gô là bài học quý giá về cuộc sống, giúp chúng ta trân trọng bản thân, tin tưởng vào khả năng của mình và không ngừng nỗ lực để đạt được mục tiêu.
B1. Chuyển giao nhiệm vụ:	**III. TỔNG KẾT**

GV nêu câu hỏi: Nêu những giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ, trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** trả lời câu hỏi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và bổ sung câu trả lời của HS	**1. Nghệ thuật** Ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại trong đoạn trích "Trở về" được sử dụng một cách linh hoạt, hiệu quả, góp phần thể hiện nội dung và ý nghĩa của tác phẩm. Việc sử dụng ngôn ngữ hàm súc, ẩn ý phù hợp với "nguyên lí tảng băng trôi" của Hê-minh-uê đã tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm, giúp người đọc suy ngẫm về nhiều vấn đề trong cuộc sống. **2. Nội dung** - Hình ảnh Xan-ti-a-gô là biểu tượng cho tinh thần lạc quan, ý chí nghị lực phi thường của con người trước thiên nhiên và trước những thử thách của cuộc sống. - Đoạn trích gửi gắm thông điệp về tầm quan trọng của lòng tin, ý chí và nghị lực của con người trong cuộc sống.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) chia sẻ cảm nhận của em về điều này sau khi học đoạn trích *Trở về*.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Trong tiểu thuyết Ông già và biển cả, khi miêu tả nhân vật xan-ti-a-gô một mình giữa biển khơi Hê-minh-uê đã viết: "Ông lão biết rằng không ai phải cô đơn nơi biển cả" Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) chia sẻ cảm nhận của bạn về điều này sau khi đọc đoạn trích Trở về. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận:** HS báo cáo **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, bổ sung và kết luận.	Câu nói "Ông lão biết rằng không ai phải cô đơn nơi biển cả" của Ernest Hemingway trong tiểu thuyết "Ông già và biển cả" mang đến cho tôi nhiều cảm xúc và suy nghĩ sâu sắc. Đoạn trích "Trở về" khắc họa rõ nét hình ảnh Xan-ti-a-gô, một lão ngư dân cô đơn lênh đênh trên biển cả bao la trong suốt 84 ngày. Ông lão đối mặt với vô vàn thử thách, từ sự kiệt quệ về thể xác đến sự cô đơn về tinh thần. Tuy nhiên, câu nói "không ai phải cô đơn nơi biển cả" lại mang đến một tia sáng hy vọng cho Xan-ti-a-gô. Biển cả bao la tưởng chừng như vô tình nhưng lại ẩn chứa sự kết nối kỳ diệu giữa con người và thiên nhiên. Âm thanh của sóng biển, tiếng gió rít, sự chuyển động của những sinh vật biển đều như những người bạn đồng hành, giúp Xan-ti-a-gô vơi đi phần nào sự cô đơn. Hơn thế nữa, biển cả còn tượng trưng cho sức mạnh phi thường của con người. Xan-ti-a-gô, dù già yếu và đơn độc, vẫn chiến đấu ngoan cường với con cá kiếm khổng lồ, thể hiện ý chí kiên cường và nghị lực phi thường. Câu nói của Hemingway không chỉ khẳng định sự kết nối giữa con người và thiên nhiên mà còn là lời khẳng định về sức mạnh nội tại của mỗi cá nhân. Dù ở bất kỳ hoàn cảnh nào, con người cũng có thể tìm thấy niềm hy vọng và sức mạnh để vượt qua khó khăn. Câu nói "không ai phải cô đơn nơi biển cả" là một thông điệp ý nghĩa, giúp ta thêm trân trọng cuộc sống và tin

	tưởng vào bản thân.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản để đọc hiểu một văn bản tự sự khác.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) về sự cần thiết phải nuôi dưỡng ước mơ

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS như mục Nội dung và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện và nộp lại vào buổi học tiếp theo.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

B3. Báo cáo thảo luận: GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV hỗ trợ, tư vấn từ xa nếu HS cần.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: HS có thể nộp bài qua phần mềm học tập hoặc nộp trực tiếp vào buổi tiếp theo. GV nhận xét và rút kinh nghiệm cho HS chỉnh sửa. GV kết luận.

4. Củng cố:

- GV yêu cầu Hs vẽ sơ đồ tư duy về giá trị nội dung và nghệ thuật đoạn trích *Trở về*
- Thực hiện viết đoạn văn ở HĐ 4

5. HDVN: Chuẩn bị trước bài *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*

Tiết 97,98 - <u>VĂN BẢN 3</u>

HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT-

Lưu Quang Vũ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Phân tích được các yếu tố đặc trưng của kịch trong tác phẩm như sự kiện và cốt truyện, nhân vật, xung đột, lời thoại,... qua văn bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt.*
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp được truyền tải trong văn bản Hồn Trương Ba, da hàng thịt.
- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh qua văn bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt.*

2. Về năng lực: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để viết một đoạn văn thể hiện suy nghĩ của mình về lựa chọn của bản thân nếu là nhân vật Hồn Trương Ba.

3. Về phẩm chất: Biết sống một cách tích cực, có trách nhiệm, trung thực với bản thân và với người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: SGK, SGV *Ngữ văn 12,* tập hai, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, video clip về vở kịch https://www.youtube.com/watch?v=0bG1P0Pp0_0 giấy A0, bút màu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu

- Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học
- Trải nghiệm của HS về vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* và thông tin về tác giả Lưu Quang Vũ.

b. Nội dung: HS xem một số video clip các vở kịch được dàn dựng của tác giả Lưu Quang Vũ và trả lời câu hỏi

Cảm nhận chung của em về các tác phẩm kịch của Lưu Quang Vũ?

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ + GV cho HS xem video: *https://www.youtube.com/watch?v=6ajqYDuE6dg* + GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời câu hỏi: Cảm nhận chung của em về các tác phẩm kịch của Lưu Quang Vũ? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B3. Báo cáo thảo luận:** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp. GV yêu cầu 1 - 2 HS trình bày, các HS khác góp ý, bổ sung. GV kết luận và dẫn dắt vào bài học.	+ HS theo dõi, xác định và nêu quan điểm cá nhân. + GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu

- Tìm hiểu thông tin về tác giả Lưu Quang Vũ, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm
- Phân tích được các yếu tố đặc trưng của kịch trong tác phẩm như sự kiện và cốt truyện, nhân vật, xung đột, lời thoại,... qua văn bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt.*
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp được truyền tải trong văn bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*

b. Nội dung: HS đọc SGK, chuẩn bị ở nhà, trả lời các câu hỏi

+ Những nét chính về nhà viết kịch LQV

+ Hiểu biết của em về vở kịch (xuất xứ, thể loại, tóm tắt vở kịch và vị trí đoạn trích Hồn Trương Ba, da hàng thịt)

+ Trong đoạn trích em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Vấn đề 1. Tác giả, tác phẩm **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Giáo viên chiếu video clip Vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* và hỏi: 1. Những nét chính về nhà viết kịch LQV	**I. TÌM HIỂU CHUNG** **1. Tác giả** - Lưu Quang Vũ (1948 - 1988) - Là một tài năng đa dạng: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn kịch… - Kịch là đóng góp đặc sắc nhất với những vở gây chấn động dư luận **2. Tác phẩm**

<table>
<tr>
<td>2. Hiểu biết của em về vở kịch (xuất xứ, thể loại, tóm tắt vở kịch và vị trí đoạn trích Hồn Trương Ba, da hàng thịt.
3. Trong đoạn trích em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?
(GV có thể cho HS tự phân vai đóng một phân đoạn ngắn của vở kịch (Ví dụ phân đoạn cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và xác anh hàng thịt) và thực hiện câu hỏi như trên)
B2. Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.
B3. Báo cáo thảo luận
Chia sẻ của HS
B4. Đánh giá kết quả thực hiện
Giáo viên kết luận và dẫn dắt vào bài học.</td>
<td>a. Xuất xứ
- Hư cấu từ một cốt truyện dân gian
b. Thể loại
Kịch nói
c. Tóm tắt
Có 7 cảnh
- Cảnh 1: Trương Ba là một người làm vườn tốt bụng, khỏe mạnh, giỏi đánh cờ. Nam Tào tắc trách đã bắt nhầm Trương Ba chết
- Cảnh 2: Đế Thích kết thân với Trương Ba- một cao cờ ở hạ giới. Trương Ba đột ngột qua đời
- Cảnh 3: Vì muốn sửa sai nên Nam Tào và Đế Thích cho hồn Trương Ba nhập vào xác hàng thịt vừa mới chết để sống lại,
- Cảnh 4: Xác hàng thịt đòi về nhà Trương Ba. Mọi người ngỡ ngàng song đành phải chấp nhận.

- Cảnh 5: Lí trưởng sách nhiễu. Trương Ba phải ở nhà hàng thịt đến đêm mới được về nhà.
- Cảnh 6: Bị thể xác xui khiến. Trương Ba định xuôi theo, ở lại với vợ hàng thịt.
- Cảnh 7: Trương Ba bắt đầu thay đổi tâm tính khiến mọi người trong gia đình, bạn bè xa lánh, chán ghét, bản thân vô cùng đau khổ, quyết định giải thoát.
3. Em thích nhân vật Hồn Trương Ba vì:
- Hồn Trương Ba rơi vào bi kịch của con người khi bị đặt vào nghịch cảnh phải sống nhờ, sống tạm bợ, điều này khiến tâm hồn nhân hậu, thanh cao bị tha hoá bởi sự lấn át của thể xác thô lỗ, phàm tục.
- Hồn Trương Ba đã đấu tranh quyết liệt với cái dung tục, chống lại sự giả tạo để bảo vệ quyền được sống đích thực cùng khát vọng hoàn thiện nhân cách của bản thân.
➔ Vẻ đẹp tâm hồn cao quý của con người</td>
</tr>
<tr>
<td>Vấn đề 2. Cốt truyện, sự kiện, nhân vật, xung đột, lời thoại, ngôn ngữ kịch và chỉ dẫn sân khấu
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Gv giao phiếu học tập cho HS
1. Hoàn thiện bảng sau về những sự kiện chính và diễn biến tâm trạng của Hồn Trương Ba trong các lớp kịch của đoạn trích. Nhận xét về tính cách của nhân vật Hồn Trương Ba.</td>
<td>II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN
1. Những sự kiện chính và diễn biến tâm trạng của Hồn Trương Ba trong các lớp kịch của đoạn trích.
<table>
<tr><th>Lớp kịch</th><th>Sự kiện chính trong lớp kịch</th><th>Diễn biến tâm trạng của Hồn Trương Ba</th></tr>
<tr><td>Hồn Trương Ba đối thoại với xác anh hàng thịt</td><td>- Xác anh hàng thịt cố gắng thuyết phục Hồn Trương Ba về sức mạnh ghê gớm của anh ta, muốn Hồn Trương Ba sống</td><td>Lo lắng, ngập ngừng, lúng túng, hoang mang, tuyệt vọng.</td></tr>
</table></td>
</tr>
</table>

(Phụ lục 1) **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B3. Báo cáo thảo luận** Chia sẻ của HS **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** Giáo viên kết luận		hoà hợp với thể xác của anh hàng thịt. - Hồn Trương Ba không đồng ý, thể' hiện thái độ khinh thường, nhất quyết giữ gìn, bảo vệ sự thẳng thắn của mình.	
	Hồn Trương Ba đối thoại với vợ của mình	- Vợ Trương Ba thấy chồng mình đã đổi khác nên bà muốn ra đi. - Trương Ba vô cùng đau khổ trước phản ứng của vợ.	Đau khổ.
	Hồn Trương Ba đối thoại với cái Gái	- Cái Gái không thừa nhận ông nội của mình vì Hồn Trương Ba đã quá thay đổi so với trước kia. - Hồn Trương Ba vô cùng đau khổ trước phản ứng của cháu gái.	Đau khổ hơn.
	Hồn Trương Ba đối thoại với chị con dâu	- Chị con dâu rất thông cảm với tình cảnh của Hồn Trương Ba nhưng cũng phải đau lòng nói rằng ông đã đổi khác quá nhiều. - Hồn Trương Ba càng đau khổ hơn.	Đau khổ tột độ.
	Hồn Trương Ba đối thoại với Đế Thích	- Hồn Trương Ba gọi Đế Thích xuống trần và đề nghị Đế Thích cho mình thoát khỏi xác anh hàng thịt.	Kiên quyết, dứt khoát.

		- Để Thích muốn Hồn Trương Ba nhập vào xác cu Tị. - Hồn Trương Ba không đồng ý nhập vào xác cu Tị, quyết định lựa chọn cái chết, không nhập vào xác ai, để được là chính mình.	

<u>Nhận xét</u>: Tính cách của Hồn Trương Ba: thẳng thắn, chính trực. Tính cách này đối lập với sự thô tục, nóng nảy của Xác hàng thịt.

GV lưu ý HS về điểm khác biệt giữa nghệ thuật xây dựng nhân vật của kịch và các thể loại khác (như truyện ngắn, ký, tiểu thuyết,...). Nếu như trong truyện ngắn, tiểu thuyết, nhân vật được xây dựng thông qua lời nói, cử chỉ, hành động thì ở kịch, lời đối thoại và độc thoại của nhân vật thể hiện rất rõ tính cách của họ. Vì thế khi phân tích tác phẩm kịch, các em cần lưu **ý đặc biệt đến yếu tố này.**

Vấn đề 2. Cốt truyện, sự kiện, nhân vật, xung đột, lời thoại, ngôn ngữ kịch và chỉ dẫn sân khấu

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Gv giao phiếu học tập cho HS

1. Xác định xung đột chính trong đoạn trích. Qua xung đột đó, Lưu Quang Vũ làm nổi bật bi kịch gì của con người?
2. Em có nhận xét gì về ngôn ngữ của vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt?
3. Theo dõi các chỉ dẫn sân khấu được in nghiêng đặt trong ngoặc đơn sau tên nhân vật và cho biết tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung của vở kịch.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ. GV

2. Xung đột chính trong đoạn trích

a. Cuộc tranh luận giữa hồn Trương Ba và Xác hàng thịt

Hồn Trương Ba	**Xác hàng thịt**
- Ta muốn rời xa mi tức khắc - Mày không có tiếng nói, mày chỉ là xác thịt âm u đui mù - Mày chỉ là cái vỏ bề ngoài, không có tư tưởng, không có cảm xúc; những thứ thấp kém - Im đi! - Ta…ta…đã bảo mày im đi! - Ta vẫn có đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn… - Trời!	- Vô ích, ông không tách ra khỏi tôi được đâu - Xác thịt có tiếng nói đấy, ông luôn luôn bị tiếng nói ấy sai khiến, có sức mạnh ghê gớm, lấn át cái linh hồn cao khiết - Thèm ăn ngon, thèm rượu thịt, tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại, xao xuyến… - Để thỏa mãn tôi, chẳng lẽ ông không tham dự vào chút đỉnh gì? - Hai ta đã hòa với nhau làm một rồi; ông phải tồn tại nhờ tôi, chiều theo những đòi hỏi của tôi - Tôi là cái hoàn cảnh mà ông buộc phải quy phục

<table>
<tr>
<td rowspan="4">quan sát, điều hành lớp.
B3. Báo cáo thảo luận
Chia sẻ của HS
B4. Đánh giá kết quả thực hiện
Giáo viên kết luận</td>
<td>
<table>
<tr><td></td><td>- Chẳng còn cách nào khác đâu…</td></tr>
<tr><td>- Khẳng định linh hồn không phụ thuộc vào thể xác
- Khẳng định linh hồn trong sạch, cao khiết
- Đề cao đời sống tinh thần</td><td>- Bác bỏ sự tồn tại độc lập của linh hồn
- Phủ nhận sự trong sạch của linh hồn
- Khẳng định nhu cầu và sức mạnh của thể xác</td></tr>
<tr><td>**Thái độ, tâm trạng:**Tức giận, mắng mỏ, khinh bỉ, bất lực, tuyệt vọng</td><td>**Thái độ, tâm trạng:** Hả hê, cười nhạo, khiêu khích, mỉa mai, ve vãn, dụ dỗ HTB thỏa hiệp</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
<tr>
<td>**b. Bi kịch của hồn Trương Ba trong cảnh sống nhờ**
HTB thua cuộc
↓
HTB thay đổi
Lối sống, sinh hoạt hành vi, tính cách ← | ↓ | → Thái độ,
BI KỊCH THA HÓA</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>**3. Ngôn ngữ trong vở kịch là ngôn ngữ nói:**
- Sử dụng nhiều từ ngữ chỉ cử chỉ, điệu bộ (nghĩ ngợi, thẫn thờ, ngồi xuống, tay ôm đầu,...)
- Nhiều đối thoại, xen lẫn độc thoại của Hồn Trương Ba.
- Sử dụng các từ ngữ dễ hiểu, thể hiện thái độ, cảm xúc của nhân vật.
- Sử dụng nhiều câu rút gọn (Đừng vờ!; Sao thế?; Trời, hay là;...).
=> *Nếu như ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, cảm xúc, ngôn ngữ truyện ngắn, tiểu thuyết giàu ẩn ý, sử dụng những biểu tượng, hình ảnh thì ngôn ngữ kịch thường là ngôn ngữ nói.*
4. Các chỉ dẫn sân khấu có tác dụng
- Thể hiện hành động của nhân vật, hướng dẫn cho diễn viên khi diễn tả lại vở kịch. Qua đó, độc giả thấy được tâm trạng, hành động của các nhân vật, góp phần truyền tải nội dung</td>
</tr>
<tr>
<td>**Vấn đề 3. Chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản**
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV nêu câu hỏi</td>
<td>**5. Kết thúc của vở kịch.**
- Đó là một kết thúc bi kịch vì cuối vở kịch nhân vật chính là Trương Ba đã bị chết.
- Đó không phải là kết thúc bi kịch vì nhân vật Trương Ba chết để chấm dứt cuộc sống đau khổ, không được là</td>
</tr>
</table>

1. Nhận xét về kết thúc của vở kịch. Theo em, đó có phải là một kết thúc bi kịch không? Vì sao? 2. Văn bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa cuộc sống? Theo em, thế nào là một cuộc sống thực sự có ý nghĩa? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. - HS được yêu cầu làm việc theo cặp. **B3. Báo cáo thảo luận** GV gọi 1 - 2 HS trình bày, các HS khác góp ý, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên kết luận	chính mình. Hình ảnh cái Gái vùi xuống đất những hạt na, để cây cối mọc lên mãi cho thấy niềm tin về một ngày mai tốt đẹp hơn. **6. Ý nghĩa văn bản** - Chúng ta chỉ hạnh phúc thực sự khi là chính mình. - Không nên sống theo ý muốn của người khác vì như vậy sẽ không thể là chính mình.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề cụ thể đặt ra từ văn bản.

b. Nội dung

Câu 1. Lớp kịch cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Xác Hàng Thịt cho thấy điều gì về các mặt xung đột trong mỗi con người? Em cảm nhận thế nào về ý nghĩa triết lí của lớp kịch này?

Câu 2. Trong đoạn trích, Hồn Trương Ba cho rằng thể xác không có tiếng nói, không có ý nghĩa gì hết, nhưng Xác hàng thịt lại cho rằng thể’ xác có sức mạnh ghê gớm, lắm khi lấn át cả linh hồn. Trình bày ý kiến của em về các quan điểm đó.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Câu 1. Lớp kịch cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Xác Hàng Thịt cho thấy điều gì về các mặt xung đột trong mỗi con người? Em cảm nhận thế nào về ý nghĩa triết lí của lớp kịch này? Câu 2. Trong đoạn trích, Hồn Trương Ba cho rằng thể xác không có tiếng nói, không có ý nghĩa gì hết, nhưng Xác hàng thịt lại cho rằng thể’ xác có sức mạnh ghê gớm, lắm khi lấn át cả linh hồn. Trình bày ý kiến của em về các quan điểm đó. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.	Câu 1. - Lớp kịch này đã cho thấy xung đột giữa các mặt trong một con người: thể xác thì phàm tục, còn linh hồn thì lại thanh cao; thể xác thì lươn lẹo, còn linh hồn thì ngay thẳng. Đó là sự xung đột giữa cái bên trong và cái bên ngoài, giữa nội dung và hình thức, giữa con người và hoàn cảnh. - Ý nghĩa triết lí của lớp kịch: Con người chỉ thật sự hạnh phúc khi được là chính mình, thống nhất hài hoà giữa cái bên trong và cái bên ngoài, nội dung và hình thức.

B3. Báo cáo thảo luận: GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp. GV yêu cầu 1 - 2 HS trình bày, các HS khác góp ý, bổ sung. GV kết luận và dẫn dắt vào bài học.	Câu 2. Câu trả lời của HS. Gợi ý: - Bi kịch của hồn Trương Ba trong cảnh sống nhờ: HTB thua cuộc, HTB thay đổi trong lối sống, sinh hoạt,thái độ, hành vi, tính cách BI KỊCH THA HÓA - Như vậy....

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

-Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để viết một đoạn văn thể hiện suy nghĩ của mình về lựa chọn của bản thân.

- Nếu là nhân vật Hồn Trương Ba trong đoạn trích kịch "Hồn Trương Ba, da hàng thịt", bạn có lựa chọn giống như nhân vật hay không? Vì sao? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về vấn đề này.

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoặc bức tranh của HS.

Nếu đặt mình vào hoàn cảnh của Hồn Trương Ba, em sẽ lựa chọn tương tự như nhân vật trong trích đoạn kịch "Hồn Trương Ba da hàng thịt" của Lưu Quang Vũ. Tuy nhiên, lý do của em sẽ có đôi chút khác biệt. Trước hết, em đồng ý với quyết định từ chối nhập vào xác cu Tị của Hồn Trương Ba. Việc sống trong thân xác không phải của mình, không thể hòa hợp giữa phần hồn và xác thịt sẽ dẫn đến những mâu thuẫn, giày vò không ngừng. Hồn Trương Ba khao khát được sống trọn vẹn, được là chính mình, và việc nhập vào xác cu Tị sẽ không thể đáp ứng được điều đó. Tuy nhiên, lý do của em không chỉ đơn thuần là vì khao khát được sống trọn vẹn. Thay vào đó, em còn trăn trở về trách nhiệm của mình đối với gia đình và xã hội. Nếu nhập vào xác cu Tị, em sẽ không thể tiếp tục chăm sóc vợ con, vun vén gia đình, và đóng góp cho cộng đồng. Hơn nữa, việc sống trong thân xác của người khác cũng đặt ra những vấn đề về đạo đức. Việc sử dụng cơ thể của người đã khuất để phục vụ cho mục đích cá nhân của mình là điều không thể chấp nhận được. Vì vậy, thay vì nhập vào xác cu Tị, em sẽ lựa chọn ra đi thanh thản, để lại ký ức đẹp đẽ trong lòng mọi người. Việc hy sinh bản thân để gìn giữ sự trọn vẹn về thể xác và tâm hồn, đồng thời hoàn thành trách nhiệm của mình với gia đình và xã hội, là một lựa chọn cao đẹp và đáng trân trọng. Tuy nhiên, đây chỉ là suy nghĩ của riêng em. Mỗi người sẽ có những lựa chọn và lý do riêng cho mình khi đối mặt với tình huống tương tự. Điều quan trọng là mỗi chúng ta cần tự mình suy xét và lựa chọn con đường phù hợp nhất với bản thân và hoàn cảnh của mình.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS như mục b.Nội dung.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3. Trao đổi, thảo luận. GV khuyến khích sự xung phong hoặc chỉ định 1, 2 HS trình bày ở đầu buổi học tới (Có thể lấy điểm đánh thường xuyên).

Bước 4. GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS.

4. Củng cố:

- GV yêu cầu Hs vẽ sơ đồ tư duy về giá trị nội dung và nghệ thuật đoạn trích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*
- Thực hiện viết đoạn văn ở HĐ 4

5. HDVN: Chuẩn bị trước phần Thực hành Tiếng Việt: *Giữ gìn và phát triển Tiếng Việt*

Phụ lục:

PHIẾU HỌC TẬP 1

Nhóm/tổ/Tên học sinh:…….
Lớp: ……..……

Nhiệm vụ	Nội dung
Nhóm 1	**I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**
Giới thiệu về tác giả	
Tác phẩm (xuất xứ, thể loại, tóm tắt)	

PHIẾU HỌC TẬP 2

Nhóm/tổ/Tên học sinh:…….
Lớp: ……..……

Nhiệm vụ	Nội dung
Nhóm 2	**II. Khám phá văn bản** **Vấn đề 1. Cốt truyện, sự kiện, nhân vật, xung đột, lời thoại, ngôn ngữ kịch và chỉ dẫn sân khấu**
1. Những sự kiện chính và diễn biến tâm trạng của Hồn Trương Ba trong các lớp kịch của đoạn trích.	
2. Xung đột chính trong đoạn trích	
3. Ngôn ngữ trong vở kịch	
4. Các chỉ dẫn sân khấu có tác dụng gì?	

PHIẾU HỌC TẬP 3

Nhóm/tổ/Tên học sinh:…….
Lớp: ……..……

Nhiệm vụ	Nội dung
Nhóm 3	**Vấn đề 2. Chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản**
1. Nhận xét về kết thúc của vở kịch. Theo em, đó có phải là một kết thúc bi kịch không? Vì sao?	
2. Văn bản Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa cuộc sống? Theo em, thế nào là một cuộc sống thực sự có ý nghĩa?	

PHIẾU HỌC TẬP 4

Nhóm/tổ/Tên học sinh:…….
Lớp: ……..……

Nhiệm vụ	Nội dung
Nhóm 4	**Luyện tập**
1. Lớp kịch cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Xác Hàng Thịt cho thấy điều gì về các mặt xung đột trong mỗi con người? Em cảm nhận thế nào về ý nghĩa triết lí của lớp kịch này?	
2. Trong đoạn trích, Hồn Trương Ba cho rằng thể xác không có tiếng nói, không có ý nghĩa gì hết, nhưng Xác hàng thịt lại cho rằng thể' xác có sức mạnh ghê gớm, lắm khi lấn át cả linh hồn. Trình bày ý kiến của em về các quan điểm đó.	

PHIẾU HỌC TẬP 5 (Về nhà)

Nhóm/tổ/Tên học sinh:……

Lớp: ……..……

Nhiệm vụ	Nội dung
Ở nhà	**Vận dụng**
Nếu em là Hồn Trương Ba trong đoạn kịch, em có lựa chọn giống như nhân vật hay không? Vì sao? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) hoặc vẽ một bức tranh kèm lời minh họa trình bày suy nghĩ của em về vấn đề này. (*Gợi ý: Đưa ra lựa chọn theo quan điểm của bản thân nhưng cần gắn kết với triết lý sống trong sạch, thanh cao, là chính mình của nhân vật Hồn Trương Ba.)*	

Phụ lục 1

STT	Lớp kịch	Sự kiện chính trong lớp kịch	Diễn biến tâm trạng của Hồn Trương Ba
1	Hồn Trương Ba đối thoại với xác anh hàng thịt		
2	Hồn Trương Ba đối thoại với vợ của mình		
3	Hồn Trương Ba đối thoại với cái Gái		
4	Hồn Trương Ba đối thoại với chị con dâu		
5	Hồn Trương Ba đối thoại với Đế Thích		

Tiết 99

GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Trình bày được các yêu cầu đối với việc sử dụng ngôn ngữ: tuân thủ chuẩn tiếng Việt đồng thời biết sáng tạo, bổ sung những yếu tố mới, cách nói mới làm phong phú thêm khả năng biểu đạt của tiếng Việt.
- Vận dụng được kiến thức về chuẩn ngôn ngữ và xu hướng vận động, phát triển của ngôn ngữ để phân tích, đánh giá những cách dùng vi phạm chuẩn cũng như những cách nói, cách viết thể hiện tính sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ.

2. Về năng lực:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

3. Về phẩm chất: Có ý thức giữ gìn và phát triển tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: máy tinh, máy chiếu, bảng biểu

2. Học liệu: SGK, SGV, các bài viết về sự giàu đẹp của tiếng Việt

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Huy động hiểu biết của HS về việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt.
- Tạo tâm thế chủ động cho HS bước vào bài học.

b. Nội dung:

- Học sinh quan sát những những hình ảnh về những trường hợp sử dụng tiếng Việt không đúng quy chuẩn.
- Chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của học sinh trước những hiện tượng đó.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của chính học sinh về tình trạng sử dụng tiếng Việt không đúng chuẩn mực.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh quan sát những hình ảnh sau. Chia sẻ những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân khi nhìn thấy những hình ảnh trên. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh quan sát hình ảnh - Chia sẻ những suy nghĩ của cá nhân học sinh về những gì hình ảnh gợi ra. **B3. Báo cáo thảo luận:** - Giáo viên mời một vài học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV động viên khuyến khích những chia sẻ của học sinh - GV dẫn dắt vào bài.	- Học sinh phát hiện ra được tình trạng sử dụng tiếng Việt không đúng chuẩn mực diễn ra khá phổ biến trong chính đời sống hàng ngày của chúng ta. - Thể hiện được quan điểm cá nhân của học sinh về tầm quan trọng của việc sử dụng tiếng Việt đúng với các quy tắc chuẩn mực.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NHẬN BIẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VIỆC GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT

a. Mục tiêu:

- Trình bày được các yêu cầu đối với việc sử dụng ngôn ngữ: tuân thủ chuẩn tiếng Việt đồng thời biết sáng tạo, bổ sung những yếu tố mới, cách nói mới làm phong phú thêm khả năng biểu đạt của tiếng Việt.

b. Nội dung:

- Học sinh hoàn thiện phiếu học tập giáo viên giao.
- Trình bày sản phẩm thảo luận trước lớp.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của học sinh và phần trao đổi thảo luận.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. NHẬN BIẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VIỆC GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT	
1. Chuẩn ngôn ngữ và những biểu hiện của chuẩn ngôn ngữ trong giao tiếp hằng ngày. **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cặp đôi. - Học sinh đọc lại nội dung về vấn đề giữ gìn và phát triển tiếng Việt ở phần Tri thức ngữ văn và ở khung bên phải của bài Thực hành tiếng Việt. - Thảo luận cặp đôi trong vào 7 phút để hoàn thiện phiếu học tập số 1. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh tự đọc tài liệu - Thảo luận cặp đôi để hoàn thiện phiếu học tập - GV quan sát, hỗ trợ học sinh nếu cần thiết. **B3. Báo cáo thảo luận** - Các nhóm cháo sản phẩm thảo luận của mình cho các nhóm khác. - Giáo viên mời một cặp đôi trình bày kết quả của nhóm mình. - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, phản biện lẫn nhau. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Giáo viên chiếu đáp án và thang đánh giá. Mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm. - Các cặp đôi chấm chéo nhau trong vòng 1 phút. - Giáo viên chiếu các hình ảnh về vi phạm chuẩn ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày cho học sinh xem.	**<u>1. Những yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt</u>** - Chuẩn ngôn ngữ là tuân thủ những quy định trong ngôn ngữ ở các phương diện cơ bản của ngôn ngữ như: ngữ âm, chính tả, từ ngữ, ngữ pháp…. - Những biểu hiện của vi phạm chuẩn ngôn ngữ. + Viết sai chính tả + Lạm dụng từ vay mượn + Dùng câu sai ngữ pháp + Kiểu viết lệch chuẩn chính tả - Sử dụng ngôn ngữ cần đúng với ngữ cảnh - Những quy định tạo nên chuẩn ngôn ngữ không phải bất biến. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt không chỉ giữ gìn những gì đã có mà còn cần sáng tạo bổ sung những yếu tố mới, cách nói mới miễn là cái mới phù hợp với quy định chung, nhằm giúp tiếng Việt có khả năng biểu đạt ngày càng phong phú. **<u>2. Cách thức để phát triển vốn từ tiếng Việt.</u>** - Những cách thức cơ bản để để phát triển vốn từ tiếng Việt. + Cấu tạo những từ mới trên cơ sở những yếu tố có sẵn + Vay mượn từ ngữ của các ngôn ngữ khác + Thêm nghĩa mới cho những từ ngữ đã có

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức về chuẩn ngôn ngữ và xu hướng vận động, phát triển của ngôn ngữ để phân tích, đánh giá những cách dùng vi phạm chuẩn cũng như những cách nói, cách viết thể hiện tính sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ.

b. Nội dung:

Bài tập 1(SGK Ngữ văn 12, tập 2, tr.115)

Bài tập 4 (SGK *Ngữ văn 12,* tập hai, tr. 115)

Bài tập 5 (SGK *Ngữ văn 12,* tập hai, tr. 115)

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
<u>Bài 1:</u> **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - Học sinh làm việc cá nhân trong vòng 2 phút. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc bài tập 1 trong SGK - Trả lời nhanh vào vở **B3. Báo cáo thảo luận** - Giáo viên mời một vài bạn trả lời nhanh. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Các bạn khác nhận xét kết quả của bạn, GV nhận xét. **<u>Bài 4, 5</u>** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm trong vòng 10 phút. Trả lời bài tập 4, 5 ra giấy A1. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh thảo luận nhóm. Trả lời bài tập 4, 5 ra giấy A1 **B3. Báo cáo thảo luận** - Giáo viên cho treo sản phẩm của 4 nhóm lên bảng. - Mời đại diện một nhóm lên trình bày. - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung phản biện cho nhóm bạn. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Giáo viên nhận xét bài làm 4 nhóm. - Mời ban cán sự lớp chấm điểm cho cả 4 nhóm.	**<u>Bài 1:</u>** Các dấu hiệu cho thấy người viết không tuân thủ tiếng Việt: a. Lỗi viết rồi thành rùi, lắm thành lém b. Lỗi lạm dụng từ vay mượn: comment c. Lỗi viết câu không đúng ngữ pháp tiếng Việt => Sửa câu bằng cách bỏ từ *do* hoặc bỏ cụm từ *khiến cho* **<u>Bài 4</u>:** Cách dùng từ rất riêng của Xuân Diệu: - Từ "nhiều" trong câu: "Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều", theo trật tự thông thường phải là "Ta muốn thâu nhiều trong một cái hôn". - Từ "thâu trong một cái hôn": kết hợp từ bất thường. - Các cụm từ kết hợp hoạt động, trạng thái không như bình thường: chếnh choáng mùi thơm, đã đầy ánh sáng, no nê thanh sắc, cắn vào ngươi (xuân hóng),... - Từ "và" xuất hiện liên tiếp trước các từ: "nước", "cây" và cụm từ "cỏ rạng". **<u>Bài 5:</u>** HS đưa ra quan điểm của mình. Gợi ý, cách diễn đạt được coi là "Tây" ở chỗ: + Cách kết hợp từ lạ: chếnh choáng mùi thơm, đã đầy ánh sáng, no nê thanh sắc, cắn vào ngươi (xuân hÓng),... + Cách sử dụng từ "và" liên tiếp, tuy không cần thiết nhưng là phép lặp liên từ khá phổ biến trong văn chương phương Tây.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức về chuẩn ngôn ngữ và xu hướng vận động, phát

triển của ngôn ngữ để phân tích, đánh giá những cách dùng vi phạm chuẩn cũng như những cách nói, cách viết thể hiện tính sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ.

b. Nội dung: Tìm một số dẫn chứng cho thấy sự độc đáo trong cách sử dụng tiếng Việt của các nhà văn, nhà thơ mà em biết. Lý giải về sự độc đáo ấy.

c. Sản phẩm: Dẫn chứng HS tìm được và lý giải của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS như mục Nội dung và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện và nộp lại vào buổi học tiếp theo.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3. GV hỗ trợ, tư vấn từ xa nếu HS cần.

Bước 4. GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. HS có thể nộp bài qua phần mềm học tập hoặc nộp trực tiếp vào buổi tiếp theo. GV chọn ra một số bài để đưa ra thảo luận, nhận xét và rút kinh nghiệm cho HS chỉnh sửa. GV kết luận.

4. Củng cố: GV yêu cầu Hs hoàn thiện các BT trong SGK

5. HDVN: Chuẩn bị trước phần Viết: *Viết bài phát biểu trong một phong trào hoặc một hoạt động xã hội*

Phụ lục: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1.

Đọc lại phần Tri thức ngữ văn về giữ gìn và phát triển tiếng Việt, khung bên phải của bài Thực hành tiếng Việt để hoàn thiện phiếu học tập sau:

Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống

<u>1. Những yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt</u>

- Chuẩn ngôn ngữ là …… trong ngôn ngữ ở …… ngôn ngữ như: ……, ……, ……, ……

- Những biểu hiện vi phạm chuẩn ngôn ngữ thường gặp trong giao tiếp hằng ngày.
  - Viết ……
  - ……từ vay mượn
  - Dùng câu ……
  - Kiểu viết ……
  - …..

- Sử dụng ngôn ngữ cần ……

- Những quy định tạo nên chuẩn ngôn ……. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt không chỉ giữ gìn ……mà còn cần ……, ……miễn ……, nhằm giúp tiếng Việt có khả năng …….

<u>2. Cách thức để phát triển vốn từ tiếng Việt.</u>

- Những cách thức cơ bản để để phát triển vốn từ tiếng Việt.
  - Cấu tạo những từ mới trên cơ sở ……
  - . ……từ ngữ của các ngôn ngữ khác
  - …… cho những từ ngữ đã có

PHẦN 3. VIẾT

Tiết 100,101

VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG MỘT PHONG TRÀO HOẶC MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Xác định được yêu cầu và các bước trong quy trình viết một bài văn nghị luận dưới hình thức một bài phát biểu.

2. Về năng lực:

- Viết được bài văn nghị luận dưới hình thức một bài phát biểu; trình bày rõ hệ thống luận điểm, có cấu trúc chặt chẽ; mở đầu, kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy; biết đặt ra các ý kiến phản bác để trao đổi, tranh luận lại; sử dụng các yếu tố thuyết minh và biểu cảm.
- Chọn được đề tài phù hợp với bài phát biểu, thể hiện được khả năng thu hút sự quan tâm và thay đổi nhận thức, hành động của người khác về một phong trào hoặc một hoạt động xã hội, một vấn đề đời sống có ảnh hưởng rộng lớn.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thiện bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào đáp ứng được các yêu cầu của kiểu bài.

3. Về phẩm chất: Biết cách quan tâm đến các các hoạt động xã hội có quy mô, ảnh hưởng rộng lớn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu:SGK, SGV *Ngữ văn 12,* tập hai, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, giấy A0, bút màu

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Huy động trải nghiệm của HS về một vấn đề xã hội

b. Nội dung: Chia sẻ về một hoạt động, phong trào của nhà trường phát động mà em quan tâm.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ cho HS như mục Nội dung **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B3. Báo cáo thảo luận:** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp, gọi 1 – 2 HS chia sẻ. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận và dẫn dắt vào bài học mới.	**Một số hoạt động, phong trào do nhà trường phát động:** - Phong trào chủ nhật xanh - Hoạt động chia sẻ sách - Cuộc thi viết thư quốc tế UPU - Cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

<u>Nội dung 1</u>. Tìm hiểu các yêu cầu trong quy trình viết một bài văn nghị luận dưới hình thức một bài phát biểu.

a. **Mục tiêu**: Xác định được yêu cầu trong quy trình viết một bài văn nghị luận dưới hình thức một bài phát biểu.

b. Nội dung: Yêu cầu cần đạt của một bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào

hoặc một hoạt động xã hội.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên đặt câu hỏi: Yêu cầu cần đạt của một bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội là gì? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ, làm việc theo cặp. GV quan sát, điều hành lớp. **B3. Báo cáo thảo luận:** HS xung phong trả lời, các bạn góp ý, hoàn thiện **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận	**1. Yêu cầu cần đạt Yêu cầu của một bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội:** – Giới thiệu được phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết muốn hưởng ứng hoặc phát động và nói rõ tầm quan trọng, tính cấp bách của nó; có cách mở đầu thu hút được sự chú ý của người đọc. – Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; giúp người tiếp nhận hiểu rõ lí do người viết hưởng ứng hoặc phát động phong trào hoặc hoạt động xã hội. – Nêu được ý kiến trái chiều có thể có và sử dụng lí lẽ, bằng chứng phản bác để tăng tính thuyết phục cho văn bản. – Sử dụng hiệu quả các yếu tố thuyết minh và biểu cảm để tăng thêm sức tác động của bài phát biểu. – Có kết bài gây ấn tượng, thuyết phục người đọc thay đổi nhận thức hoặc hành động.

<u>Nội dung 2</u>. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. **Mục tiêu**: Thông qua việc tìm hiểu ngữ liệu để xác định được các bước trong quy trình viết một bài văn nghị luận dưới hình thức một bài phát biểu.

b. Nội dung: Đọc bài viết tham khảo và thực hiện các nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi:

1. Bài viết kêu gọi điều gì? Lời kêu gọi đó hướng đến đối tượng nào?
2. Những luận điểm nào được tác giả triển khai để thuyết phục người tiếp nhận hưởng ứng cuộc đấu tranh chống lại HIV/AIDS? Lí lẽ và bằng chứng được dùng trong văn bản có gì đáng chú ý?
3. Ý kiến trái chiều nào được đề cập trong văn bản? Việc nêu ý kiến trái chiều đó có tác dụng gì?
4. Theo em, lời kêu gọi của tác giả có thể nhận được sự hưởng ứng rộng khắp không? Nếu có thì sự hưởng ứng đó do đâu mà có?

c. Sản phẩm: Kết quả thảo luận nhóm của học sinh sau khi hoàn thiện

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV tổ chức hoạt động thảo luận nhóm, 4 nhóm nhận nhiệm vụ tương ứng với 4 câu hỏi ở phần nội dung. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm, GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết **B3. Báo cáo thảo luận:**	**2. Bài viết tham khảo:** Câu 1. Nội dung kêu gọi: Cần có những nỗ lực to lớn hơn để ngăn chặn dịch bệnh HIV/ AIDS). – Đối tượng kêu gọi: Chính phủ các nước, các công ti, nhóm từ thiện, tổ chức phi chính phủ,…). Câu 2. Luận điểm được sử dụng: – Ngân sách dành cho phòng chống HIV đã tăng lên đáng kể. – HIV vẫn hoành hành, gây tỉ lệ tử vong cao trên thế

HS báo cáo kết quả thảo luận, các nhóm nhận xét, bổ sung, phản hồi… **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận	giới và chưa có dấu hiệu suy giảm. – Lí lẽ và bằng chứng được dùng trong văn bản được trích dẫn xác thực, với các con số cụ thể, kết hợp sử dụng yếu tố biểu cảm để tác động đến tình cảm, cảm xúc của người nhận. Câu 3. – Ý kiến trái chiều: Khi phát đi thông điệp về phòng chống HIV/AIDS, Cô-phi An-nan (Kofi Annan) đã tính đến khả năng có người cho rằng: những thách thức cạnh tranh có ý nghĩa quan trọng hơn và cấp bách hơn; chỉ cần giữ khoảng cách, tránh xa các bệnh nhân AIDS là có thể an toàn. - Việc nêu ý kiến trái chiều để phản bác làm tăng sức thuyết phục cho bài viết. Câu 4. Câu trả lời theo quan điểm của HS.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu:

- Chọn được đề tài phù hợp với bài phát biểu, thể hiện được khả năng thu hút sự quan tâm và thay đổi nhận thức, hành động của người khác về một phong trào hoặc một hoạt động xã hội, một vấn đề đời sống có ảnh hưởng rộng lớn.
- Viết được bài văn nghị luận dưới hình thức một bài phát biểu; trình bày rõ hệ thống luận điểm, có cấu trúc chặt chẽ; mở đầu, kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy; biết đặt ra các ý kiến phản bác để trao đổi, tranh luận lại; sử dụng các yếu tố thuyết minh và biểu cảm.

b. Nội dung: Thực hành viết

c. Sản phẩm:

- Đề tài lựa chon
- Dàn ý cho bài viết.
- Bài phát biểu về vấn đề mà HS lựa chọn.
- Chỉnh sửa bài viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
*** Chuẩn bị viết** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV cho học sinh đề xuất và định hướng lựa chọn đề tài bài viết **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS đề xuất đề tài, biểu quyết lựa chọn đề tài thực hành viết dưới định hướng của GV **B3. Báo cáo thảo luận:** HS báo cáo đề tài lựa chọn.	**3. Thực hành viết** a. Đề tài: Viết bài phát biểu phát động hưởng ứng cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc.

<table>
<tr><td>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</td><td></td></tr>
<tr><td>
* Tìm ý, lập dàn ý:
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- GV tổ chức cho học sinh lập dàn ý cá nhân sau đó trao đổi với các bạn cùng bàn để hoàn thiện dàn ý
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi với các bạn về sản phẩm của bản thân.
GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ khi cần thiết.
B3. Báo cáo thảo luận:
- GV gọi 2 học sinh của hai bàn bất kì trình bày dàn ý.
- HS trình bày, nhận xét, bổ sung
- GV hoàn thiện
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV đánh giá
</td><td>
b. Lập dàn ý
Đề tài: Viết bài phát biểu phát động hưởng ứng cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc.
– Minh hoạ dàn ý
Mở bài: Giới thiệu về cuộc thi viết Đại sứ văn hóa đọc được tổ chức thường niên; Câu hỏi/ chủ đề của năm …
+ Thân bài:
Hệ thống luận điểm:
. Đọc sách, làm bạn với sách là một nét đẹp văn hóa, trí tuệ của con người. Văn hóa đọc ở Việt Nam đã thành truyền thống cần giữ gìn, phát huy.
. Người trẻ không chỉ biết đón nhận những giá trị từ sách mà còn cần biết lan tỏa những cuốn sách hay đến với mọi người.
. Tham gia cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc là cách để sách hay đến được rộng rãi hơn với công chúng, phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.
. Hiện nay một số bộ phận học sinh vẫn chưa thấy được tầm quan trọng của việc đọc sách, thờ ơ với việc lan tỏa giá trị sách đến với cộng đồng.
. Ý kiến trái chiều: Có những người còn cho rằng văn hóa thời hiện đại chỉ cần nhanh, gọn, tối giản, mà đọc sách thì mất thời gian, rườm rà.
+ Kết bài: Thông điệp về sách và ý nghĩa của việc lan tỏa văn hóa đọc qua việc tham gia cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc.
Ý kiến phản biện: Sách và văn hóa đọc dù ở thời đại nào cũng luôn là nguồn sáng nhiệm màu soi rọi tư tưởng, dẫn dắt tình cảm cao đẹp cho con người. Thời gian mà con người bỏ ra để đọc sách và lan tỏa ý nghĩa của sách là thời gian để con người trưởng thành, bản lĩnh trong nhận thức, tình cảm, không thể thể qua loa, vội vàng mà đạt được độ chín muồi. Vậy nên, hãy để sách luôn là người bạn của chúng ta trên mọi nẻo đường cuộc sống. Và tích cực tham gia cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc nhằm lan tỏa ý nghĩ của việc đọc sách đến với mọi người.
</td></tr>
<tr><td>
* Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện
B1. Chuyển giao nhiệm vụ:
GV cho HS làm việc cá nhân để hoàn thiện bài viết. Lưu ý HS bám sát vào dàn ý đã lập, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với đối tượng đọc bài phát biểu, kết hợp
</td><td>
4. Chỉnh sửa, hoàn thiện:
Bảng đánh giá bài viết giữa các bạn học sinh:
<table>
<tr><th>TT</th><th>Tiêu chí</th><th>Đạt</th><th>KĐ</th></tr>
<tr><td>Nội dung</td><td>Mở bài: Nêu phong trào mà người viết muốn phát động, nói rõ tầm quan trọng, tính cấp bách của nó</td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

các yếu tố bổ trợ như: miêu tả, biểu cảm, nghị luận,… và các phương tiện phi ngôn ngữ (nếu có). **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B3. Báo cáo thảo luận:** Sau khi HS làm bài, GV hướng dẫn HS tự rà soát và rà soát chéo lẫn nhau bài viết của mình theo bảng tiêu chí **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá		Thân bài: Trình bày được hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng; nêu được ý kiến trái chiều; có sử dụng các yếu tố thuyết minh, biểu cảm.		
		Kết bài: Thể hiện được thông điệp (hưởng ứng hoặc kêu gọi) dưới dạng những câu nói ngắn gọn và mạnh mẽ, thúc giục người tiếp nhận thay đổi nhận thức hoặc có hành động đáp ứng phù hợp.		
	Hình thức	- Đảm bảo hình thức của một bài phát biểu có đủ ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. - Không mắc lỗi chính tả, diễn đạt. - Sử dụng các yếu tố bổ trợ để hỗ trợ bài viết. - Ngôn ngữ phù hợp với người đọc.		

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (Trả bài)

a. **Mục tiêu**: Giúp HS nhận ra những lỗi sai, những điểm thiếu hợp lí trong bài làm từ đó rút kinh nghiệm trong những bài tiếp theo.

b. Nội dung: HS đối chiếu sản phẩm với dàn ý đã thống nhất, chỉ ra được tính hợp lí, bất hợp lí, đúc rút kinh nghiệm.

c. Sản phẩm: Nội dung bài học; Bài viết của HS; Phần nhận xét, chấm sửa của GV

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chiếu 3 văn bản trích từ bài làm của HS: + 1 văn bản trung bình : mắc lỗi diễn đạt, chính tả/ chữ viết cẩu thả... + 1 văn bản viết khá : diễn đạt trong sáng, mạch lạc; ít mắc lỗi diễn đạt/ chính tả... + 1 văn bản viết tốt: lập luận rõ ràng, mạch lạc; diễn đạt sáng rõ; không mắc lỗi.. - Yêu cầu HS đọc và so sánh để chỉ ra lỗi của văn bản : ưu – nhược của từng VB. - Lựa chọn VB tối ưu nhất . **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS làm việc cá nhân, đọc VB và phân tích ưu – nhược của từng VB. - Lựa chọn VB: hay nhất. **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày ý kiến **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	**5. Nhận xét, đánh giá:** **a. Nhận xét đánh giá chung:** **** Ưu điểm.*** - Đa số HS hiểu đề, làm được cách viết đoạn văn và nêu được vấn đề nghị luận, diễn đạt lưu loát, biết làm bài nghị luận về 1 bài thơ khá hay. - Chữ viết, trình bày sạch, đẹp. **** Nhược điểm.*** - 1 số bài chưa bám sát đề, chưa nói rõ được tâm trạng nhà thơ. - Nội dung sơ sài. - Bài văn đi lạc sang kiểu bài so sánh - Một số bài diễn đạt chưa lưu loát,mắc nhiều lỗi về diễn đạt, dùng từ, viết câu. - Chữ viết xấu - Có bài cả phần thân bài chỉ có 1

- GV nhận xét, đánh giá - GV chỉ ra những điểm ưu và hạn chế mà HS chưa phát hiện được; khuyến khích động viên HS - GV chốt lại những điểm quan trọng, cần lưu ý đã thống nhất ở phần dàn ý.	đoạn văn. **b. Nhận xét đánh giá các bài làm được trình chiếu:** (Tùy theo tình hình bài làm học sinh để nhận xét)

4. Củng cố:
- GV yêu cầu Hs hoàn thiện bài viết ở nhà

5. HDVN: Chuẩn bị trước phần Nói nghe: *Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức với đất nước.*

PHẦN 4. NÓI VÀ NGHE

Tiết 102

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:
- Học sinh chọn được vấn đề thiết thực, có ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước hiện nay, thể hiện sự nhanh nhạy và tư duy tích cực của bản thân trước những vấn đề lớn của xã hội.
- Học sinh có những hiểu biết chín chắn, sâu sắc về những vấn đề được bàn luận thể hiện qua hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và các giải pháp được đề xuất trong bài thuyết trình.
- Học sinh phát triển kĩ năng tương tác, văn hoá tranh luận vốn được rèn luyện từ các lớp dưới, chủ động hơn trong việc trao đổi các vấn đề được thuyết trình

2. Về năng lực:
- Xác định được các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- Thể hiện được sự nhanh nhạy và tư duy tích cực của bản thân trước những vấn đề lớn của xã hội.
- Có hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và giải pháp được đề xuất trong bài thuyết trình.
- Trình bày được bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thiện bài thuyết trình.

3. Về phẩm chất:
- Có hiểu biết chín chắn, sâu sắc về các vấn đề liên quan đến cơ hội, thách thức đối với đất nước phù hợp với lứa tuổi.
- Thể hiện được văn hóa tranh luận, chủ động hơn trong việc trao đổi về vấn đề được thuyết trình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, bút màu, giấy A0, thiết bị ghi âm hoặc ghi hình để ghi lại phần trình bày của HS, …

2. Học liệu: SGK, SGV, phiếu học tập….

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:
3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Huy động kiến thức của HS về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
b. Nội dung: GV cho HS xem video *https://www.youtube.com/watch?v=6ajqYDuE6dg* và gợi dẫn: cơ hội và thách thức đối với đất nước ta hiện nay là gì? Chia sẻ về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ + GV cho HS xem video: *https://www.youtube.com/watch?v=6ajqYDuE6dg* + GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời câu hỏi: Cơ hội và thách thức đối với đất nước ta hiện nay là gì? Với những thách thức, ta có thể làm gì để biến thách thức thành cơ hội? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B3. Báo cáo thảo luận:** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp. GV yêu cầu 1 - 2 HS trình bày, các HS khác góp ý, bổ sung. GV kết luận và dẫn dắt vào bài học.	+ HS theo dõi, xác định và nêu quan điểm cá nhân. + GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:
+ Xác định được các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
+ Chọn được vấn đề thiết thực, có ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước hiện nay, thể hiện được sự nhanh nhạy và tư duy tích cực của bản thân trước những vấn đề lớn của xã hội.
+ Có hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và giải pháp được đề xuất trong bài thuyết trình.
b. Nội dung: Các thành viên trong nhóm sẽ thực hiện các nhiệm vụ gợi ý, hoàn thành sản phẩm trước ở nhà.
c. Sản phẩm: Video trình chiếu, bài thuyết trình của học sinh.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm chuẩn bị nội dung, 1HS (MC) điều hành buổi trình bày nói-nghe. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** MC mời lần lượt các nhóm lên trình bày. Những nhóm còn lại lắng nghe theo dõi.	**QUY TRÌNH THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ** ***1. Chuẩn bị nói*** Lựa chọn đề tài: Lựa chọn một vấn đề thực sự có ý nghĩa đối với đất nước trong bối cảnh hiện nay, có thể tham khảo các thông tin trên báo, đài, tivi, các buổi phát động

Hs thực hiện nhiệm vụ học tập

B3. Báo cáo thảo luận

MC mời lần lượt nhóm nghe phản hồi về bài thuyết trình của người nhóm nói. Nhóm nói có sự trao đổi lại với người nghe.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Người nói cần chú ý:

- Sử dụng từ ngữ chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết, giúp nghười nghe dễ theo dõi
- Sử dụng ngữ điệu, giọng điệu phù hợp
- Kết hợp ngôn ngữ hình thể với các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh…

Người nghe cần chú ý:

- Tôn trọng quan điểm của người nói
- Tinh thần cởi mở, góp ý tích cực.

Có thể đưa ra các câu hỏi trao đổi, phản biện với các vấn đề người nói trình bày.

GV yêu cầu HS:

Đọc các bước về quy trình thuyết trình một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước và hoàn thiện bảng sau:

STT	Các bước	Nội dung các bước
1	Chuẩn bị nói	
2	Tìm ý và sắp xếp ý	
3	Thực hành nói	
4	Trao đổi, đánh giá	

phong trào của nhà trường, xin ý kiến tư vấn của người thân.

2. Tìm ý và sắp xếp ý

+ Đặt câu hỏi để tìm ý

Một số câu hỏi để tìm ý: *Bản chất của vấn đề là gì? Vấn đề mang lại cơ hội hay đặt ra thách thức cho đất nước hoặc có tác động trên cả hai phương diện? Hai phương diện đó (cơ hội và thách thức) cần được trình bày như thế nào? Những lí lẽ, bằng chứng nào có thể dùng để chứng minh? Cần làm gì để phát huy cơ hội và vượt qua thách thức mà vấn đề đặt ra?*

+ Sắp xếp những ý tìm được một cách hợp lí thành dàn ý của bài thuyết trình, gồm đủ các phần: Mở đầu, Triển khai, Kết luận.

3. Thực hành nói

- *Mở đầu:* Nêu vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. Việc giới thiệu vấn đề có thể thực hiện bằng nhiều cách: kể một câu chuyện nhỏ, tóm lược một bản tin thời sự, đưa ra một kết quả nghiên cứu kèm theo số liệu thống kê, đưa ra một bức tranh hoặc bức ảnh có tính chất gợi dẫn về vấn đề,...

- *Triển khai:*

+ Nêu khái quát bản chất của vấn đề và nhận xét chung về ý nghĩa của vấn đề đối với đất nước.

+ Phân tích cả tác động tích cực và tiêu cực của vấn đề. Tuỳ thuộc vào từng vấn đề cụ thể mà các ý nói về tác động tích cực hay tiêu cực được nhấn mạnh hơn. Trên thực tế, ít có vấn đề chỉ mang lại cơ hội hoặc chỉ đặt ra thách thức: trong cơ hội có thách thức, trong thách thức có cơ hội.

+ Dùng ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ giúp người nghe nắm được một cách chính xác, chi tiết, đầy đủ về vấn đề.

Kết luận: Nêu ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.

4. Trao đổi, đánh giá

- Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề thuyết trình, độ chính xác của các thông tin; tính thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng; cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có nội dung nào chưa rõ, có thể yêu

	cầu người nói giải thích thêm. Người nói cần làm rõ một số chi tiết trong bài nói theo yêu cầu của người nghe, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình.

Phụ lục 1

Phiếu học tập số 1: Chuẩn bị nội dung thuyết trình

Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

Họ tên……Nhóm……..Lớp……

* Nhiệm vụ:

Em hãy lựa chọn một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước và lập dàn *ý* cho vấn đề đó. (Gợi *ý* một số vấn đề: *Sử dụng trí tuệ nhân tạo vào cuộc sống, Sản xuất nông sản sạch, Giữ gìn bản sắc dân tộc,...)*

1. Vấn đề:…….

2. Lập dàn ý:

+ Giới thiệu: ……

+ Triển khai nội dung: ……

Nội dung 1: ……..

Nội dung 2: ……..

Nội dung 3: ……..

……..

3. Kết thúc: :…….

Phiếu học tập số 2: Phiếu đánh giá

Tên vấn đề ……..

Người trình bày…….

Người đánh giá……..

Stt	Nội dung	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu các thông tin cần thiết về vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.		
2	Chỉ ra và đánh giá được các phương diện liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.		
3	Biết phối hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu/ hình ảnh minh họa		
4	Tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe đối với các thông tin.		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu: Người nói và người nghe đối thoại trên tinh thần cởi mở. Thực hiện đánh giá, tự đánh giá theo các tiêu chí.

b. Nội dung: Trình bày được bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước

c. Sản phẩm: Đánh giá bài thuyết trình.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập
- HS lên trình bày bài nói nghe.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
- Học sinh thực hành nói – nghe
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
Học sinh trình bày phần bài làm của mình .
Người nghe và người nói tiến hành trao đổi, thảo luận, trình bày theo bảng kiểm và Phiếu đánh giá
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo
</td><td>
Bảng kiểm thảo luận.
<table>
<tr><th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr>
<tr><td>
- Làm rõ những điều người nghe muốn biết về vấn đề chia sẻ
- Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe.
- Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành.
</td><td>
- Bày tỏ sự quan tâm về vấn đề được giới thiệu.
- Nêu những điều muốn biết về vấn đề cơ hội và thách thức của đất nước hiện nay.
- Bổ sung hoặc đính chính thông tin về cơ hội và thách thức của đất nước hiện nay của người nói.
- Trình bày cách nhìn nhận khác về cơ hội và thách thức của đất nước hiện nay trên tinh thần đối thoại tích cực.
- Nêu những điểm đồn tình hoặc chưa đồng tình về cách giới thiệu của người nói.
</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thiện bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV cho học sinh thảo luận, đúc rút những kinh nghiệm, phương pháp trong việc nhìn nhận về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

c. Sản phẩm: Phần bàn luận của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1. GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, nộp sản phẩm qua trang zalo của nhóm và chuẩn bị cho cuộc tranh luận với chủ đề tự chọn.
+ Cần đảm bảo chất lượng của bài nói theo bảng tiêu chí sau và rút ra kinh nghiệm cho bản thân để thuyết trình tốt hơn.
<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung đánh giá</th><th>Đạt</th><th>Không đạt</th></tr>
<tr><td>1</td><td>
Mở đầu: Nêu vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
Triển khai:
+ Nêu khái quát bản chất của vấn đề và nhận xét chung về ý nghĩa của vấn đề đối với đất nước.
+ Phân tích cả tác động tích cực và tiêu cực của vấn đề.
Kết luận: Nêu ý nghĩa của
</td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td><td>
1. Ý kiến đánh giá và kinh nghiệm rút ra của HS.
2. Phần chuẩn bị của HS.
</td></tr>
</table>

	việc thuyết trình về vấn đề.		
2	Thể hiện sự tôn trọng đối phương thông qua việc lắng nghe và phản hồi lịch sự.		
3	Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, thay đổi ngữ điệu (âm lượng, tốc độ,...) linh hoạt.		
4	Dùng ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ giúp người nghe nắm được một cách chính xác, chi tiết, đầy đủ về vấn đề.		
5	Đảm bảo thời gian trình bày.		

+ Chuẩn bị bài nói để tham gia thuyết trình về những suy nghĩ, lựa chọn của thế hệ trẻ trong tương lai trước những cơ hội và thách thức của đất nước.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3. GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV tổ chức cho HS đánh giá, gọi 1 - 2 HS trả lời, các HS khác góp ý, chia sẻ kinh nghiệm.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

4. Củng cố: GV yêu cầu Hs hoàn thiện bài tập ở HĐ *Vận dụng*

5. HDVN: Chuẩn bị trước phần thực hành đọc văn bản *Khúc đồng quê,* (SGK *Ngữ văn 12,* tập hai, tr. 124 – 126)

Phụ lục 2

Hãy chỉ ra một số cơ hội và thách thức của đất nước hiện nay:

LĨNH VỰC	CƠ HỘI	THÁCH THỨC
Kinh tế		
Văn hóa		
Tôn giáo		
……		

Tiết 103 CỦNG CỐ, MỞ RỘNG. PHẦN THỰC HÀNH ĐỌC

KHÚC ĐỒNG QUÊ

(Trích "Cô bé nhìn mưa")

- Đặng Thị Hanh-

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Vẻ đẹp bức tranh không gian đồng quê thanh bình, yên ả

- Điểm nhìn trần thuật "tôi" góp phần tạo tính chân thực sống động cho câu chuyện.

2. Năng lực:

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản *Khúc đồng quê.*
- Chỉ ra được cách tân nghệ thuật đặc sắc của chi tiết dệt lên *Khúc đồng quê.*
- Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản để viết một đoạn văn về vấn đề vai trò của quê hương và những kỉ niệm.

3. Phẩm chất: Hiểu được ý nghĩa, giá trị của văn chương trong việc làm giàu thế giới nội tâm, nuôi dưỡng tinh thần con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ

2. Học liệu: SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a.Mục tiêu

- Huy động kinh nghiệm của HS về quê hương, kí ức tuổi thơ, liên quan đến văn bản *Khúc đồng quê*
- Tạo tâm thế tích cực, chủ động cho HS tìm hiểu bài học

b.Nội dung: GV cho Hs xem các clip về vẻ đẹp đồng quê, đất nước con người Việt Nam

c.Sản phẩm*:* Câu trả lời của HS

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như mục *Nội dung*.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3 – 4. GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận.

GV có thể phát phiếu học tập cho HS từ cuối buổi học trước hoặc đầu buổi học này. GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp, gọi 1 – 2 HS chia sẻ bằng lời hoặc bằng bức tranh, bài hát; các HS khác góp ý. GV kết luận và dẫn dắt vào bài.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu*:*

- Khái quát TG, TP
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của bài thơ *Vội vàng*

b. Nội dung

- Học sinh hoàn thiện phiếu học tập giáo viên giao.
- Trình bày sản phẩm thảo luận trước lớp.

c. Sản phẩm: **Phiếu học tập của học sinh và phần trao đổi thảo luận.**

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc SGK – tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm. - Hãy nêu vài nét về tác giả? - Hãy cho biết xuất xứ của văn bản? - Giáo viên hướng dẫn cách đọc, giọng đọc ngắt nhịp từng đoạn cho phù hợp. - Chia bố cục bài thơ và nêu nội dung	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Đặng Thị Hạnh (1930-2023) - Quê: Nghệ An. - Là nhà báo, nhà văn chuyên nghiên cứu văn học Pháp. - Tác phẩm chính: sgk

chính từng phần? **Vấn đề 1. Chủ đề, tư tưởng, nội dung chính của văn bản Khúc đồng quê** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV phát phiếu học tập, tổ chức thảo luận và kết luận.** - Em hãy cho biết chủ đề của văn bản - Bức tranh đồng quê hiện lên như thế nào trong kí ức của tác giả Qua bức tranh đó, em nhận ra điều gì về những rung cảm sâu sắc của "tôi" trong văn bản. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh suy nghĩ làm việc trên phiếu học tập **B3. Báo cáo thảo luận:** - Giáo viên mời một vài học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Giáo viên động viên khuyến khích những chia sẻ của học sinh **Vấn đề 2. Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi** Văn bản *Khúc đồng quê* đã gửi tới người đọc những thông điệp gì? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh suy nghĩ làm việc cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận:** - Giáo viên mời một vài học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Giáo viên động viên khuyến khích những chia sẻ của học sinh –**GV có thể nhấn mạnh thêm**: Cách miêu tả thiên nhiên này rất phù hợp với phong cách sáng tạo của Xuân Diệu với những cách tân táo bạo về nghệ thuật, giọng thơ sôi nổi, say đắm, tràn đầy tình yêu trong cuộc sống.	**2. Tác phẩm** - **Xuất xứ:** Dòng hồi tưởng của tác giả những ngày sống ở Thanh Hoá trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp **II. Đọc - hiểu văn bản** **1. Đọc- chú thích** **2. Bố cục** - Đoạn đầu: (Từ đầu….mọi thứ ta ăn sau này") Kí ức về cuộc sống tuổi thơ - Đoạn cuối: (Phần còn lại) Suy nghĩ về khúc đồng quê **3. Tìm hiểu chi tiết** 3.1. Chủ đề, tư tưởng, nội dung chính của văn bản *Khúc đồng quê* **3.1.1. Tư tưởng, chủ đề:** – Hoài niệm về những kí ức một thời – Gắn bó, tình cảm tha thiết với quê hương **3.1.2. Bức tranh thiên nhiên đồng quê được thể hiện:** - Kí ức về mùa gặt : cảnh đập lúa, phơi lúa và mùi thơm của rơm rạ - Kỉ niệm những ngày tháng sống cùng mẹ ở Thanh Hoá: + Chiếc áo của mẹ + Bữa cơm thanh đạm nhưng ngọt ngào tình yêu thương - Điểm tương đồng giữa cuộc sống thanh bình làng quê Việt Nam và khung cảnh thôn quê của nước Pháp qua những cuốn tiểu thuyết mà tác giả gọi đó là "khúc đồng quê" của một thời ngây thơ, trong trắng **3.1.3. Nhân vật trữ tình** xưng "tôi": điểm nhìn chủ quan nhưng lại khiến người đọc có cảm giác chân thực, sống động: câu chuyện là chính những trải nghiệm của tác giả => Đồng điệu giữa những tâm hồn, làm sống dậy kí ức tuổi thơ của một thời không thể nào quên giữa cuộc sống vội vã hối hả của hiện tại. 3.2. Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc - Tình yêu quê hương đất nước sâu nặng - Trân trọng những kỉ niệm - Ý thức bồi đắp tâm hồn, biết rung cảm trước những sự chuyển biến tinh tế của

	thiên nhiên, cuộc sống

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu

- Chỉ ra được cách tân nghệ thuật của văn bản.
- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của văn học được thể hiện trong văn bản *Khúc đồng quê.*

b.Nội dung: Đặc sắc trong nghệ thuật trần thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV đưa yêu cầu thông qua phiếu học tập (Chia lớp làm 2 nhóm, mỗi nhóm trả lời 1 câu hỏi, cử đại diện trả lời) Câu hỏi: 1. Phân tích giọng điệu của người trần thuật xưng "tôi" và mạch liên kết các sự kiện. 2. Hiểu được giá trị, ý nghĩa văn chương trong việc làm giàu nội tâm, nuôi dưỡng không gian tinh thần riêng ở mỗi người. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B3. Báo cáo thảo luận:** - Giáo viên mời một vài học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Giáo viên động viên khuyến khích những chia sẻ của học sinh - Giáo viên chốt ý	**1. Giọng điệu của người trần thuật xưng "tôi" và mạch liên kết các sự kiện:** - Giọng điệu của người trần thuật xưng "tôi": + Giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết: thể hiện tình cảm sâu lắng, yêu mến quê hương của người con xa quê. + Giọng điệu vui tươi, hồn nhiên phản ánh tâm hồn trong sáng, yêu đời của cô bé. + Giọng điệu trầm lắng, suy tư bộc lộ nỗi nhớ quê da diết, mong được trở về quê. + Giọng điệu trữ tình tạo cảm xúc sâu lắng, lay động lòng người. - Mạch liên kết các sự kiện: + Mạch liên kết theo trình tự thời gian. + Mạch liên kết theo chủ đề, thể hiện bằng các hình ảnh, sự việc được liên kết với nhau bởi chủ đề chung, tình yêu quê hương. + Mạch liên kết theo logic, các ý được sắp xếp hợp lí, chặt chẽ, tạo nên 1 bài văn mạch lạc, rõ ràng. - Giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết cùng mạch liên kết chặt chẽ, logic đã giúp bài văn tạo được ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc **2. Hiểu được giá trị, ý nghĩa văn chương trong việc làm giàu nội tâm, nuôi dưỡng không gian tinh thần riêng ở mỗi người.** - Văn chương từ lâu đã được xem như 1 món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống con người. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc làm giàu nội tâm, nuôi dưỡng tâm hồn và tạo nên không gian tinh thần riêng ở mỗi cá nhân. - Làm giàu nội tâm: + Văn chương giúp ta tiếp cận với những nền văn hoá khác nhau, vùng đất mới, từ đó mở rộng tầm nhìn, hiểu biết về thế giới xung quanh. + Văn chương giúp ta cảm nhận được những cung bậc cảm xúc phong phú của con người, từ đó bồi dưỡng tình yêu thương, lòng nhân ái, sự đồng cảm… + Giúp ta rèn luyện khả năng tư duy logic, sáng tạo,

	khả năng phân tích, đánh giá vấn đề 1 cách khách quan. + Giúp ta nhận thức rõ hơn về bản thân, xã hội, cuộc sống, từ đó có những hành động đúng đắn, phù hợp. - Nuôi dưỡng tâm hồn: + Văn chương giúp ta bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp như lòng nhân ái, dũng cảm, tinh thần trách nhiệm… từ đó tạo nên vẻ đẹp tâm hồn mỗi người. + Giúp ta giải toả muộn phiền, lo âu, tâm hồn trở nên thanh thản, nhẹ nhàng. + Giúp ta nuôi dưỡng những ước mơ, hoài bão tốt đẹp, có động lực để phấn đấu trong cuộc sống. + Giúp ta định hình nhân cách, tạo nên bản sắc riêng cho mỗi con người. + Văn chương là nơi ta trút bầu tâm sự, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc, để tìm sự đồng cảm... + Giúp ta tìm kiếm niềm vui, sự an ủi lúc khó khăn, buồn tủi. + Giúp ta khám phá bản thân, hiểu chính bản thân mình hơn.

HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản để viết một đoạn văn về sự cần thiết phải giữ gìn vốn văn hoá truyền thống của dân tộc

b. Nội dung: GV giao bài tập về nhà

c. Sản phẩm: Phần bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS như mục *Nội dung* và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện và nộp lại vào buổi học tiếp theo.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3. GV hỗ trợ, tư vấn từ xa nếu HS cần.

Bước 4. GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. HS có thể nộp bài qua phần mềm học tập hoặc nộp trực tiếp vào buổi tiếp theo. GV chọn ra một số bài để đưa ra thảo luận, nhận xét và rút kinh nghiệm cho HS chỉnh sửa. GV kết luận.

<u>Đoạn văn tham khảo</u>

Trong thời đại hiện nay, khi mà thế giới đang hội nhập về kinh tế, văn hóa và nhiều lĩnh vực khác, việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trở nên vô cùng quan trọng. Việt Nam là một đất nước với nhiều dân tộc, với các giá trị văn hóa đặc trưng riêng của từng dân tộc. Chính những giá trị văn hóa này đã tạo nên nét đẹp và sức hấp dẫn riêng của văn hóa Việt Nam. Để giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, chúng ta cần hiểu rõ những giá trị cốt lõi, đặc trưng của từng dân tộc và quyết tâm bảo vệ và phát huy những giá trị này. Văn hoá dân tộc Việt Nam được đánh giá là giản dị nhưng tinh tế và sâu sắc. Từ các nét đặc trưng như: ẩm thực, trang phục, nghệ thuật, tôn giáo, lễ hội, tập quán... đã tạo nên bộ môn đồ sộ, đa dạng và sâu sắc của văn hoá dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, với sự phát triển của xã hội, nhiều giá trị văn hóa đang dần bị lãng quên hoặc bị xóa bỏ để thích nghi với những môi trường mới. Điều này đẩy ta phải có những cách tiếp cận mới để duy trì và phát triển các giá trị văn hóa của dân tộc. Đồng thời, cần phải thúc đẩy các hoạt động tìm hiểu và giới thiệu văn hóa dân tộc cho người dân trong nước và quốc tế. Để giữ

gìn bản sắc văn hoá dân tộc, chúng ta cần phải thực hiện đúng các chính sách và biện pháp của Nhà nước trong việc bảo vệ và phát triển văn hóa dân tộc. Các cơ quan quản lý văn hóa cần có trách nhiệm đưa ra các giải pháp cụ thể và hiệu quả để giữ gìn và phát triển văn hóa dân tộc. Đồng thời, người dân cũng cần tham gia và đóng góp công sức vào việc tuyên truyền nhằm gìn giữ và phổ biến những giá trị văn hoá của dân tộc Việt Nam đến bạn bè quốc tế.

4. Củng cố: GV yêu cầu HS viết đoạn văn ở HĐ *Vận dụng*
5. HDVN: HS học bài, ôn tập chuẩn bị kiểm tra học kì II.

Tiết 104,105: KIỂM TRA CUỐI KÌ II
(ĐỀ TẬP TRUNG)